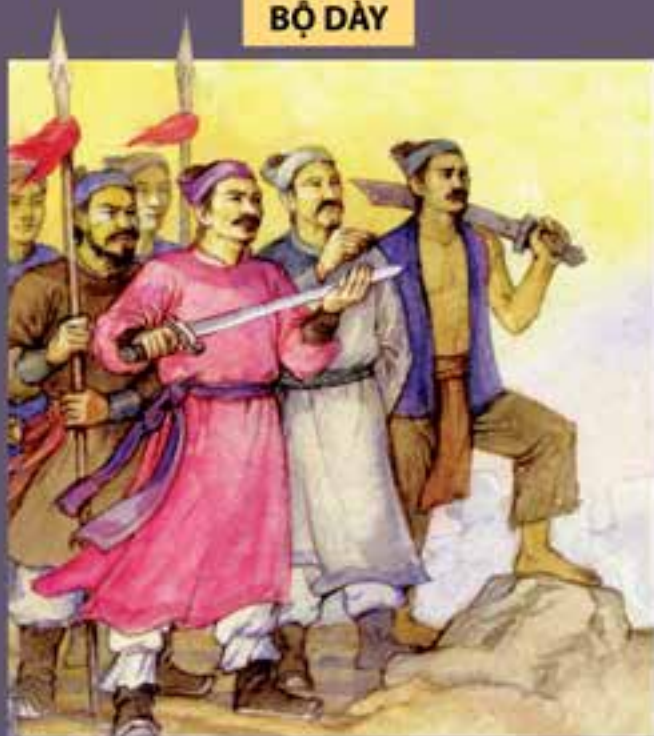


TRẦN BẠCH ĐĂNG chủ biên

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

BỘ DÀY



7

KHỞI NGHĨA LAM SƠN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên

TRẦN BẠCH ĐĂNG

Biên soạn

TÔN NỮ QUỲNH TRẦN

LÊ VĂN NĂM

Họa sĩ

NGUYỄN QUANG CẢNH

NGUYỄN QUANG VINH

NGUYỄN HUY KHÔI

LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

BỘ DÀY



7

KHỞI NGHĨA LAM SƠN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: Tô Hoài Đạt, Lâm Chí Trung

LỜI GIỚI THIỆU

Công trình *Lịch sử Việt Nam bằng tranh* ra đời nhằm mục đích giới thiệu lịch sử nước nhà một cách ngắn gọn, sinh động, có hệ thống, qua cách kể chuyện súc tích và tranh minh họa.

Bộ sách tranh nhiều tập này cố gắng phản ánh con người và đất nước Việt Nam theo đúng tiến trình lịch sử với không gian, văn hóa, y phục, tính cách phù hợp với từng thời kỳ, từng triều đại cụ thể.

Bộ *Lịch sử Việt Nam bằng tranh* dự kiến thực hiện xuyên suốt từ thời cổ của các thời đại đồ đá, đồ đồng đến thời Hùng Vương dựng nước; trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc đến thời kỳ tự chủ của các triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn và cuối cùng là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước vừa qua.

Bộ sách được chia làm nhiều tập, mỗi tập viết về một thời kỳ hay một nhân vật, một vấn đề tiêu biểu của thời kỳ đó. Mỗi tập có cấu trúc độc lập riêng nhưng hài hòa trong một tổng thể chung là Lịch sử Việt Nam. Trong quá trình biên soạn, các tác giả còn chú ý thể hiện các đặc điểm văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán tiêu biểu của từng thời kỳ lịch sử.

Công trình là nỗ lực chung của các họa sĩ, các cán bộ nghiên cứu của Viện Khoa học Xã hội tại TP Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Trẻ.

Đây là bộ lịch sử bằng tranh đầu tiên của nước ta được thực hiện với mục đích và yêu cầu như trên, nên trong quá trình biên soạn và thể hiện không tránh khỏi những sơ xuất. Ban biên soạn, họa sĩ và Nhà xuất bản Trẻ rất mong được sự góp ý của bạn đọc gần xa.

Thành phố Hồ Chí Minh
TRẦN BẠCH ĐĂNG

Thôn Như Áng, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa có cụ Lê Hối nổi tiếng là người nhân từ, bác ái, đức độ. Cụ làm nghề thầy cúng nên thường có dịp đi khắp đó đây.

Một hôm, trên đường qua vùng Lam Sơn^(*), nhận thấy đất đai nơi đây màu mỡ, cụ quyết định ở lại và khai phá ruộng vườn. Chỉ ba năm sau, gia đình cụ đã có một sản nghiệp vững vàng, cơ ngơi bề thế.

** Tên Nôm lúc ấy là làng Cham thuộc huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa, nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.*



Con trai cụ là Lê Đình (có sách ghi là Lê Thính) nổi nghiệp cha, cần cù làm ăn cơ nghiệp phát triển. Ông cưới bà Nguyễn Thị Quách, một phụ nữ hiền lành, tốt bụng. Hai ông bà thường giúp đỡ người nghèo khổ, vì thế xa gần ai ai cũng quý trọng.



Ông bà Lê Đình có hai người con là Lê Tùng và Lê Khoáng, đều là người hiền lành, đức độ. Ông Lê Khoáng cưới với bà Trịnh Thị Ngọc Thương, sinh hạ được ba người con trai. Người con đầu là Lê Học chẳng may mất sớm, con thứ là Lê Trừ sau này ra ở riêng. Người con út nối giữ nghiệp nhà là Lê Lợi.

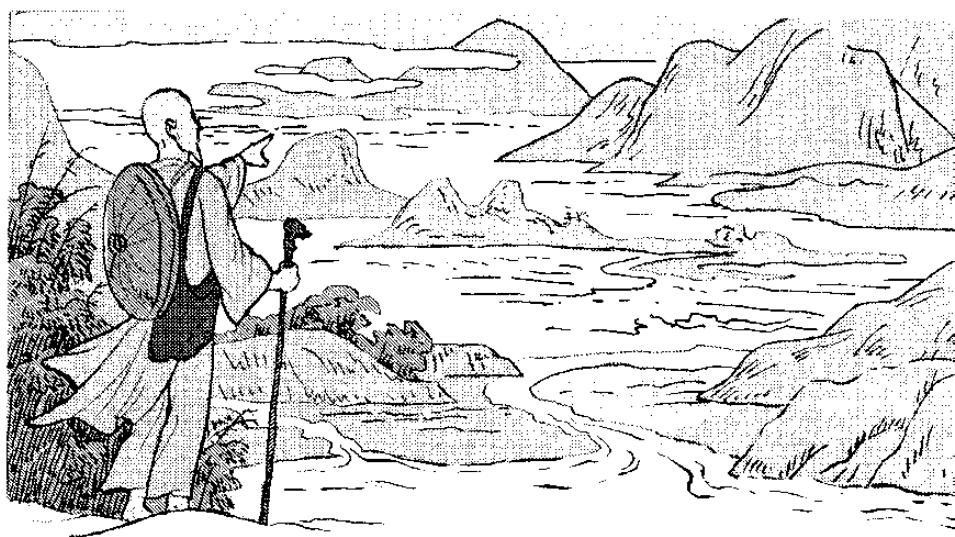


Lê Lợi sinh vào giờ Thìn (khoảng 7 đến 9 giờ sáng), ngày 6 tháng 8 năm Ất Sửu (1385). Người xưa truyền tụng rằng, khi Lê Lợi chưa ra đời, ở núi Du phía sau thôn Nguyệt Áng, có con cọp đen thường xuất hiện mà không hề hại ai. Khi Lê Lợi được sinh ra, cọp cũng tự đi đâu mất. Lại có chuyện kể rằng, khi Lê Lợi sinh ra, nhà ông Lê Khoáng bỗng tràn ngập ánh sáng đỏ, hương thơm tỏa khắp xóm.



Sử cũ viết rằng: Lê Lợi là người miệng rộng, mũi cao, đi như rồng lượn, oai phong như hổ, nói vang như chuông, vai trái có tới bảy nốt ruồi. Càng lớn lên, Lê Lợi càng thông minh, trí dũng toàn vẹn, khó ai sánh kịp.





Tương truyền, có lần người nhà của Lê Lợi đang cày ruộng ở Phật Hoàng, động Chiêu Nghi (cũng thuộc Lam Sơn), chợt trông thấy một vị sư ông áo trắng đi từ trong làng Đức Trai ra, vừa đi vừa than rằng: “Đất này đẹp quá, vậy mà ta chẳng có ai để trao cả”. Nghe vậy, họ vội chạy về báo tin cho Lê Lợi. Cả mừng, Lê Lợi vội vàng đuổi theo.



Chẳng mấy chốc, Lê Lợi đã giáp mặt sư ông. Ngắm nhìn hồi lâu, sư ông bảo: “Ta là Bạch Thạch Sơn Tăng, từ Ai Lao đến, thấy người có khí tượng khác thường, hẳn là người có thể đảm đương việc lớn”.

Sau đó, ông lấy gậy vẽ lên nền đất mà giảng giải cho Lê Lợi:

- Xứ Phật Hoàng của người có một mảnh đất, thoáng trông như hình cái ấn, bên trái có núi Chí Linh như một tòa Thái Thất, trong đó có gò Tiên Bạ. Đất ấy lấy Chiêu Sơn ở xã An Khoái làm án. Trước án có mạch Long Sơn, trong án có mạch Long Hồ, thế đất xoáy như ruột ốc. Đó là một khu đất phát tích, có thể làm nên sự nghiệp...

Mải mê suy nghĩ lời vị sư già, sơn tăng bỏ đi từ bao giờ, Lê Lợi cũng không hay biết.



Trở về, Lê Lợi đem hài cốt của thân phụ đến táng tại nơi vị sư đã chỉ, gọi là mộ Phật Hoàng và cho xây am thờ ở động Chiêu Nghi. Lê Lợi còn xây điện Tiên Du thờ vị sư áo trắng để nhớ ơn người đã chỉ vẽ cho mình. Người xưa thường gắn những huyền thoại như vậy cho các vị anh hùng dân tộc nhằm ca ngợi con người tài trí được khí thiêng sông núi hun đúc và được mệnh trời giao phó việc lớn.



Năm Lê Lợi tròn 22 tuổi, cũng là năm quân Minh đặt ách đô hộ lên nước ta, trăm họ lầm than, đói khổ. Không cam chịu bị áp bức, nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra. Lê Lợi rất kính trọng những người dám xả thân vì nước nhưng cũng thấy rõ nguy cơ thất bại của họ. Bởi vậy, ông nhóm họp bè bạn, âm thầm chuẩn bị khởi nghĩa.



Lê Lợi có người bạn thân là Lê Thận, người sách Mục Sơn, huyện Cổ Lôi (cũng thuộc Thanh Hóa), sinh sống bằng nghề chài lưới. Tương truyền, một hôm Lê Thận ra sông quăng lưới chỉ có một thanh sắt dài mắc vào. Ông quăng đi, chèo thuyền ra nơi khác thả lưới nhưng lần nào kéo lên cũng chỉ là thanh sắt đó. Thấy lạ, ông đem về cất trong góc nhà.



Một hôm, Lê Lợi đến nhà Lê Thận, chợt trông thấy ở góc nhà có một quang sáng kỳ lạ tỏa ra từ một thanh sắt dài. Ngạc nhiên vì từ lúc Lê Lợi đến, thanh sắt tự nhiên tỏa sáng như vậy, Lê Thận kể lại lần buông lưới trước và tặng thanh sắt cho bạn.



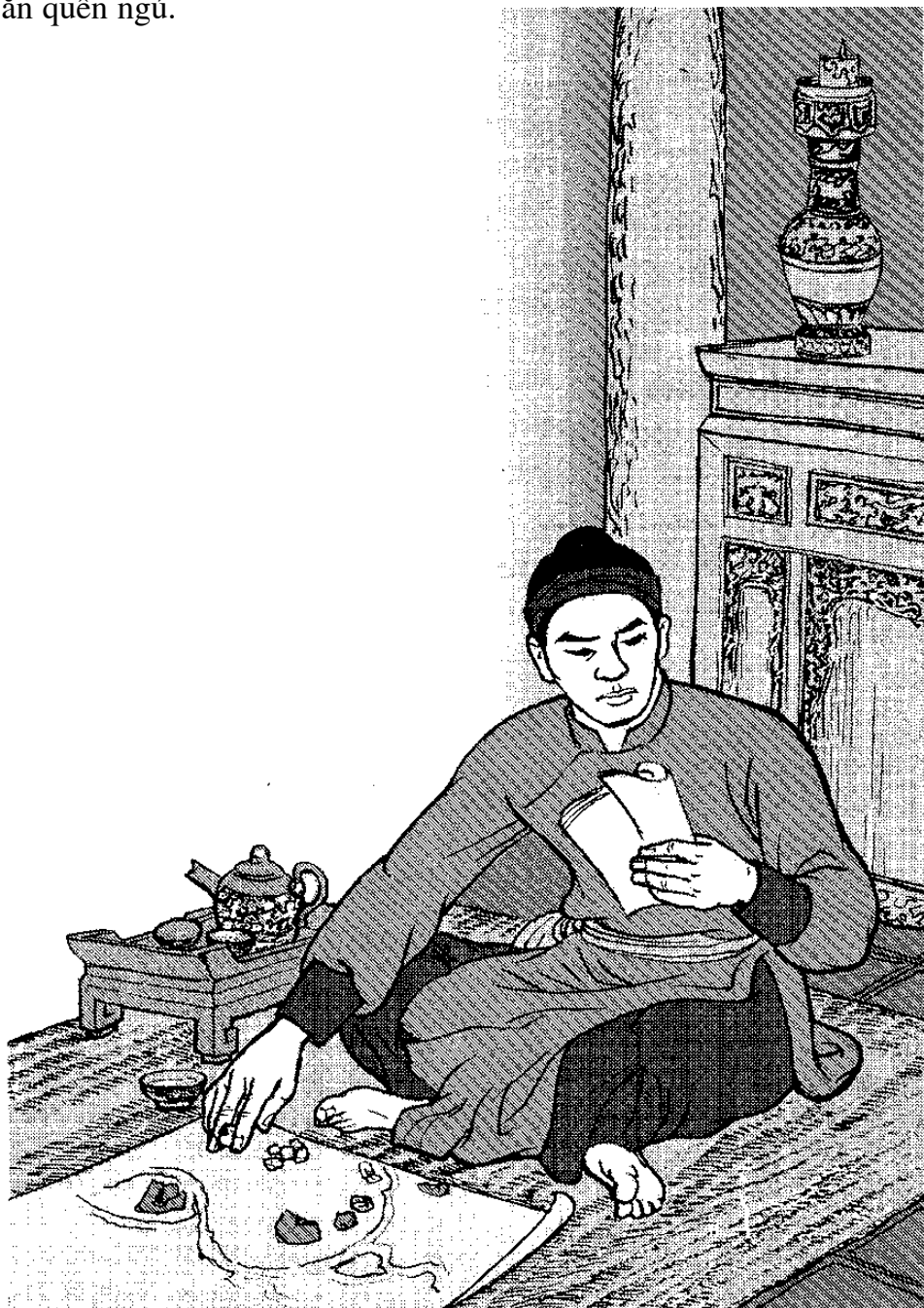
Thanh sắt càng mài, ánh sáng phát ra càng rực rỡ, một bên thanh sắt có hai chữ Thuận Thiên, còn một bên là chữ Lợi. Ông tự nhủ: “*Thuận Thiên là thuận theo ý trời, còn Lợi chính là tên ta. Hay đây chính là thanh gươm mà trời ban cho ta để dẹp giặc cứu đời chăng?*”. Nghĩ vậy, Lê Lợi bèn rèn thành một thanh gươm. Nhưng lưỡi gươm đã rèn xong mà chẳng có chuôi gươm nào vừa với lưỡi gươm cả.



Sau một đêm mưa to gió lớn, người nhà vào báo có ánh sáng lạ ở gốc cây sau nhà. Lê Lợi ra xem thì thấy ở đó có một chuôi gươm đã để sẵn. Lê Lợi liền kính cẩn khấn: “*Nếu quả trời đã ban cho kiếm báu thì xin cho kiếm ấy vừa với chuôi này*”. Lạ thay, khi đem gươm lắp thử thì hoàn toàn vừa vặn. Lê Lợi rất quý thanh gươm, luôn đeo bên người, không lúc nào rời.

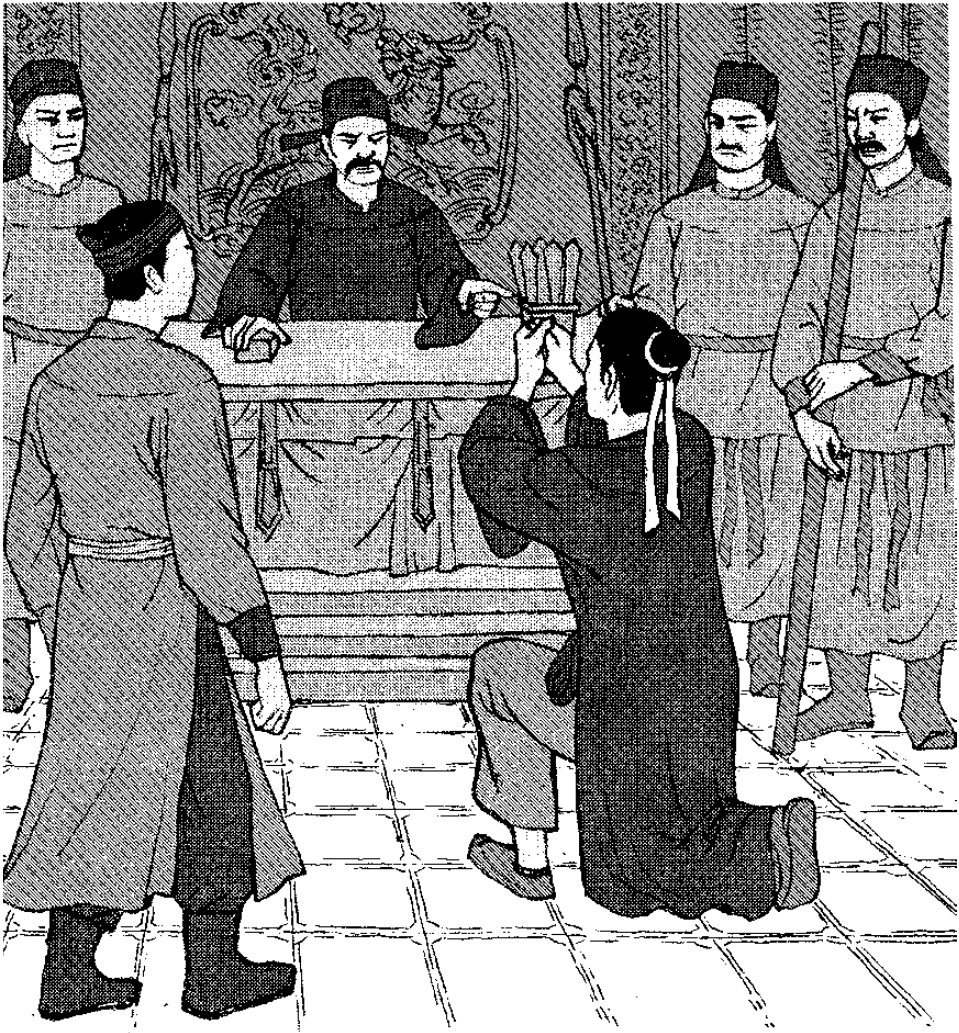


Từ ngày có gương báu, Lê Lợi đóng cửa ngày đêm đọc sách. Binh thư của các bậc danh tướng, sử sách của các đời trước, ông đều xem xét đến nơi đến chốn. Ông lấy đất đắp thành mô hình, lấy sỏi giả bày thế trận, miệt mài suy ngẫm, quên ăn quên ngủ.



Để có lực lượng mưu việc lớn sau này, ông cho người tỏa đi khắp nơi liên lạc với những người đồng chí hướng. Nhiều người đã tìm đến Lam Sơn với Lê Lợi.





Bấy giờ ở thôn Hào Lương bên cạnh có tên Đỗ Phú, nhà giàu nhưng rất tham lam và độc ác. Muốn cướp đất của Lê Lợi hắn dựng chuyện kiện cáo khiến ông phải ra hầu quan. Nhưng khi ra trước công đường, hắn đuối lý nên thua kiện. Trở về, hắn ngầm theo dõi mọi động tĩnh của Lê Lợi rồi lên đi mật báo với quân Minh rằng Lê Lợi đang tụ họp người và tích trữ lương thực để nổi loạn.

Nhận được tin mật báo của Đỗ Phú, quân Minh lập tức cho lính đến vây bắt. Trong lúc cấp bách, Lê Lợi chỉ kịp nói: “*Khi sức ta chưa đủ thì tạm lánh, đó chính là kế sách vẹn toàn*” rồi cho mọi người nhanh chóng tản đi các nơi quanh vùng để trốn. Ông và Lê Liễu bỏ chạy theo hướng khác để thu hút quân Minh.



Tương truyền hai người chạy đến bờ sông Khả Lam (cũng thuộc Thanh Hóa) thì trông thấy xác của một người đàn bà mặc áo trắng. Dẫu đang vội lánh nạn, không đành lòng để xác bà giữa trời nên dù tiếng chó sủa ầm ĩ và tiếng quân giặc đuổi theo mỗi lúc một gần, Lê Lợi cùng Lê Liễu vẫn đào huyệt chôn cất bà cẩn thận. Vừa chôn cất người xấu số xong thì giặc đuổi tới nơi, hai ông chỉ kịp nhảy vào một bụi rậm dưới gốc đa gần đó mà trốn.



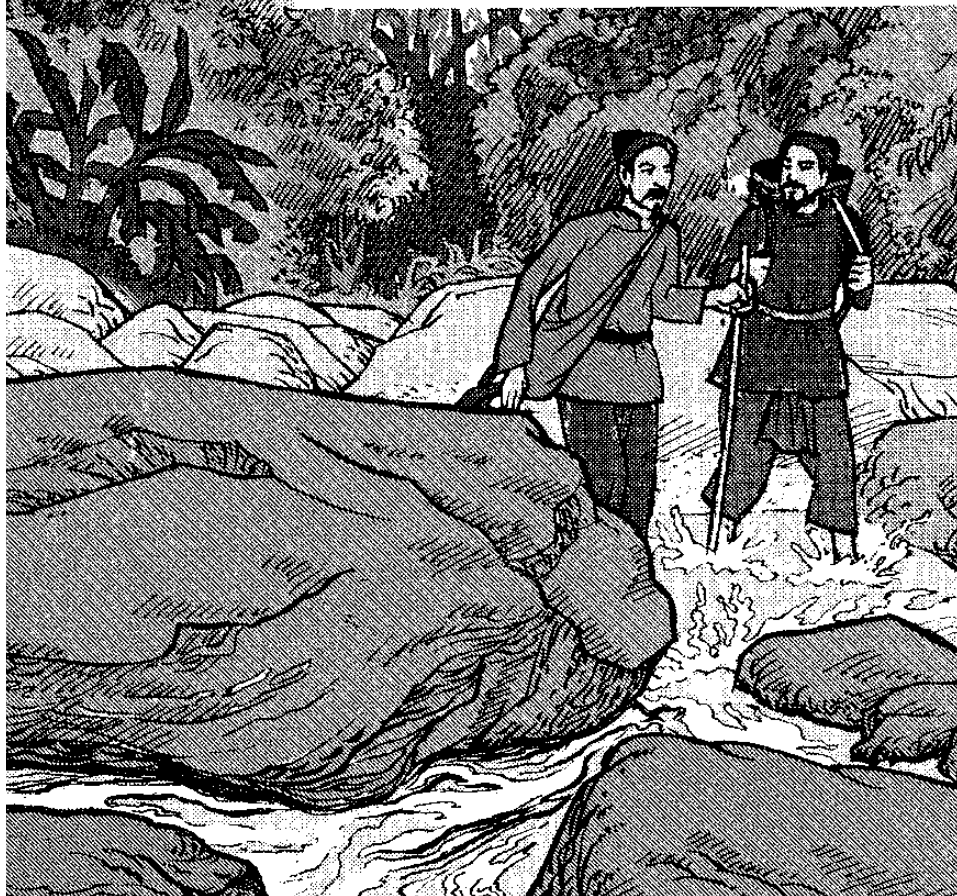


Thấy chó cứ hướng vào bụi rậm
sủa mãi, giặc sinh nghi lấy giáo đâm
vào bụi. Một tên đâm trúng đuôi của Lê
Liễu, ông nhanh trí lấy cát vuốt máu
trên mũi giáo. Nhưng bụi cây thì nhỏ,
nếu chúng tiếp tục đâm nữa thì khó bề
tránh khỏi. Đúng lúc đó, chợt có con
chồn trắng từ trong bụi lao vọt ra. Bầy
chó ngao cứ thế đuổi theo làm giặc
tưởng chó sủa chồn mà tức tối bỏ đi.

Không bắt được Lê Lợi, quân Minh đành phải rút đi. Lê Lợi, Lê Liễu cùng mọi người lại lần lượt trở về Lam Sơn. Từ đây, công việc chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành gấp rút. Lương thực được tích trữ ngày càng nhiều, vũ khí được rèn đúc ngày đêm. Nhưng để tránh tai mắt giặc, Lê Lợi bí mật lập các trạm gác trên mọi nẻo đường dẫn vào Lam Sơn.

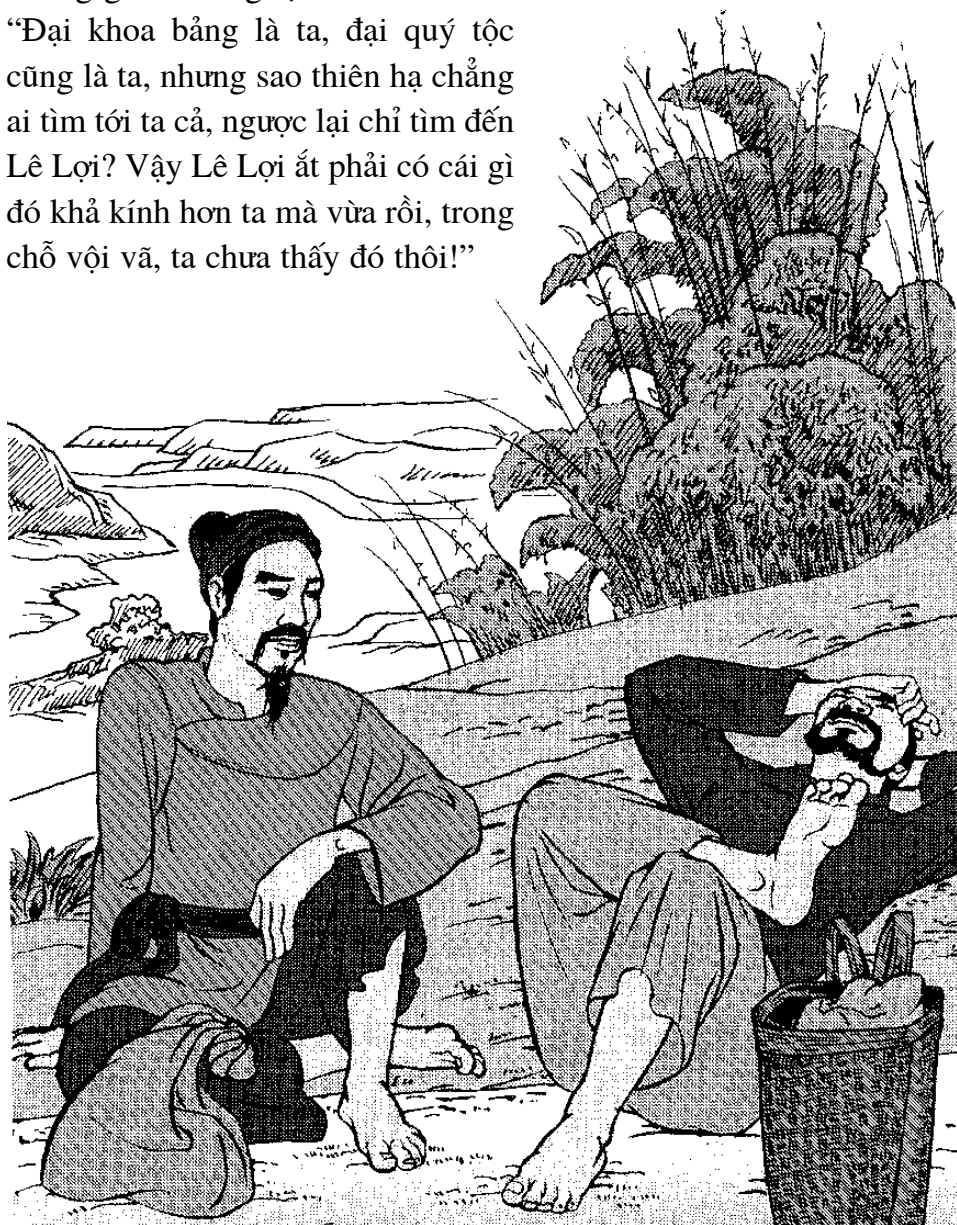


Trong lúc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, Lê Lợi đã gặp không ít khó khăn. Dù là người trí dũng song toàn, dưới trướng có nhiều bạn bè võ lược nhưng Lê Lợi vẫn thiếu một bậc mưu sĩ giúp mình hoạch định, quán xuyến mọi việc. Giữa lúc đó, Nguyễn Trãi cùng Trần Nguyên Hân băng đèo lội suối, vượt qua sự canh gác chặt chẽ của quân Minh đến với Lam Sơn. Người xưa cho đó là một sự hội ngộ hiếm có.



Dã sử kể rằng, Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hân đến nơi đúng lúc nhà Lê Lợi đang có giỗ. Thấy Lê Lợi lúi húi mãi trong bếp, cả hai thất vọng tự nhủ: “Đáng anh hùng nuôi chí cứu nước cứu dân mà lại chỉ luẩn quẩn trong bếp như đàn bà thế sao? Hay là miệng thế ngoa truyền?”

Thất vọng, hai ông lập tức bỏ về nhưng giữa đường lại bàn với nhau: “Đại khoa bảng là ta, đại quý tộc cũng là ta, nhưng sao thiên hạ chẳng ai tìm tới ta cả, ngược lại chỉ tìm đến Lê Lợi? Vậy Lê Lợi ắt phải có cái gì đó khả kính hơn ta mà vừa rồi, trong chỗ vội vã, ta chưa thấy đó thôi!”



Nghĩ thế, họ lại quay lại nhà Lê Lợi. Lần này họ đến đúng lúc chủ tướng Lam Sơn đang say mê đọc binh thư. Guơng mặt Lê Lợi lúc này toát lên vẻ thông thái, lộ ra vẻ cương nghị và quyết đoán, hơn hẳn người thường. Nguyễn Trãi và Nguyễn Hãn sung sướng nhìn nhau, lập tức vào yết bái. Lê Lợi cả mừng, đối đãi như bậc thượng khách, đem việc trọng yếu ra cùng luận bàn.

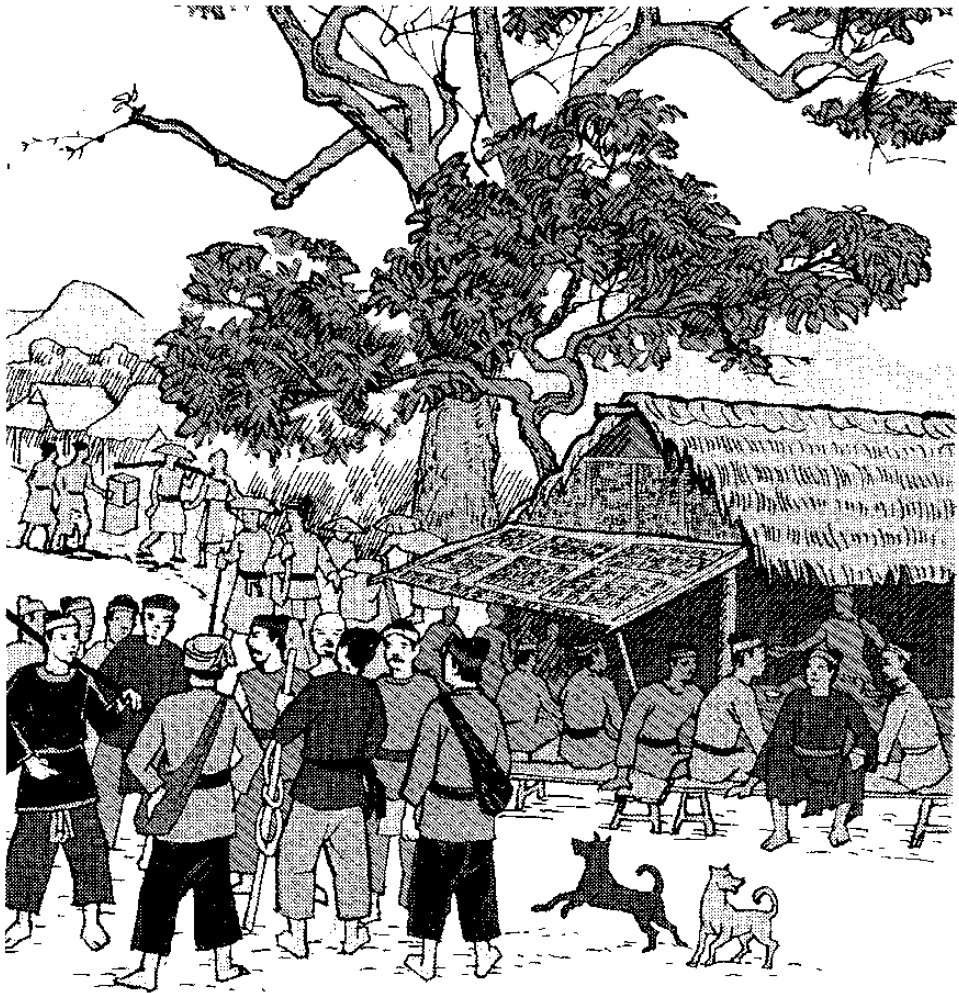


Một hôm, Nguyễn Trãi đến gặp Lê Lợi, dâng lên *Bình Ngô sách*. Đọc *Bình Ngô sách*, Lê Lợi vui mừng khôn xiết vì biết rằng đây chính là người mình bấy lâu mong đợi. Ông lập tức cho vời Nguyễn Trãi tới, nói: “*Bình Ngô sách* nói những lời cổ kim chưa từng nói, lẽ được thua đã thấy rất rõ ở đây. Lê Lợi này quyết làm theo *Bình Ngô sách*. Xin đa tạ tiên sinh!”

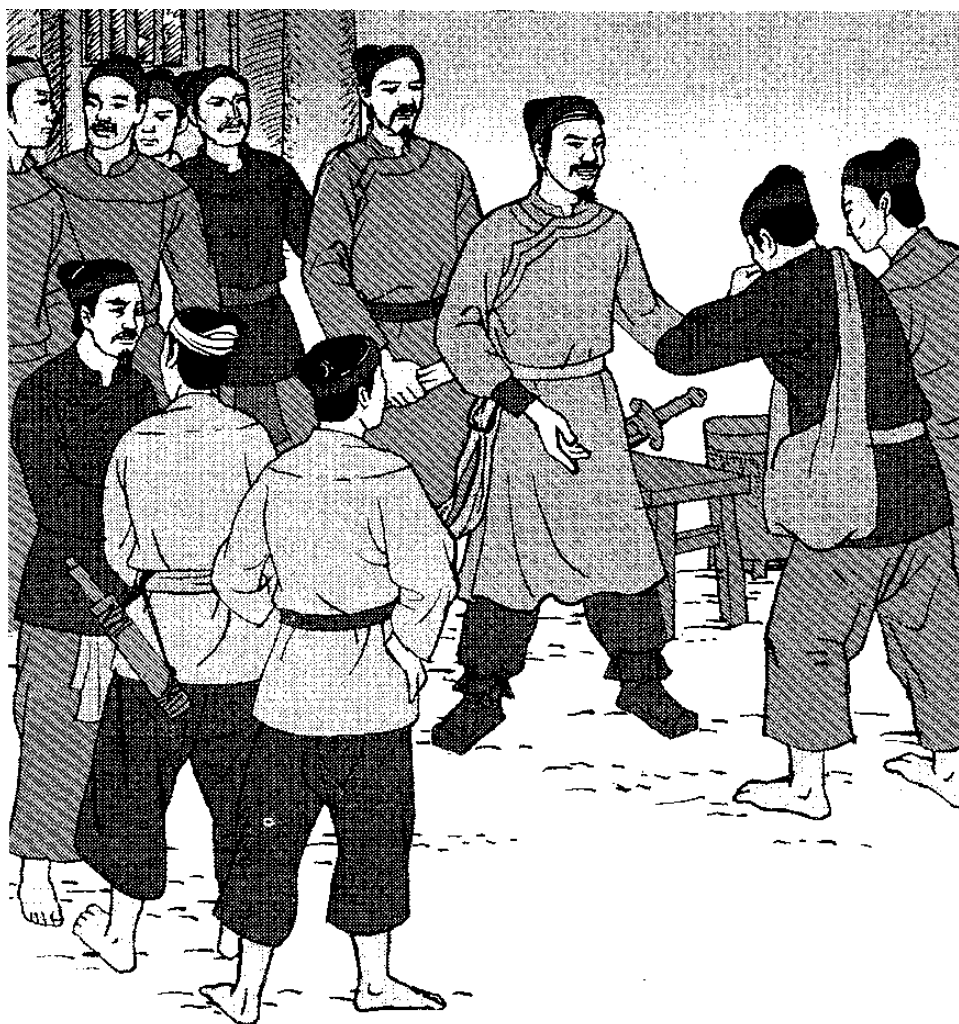




Từ đó, Nguyễn Trãi luôn cùng Lê Lợi trừ tính mọi việc. Nguyễn Trãi bàn với Lê Lợi cho quân lính lấy mỡ viết lên lá cây rừng bốn chữ: “Lê Lợi vi quân”, để lôi kéo lòng người. Lê Lợi đồng ý, lại cho viết thêm bốn chữ: “Nguyễn Trãi vi thần” (nghĩa là Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm bề tôi). Quả nhiên kiến ăn mỡ, đục thủng lá khiến các chữ hiện lên rõ nét. Dân chúng khắp nơi đều đồn đại đó là do trời sai thần linh xuống viết nên vô cùng náo nức, chờ đợi.



Mặt khác, Lê Lợi cho người bí mật đi khắp nơi, thành tâm chiêu mộ các bậc hào kiệt và nghĩa sĩ, bất kể tầng lớp nào hoặc ở nơi đâu... miễn là nặng lòng yêu nước. Từ đấy, rừng núi Lam Sơn liên tục có người tìm đến. Để giữ bí mật, họ đóng giả thành từng toán thợ xẻ, thợ săn hoặc giả làm người lên rừng tìm sản vật và được các trạm gác dẫn về căn cứ Lam Sơn.



Đến khoảng cuối năm 1415, hầu như miền đất nào của Đại Việt cũng có người tham gia nghĩa quân Lam Sơn. Tùy tài mỗi người mà được Lê Lợi, Nguyễn Trãi giao việc. Vào một ngày cuối năm Ất Mùi (1415), Lê Lợi bàn với một số người thân tín: “Nay người ứng nghĩa đã đông, nghĩa dũng và anh tài không ít. Đã đến lúc phải cố kết lòng người. Nếu trên dưới không gắn bó như anh em một nhà thì không thể thắng nổi quân Minh gian ngoan và tàn bạo”. Ai cũng cho lời ấy là phải.

Việc quan trọng lúc này là phải hình thành ngay bộ chỉ huy Lam Sơn gồm những người có tài năng và uy tín nhất, lại phải chọn nơi kín đáo để ra mắt dưới hình thức một hội thề kết nghĩa anh em. Sau khi suy tính, Lê Lợi đã chọn vùng núi Lũng Nhai cách Lam Sơn không xa.

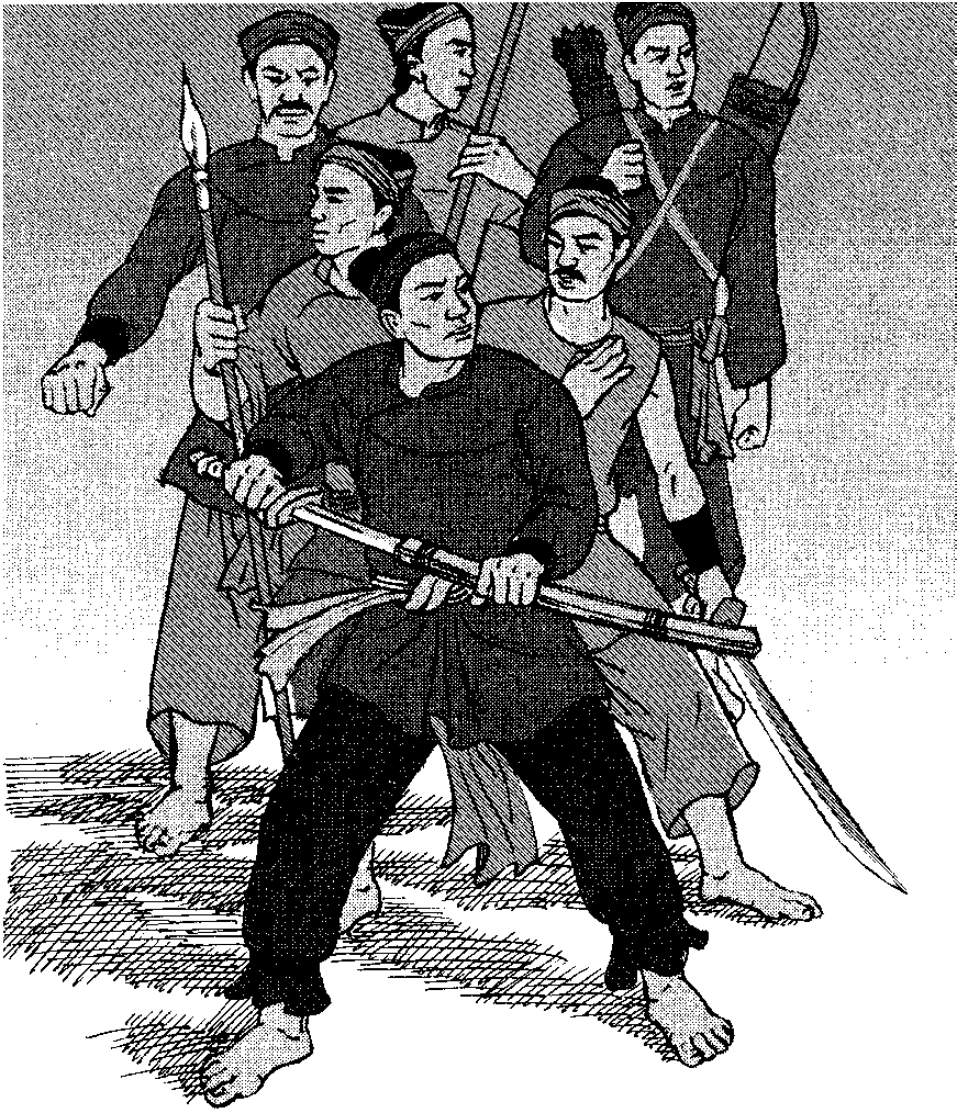


Trong sử cũ, Lũng Nhai còn có tên khác là Lũng Mi. Tuy trên danh nghĩa cũng thuộc Lam Sơn nhưng vào thời Lê Lợi, đây là nơi hẻo lánh ít người lui tới. Sau này, dân đến lập nghiệp ở đây khá đông, vì thế Lũng Nhai còn có tên Nôm là làng Mé. Làng này nay thuộc xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, cách Lam Sơn chừng mười cây số.



Ngày 12 tháng 2 năm Bính Thân (1416), hội thê Lũng Nhai được long trọng tổ chức. Trên nền đất hoang sơ ở Lũng Nhai bày hương án với đầy đủ lễ vật và khói hương nghi ngút. Lê Lợi cùng 18 người đã gắn bó với ông từ những ngày đầu tiên, trang nghiêm làm lễ tế cáo trời đất.





Trong hội thề Lũng Nhai, đứng sau Lê Lợi là Lê Lai. Ông nguyên là Phụ đạo của làng Dục Tú (nay thuộc xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa). Cả gia đình ông gồm Lê Lãn, Lê Lai, Lê Lô, Lê Lộ và Lê Lâm đều đến với Lê Lợi ngay từ những ngày đầu tiên. Ngoài ra, ông còn mộ một người cùng làng có võ nghệ cao cường là Lê Mạnh cùng đi.



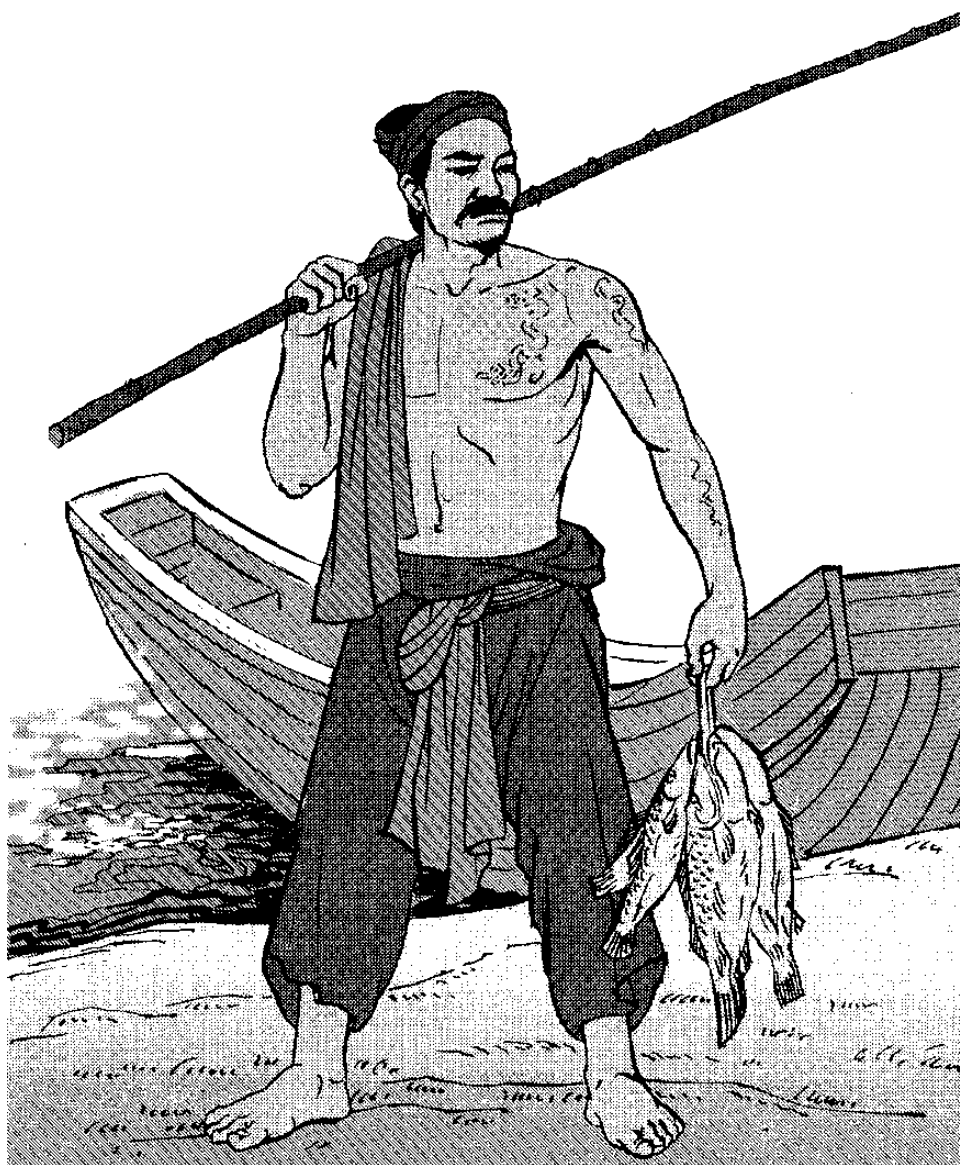
Đến Lam Sơn cùng lúc với Lê Lai là Nguyễn Lý^(*) người Dao Xá (nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa). Trong danh sách, ông đứng hàng thứ mười bảy. Về sau ông được trao chức Thứ phủ trong vệ kỵ binh thuộc đội quân Thiết đột. Ông cũng mộ một số người đồng hương có tài như Lê Khảo, Lê Thế Vỹ và Lê Bính đến Lam Sơn mưu đại nghĩa.

^{*} Sau Nguyễn Lý được Lê Thái Tổ ban quốc tính nên sử vẫn chép là Lê Lý.



Tham gia hội thề Lũng Nhai đông hơn cả là người làng Thu Mệnh. Làng Thu Mệnh có đến ba người được dự, đó là Võ Uy, Trương Lôi và Trương Chiến. Ngoài ra, tham gia nghĩa quân làng còn có một số bậc vũ dũng khác như Lê Văn Lễ, Lê Vũ Bị v.v... Riêng Võ Uy và Trương Lôi trước đó đã từng được Lê Lợi nuôi trong nhà như con. Tương truyền, chính họ là những người báo cho Lê Lợi biết sự xuất hiện của sư ông áo trắng ở xứ Phật Hoàng.

Lê Thận, người bạn đánh cá năm xưa cũng có mặt trong hội thề. Ông làm Phụ đạo làng Mực Sơn nên thường được gọi là Đạo Mực. Đến Lam Sơn, ông trở thành người thân tín của Lê Lợi và đứng hàng thứ ba trong số mười tám người có mặt ở Lũng Nhai hôm ấy.



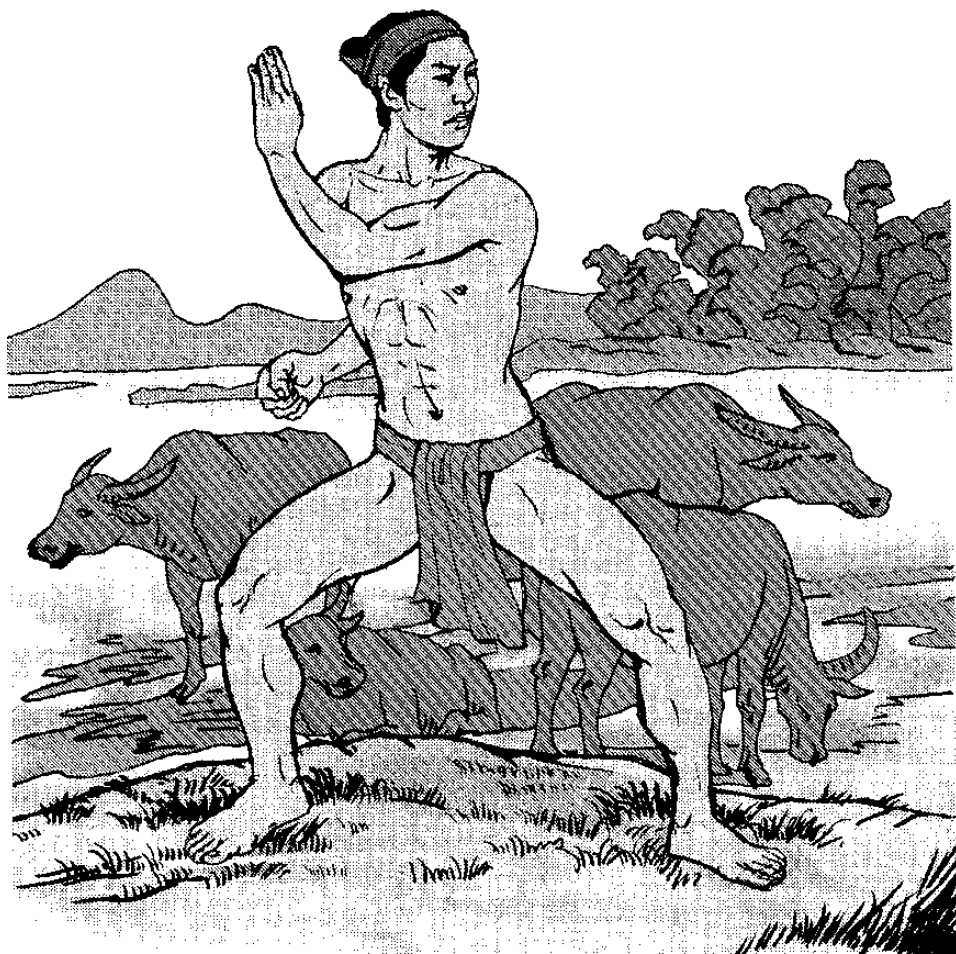
Cùng đến Lam Sơn với Lê Thận có năm nhân vật lòng danh của làng Mực Sơn là Lê Văn An, Lê Văn Biếm (con Lê Văn An), Lê Thiệt, Lê Lãnh và Lê Đạt. Trong số đó, Lê Văn An cũng được tham dự hội thề và đứng hàng thứ tư sau Lê Thận. Tuy là một võ tướng túc trí đa mưu nhưng Lê Văn An lại nổi tiếng là người “hòa nhã, giản dị, thường dùng lễ để tiếp đãi các bậc đại phu”.

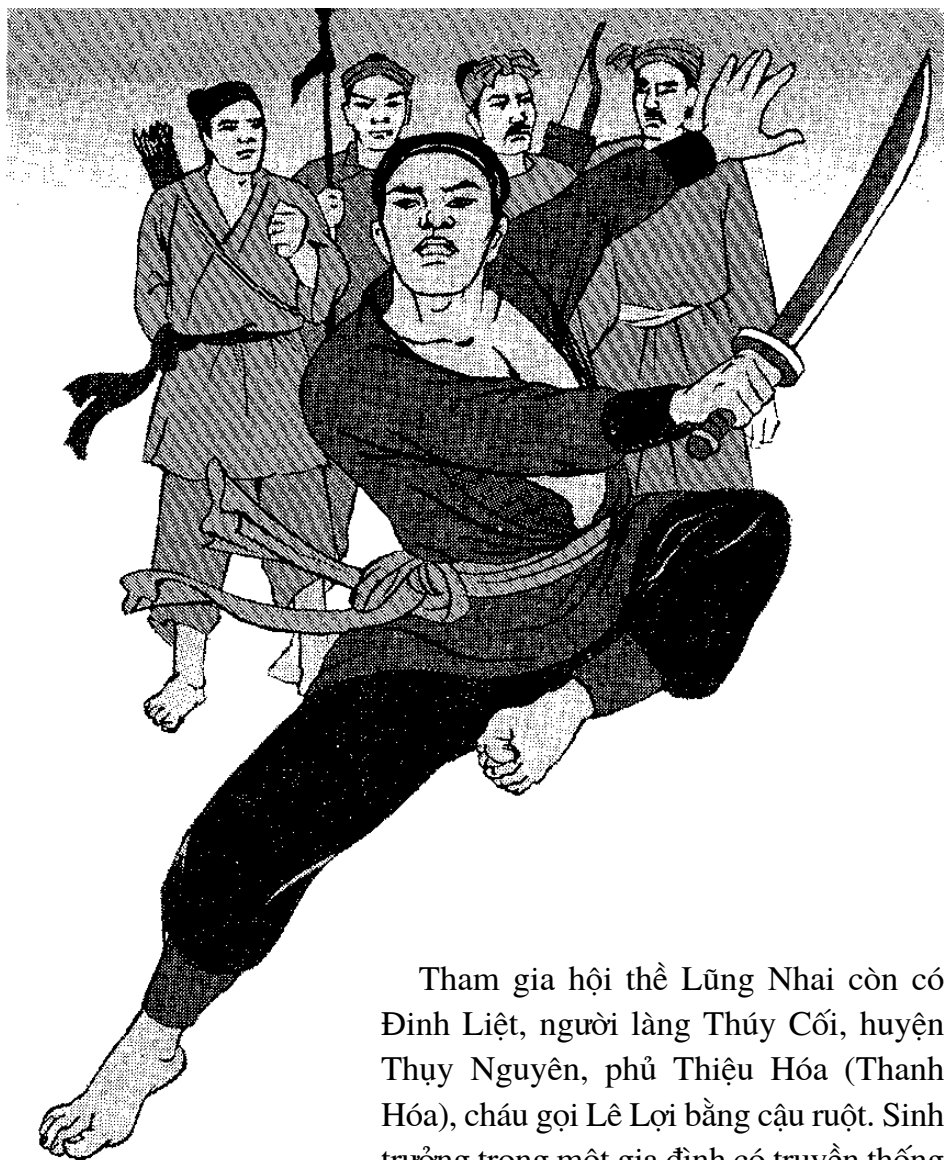




Tiếp theo là Lê Văn Linh, sinh năm Đinh Ty (1377), tại làng Hải Lịch, huyện Lôi Dương (nay là xã Thị Hải, Thọ Xuân, Thanh Hóa). Thời Hồ, ông nổi tiếng hay chữ và được đánh giá là một nhà quân sự có tài của Lam Sơn. Vốn điềm đạm, chín chắn và cẩn thận, ông được giao soạn thảo giấy tờ cho Lê Lợi. Ông luôn sát cánh bên Nguyễn Trãi để bày mưu tính kế cho nghĩa quân.

Sau Lê Văn Linh là Trịnh Khả, người làng Kim Bôi (nay thuộc xã Vĩnh Hà, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa). Năm 18 tuổi, ông nổi tiếng là khỏe mạnh, võ nghệ cao cường nhưng vì gia cảnh nghèo khó, phải đi làm đầy tớ. Sau ông bỏ trốn, quân Minh bắt bố ông ném xuống sông. Đến đêm, ông lén về vớt xác bố đem chôn rồi tìm đến với Lê Lợi.





Tham gia hội thê Lũng Nhai còn có Đinh Liệt, người làng Thúy Cối, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa (Thanh Hóa), cháu gọi Lê Lợi bằng cậu ruột. Sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống võ nghệ, ngay từ lúc còn trẻ, Đinh Liệt không những nổi tiếng tài giỏi mà còn khôi ngô tuấn tú nhất trong vùng. Anh ruột của Đinh Liệt là Đinh Lễ cũng tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Hai anh em đều là tướng tài, được Lê Lợi tin cậy, lập nhiều chiến công.

Dự hội thê, phần lớn đều là bà con hoặc những người cùng quê Thanh Hóa với Lê Lợi. Nhưng cũng có một số người từ xa đến, trong đó có Lưu Nhân Chú cùng cha là Lưu Trung. Hai người quê quán ở xã An Thuận Thượng (nay là xã Vân Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).



Ngoài những nhân vật kể trên, tham dự hội thề còn có một loạt các bậc hào kiệt khác như Lê Hiểm, Lê Bồi, Đinh Lan và Bùi Quốc Hưng. Hiển nhiên, mưu sĩ số một của Lê Lợi là Nguyễn Trãi và người đồng cam cộng khổ đầu tiên với Lê Lợi khi bị quân Minh truy đuổi phải trốn dưới gốc đa là Lê Liễu cũng có mặt.



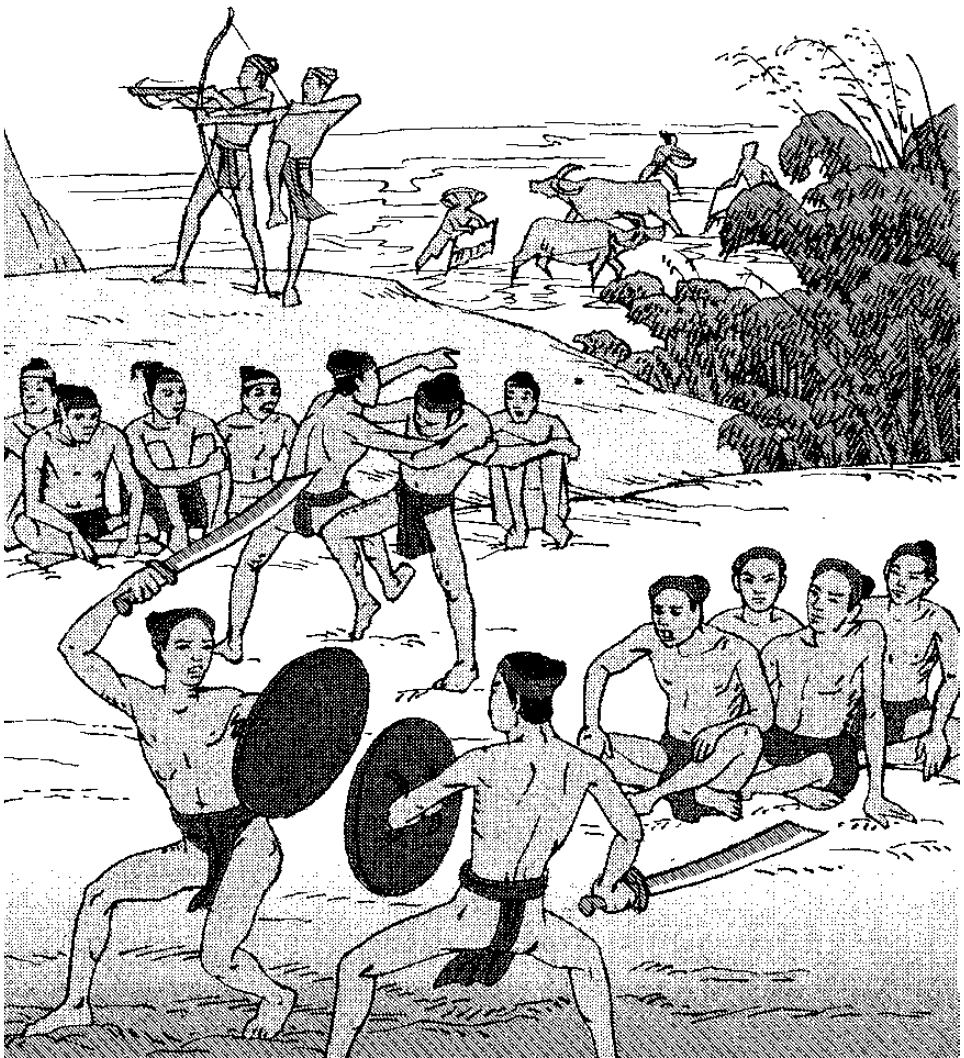
Trong hội thề Lũng Nhai, cùng với Lê Lợi còn có 18 người khác là Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lê Liễu, Bùi Quốc Hưng, Lê Ninh, Lê Hiêm, Vũ Uy, Nguyễn Trãi, Đinh Liệt, Lê Nhân Chú, Lê Bồi, Lê Lý, Đinh Lan, Trương Chiên. (trích từ bản văn thề trong quyển Khởi nghĩa Lam Sơn của Phan Huy Lê và Phan Đại Doãn, NXB Khoa học Xã hội, 1977).



Tất cả cùng cắt máu ăn thề, lắng nghe lời tuyên thệ của Lê Lợi: “... kết nghĩa thân nhau như một tổ liên cành... chung sức đồng lòng cho làng xóm yên lòng... Thề sống chết cùng nhau, không dám quên lời thề son sắt...” Lê Lợi vừa dứt lời, tất cả đồng thanh hô lớn: “...không cùng một lòng, quên lời thề ước... nguyện trời đất và các thần linh giáng trăm tai ương...”. Sau đó, tất cả chuyền tay nhau uống cạn bát rượu huyết. Lời thề thiêng liêng vang vọng khắp núi rừng tĩnh mịch.



Sau hội thề Lũng Nhai, lực lượng của Lam Sơn đã được tổ chức lại. Các nghĩa sĩ chia ra từng đội, vừa sản xuất tích trữ lương thực, vừa tập luyện võ nghệ để sẵn sàng vào trận. Lê Lợi và mười tám người trong bộ chỉ huy Lam Sơn thì thường xuyên bàn mưu tính kế cho cuộc khởi nghĩa.



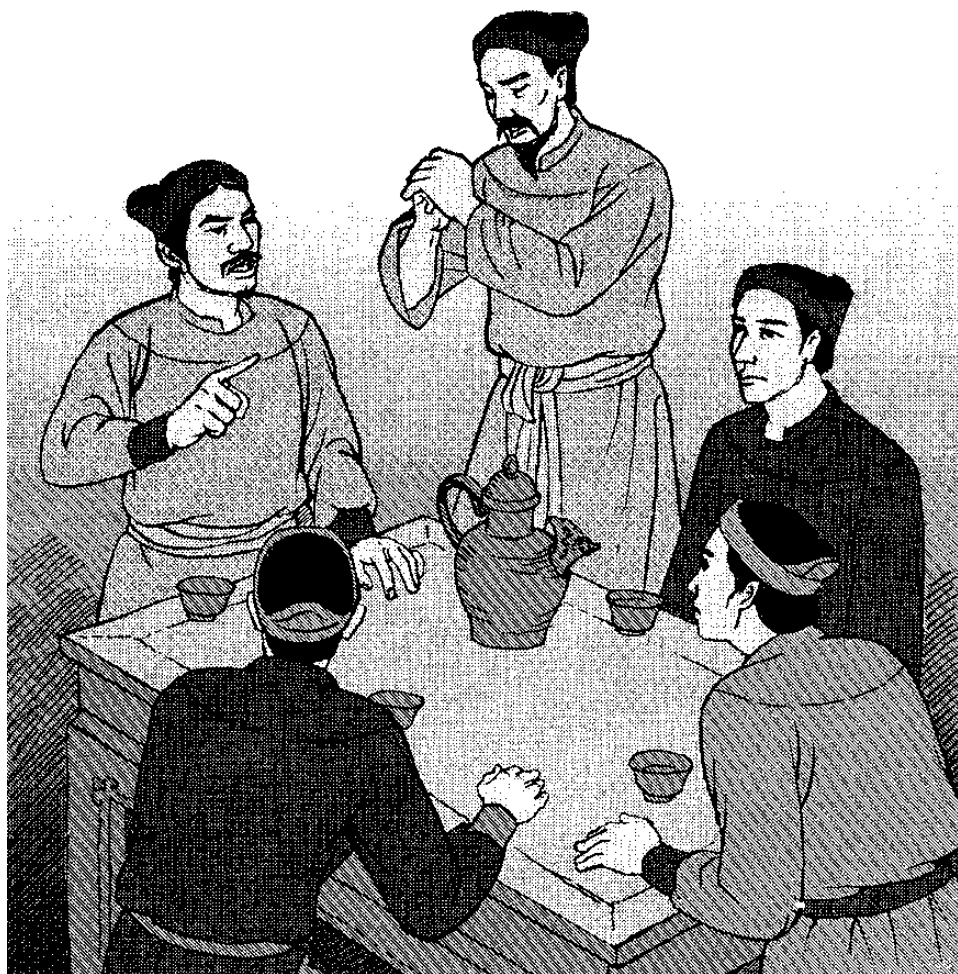
Để giữ bí mật căn cứ và đề phòng kẻ xấu len lỏi vào hàng ngũ nghĩa quân, Lê Lợi đã chọn Mục Sơn (quê của Lê Thận) làm nơi tiếp đón hào kiệt khắp nơi. Người mới đến được tập trung ở một nơi riêng, lấy danh nghĩa khăn hoang lập ấp để che mắt giặc và tập luyện võ nghệ.



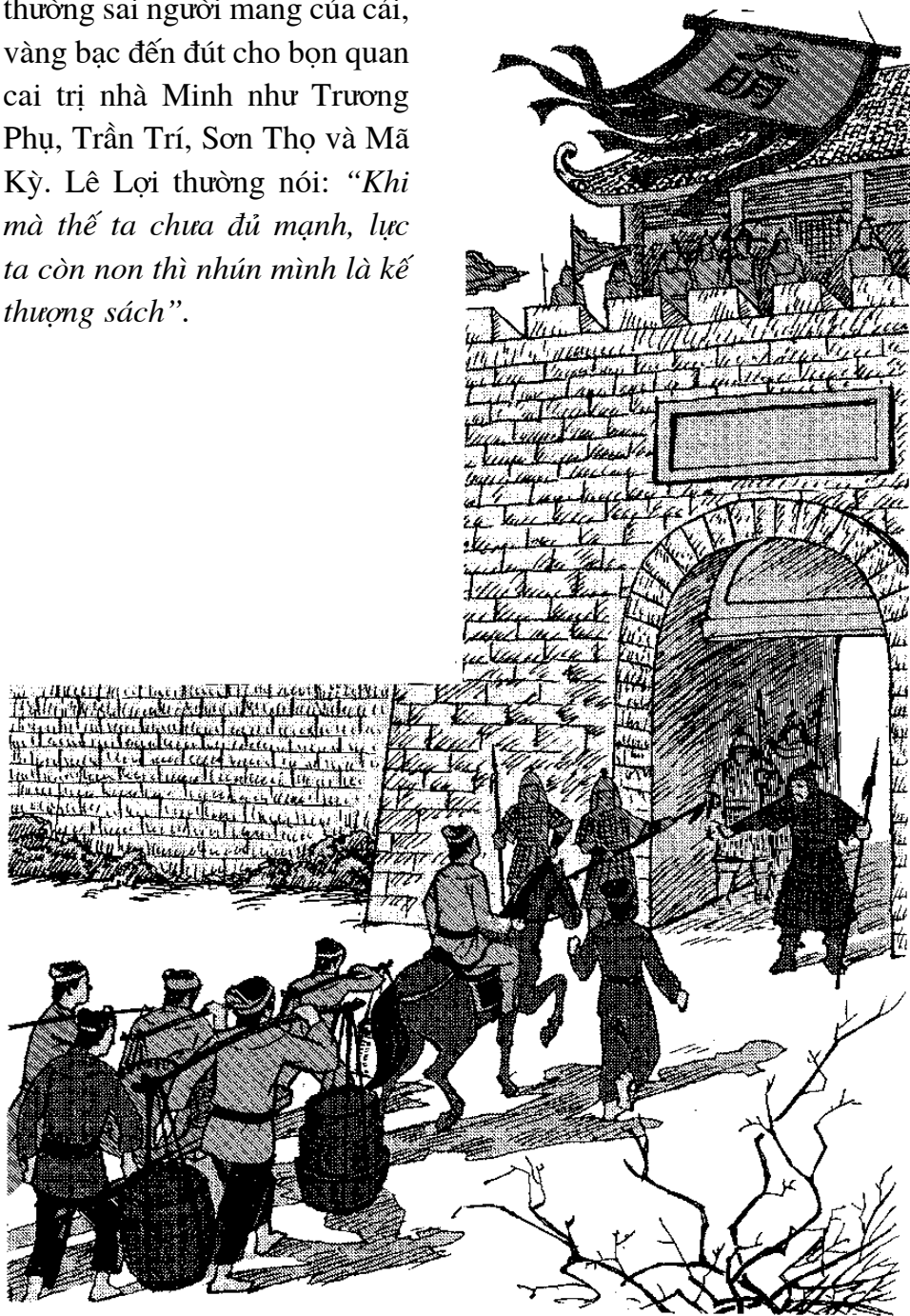
Cuối năm 1416, Lê Lợi nhận thấy các nghĩa sĩ tập luyện chuyên cần nhưng phân tán theo nhóm nên khi vào trận sẽ khó hiệp đồng tác chiến. Vì thế, Lê Lợi đã chọn khu đất bằng phẳng ở thôn Lang Sơn (nay thuộc huyện Ngọc Lặc, Thanh Hóa) để tập trận chung. Nơi đây cách Lam Sơn chừng mười cây số, đủ rộng lại vừa kín đáo để che mắt giặc. Dấu tích bãi luyện quân nay vẫn còn, được gọi là Hấp Ông Lê hay Hấp Lê Lới (tiếng Mường có nghĩa là bãi luyện quân của ông Lê Lợi).



Về tổ chức sản xuất, Lê Lợi cũng phân hản cho một nhóm riêng do Trương Chiến và Võ Uy, vốn thông thạo nghề nông, phụ trách. Nhưng nhận rõ đây là công việc quan trọng, ông cử thêm hai gia nô tin cậy là Ngô Kinh và Ngô Từ giúp việc thêm cho Trương Chiến và Võ Uy.



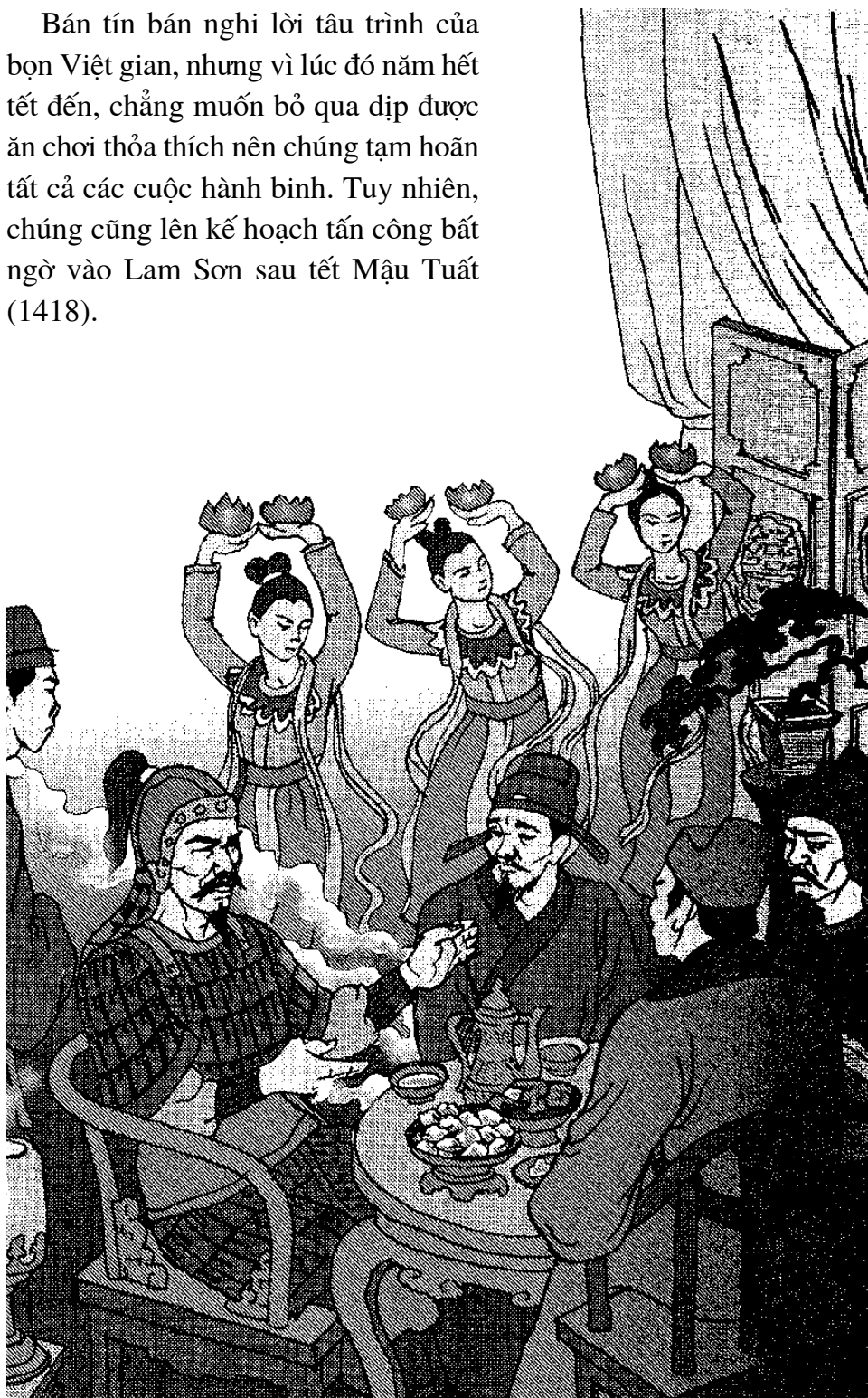
Để đề phòng quân Minh bất ngờ tấn công khi việc chuẩn bị chưa thật hoàn tất, Lê Lợi thường sai người mang cửa cải, vàng bạc đến đút cho bọn quan cai trị nhà Minh như Trương Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ và Mã Kỳ. Lê Lợi thường nói: “*Khi mà thế ta chưa đủ mạnh, lực ta còn non thì nhún mình là kẻ thượng sách*”.



Được đút lót, lũ tướng giặc tham lam đắc ý, cho là Lê Lợi không dám làm gì. Nhưng bọn Việt gian, nhất là Lương Nhữ Hốt lại vô cùng lo sợ. Hắn ngày đêm to nhỏ với tướng giặc: “*Chúa Lam Sơn thu nạp kẻ trốn tránh, dùng kẻ mưu phản, biết chiêu hiền đãi sĩ, chí không thể nói là nhỏ. Nay nếu không trừ đi thì sợ sau này chúng chẳng khác gì giao long gặp mây mưa, tung hoành vùng vẫy chứ đâu chỉ là con vật trong ao*”.



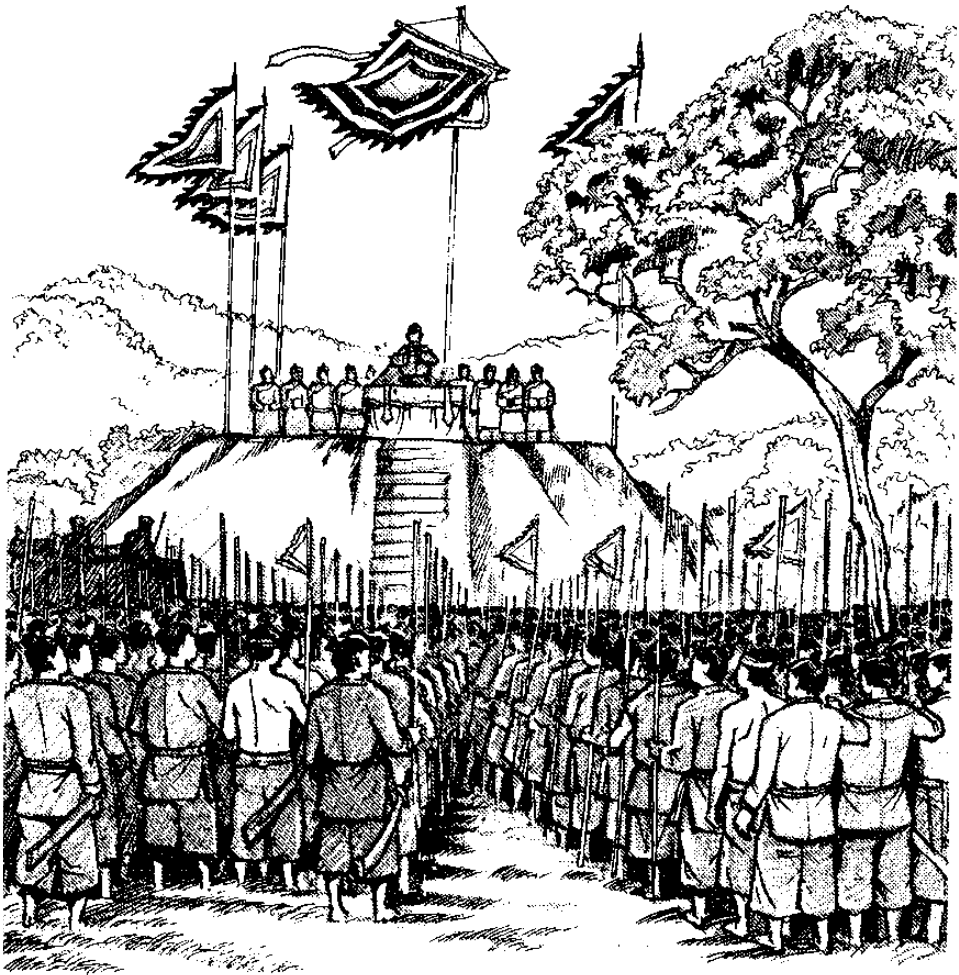
Bán tín bán nghi lời tâu trình của bọn Việt gian, nhưng vì lúc đó năm hết tết đến, chẳng muốn bỏ qua dịp được ăn chơi thỏa thích nên chúng tạm hoãn tất cả các cuộc hành binh. Tuy nhiên, chúng cũng lên kế hoạch tấn công bất ngờ vào Lam Sơn sau tết Mậu Tuất (1418).



Trong lúc đó, ở Lam Sơn, Lê Lợi họp bàn với các tướng trong bộ chỉ huy và quyết định: “*Nay muốn tạo được sĩ khí cho ba quân thì tất nhiên phải chủ động đánh trước và giành cho được phần thắng trong trận đầu. Sang xuân nhất định ta sẽ dựng cờ xưng nghĩa*”. Do vậy, những ngày cuối năm Đinh Dậu (1417) là những ngày bùng bùng khí thế xuất quân của nghĩa sĩ Lam Sơn. Toàn bộ quá trình chuẩn bị lâu dài và công phu của bộ chỉ huy Lam Sơn đã hoàn tất.

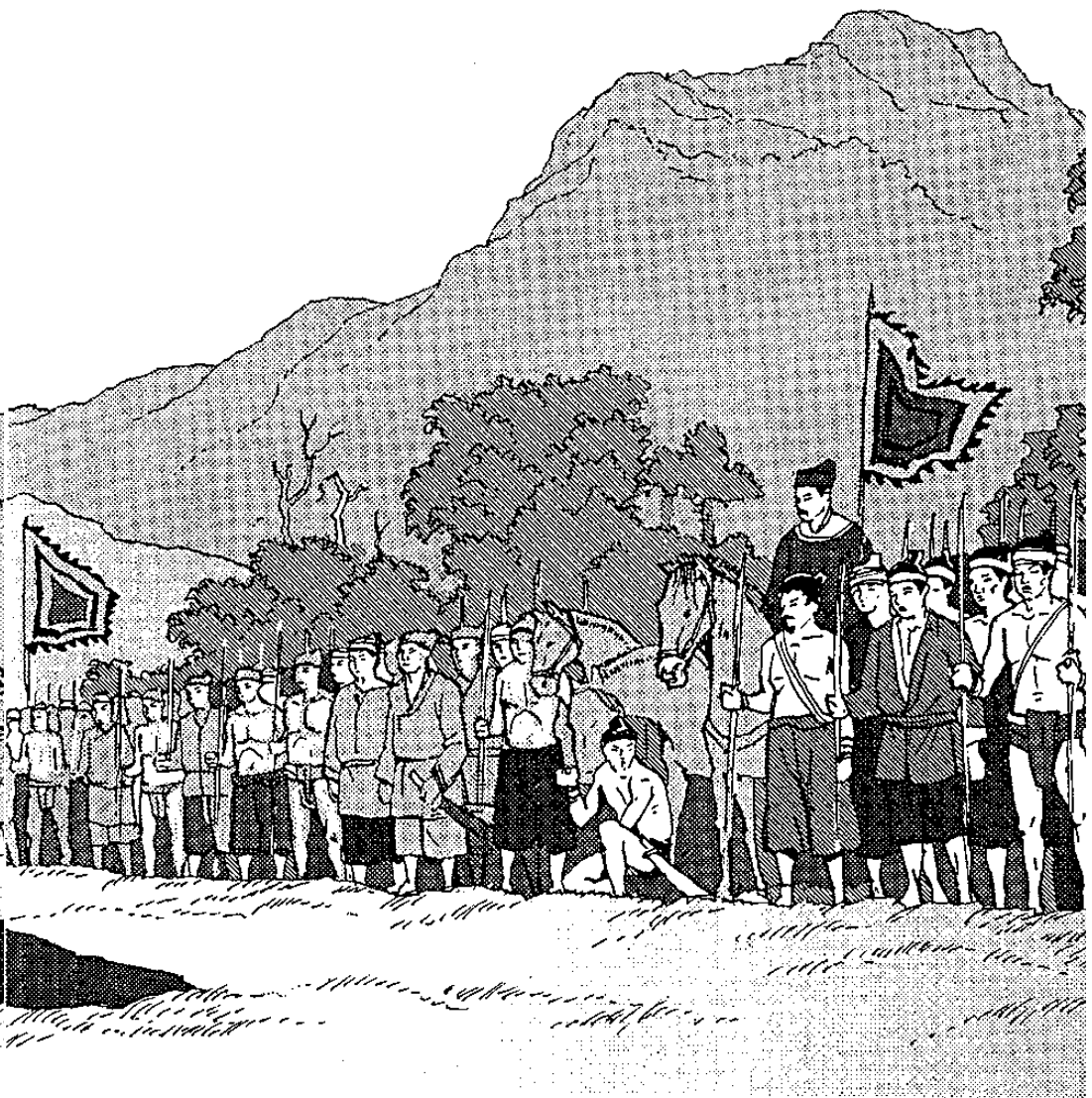


Ngày mồng hai tết năm Mậu Tuất, tức ngày 7 tháng 2 năm 1418, tại quê nhà Lam Sơn, Lê Lợi long trọng tổ chức lễ tế cờ trước lúc xuất quân. Đó là ngày trọng đại của dân tộc, trong sự nghiệp chiến đấu nhằm lật đổ ách đô hộ của giặc Minh. Ngày hôm đó, trước sự hồ hởi của dân chúng trong vùng, tất cả hào kiệt và nghĩa binh Lam Sơn đều có mặt.





Bấy giờ Lê Lợi tự xưng là Bình Định vương (vua dẹp loạn), dưới trướng có tất cả 35 quan võ, một số ít quan văn. Lực lượng chiến đấu của Lê Lợi có: 14 con voi, 200 con ngựa, 200 dũng sĩ, 200 nghĩa sĩ và khoảng 2000 quân sĩ khác. So với quân Minh thì số lượng quân khởi nghĩa ít hơn hẳn nhưng đây là đội quân có tinh thần chiến đấu rất ngoan cường, không dễ gì có thể đàn áp nổi.



Mục tiêu đầu tiên của Lam Sơn là đập tan toàn bộ hệ thống chính quyền cai trị của quân Minh ở vùng rừng núi phía tây tỉnh Thanh Hóa ngày nay. Bọn Việt gian cam lòng làm tay sai cho giặc cũng bị trừng trị. Một hệ thống chính quyền mới của nghĩa quân bắt đầu được thành lập. Sự kiện này gây được tiếng vang lớn, tạo được niềm phấn khởi trong lòng nhân dân địa phương.



Ngày mồng 9 tháng giêng năm Mậu Tuất, tức ngày 14 tháng 2 năm 1418, quân Minh bắt đầu phản công. Từ thành Tây Đô, đô đốc nhà Minh là Chu Quảng dẫn đầu một đạo quân, đánh thẳng vào Lam Sơn. Nghĩa quân Lam Sơn tuy chiến đấu anh dũng nhưng do lực lượng yếu lại thiếu kinh nghiệm trận mạc nên lâm vào thế bị động. Để bảo toàn lực lượng, Lê Lợi phải cho rút lui về Mùòng Một^(*).

** Xưa thuộc châu Lang Chánh, nay thuộc vùng Bát Một, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.*



Bốn ngày sau, quân Minh lại dốc
lực lượng đánh vào Mường Một.
Trước tình thế bất lợi, nghĩa quân
Lam Sơn lại phải lui về Lạc Thủy.
Vùng đất này nằm ở thượng nguồn
sông Chu, phía trên Lam Sơn, nơi có
địa hình thuận tiện cho chiến thuật
đánh mai phục.





Giặc xua quân đánh vào Lạc Thủy. Nhưng tại đây, Lê Lợi đã nhanh chóng bố trí một trận đồ mai phục. Các tướng Lê Thạch, Đinh Bồ, Lê Ngân và Nguyễn Lý chỉ huy đánh trận này. Giặc thua trận, bị chém khoảng gần ba ngàn tên, bị bắt sống cả ngàn tên. Chúng buộc phải tháo chạy khỏi Lạc Thủy.



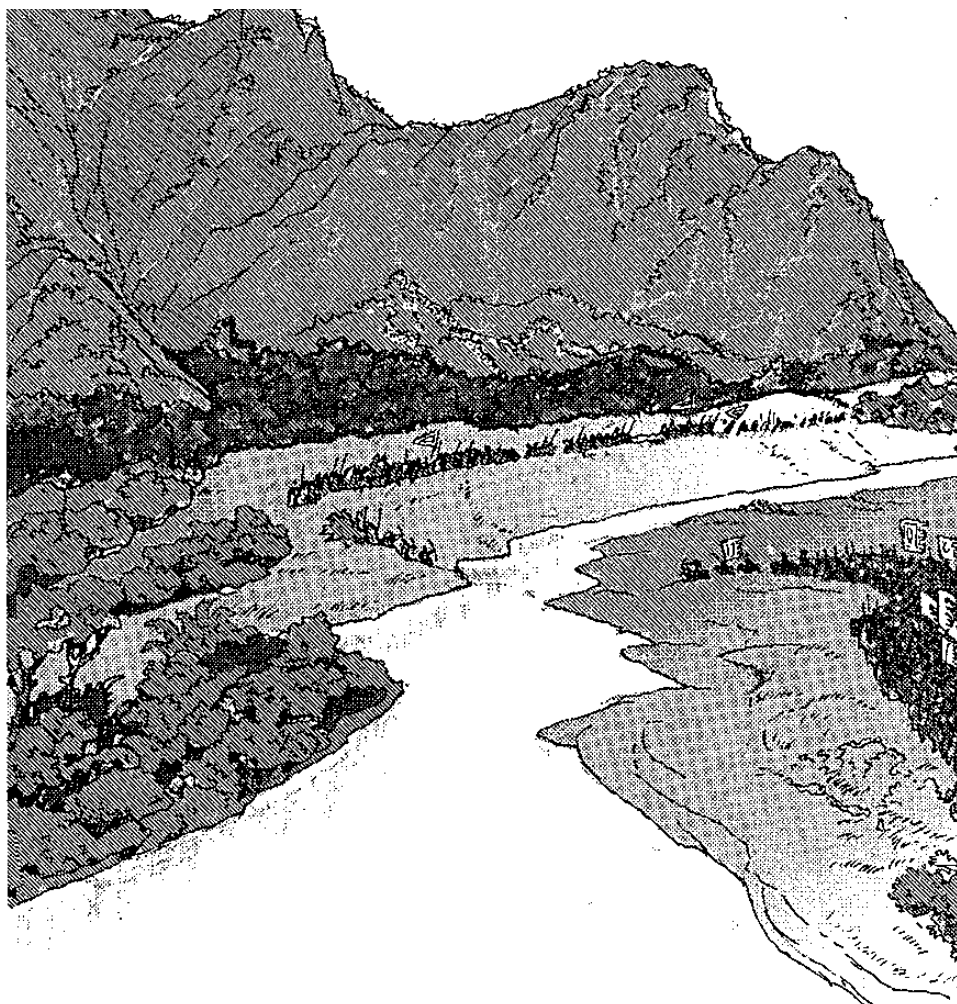
Theo sự chỉ dẫn của hai tên Việt gian Đỗ Phú và Ái (chưa rõ họ, cả hai đều là người Thanh Hóa), quân Minh liền đến xứ Phật Hoàng khai quật mộ của thân phụ Lê Lợi, lấy tiểu đưng hài cốt đem đi hong làm lung lạc tinh thần của Lê Lợi và nghĩa quân. Chúng cũng muốn nhân đó để đánh tan niềm tin của của nhân dân địa phương về ngôi huyệt đại phát của dòng họ Lê Lợi.

Vì hiếu thảo và muốn giữ vững niềm tin cho tướng sĩ, Lê Lợi đã giao cho Trịnh Khả và Bùi Bị dẫn quân theo đoạt lại hài cốt. Bấy giờ, tiểu đưng hài cốt thân phụ Lê Lợi trên một chiếc thuyền neo ở giữa sông, cho lính canh phòng cẩn mật và tuyên bố rằng nếu Lê Lợi ra hàng thì sẽ trả lại. Trịnh Khả và Bùi Bị chờ lúc đêm khuya, giặc trên thuyền gật gà ngủ thì đội cỏ, lội sông áp tới gần, lấy tiểu đưng hài cốt đem về. Lê Lợi mừng lắm, vội trọng thưởng cho hai người và đem hài cốt của thân phụ chôn vào chỗ cũ.



Mưu trả thù hèn hạ không thành, giặc liền tổ chức đánh úp vào Lam Sơn lần thứ hai. Một lần nữa, tên Ái nhận làm kẻ dẫn đường cho giặc Minh. Trận này, vì quá bất ngờ, lực lượng Lam Sơn bị tổn thất rất lớn. Vợ con và nhiều người trong gia thuộc của Lê Lợi bị bắt, nhiều nghĩa quân Lam Sơn thiệt mạng trong trận đánh bất ngờ này.





Trong lúc nguy cấp, Đinh Lễ, Phạm Vấn, Bùi Bị, Lê Đạt và Nguyễn Xí đã anh dũng mở đường máu cho Lê Lợi cùng những người khác tạm lánh lên núi Chí Linh (tức Linh Sơn, một ngọn núi cao ở trên thượng nguồn sông Chu). Sau đó, các toán quân khác cũng lần lượt tìm về căn cứ mới Chí Linh. Biết nghĩa quân Lam Sơn đóng quân ở Chí Linh nhưng vì núi cao hiểm trở nên giặc không sao dẫn quân lên núi tấn công được.

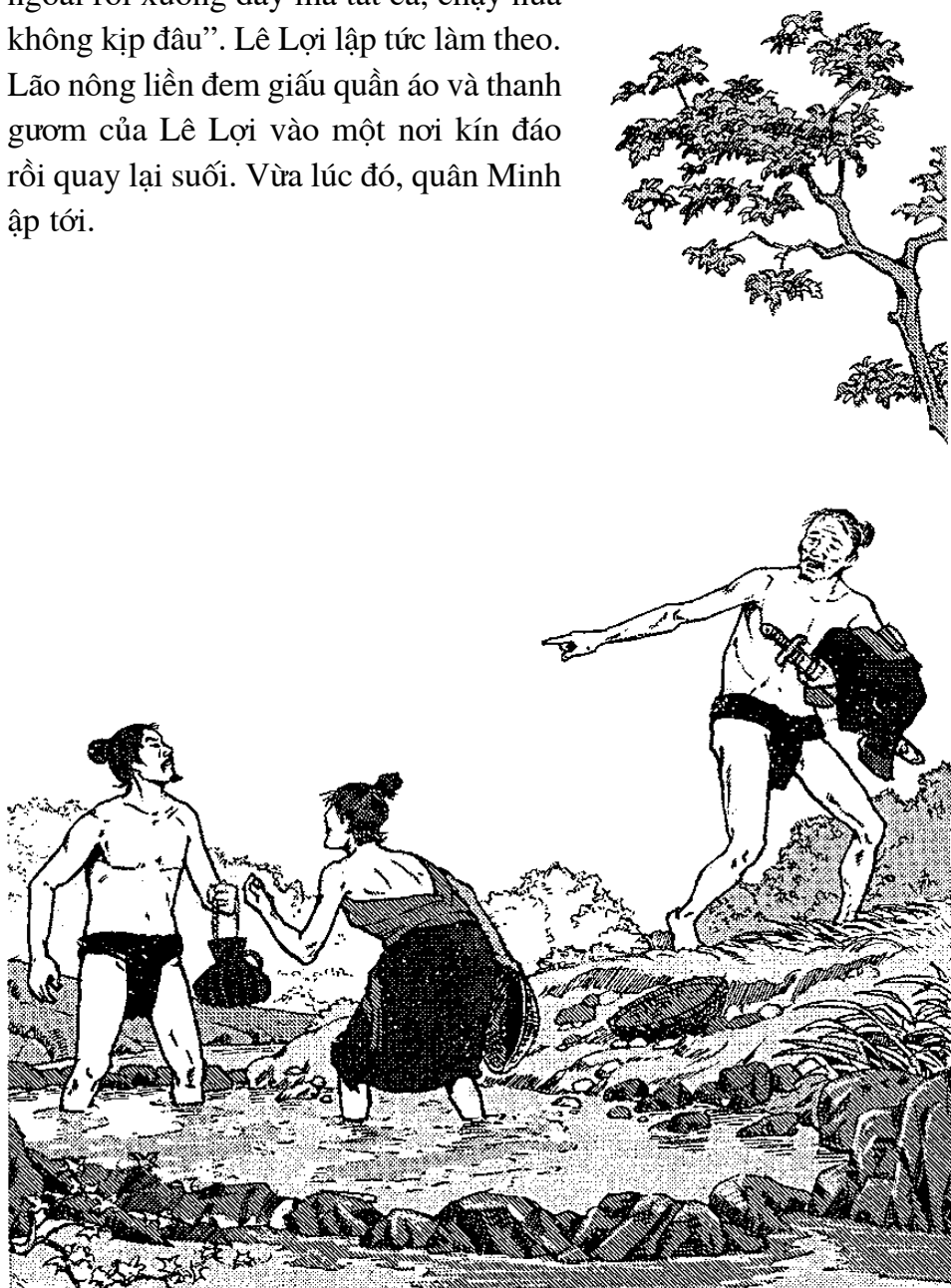
Không thể đánh lên Chí Linh (Linh Sơn), giặc cho đại quân bao vây, quyết chặt đứt mọi đường tiếp tế lương thực và thực phẩm của của nghĩa quân Lam Sơn. Đói khát, giá lạnh và bệnh tật hoành hành suốt hai tháng trời. Lê Lợi phải làm thịt cả con ngựa của mình cho quân sĩ ăn, nhưng đó cũng chỉ là biện pháp nhất thời. Nghĩa quân Lam Sơn phải hái lá rừng, đào củ rừng để chống lại cơn đói.



Tương truyền, sau lần giết con ngựa cứu đói cho quân sĩ, Lê Lợi xuống núi xem xét tình hình, bất ngờ đụng giặc và bị chúng truy đuổi gắt gao. Ông băng qua một bìa rừng để lẩn trốn vào núi. Nơi ấy có mấy thửa ruộng nhỏ, nằm sát một dòng suối con con. Lúc đó có hai vợ chồng nông phu già đang khom lưng tát cá.



Thấy điệu bộ vội vã của kẻ chạy qua, lại nghe có tiếng hò hét rất gần, vợ chồng bác nông phu biết ngay là người của nghĩa quân Lam Sơn đang bị giặc đuổi. Bác nông phu bảo: “Cởi quần áo ngoài rồi xuống đây mà tát cá, chạy nữa không kịp đâu”. Lê Lợi lập tức làm theo. Lão nông liền đem giấu quần áo và thanh gươm của Lê Lợi vào một nơi kín đáo rồi quay lại suối. Vừa lúc đó, quân Minh ập tới.



Chỉ mặt ba người, chúng quát hỏi: “Có thấy tên Lê Lợi chạy qua đây không?”. Bác nông phu bảo: “Lê Lợi thì không biết nhưng có thấy một người đeo gươm mặc áo thụng vừa đi qua”. Lê Lợi tưởng bác nông phu bán đứng mình, liếc ra xung quanh chuẩn bị tìm đường chạy. Biết ý, bác liền quát: “Thằng kia, sức dài vai rộng mà cứ biếng nhác, muốn ăn đòn không hả?”. Rồi quay lại phía quân Minh, bác đưa tay chỉ về phía cuối rừng: “Ông ta chạy theo lối kia kìa!”.

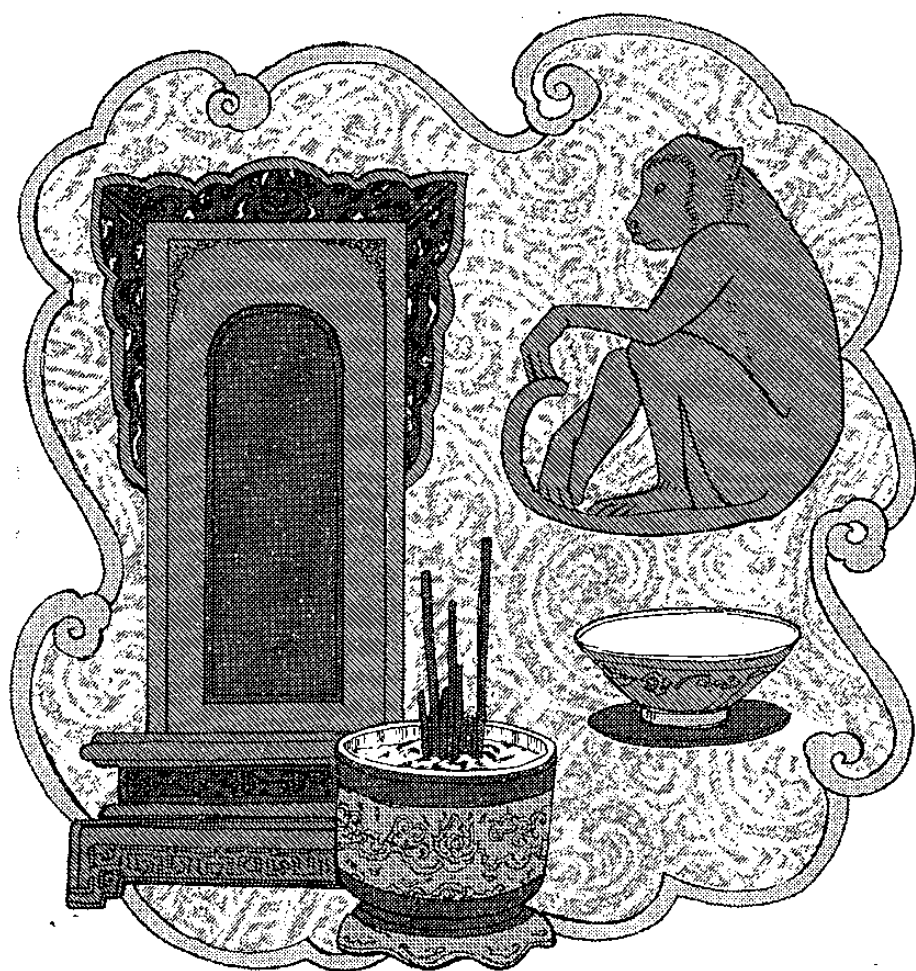


Quân Minh vội vàng thúc ngựa đuổi theo hướng bác nông phu vừa chỉ. Khi chúng đã chạy xa, hai vợ chồng bác nông phu già liền đến sụp lạy Lê Lợi mà thưa rằng: “Già này cứ tưởng là lính Lam Sơn, chẳng dè lại gặp Bình Định vương, vì muốn lừa giặc nên trót lỡ lời, xin Bình Định vương tha tội”. Nói xong, vợ chồng bác nông phu xin được rước Lê Lợi về nhà tạm nghỉ trước khi tìm đường về với nghĩa quân.



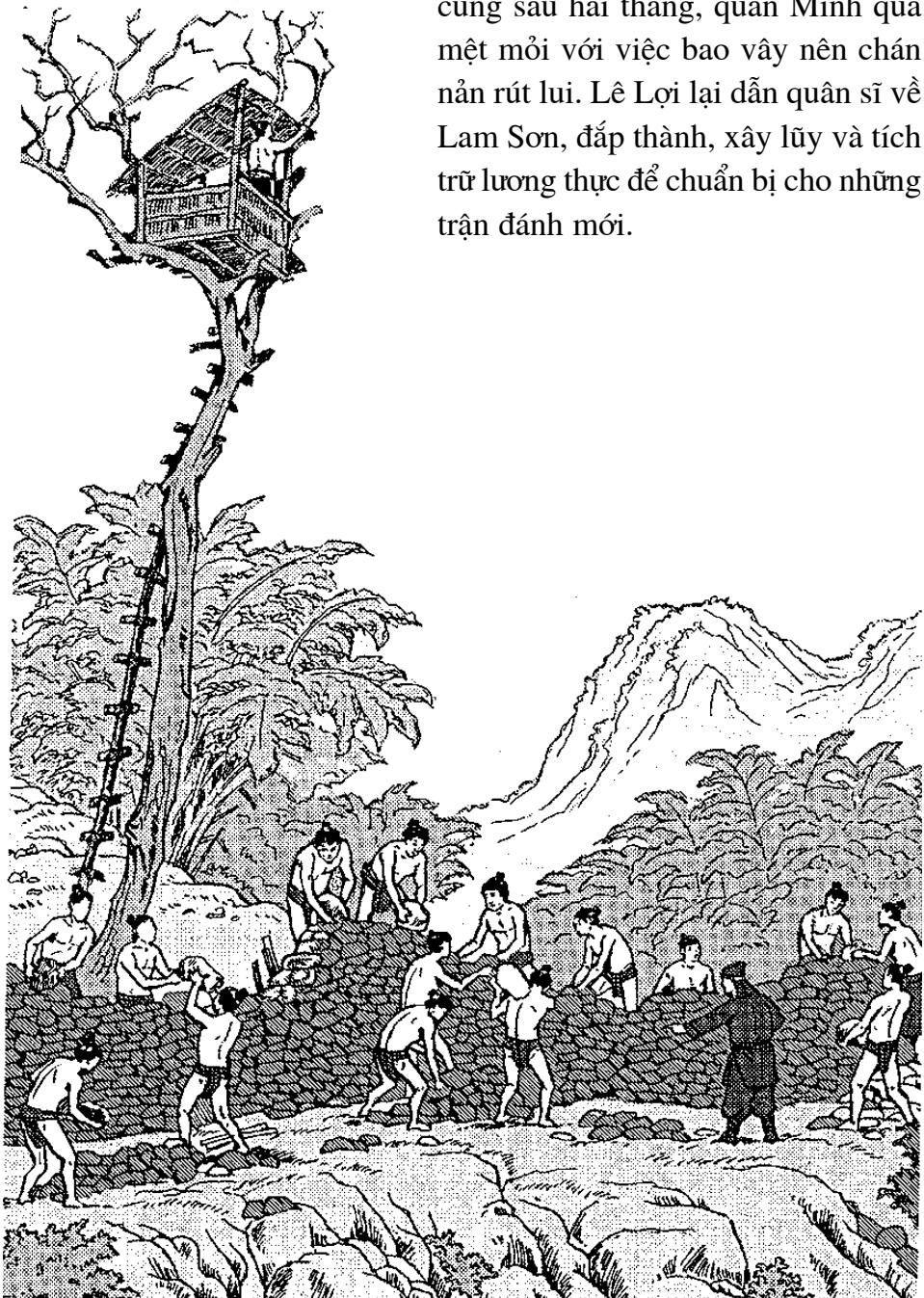


Về nhà, chẳng có gì ăn, vợ chồng lão nông đành giết thịt con khỉ họ đã nuôi nhiều năm nay. Vì già cả, lại không có con nên họ nuôi con khỉ để sớm tối ra vào cho đỡ hiu quạnh. Lê Lợi mãi không bao giờ quên món canh thịt khỉ được ăn hôm ấy.



Sau này, khi đã lên ngôi hoàng đế, Lê Lợi sai người tìm về bìa rừng xưa dưới chân núi Chí Linh, nhưng vợ chồng bác nông phu đã mất hay phiêu bạt đi đâu không ai biết nữa. Ngài bèn cho lập miếu thờ ở kinh thành, vì không biết tên của họ nên gọi là miếu Ông Hầu, Bà Hầu và để tưởng nhớ hai ông bà đã làm món canh thịt khỉ ngày ấy, trong mỗi dịp tế lễ Ông Hầu, Bà Hầu đều có một bát canh thịt khỉ.

Sau hai tháng bị bao vây, lực lượng Lam Sơn bị tổn thất nhiều, một số người không chịu nổi gian nan đã bỏ trở về quê quán. Nhưng cũng sau hai tháng, quân Minh quá mệt mỏi với việc bao vây nên chán nản rút lui. Lê Lợi lại dẫn quân sĩ về Lam Sơn, đắp thành, xây lũy và tích trữ lương thực để chuẩn bị cho những trận đánh mới.





Khi về Lam Sơn, Lê Lợi chỉ còn hơn một trăm quân sĩ. Nhiều ngày sau, tàn binh khắp nơi mới lục tục kéo về, nhưng tổng cộng cũng chỉ độ vài trăm. Tất cả được lệnh sản xuất và thu mua lương thực rồi đem cất giấu vào những nơi bí mật để phòng bị bao vây và tuyệt lương như lần trước. Dần dần, lực lượng đã được củng cố, tinh thần của quân sĩ cũng hăng hái hẳn lên.

Lê Lợi quyết định tổ chức một trận đánh thật bất ngờ. Hầu hết quân Lam Sơn được bố trí mai phục ở hai bên vách núi lối vào Mường Một, một toán quân nhỏ thì đi khiêu chiến rồi giả thua bỏ chạy. Giặc chủ quan đuổi theo, không chú ý đến con đường hẹp giữa hai vách núi. Bất ngờ, một trận mưa tên độc trút xuống đầu, tiêu diệt rất nhiều quân sĩ.





Thừa thắng, Lê Lợi cho nghĩa quân tiếp tục tấn công vào Mường Nanh ở gần Mường Một. Giặc hốt hoảng rút lui về Nga Lạc Thượng và cố thủ ở đấy chờ viện binh. Lê Lợi lập tức cho đánh vào một số vị trí khác ở gần Nga Lạc Thượng như Hà Đả, Mỹ Canh, tên ngụy quan Nguyễn Sao bị chém đầu tại trận, hơn một ngàn tên giặc bị giết.

Thắng trận, tinh thần của nghĩa quân lên rất cao. Trai tráng nhiều nơi lại kéo về Lam Sơn tụ nghĩa. Bị thất bại bất ngờ, quân Minh tập trung lực lượng đánh trả, nhằm bóp nát toàn bộ lực lượng Lam Sơn. Nghĩa quân chống trả quyết liệt nhưng thế cô, quân ít, đành phải rút lên Linh Sơn. Giặc lại vây Linh Sơn, lần này chúng lập vòng vây chặt và nghiêm mật hơn trước nhiều.



Việc thoát khỏi Linh Sơn lúc này vô cùng nguy hiểm, chỉ có cách là mở đường máu mà thoát nhưng sẽ có tổn thất. Nhưng nếu giặc bắt được Bình Định vương thì ai sẽ lãnh đạo nghĩa quân? Biết anh em lo cho mình, Bình Định vương kể lại chuyện Kỷ Tín bên Trung Quốc xưa mặc áo của Lưu Bang trốn thoát, dựng lên nhà Hán sau này.

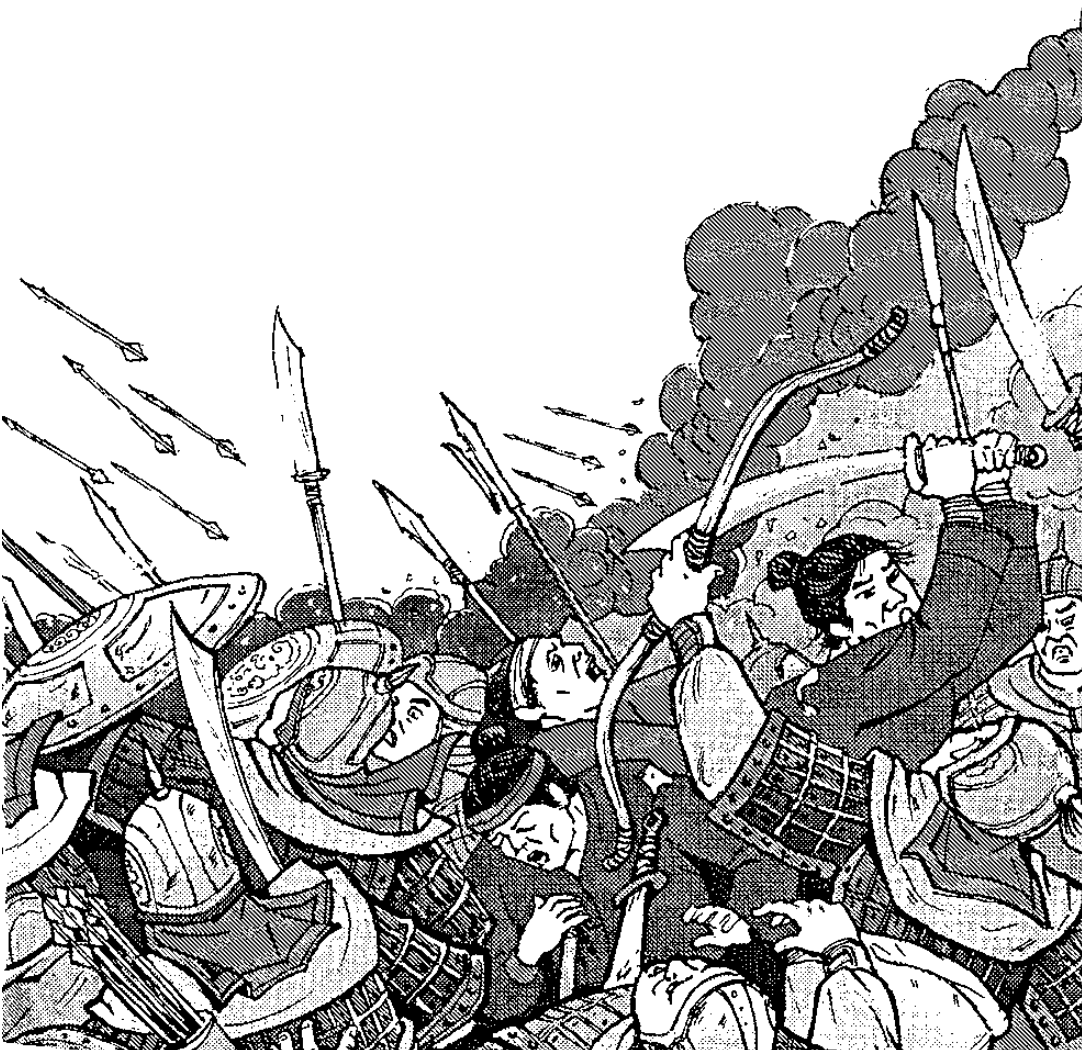


Bình Định vương chợt hỏi: “Ai dám bắt chuộc Kỷ Tín mà thay ta cầm 5000 quân và hai thớt voi đánh vào trại giặc để ta cùng anh em thoát thân mà lo việc lâu dài?” Lời chủ tướng vừa dứt một người đã đứng dậy chấp tay thưa: “Thần xin được đổi áo. Ngày sau nếu bệ hạ làm nên đế nghiệp, xin hãy nhớ đến thần mà cho con cháu thần được hưởng ơn nước là đủ”. Đó là Quan Nội hầu Lê Lai.





Lê Lợi cùng Lê Lai và các tướng cùng thề: “Lê Lai có công đổi áo, sau này trăm và con cháu cùng các công thần và con cháu của họ nếu quên ơn này thì cung điện hóa rừng núi, ấn thiêng thành cục đồng, guơm báu thành con dao thường vậy!”. Thế rồi, Lê Lai đổi áo với Lê Lợi ung dung cười voi, dẫn quân đánh vào trại giặc. Giữa trùng trùng guơm giáo, tên bay, Lê Lai vẫn dũng cảm xông pha, vừa tả xung hữu đột vừa hô to lên rằng: “Ta là chúa Lam Sơn đây!”. Quân Minh tưởng là Lê Lợi thật, liền đem quân bủa vây bốn bề, quyết bắt sống cho bằng được.



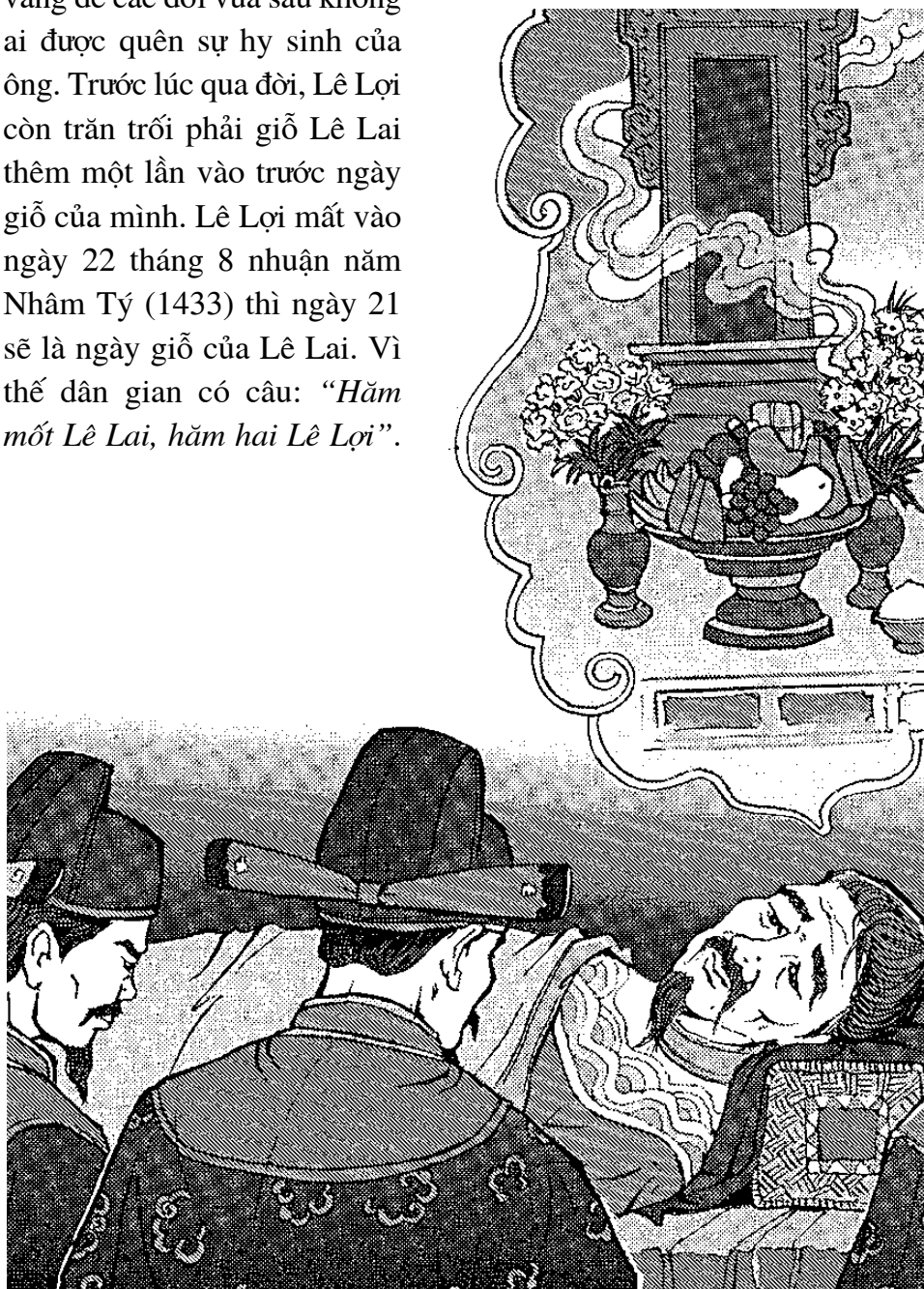
Trận đánh kết thúc, giặc bắt được Lê Lai khi ông bị thương rất nặng. Tướng đó là Lê Lợi, chúng vội đem ông ra pháp trường tùng xẻo. Lê Lai là người đã có mặt trong những ngày đầu tiên chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Khi Lê Lợi xưng là Bình Định vương, Lê Lai chuyên lo việc hậu cần, xây dựng đại bản doanh và bảo vệ Lê Lợi cùng các tướng. Lúc chiến đấu gian nguy hay trong những ngày bị vây gian nan đói khát, ông luôn sát cánh cùng Lê Lợi, bây giờ lại hy sinh vì chủ tướng.



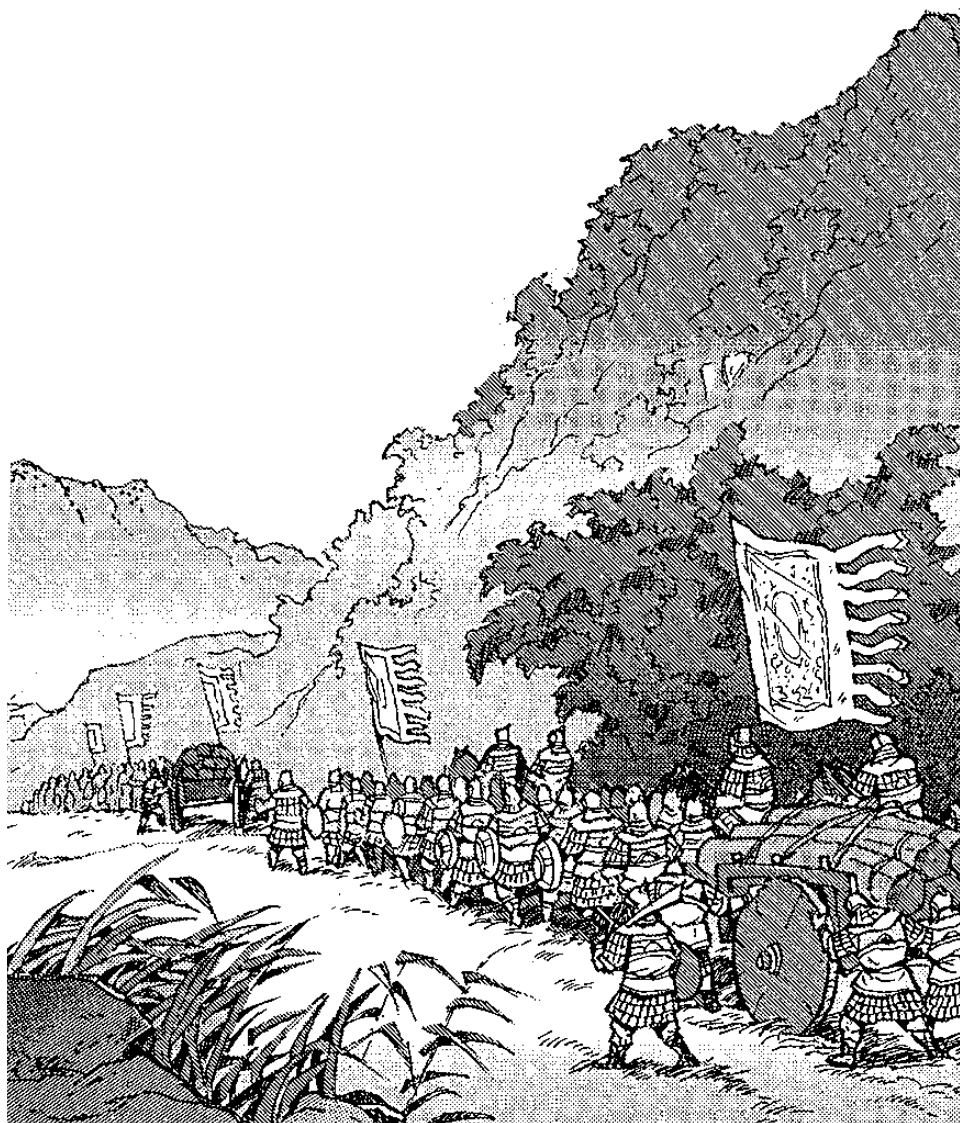


Ngoài Lê Lai liều mình cứu chúa, sau này, gia đình ông còn có bốn người khác cũng hy sinh vì nghĩa lớn. Đó là Lê Lạn (anh Lê Lai) và Lê Lộ (con trai Lê Lai) tử trận tại Nghệ An năm 1425. Cuối năm đó, Lê Tư (con trưởng Lê Lai) cũng ngã xuống ở chiến trường Thanh Hóa. Còn con út của Lê Lai là Lê Lâm đến năm 1430 cũng hy sinh trong trận đánh với Ai Lao.

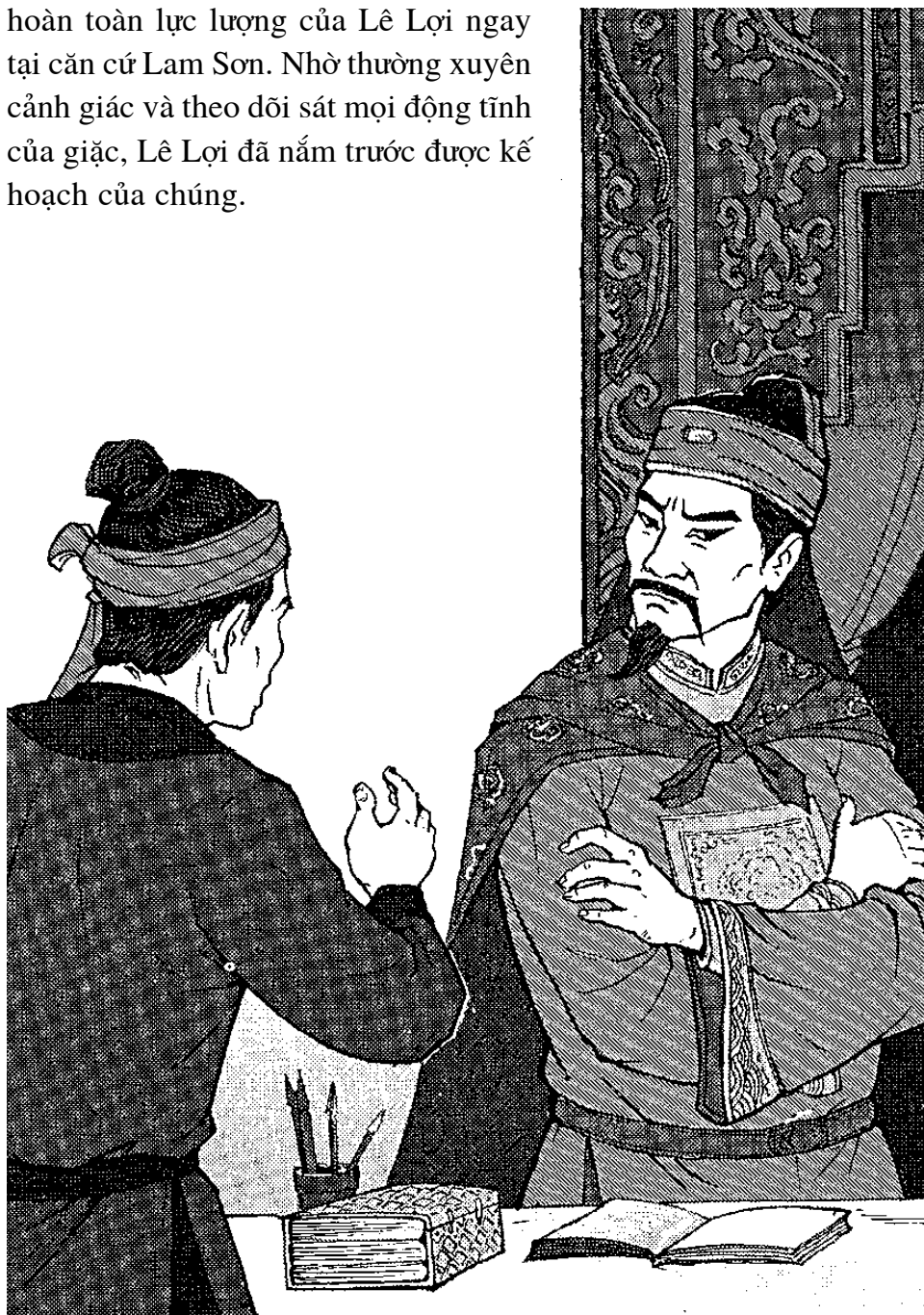
Sau này, ngoài việc truy phong cho Lê Lai, Lê Lợi còn sai Nguyễn Trãi soạn hai bản “*Tiên ước thệ từ*” (bài văn thề nhớ mãi lời ước hẹn ngày trước) và “*Lai công thệ từ*” (bài văn thề ghi nhớ mãi công lao của Lê Lai) rồi cho cất vào tủ vàng để các đời vua sau không ai được quên sự hy sinh của ông. Trước lúc qua đời, Lê Lợi còn trần trối phải giỗ Lê Lai thêm một lần vào trước ngày giỗ của mình. Lê Lợi mất vào ngày 22 tháng 8 nhuận năm Nhâm Tý (1433) thì ngày 21 sẽ là ngày giỗ của Lê Lai. Vì thế dân gian có câu: “*Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi*”.



Sau khi giết Lê Lai, quân Minh tướng đã đàn áp được cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nên rút quân về Tây Đô và các thành lũy khác. Đất Linh Sơn lại yên tĩnh như cũ, Lê Lợi và bộ chỉ huy nhờ đó cũng đã rút lui an toàn về Lam Sơn.

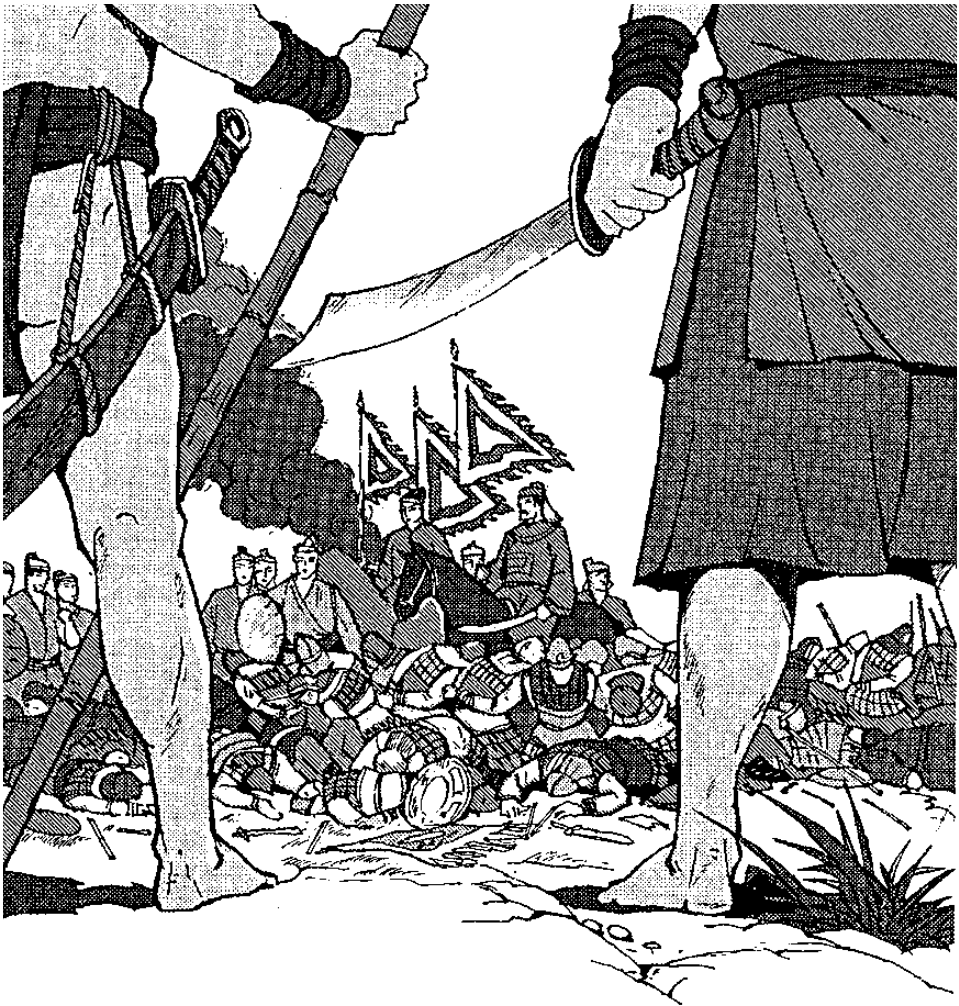


Đầu năm 1420 quân Minh mới biết rằng Lê Lợi vẫn còn sống và đang ra sức tích trữ lương thảo, chiêu mộ hào kiệt, nghĩa sĩ, rèn đúc khí giới để chống lại “thiên triều”. Chúng quyết định tổ chức một cuộc tấn công bất ngờ để tiêu diệt hoàn toàn lực lượng của Lê Lợi ngay tại căn cứ Lam Sơn. Nhờ thường xuyên cảnh giác và theo dõi sát mọi động tĩnh của giặc, Lê Lợi đã nắm trước được kế hoạch của chúng.



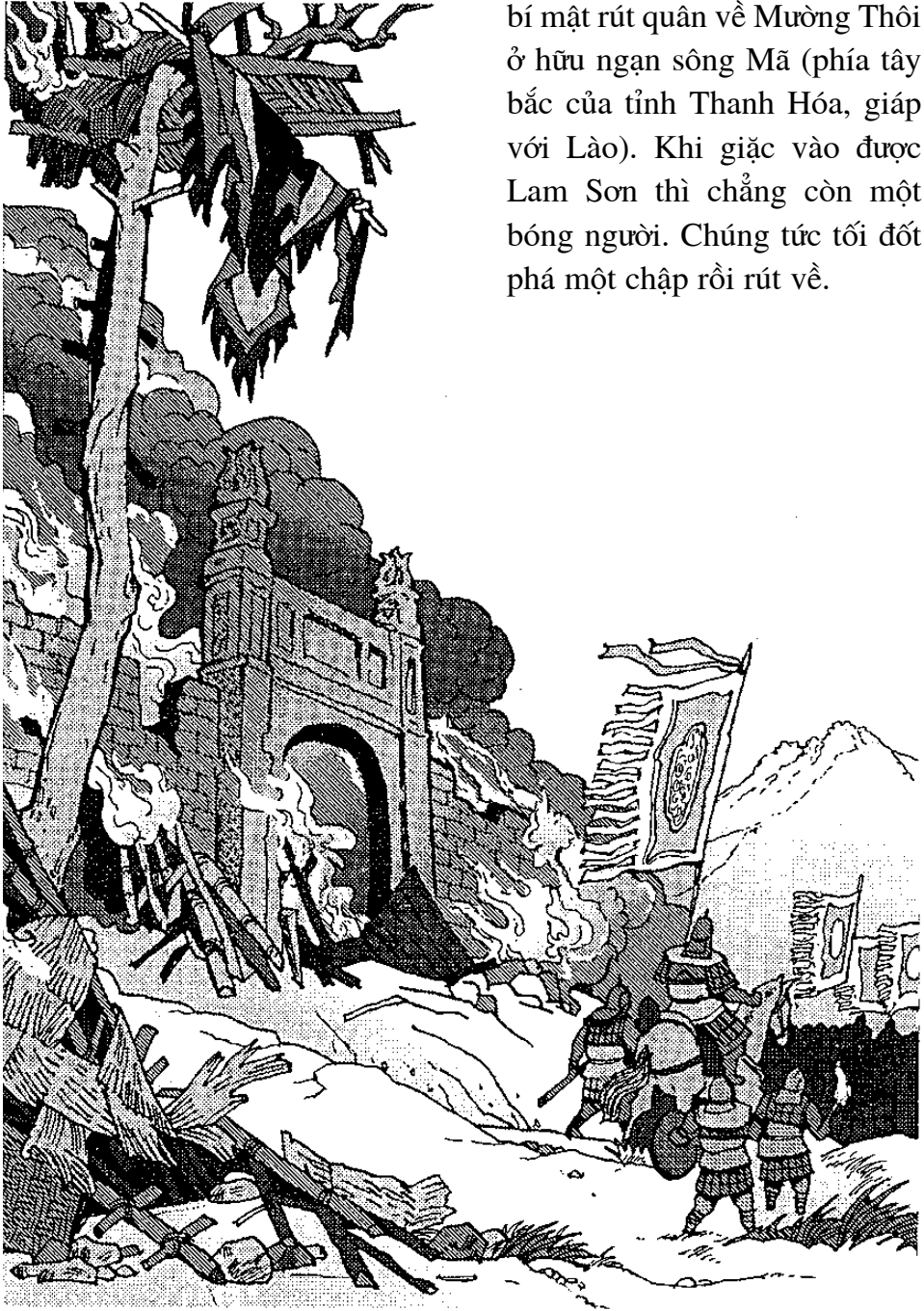


Bộ chỉ huy Lam Sơn được triệu tập nhóm họp. Lê Lợi nói: “Tin mật báo cho hay, mờ sáng ngày mai giặc sẽ xuất quân để đánh một trận lớn vào đây. Như vậy, khoảng đầu giờ Mùi (theo âm lịch là từ 13 đến 15 giờ chiều), chúng sẽ có mặt ở Bến Bồng. Nay, nếu ta đem quân ra mai phục sẵn ở đó thì nhất định sẽ phá được. Các người nghĩ sao?”. Các tướng đều cho lời ấy là phải và lập tức đem quân đi bố trí.



Quả nhiên đến đầu giờ Mùi, quân Minh kéo đến Bến Bồng. Nghĩa quân Lam Sơn do các tướng Nguyễn Lý, Phạm Ván và Lý Triện chỉ huy, từ các trận địa mai phục đổ ra bao vây quân giặc vào giữa mà đánh. Bị bất ngờ, giặc lúng túng chống đỡ, nhóm bị giết, nhóm bị bắt sống. Lam Sơn thu được trên một trăm con ngựa và vô số khí giới.

Tuy bị thua đau nhưng ý quân số đông, giặc lại chấn chỉnh đội ngũ tiếp tục tiến vào Lam Sơn. Lê Lợi và các tướng bí mật rút quân về Mường Thôi ở hữu ngạn sông Mã (phía tây bắc của tỉnh Thanh Hóa, giáp với Lào). Khi giặc vào được Lam Sơn thì chẳng còn một bóng người. Chúng tức tối đốt phá một chập rồi rút về.



Bấy giờ có tên việt gian là Cầm Lăn, vì cam tâm làm tay sai cho giặc nên được chúng cho làm Tri phủ Quỳnh Châu (vùng giáp giữa Thanh Hóa và Nghệ An). Hắn mật báo cho quân Minh biết lực lượng của Lê Lợi đang tập trung ở Muồng Thôi. Các tướng Minh là Lý Bân, Phương Chính được Cầm Lăn dẫn lối, lập tức bí mật xuất binh.



Và một lần nữa, nhờ cảnh giác cao độ, quân Lam Sơn thoát khỏi sự truy kích của giặc. Sau khi đến Mường Thôi, biết giặc đuổi theo, Lê Lợi đã xem xét địa thế và sai các tướng Nguyễn Lý, Phạm Vấn, Lý Triện tổ chức mai phục ở Bồ Mộng để cầm chân giặc để lực lượng có thời gian rút đi nơi khác.



Quân Minh đã bị chặn đứng ở Bồ Mộng, không sao tiến lên được. Sau khi tiêu diệt hơn 300 tên giặc, toán quân phục kích rút đi. Lúc ấy, giặc mới tiến vào được Mường Thôi, nhưng cũng chẳng khác gì ở Lam Sơn trước đó, nghĩa quân của Lê Lợi đã rút đi từ lâu.



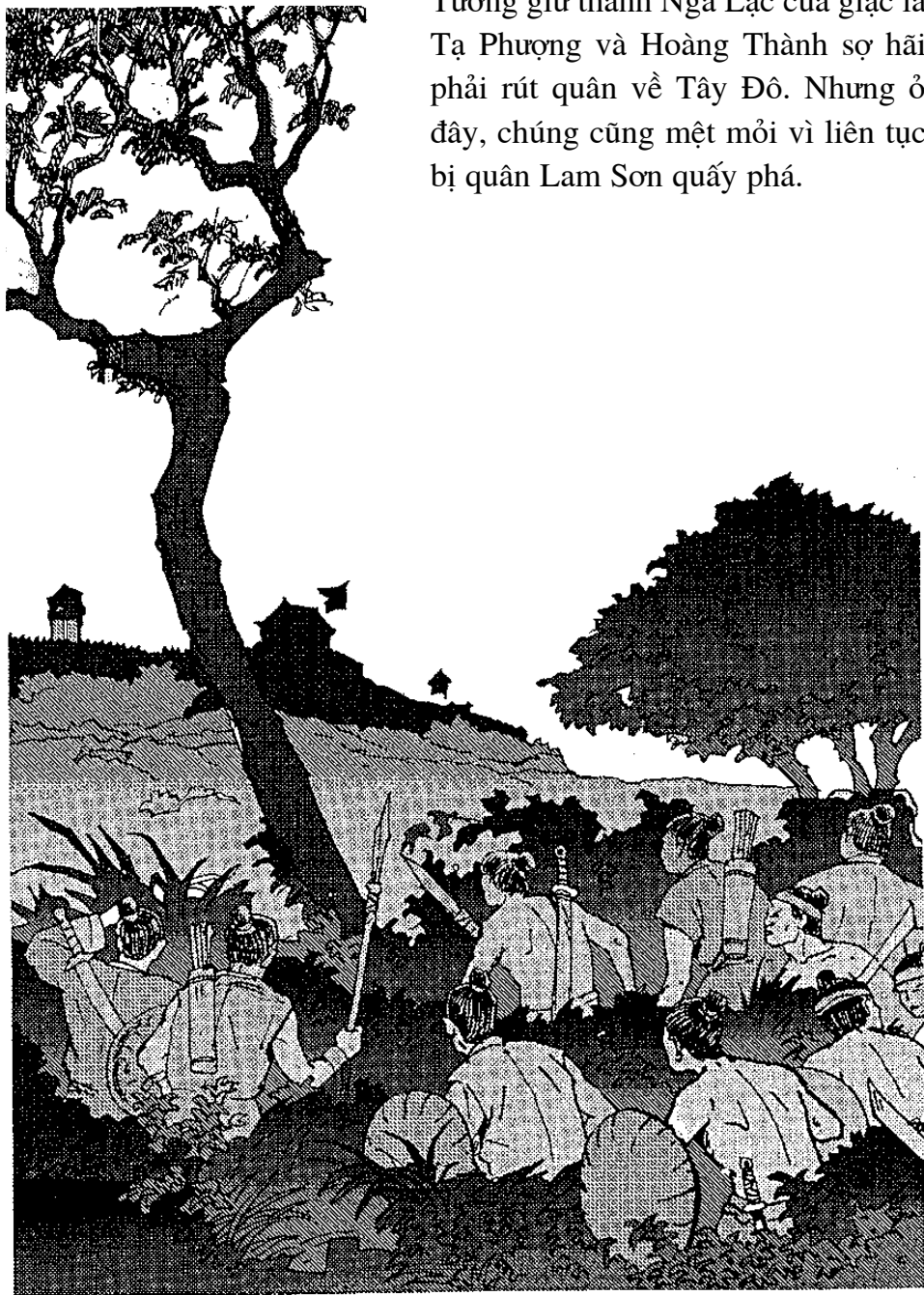


Sau khi rút khỏi Mường Thôi, Lê Lợi lại bố trí mai phục ở ngay Bồ Thi Lang (một vị trí gần Mường Thôi), sẵn sàng chờ giặc tới. Đích thân Lê Lợi chỉ huy trận đánh này. Về phía giặc, sau khi vô huyệt quân Lam Sơn ở Mường Thôi, nghe tin nghĩa quân đang ở Bồ Thi Lang chúng cũng tốc tiến đến đây với hy vọng bắt sống Lê Lợi.

Trong lúc vội vàng, giặc sa vào trận địa phục kích lúc nào không hay. Từ trên triền núi, quân Lam Sơn ồ ạt xông ra. Một trận mưa tên tẩm thuốc độc trút xuống, sau đó là cây, đá lăn ào ào vào đầu quân Minh. Hơn một ngàn tên giặc bị giết tại chỗ. Lý Bân, Phương Chính sợ hãi bỏ chạy thực mạng. Lê Lợi cho quân truy đuổi đến sáu ngày mới thôi.



Sau trận này, Lê Lợi rút về đóng ở Ba Lãm, vừa củng cố đồn lũy, vừa cho quân khiêu chiến để kéo giặc ra khỏi thành trì của chúng mà diệt. Tướng giữ thành Nga Lạc của giặc là Tạ Phụng và Hoàng Thành sợ hãi phải rút quân về Tây Đô. Nhưng ở đây, chúng cũng mệt mỏi vì liên tục bị quân Lam Sơn quấy phá.



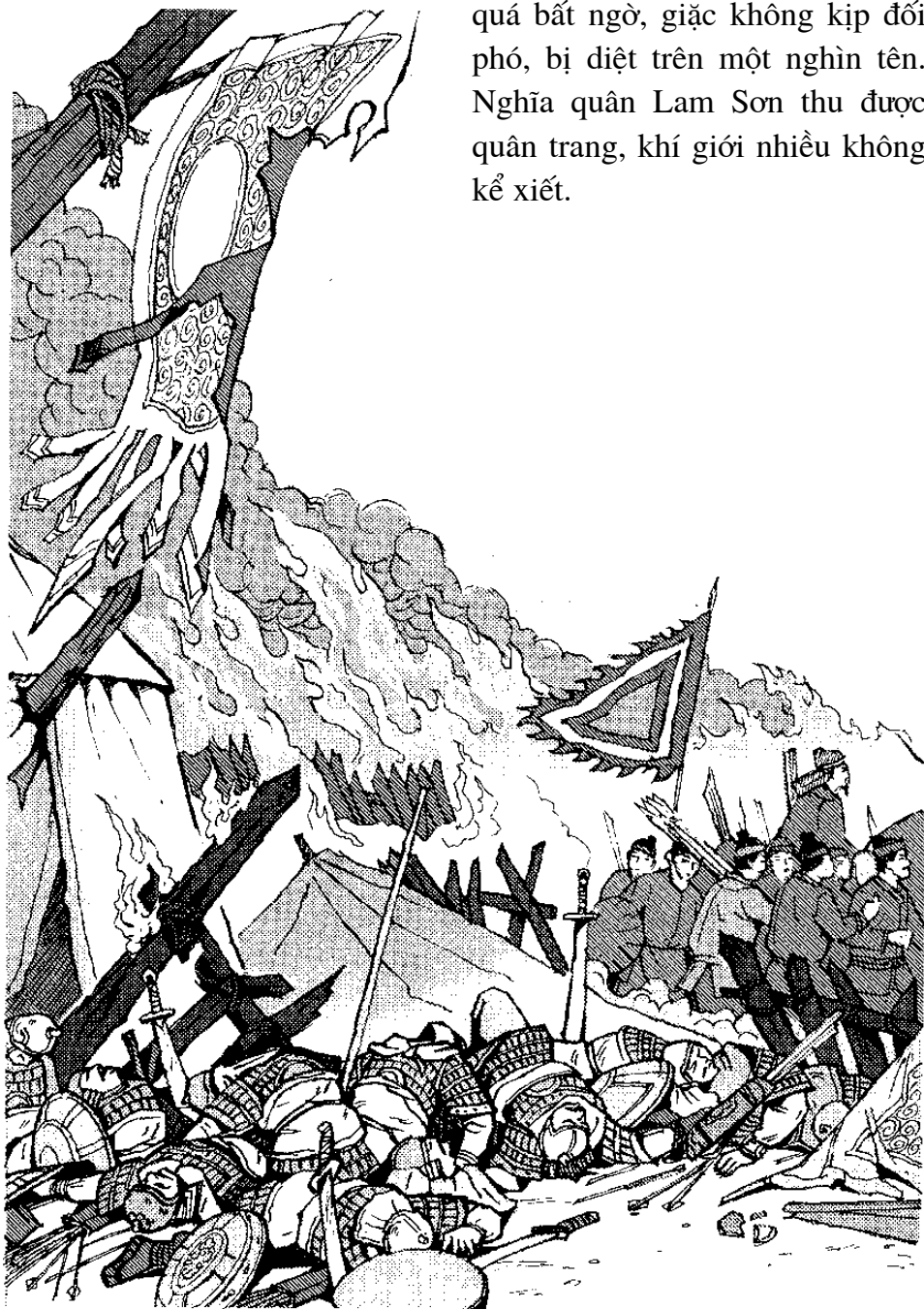
Khi giặc đang cố thủ trong thành Tây Đô, Lê Lợi cho một đạo quân tiến ra đánh đồn Quan Du (thuộc huyện Quan Hóa, Thanh Hóa ngày nay). Đây là trận đánh có quy mô lớn của nghĩa quân Lam Sơn, tiêu diệt hơn một ngàn lính giặc. Trận Quan Du khiến thanh thế của Lam Sơn ngày một tăng, dân các địa phương nô nức kéo đến ứng nghĩa.



Cuối năm 1421, thấy nguy cơ mất hẳn đất Thanh Hóa đã quá rõ, tướng giặc là Trần Trí tập hợp đến 10 vạn quân chuẩn bị đánh vào Ba Lãm. Được tin mật báo, bộ chỉ huy Lam Sơn liền họp bàn. Lê Lợi tự tin nói: “Giặc đông, ta ít. Giặc mệt, ta nhàn. Binh pháp nói được thua can hệ ở tướng chứ không phải ở chỗ quân ít hay nhiều. Nay ta lấy thế nhàn để đánh giặc đông, chắc sẽ phá được chúng”.



Bàn định xong, nhân lúc đêm tối, Lê Lợi chia quân đánh úp doanh trại giặc. Quân Lam Sơn reo hò ầm ĩ và uy hiếp đối phương. Vì quá bất ngờ, giặc không kịp đối phó, bị diệt trên một nghìn tên. Nghĩa quân Lam Sơn thu được quân trang, khí giới nhiều không kể xiết.





Tuy tổn thất nặng nề nhưng giặc cũng biết rõ lực lượng Lam Sơn không đông. Chúng lập tức chấn chỉnh đội ngũ để truy đuổi. Trong khi đó, sau khi thu quân, Lê Lợi cũng dự đoán rằng quân Minh đã chuẩn bị lực lượng từ trước, nay lại bị đòn đau nên thế nào cũng tiến đánh, vì thế ông đã chủ động cho các tướng mai phục sẵn ở Đèo Ống (tức Ứng Hải, một địa điểm nằm ở tả ngạn sông Mã).

Vào khoảng giờ Ngọ (tức từ 11 đến 13 giờ trưa), quân Minh lọt vào ổ mai phục. Lê Lợi phát lệnh tấn công. Những tảng đá lớn từ trên đỉnh đèo được quân Lam Sơn bắn xuống, đè chết vô số giặc. Khi nghĩa quân ồ ạt xông ra, giặc hết hoảng tháo chạy.



Giữa lúc thanh thế nghĩa quân đang lên cao, khó khăn bất ngờ ập đến. Đó là việc Lộ Văn Luật, người huyện Thạch Thất (Hà Nội ngày nay), dẫn quân Ai Lao vào đánh úp. Khi quân Minh sang cướp nước ta, ai cũng căm hận, nhưng y lại cam tâm làm tay sai cho chúng. Tuy Lý Bân ban cho Luật chức tước nhưng chưa bao giờ tin cậy y.

Năm 1419, Lý Bân đem quân vào Nghệ An đàn áp dân ta thì Luật cũng đi theo. Nhưng thấy Lý Bân không tin tưởng mình, Luật vừa sợ, vừa giận nên tìm cách trốn về quê.



Lý Bân lập tức sai quân về Thạch Thất bắt, giết mẹ và anh em thân thuộc của Luật. Luật may mắn thoát được. Giặc rút rồi, Luật thừa cơ vận động dân chúng Thạch Thất đứng dậy chống giặc nhưng Lý Bân lại cho quân đàn áp. Chúng giết người, đốt nhà rất dã man khiến bà con phải chạy trốn vào hang Phật Tích (hang Sài Sơn hay hang Chùa Thầy) và hang An Sầm.



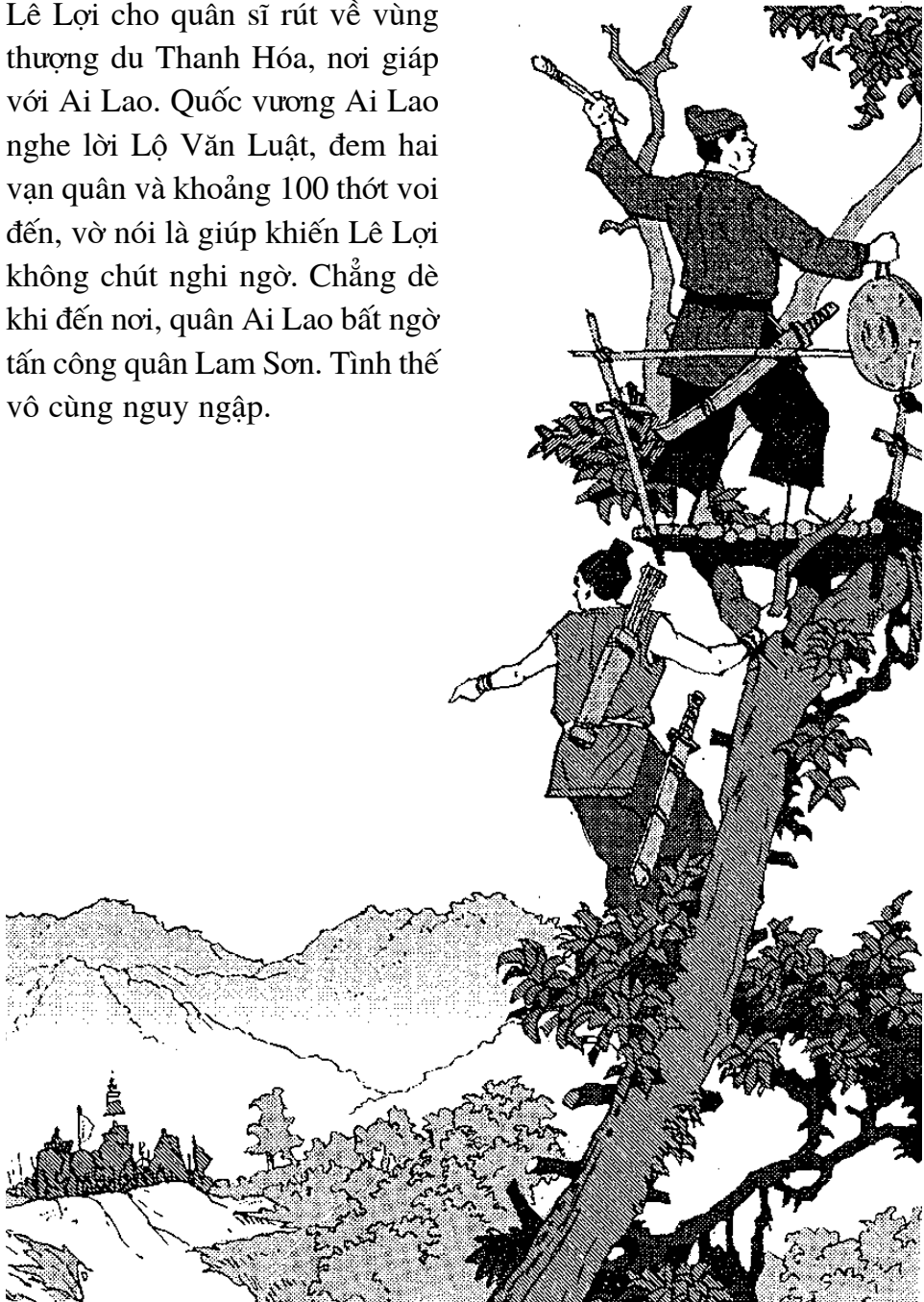


Khi thấy dân chúng đã vào hang, Lý Bân hạ lệnh lấy củi chất đầy bên ngoài rồi nổi lửa đốt. Tất cả những người trốn trong đó đều thiệt mạng. Một lần nữa Luật lại may mắn thoát chết. Y trốn sang Ai Lao và được quốc vương Ai Lao dung dưỡng.

Trước khi Lộ Văn Luật sang Ai Lao, Bình Định vương Lê Lợi có mối quan hệ rất tốt với quốc vương của nước này. Vì thế, Lê Lợi thật sự an tâm về vùng biên giới phía tây, định lúc cần có thể lấy đó làm căn cứ để đối phó với quân Minh. Khi Luật sang, những tướng biết rõ dã tâm của quân Minh thì y ủng hộ cuộc kháng chính nghĩa của Lam Sơn. Nào ngờ, y lại tìm cách dèm pha khiến vua Ai Lao thay đổi hẳn thái độ với Lê Lợi.



Bấy giờ, sau trận Đèo Ống, quân Minh tập trung lực lượng truy kích quân Lam Sơn khiến nghĩa quân bị tổn thất nặng. Lê Lợi cho quân sĩ rút về vùng thượng du Thanh Hóa, nơi giáp với Ai Lao. Quốc vương Ai Lao nghe lời Lộ Văn Luật, đem hai vạn quân và khoảng 100 thớt voi đến, vờ nói là giúp khiến Lê Lợi không chút nghi ngờ. Chẳng dè khi đến nơi, quân Ai Lao bất ngờ tấn công quân Lam Sơn. Tình thế vô cùng nguy ngập.





Tuy bị động nhưng Lê Lợi vẫn nhanh chóng ra lệnh phản công, ai lập công lớn sẽ được trọng thưởng. Địch thân Lê Lợi đánh trống thúc trận. Quân Lam Sơn hăng hái xáp tới. Quân Ai Lao bị đại bại, bị chém tại chỗ gần một vạn tên. Sau đó quân Lam Sơn về lại Da Quan (Quan Hóa).

Bị đại bại nhưng quốc vương Ai Lao vẫn không ngừng nuôi mộng trả thù. Nhân cơ hội đó, cuối năm 1422, quân Minh hợp mưu với Ai Lao, chia thành hai mũi, đánh vào mặt trước và mặt sau của nghĩa quân. Vì thế, tuy đã anh dũng chống trả, quân Lam Sơn vẫn không sao đẩy lùi được giặc. Lê Lợi phải hạ lệnh lui quân về Khôi Huyện (vùng phía bắc huyện Thạch Thành, Thanh Hóa).



Bảy ngày sau khi nghĩa quân về đến Khôi Huyện, quân Minh cũng kéo đến. Lê Lợi bàn với các tướng: “Giặc bao vây bốn mặt, ta không còn chạy đường nào được. Binh pháp cho tình thế này là bị dồn vào tử địa đây. Nay nếu ta quyết liều chết để đánh thì may còn sống, nếu không liều chết để đánh thì sẽ bị tiêu diệt tất cả”. Tướng sĩ lấy làm cảm kích đều hứa sẽ liều chết để đánh.



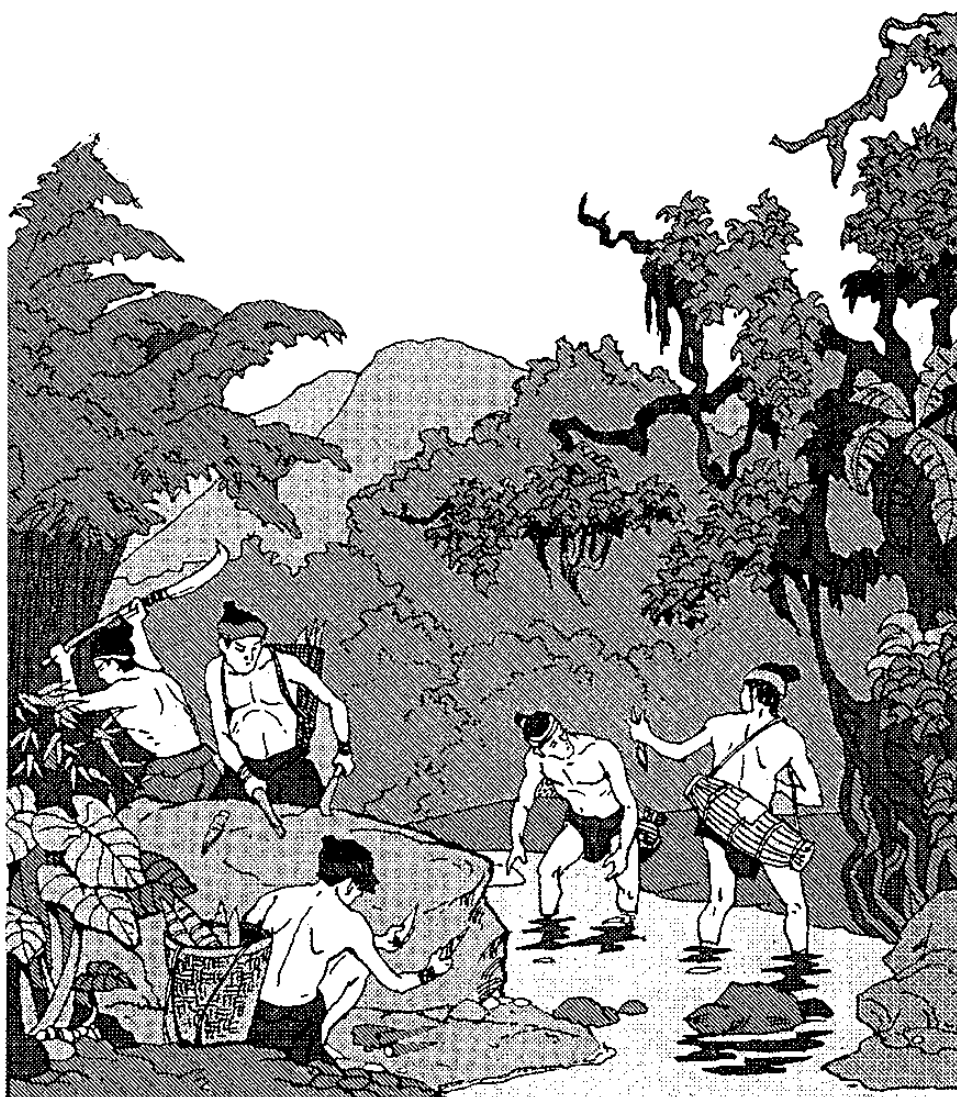
Trong trận này, một lần nữa, các tướng Nguyễn Lý, Phạm Vấn, Lê Văn Linh, Lý Triện lại lập công to, tiêu diệt hơn một nghìn tên giặc, thu được hơn một trăm con ngựa. Tướng giặc Phùng Quý bị bắt sống, hai tướng chỉ huy trận này là Trần Trí, Mã Kỳ bỏ chạy tháo thân. Quân Lam Sơn thắng lớn nhưng thấy khó bề ở lại Khôi Huyện nên lại rút lên Linh Sơn.



Quân Minh tuy bị tổn thất nặng nề trong trận Khôi Huyện nhưng vừa tức tối vì liên tiếp bị thất bại, quyết tâm truy đuổi và tiêu diệt cho bằng được nghĩa quân Lam Sơn. Chúng thiết lập vòng vây lâu dài và chặt chẽ trên tất cả những ngả vào Linh Sơn với hy vọng dồn Lam Sơn vào chỗ đói khát, bệnh tật để cuối cùng phải đầu hàng.



Lần này, quân Lam Sơn phải trụ lại trên Linh Sơn đến hơn hai tháng. Tuy trước kia nghĩa quân đã bí mật cất giấu ở đây một số lương thực và thực phẩm, nhưng vì lực lượng đông nên mọi thứ cạn kiệt một cách nhanh chóng. Lê Lợi phải cho quân tỏa đi khắp núi, săn bắn, bắt cá, tìm củ, măng tre và tất cả thứ gì ăn được để chống đỡ với cái đói. Ngoài ra, Lê Lợi còn hạ lệnh giết bốn con voi và cả con ngựa chiến của mình để làm thức ăn.



Đói khát, bệnh tật đã khiến một số quân sĩ hoang mang, dao động, thậm chí tìm cách trốn khỏi nghĩa quân. Để chấn chỉnh, Lê Lợi buộc phải áp dụng biện pháp trừng trị nghiêm khắc những người đào ngũ. Một lần, có viên tùy tướng tên là Khanh (không rõ họ), tìm đường bỏ trốn, bị quân sĩ bắt được, Lê Lợi đã hạ lệnh chém đầu. Nhờ thế, tinh thần của nghĩa quân được củng cố, không còn người đào ngũ nữa. Trước tình hình bất lợi như thế, Lê Lợi và các tướng ngày đêm luận bàn, quyết tìm cho được cách tốt nhất để bảo toàn lực lượng.



Bấy giờ, sau hơn hai tháng bao vây, quân Minh đã tỏ ra mệt mỏi. Lính do thám trở về cho hay, tiếng ca thán, oán trách trong hàng ngũ quân Minh ngày một nhiều, Bộ chỉ huy Lam Sơn họp bàn và quyết định tạm thời hòa hoãn với quân Minh để có điều kiện củng cố lại lực lượng.



Được sự ủy thác của Lê Lợi và bộ chỉ huy, Nguyễn Trãi đã viết *Tố oan thư*^{*} gửi cho Tổng binh của giặc là Trần Trí. Hai tướng của Lê Lợi là Trần Vận và Lê Trăn được lệnh mang *Tố oan thư* cùng một số phẩm vật và năm đôi ngựa voi đến dinh trại giặc.

** Thư kêu oan, nội dung đổ hết lỗi cho ngụy quan Đỗ Phú và Lương Nhữ Hốt vì hiềm khích mà giết hại họ hàng, đào mồ mã tổ tiên của Lê Lợi... khiến Lê Lợi vì oan ức mà phải chống lại.*



Mở bức *Tổ oan thư*, Tổng binh Trần Trí có vẻ đắc thắng. Nhưng vốn xảo huyệt, hắn cũng muốn mượn tiếng hòa hoãn để mua chuộc và dụ dỗ Lê Lợi cùng các tướng sĩ Lam Sơn, qua đó dồn sức để đàn áp những cuộc khởi nghĩa nhỏ đang nổ ra ở nhiều nơi khác. Vì thế, hắn hạ lệnh cho Trần Vận và Lê Trần được tự do trở về Lam Sơn.

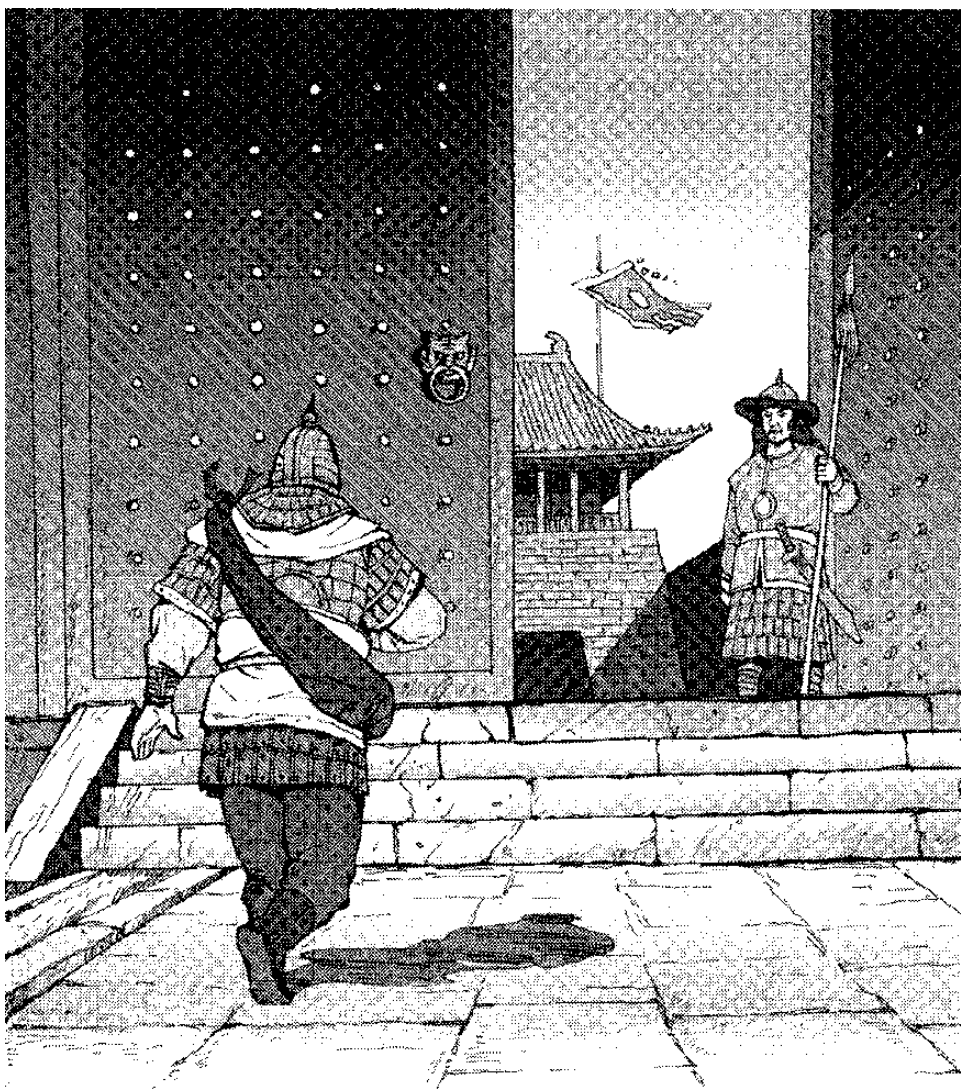


Sau vài lần cho sứ giả qua lại nữa, đến ngày mùng 10 tháng 4 năm Quý Mão (1423), Lê Lợi và Trần Trí đã đạt được một hòa ước. Trong đó, quân Minh phải rút khỏi Linh Sơn, Lam Sơn cùng những khu vực lân cận. Lê Lợi và các nghĩa sĩ lại trở về căn cứ ban đầu của mình là đất Lam Sơn.

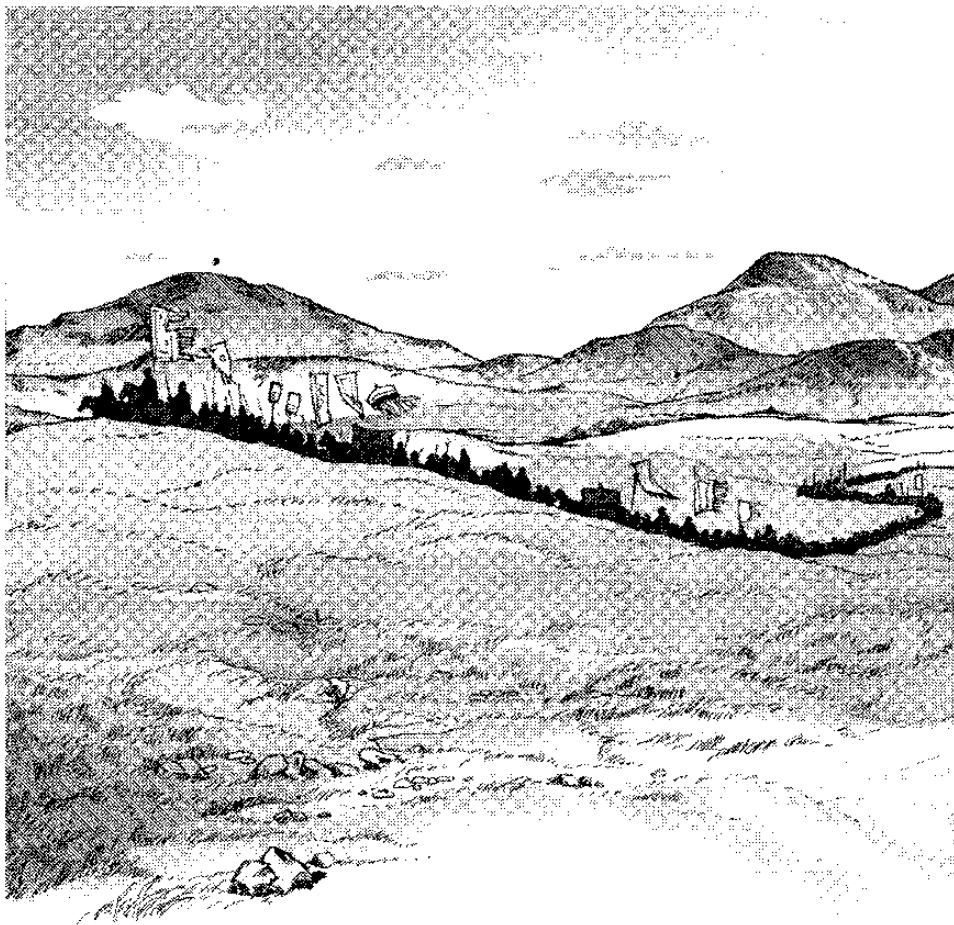


Bấy giờ Lam Sơn đã trở nên hoang tàn và đổ nát, bốn bề chẳng thấy bóng người. Lê Lợi cùng tướng sĩ dốc sức dựng nhà dựng cửa, cày ruộng làm vườn và đắp lại lũy cũ... Tại Lam Sơn lúc này, tuy bề ngoài tỏ ra an phận nhưng bên trong, Lê Lợi, Nguyễn Trãi cùng bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn vẫn âm thầm củng cố lực lượng, lên kế hoạch cho những trận đánh tiếp theo.



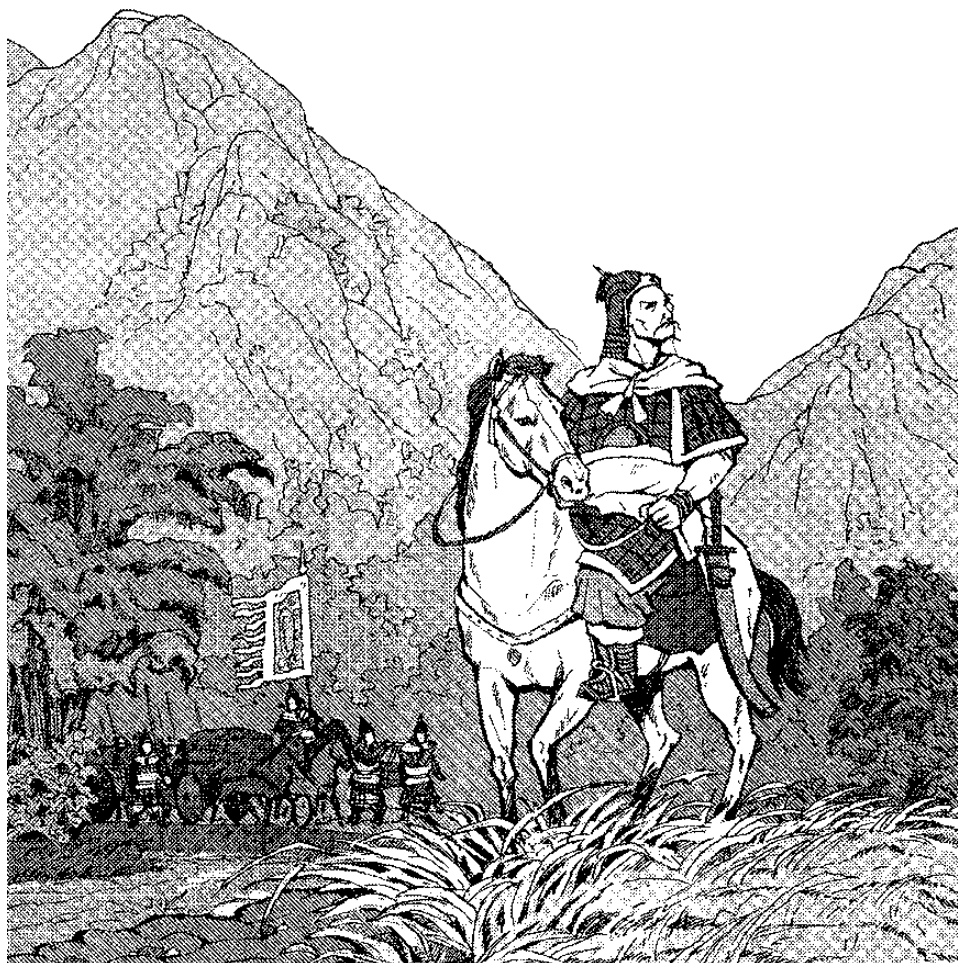


Từ ngày 10 tháng 4 năm Quý Mão (tức ngày 19 tháng 5 năm 1423) giai đoạn hòa hoãn bắt đầu. Nhưng quân đô hộ vẫn chưa thật sự an tâm, bởi chúng chưa rõ triều đình nhà Minh liệu có chấp nhận quyết định này hay không. Để thuyết phục vua Minh, chúng liên tục cho người về Yên Kinh bẩm báo và tâu trình mọi việc.

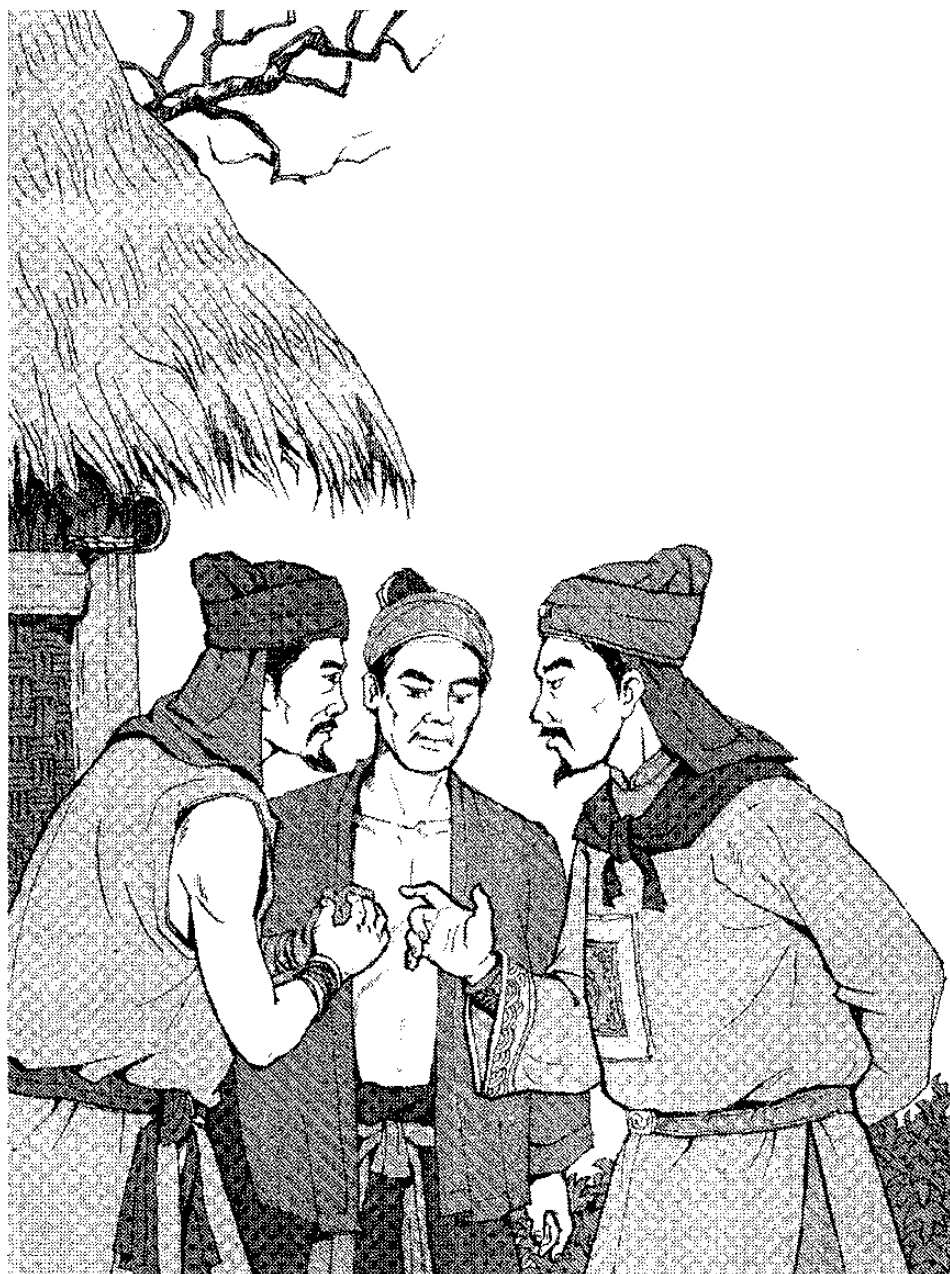


Bấy giờ triều đình nhà Minh đang dồn sức đối phó với Thát Đát và Ngõa Thích (thuộc Mông Cổ ngày nay). Dưới thời trị vì của mình, trong sáu lần đánh nhau, Minh Thành Tổ (1403-1424) đã phải đích thân cầm quân đến năm lần. Chỉ tính riêng cuộc chiến nổ ra năm 1422, nhà Minh đã phải huy động 340.000 con lừa, 177.573 cỗ xe, 235.164 phu vận chuyển và 370.000 thạch lương. Có thể nói, những năm 1422, 1423, 1424 là những năm kinh hoàng nhất trong những trang sử của nhà Minh.

Trước tình hình đó, vua Minh tạm chấp nhận đề nghị xin giảng hòa với Lê Lợi. Tuy nhiên, vua Minh cũng không quên hạ lệnh cho đám quan lại và tướng lĩnh đô hộ phải tìm cách để từng bước làm tan rã lực lượng Lam Sơn. Thực hiện chỉ dụ ấy, chúng cho quân chở lương thực, thực phẩm và một số phương tiện sản xuất đến tặng nghĩa quân rồi lên quan sát mọi động tĩnh của Lam Sơn.



Biết rõ mưu mô của giặc, Lê Lợi vừa tiếp đãi bọn sứ giả một cách ân cần, vừa bí mật hạ lệnh cho các tướng sĩ phải khéo cải trang làm dân thường để che mắt chúng. Tất cả lương thực, thực phẩm và đặc biệt là vũ khí được cất giấu một cách cẩn thận. Vì vậy, âm mưu do thám của quân Minh thất bại.



Tương kế tựu kế, Lê Lợi cũng mượn tiếng hòa hiếu và thân thiện, cho người đến dinh trại của giặc vừa tặng quà đáp lễ, vừa nhân đó quan sát tình hình của đối phương. Nhiều người đã được Lê Lợi trao trách nhiệm thực hiện sứ mạng khó khăn này, nhưng người được cử làm sứ giả của Lê Lợi nhiều lần nhất vẫn là Lê Trăn.



Để mua chuộc Lê Lợi và chia rẽ nghĩa quân, vua Minh còn ban cho Lê Lợi chức Tri phủ Thanh Hóa^(*). Đây là một chức vụ lớn, giặc không dễ gì ban cho ai. Theo lẽ, Tri phủ Thanh Hóa phải ra tận thành Thanh Hóa để làm việc, như vậy cũng có nghĩa là chấp nhận sự giám sát thường xuyên của kẻ thù. Lê Lợi không từ chối chức tước mà vua Minh ban cho, nhưng lại khôn khéo tìm đủ mọi lý do để ở lại Lam Sơn, quyết không xa rời nghĩa quân.

** Bấy giờ, phủ Thanh Hóa quản lĩnh tất cả ba châu, mỗi châu đều gồm 4 huyện và 7 huyện trực thuộc.*



Để tránh những xung đột xảy ra do việc Lê Lợi không đi nhận chức, Nguyễn Trãi đã nhân danh Lê Lợi, gửi thư cho giặc, vừa “chân thành cảm ơn ân huệ của vua Minh” vừa kín đáo bộc lộ chí lớn của chủ tướng: *“Tôi một đời thích danh tiết và trọng trung nghĩa, vì ghét kẻ tiểu nhân mà dám dấn thân trong chốn hoạn nạn, dầu trong cảnh gian nan nguy hiểm vẫn không nhục chí bình sinh”*.



Trong khi phải lo đối phó với giặc bằng con đường ngoại giao, Lê Lợi vẫn không quên nhanh chóng tổ chức sản xuất quân lương. Người chỉ huy công việc này là Ngô Tử. Ông và cha là Ngô Kinh, nối nhau làm gia nô cho gia đình Lê Lợi nắm vững cách tổ chức sản xuất nên công việc rất có hiệu quả. Trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa, chính Ngô Tử cũng được giao nhiệm vụ này.



Nghĩa quân ngày đêm chăm lo sản xuất, luyện tập võ nghệ chờ ngày dấy nghĩa. Chỉ sau hai vụ sản xuất, lương thực và thực phẩm của Lam Sơn đã rất dồi dào, đủ để cung cấp cho lực lượng nghĩa quân trong một thời gian khá dài. Lần này, việc tổ chức cất giấu được tiến hành cẩn thận hơn trước. Ngoài ra, nhân dân các địa phương lân cận cũng hồ hởi đóng góp quân lương cho Lam Sơn, anh hùng hào kiệt bốn phương nô nức kéo về tụ nghĩa.





Để tránh sự dò xét của quân Minh, Lê Lợi chia nghĩa quân thành nhiều nhóm nhỏ, bố trí mỗi nhóm ở một nơi riêng biệt, thậm chí ở cách Lam Sơn khá xa. Bởi vậy, quân Minh không biết được tiềm lực thật sự của Lam Sơn, không nắm bắt chính xác ý định của Lê Lợi.

Từ Lam Sơn, Lê Lợi và các tướng ngày ngày bàn bạc, xem xét địa hình chuẩn bị cho kế hoạch tiến công, phòng thủ sau này. Nhiều chiến lũy nhỏ được xây đắp, nhiều địa điểm mai phục được chuẩn bị, nhiều binh pháp được triển khai... Lam Sơn tung bùng khí thế chuẩn bị một cuộc xuất quân mới.



Cũng từ ngày về lại Lam Sơn, tác giả của *Bình Ngô sách* là Nguyễn Trãi ngày đêm trần trọc nghĩ suy, quyết giúp nghĩa quân tìm ra những binh pháp lợi hại hơn. Tại Lam Sơn, Nguyễn Trãi đã sáng tạo ra chiến lược “Đánh vào lòng người” để nhanh chóng huy động được sức mạnh cũng như trí tuệ của tất cả mọi người vào sự nghiệp đuổi giặc cứu nước.



Khi tập hợp lực lượng, Nguyễn Trãi chú ý trước hết đến lớp người mà ông gọi là manh và lệ, tức là những người nghèo khổ nhất. Ngoài quyết tâm đem lại quyền lợi vật chất thiết thân, Lam Sơn còn phải

không ngừng dạy cho họ biết về đại nghĩa của dân tộc, để chính họ tự nguyện tham gia vào sự nghiệp “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”.





Đối với kẻ thù, chiến lược “đánh vào lòng người” chủ yếu lợi dụng, khoét sâu vào những mâu thuẫn vốn có trong nội bộ của chúng. Đó là bọn quan lại trong triều đình nhà Minh chỉ biết ra sức hối thúc bọn tướng lĩnh phải đem quân đi xâm lăng bất chấp gian khổ chết chóc. Còn bọn tướng lĩnh đi xâm lăng, những tên phải đóng quân ở xa như Diên Châu, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa... luôn ganh tỵ với bọn đóng ở Thăng Long và những nơi yên bình khác.



Với những người lỡ làm tay sai cho giặc, hoặc bị ép buộc phải cầm vũ khí, đứng trong hàng ngũ của giặc thì từ Lam Sơn, hàng loạt bức thư kêu gọi họ trở về với đại nghĩa dân tộc liên tiếp được gửi đi.

Cứ như vậy, chiến lược “đánh vào lòng người” của Lam Sơn đã tạo được những tác động ngày càng to lớn và mạnh mẽ đối với quân xâm lăng và bè lũ tay sai; tấn công một cách hiệu quả vào những nơi mà quân Lam Sơn chưa đủ khả năng để tấn công tới, khiến cho nội bộ quân Minh dần dần chia rẽ và nghi kỵ lẫn nhau.



Sau hơn một năm, thấy không mua chuộc được Lê Lợi, quân Minh bắt đầu thay đổi thái độ. Chúng cho bắt giam sứ giả Lê Trần, tìm có gây hấn ở nhiều nơi và thực hiện một số cuộc đàn áp qui mô nhỏ. Tình hình ở Thanh Hóa ngày một căng thẳng. Quân Minh tập trung về Thanh Hóa ngày một đông. Quân lương và khí giới được chúng chuyên chở về Thanh Hóa ngày một nhiều. Các thành lũy của giặc nhanh chóng được củng cố.



Mùa thu năm Giáp Thìn (1424), Trần Trí gửi thư về triều đình nhà Minh nói rõ rằng: Lê Lợi tuy bề ngoài thì nói chuyện hòa hiếu và thân thiện nhưng bên trong lại đang âm thầm chuẩn bị lực lượng để hễ có cơ hội thuận tiện thì nổi lên. Chí lớn của Lê Lợi đã thể hiện ngày một rõ ràng, nếu không sớm toan liệu, sợ sẽ gây nguy hại về sau.





Nhưng Minh Thành Tổ chưa kịp có kế sách thì đã qua đời vào tháng 8 năm Giáp Thìn (1424). Vì trong nước còn nhiều khó khăn nên vua kế vị là Minh Nhân Tông (1424-1424), phải hơn một tháng sau khi lên ngôi mới ban hành chính sách cứng rắn đối với nước ta. Không còn “hòa hiếu và thân thiện” nữa, giặc Minh thẳng tay đàn áp nhân dân ta, nhất là khởi nghĩa Lam Sơn.



Sau khi sứ giả Lam Sơn là Lê Trần bị quân Minh bắt giữ, Lê Lợi lập tức quyết định tuyệt giao với giặc, chấm dứt hẳn thời kỳ “hòa hiếu và thân thiện”. Tháng 10 năm 1424, tại Lam Sơn, một hội nghị quân sự cao cấp được triệu tập. Tham dự hội nghị quan trọng này, ngoài các thành viên của bộ chỉ huy, Lê Lợi còn mời thêm một số tướng lĩnh, trong đó có Nguyễn Chích.

Nguyễn Chích sinh năm 1382 tại thôn Mạc, huyện Đông Sơn (Thanh Hóa), trong một gia đình nông dân nghèo. Mồ côi cha từ nhỏ, ông phải đi chăn trâu ở vùng Hoàng Sơn và Nghiêu Sơn (nơi tiếp giáp giữa Thanh Hóa và Nghệ An ngày nay). Trước khi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, Nguyễn Chích từng phát động và lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa ở vùng đất này và lập nên khu căn cứ *Hoàng Nghiêu*. Quân của ông đã nhiều phen khiến giặc Minh phải chống đỡ vất vả.



Năm 1420, Nguyễn Chích đã đem toàn bộ lực lượng của mình về với Lê Lợi khiến cho sức mạnh của Lam Sơn được tăng lên đáng kể. Nguyễn Chích được chỉ định làm tướng tham mưu. Trải qua bốn năm đầy thử thách gian nan (từ năm 1420 đến năm 1424), Nguyễn Chích và các nghĩa sĩ cũ của ông đã thể hiện tinh thần anh dũng chiến đấu, trung thành nên được Lê Lợi cùng bộ chỉ huy Lam Sơn rất tin tưởng.



Trong hội nghị quân sự lần này, Nguyễn Chích đã đóng góp một ý kiến xuất sắc mà sử vẫn gọi là *chiến lược Nguyễn Chích*. Theo ông, nghĩa quân phải tìm được chỗ đứng chân. Tức là phải chiếm được một vùng đồng bằng rộng lớn như Nghệ An mới có thể huy động được sức người và sức của cho cuộc chiến lâu dài.



Ý kiến của Nguyễn Chích được Lê Lợi, Nguyễn Trãi và các tướng lĩnh trong bộ chỉ huy Lam Sơn ủng hộ. Ngay sau đó, Lê Lợi hạ lệnh cho tất cả tướng sĩ gấp rút chuẩn bị tiến quân vào Diễn Châu và Nghệ An, chỉ để lại một lực lượng nghi binh nhỏ để giặc khởi nghi ngờ.



Còn Nguyễn Chích, do đã nắm vững đường đi lối lại nên vừa dẫn đường vừa làm tướng tiên phong. Một giai đoạn hoàn toàn mới của Lam Sơn bắt đầu: Giai đoạn liên tục tấn công và giành được thắng lợi cuối cùng.



Ngày 30 tháng 9 năm Giáp Thìn (tức ngày 12 tháng 10 năm 1424), quân Lam Sơn bất ngờ tấn công vào đồn Bồ Đằng^(*). Đây là đồn lũy mới nhất giặc vừa xây dựng trong thời kỳ hòa hoãn. Chúng hy vọng Bồ Đằng ở gần Lam Sơn sẽ dễ dàng chặn đứng được hoạt động của nghĩa quân về phía nam. Quân Minh sai tên Lương Nhữ Hốt (lúc này đang giữ chức Tham chính) trấn giữ ở đây.

** Trong thư tịch cổ, Bồ Đằng còn được chép là Bồ Tát, là Bát Căng hay Đa Căng. Đất này nay thuộc xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa.*



Bị tấn công bất ngờ, quân giặc ở Bồ Đằng không kịp trở tay chống đỡ. Nghĩa quân Lam Sơn tiêu diệt tại chỗ hơn một nghìn tên^(*), Lương Nhữ Hốt phải bỏ chạy. Được tin cấp báo, quân Minh lập tức sai Hoa Anh, một tên tướng đã từng theo Trương Phụ sang xâm lược nước ta và chỉ huy các đồn như Tây Đô, Cổ Lôi, Nga Lạc (tất cả đều thuộc Thanh Hóa ngày nay) đến tiếp cứu. Quân cứu viện cũng bị quân Lam Sơn đánh tan, Hoa Anh bỏ chạy về tận thành Tây Đô.

** Nay ở làng Chấn Xuyên, xã Thọ Nguyên vẫn còn có một cánh đồng mang tên Đồng Xác. Tương truyền đó là nơi chôn xác giặc bị diệt ở đồn Bồ Đằng thuở ấy.*



Thắng lợi của trận Bồ Đằng có ý nghĩa rất to lớn. Từ đây, nghĩa quân Lam Sơn đã có thể vượt ra khỏi địa bàn chật hẹp của mình ở phía tây Thanh Hóa để mở rộng căn cứ. Lúc này, tinh thần chiến đấu của các tướng sĩ Lam Sơn lên rất cao, ảnh hưởng của Lam Sơn cũng mau chóng lan ra khắp nơi.



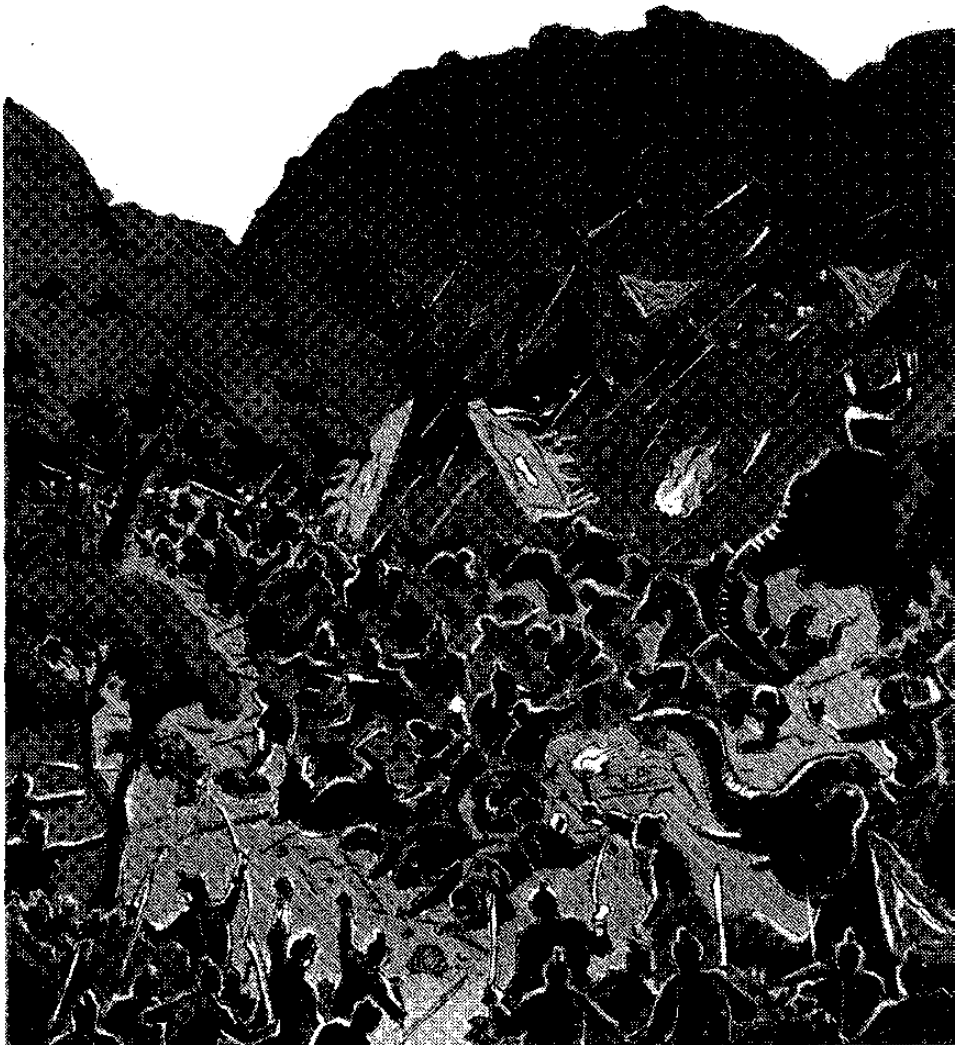


Sau thất bại ở Bồ Đằng, quân Minh đã nắm chắc kế hoạch hành quân về phương nam của Lam Sơn, vì thế chúng tấn công cả từ Bắc vào lẫn từ Nam ra, hòng vây chặt lực lượng Lam Sơn ở Nam Thanh Hóa và Bắc Nghệ An. Mũi tấn công từ Bắc vào do Tổng binh Trần Trí đích thân chỉ huy, dưới trướng là một loạt các tướng lĩnh dày dạn kinh nghiệm trận mạc. Xuất phát từ Tây Đô, cánh quân này gấp rút hành quân về phía nam.

Mũi tấn công từ Nam ra do viên tướng Sư Hựu và tên ngục quan chốt giữ thành Trà Lân là Cầm Bành chỉ huy. Giặc dự tính dồn nghĩa quân Lam Sơn vào vùng có địa hình phức tạp thuộc khu vực xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An ngày nay để phối hợp cả hai cánh quân cùng tiêu diệt đối phương. Đây là mưu mô hết sức nham hiểm của giặc.



Đổi lại, Lê Lợi lợi dụng đêm tối cho quân mai phục ở hai bên sườn núi, đồng thời cho một toán quân nhỏ ra khiêu chiến. Chủ quan có lực lượng mạnh, quân giặc ráo riết truy đuổi nghĩa quân nên bị rơi vào trận địa mai phục. Một cuộc ác chiến xảy ra. Quân Minh vì trời tối lại quá bất ngờ nên đại bại. Giặc bị giết tại chỗ hơn hai nghìn tên, trong số đó có cả tướng giữ chức Đô ty là Trần Trung.



Giặc hốt hoảng tháo chạy toán loạn về hai ngả mà chúng vừa kéo đến. Lê Lợi hạ lệnh cho quân sĩ xây thành lũy, chặn cánh quân từ phía bắc có thể đánh quật trở lại. Thành này, nay thuộc địa phận xã Tam Hợp (Quỳ Hợp, Nghệ An), nhân dân thường gọi là Bãi Dinh. Thành có hình thang vuông, đáy ngắn 220m, đáy dài 290m, cạnh vuông 61,5m, bề còn lại chủ yếu dựa vào vách núi. Với bức thành này, việc lưu thông giữa vùng Tây Thanh Hóa vào phía nam kể như bị khóa chặt, giặc rất khó tiếp ứng cho nhau.



Sau đó, để lại một đạo quân chốt giữ Bãi Dinh, Lê Lợi đưa lực lượng tiếp tục tiến về phía nam, mục tiêu đầu tiên là đánh vào Trà Lân. Bấy giờ, Chăm Bành đã rút về cố thủ thành Trà Lân còn Sư Hựu thì lập doanh trại ở Trịnh Sơn (nay thuộc xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông, Nghệ An) án ngữ ngay đường tiến quân của Lam Sơn. Muốn đánh Trà Lân, hiển nhiên quân Lam Sơn phải đánh Trịnh Sơn trước.



Đây là một trận đặc biệt khó khăn bởi Trịnh Sơn chỉ cách Trà Lân khoảng 10 cây số, nếu không đánh nhanh diệt gọn thì giặc ở Trà Lân sẽ ra tiếp ứng. Vì vậy, Lê Lợi hạ lệnh tuyệt đối bí mật, làm như định đánh Trà Lân rồi bất ngờ tấn công Trịnh Sơn. Giặc chưa kịp chống đỡ thì đã thất bại. Lam Sơn tiêu diệt hơn một nghìn tên, giết được tướng giặc là Thiên hộ Trương Bản. Sư Hựu vội vã đem tàn quân tháo chạy về thành Nghệ An, bỏ mặc Cẩm Bành tại Trà Lân.



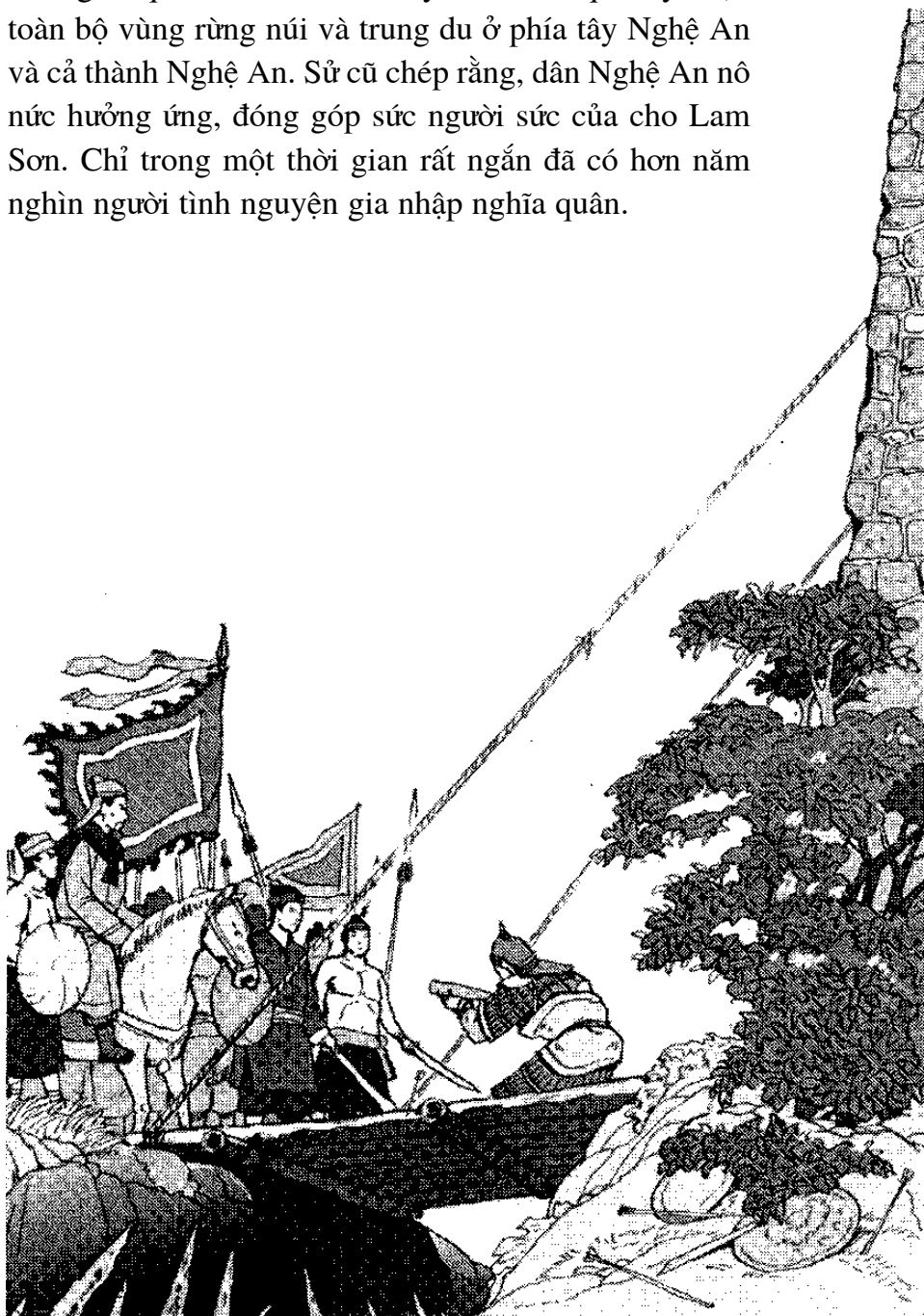
Thành Trà Lân nằm trên một ngọn đồi khá cao thuộc địa phận xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, Thành cấu trúc theo hình chữ Á (𡵈), thứ tự từ ngoài vào là: rào tre, hào sâu và thành cao. Chu vi thành chừng hai cây số (nay vẫn còn dấu tích). Trong thành có hơn một nghìn lính, chủ yếu là ngụy quân. Cây có quân đông, thành lũy kiên cố, Cầm Bành đóng chặt cửa thành cố thủ để chờ viện binh. Lê Lợi quyết định cho quân xiết chặt vòng vây.





Dù tập trung ở thành Nghệ An rất đông, biết rõ Cẩm Bành đang bị bao vây rất nguy khốn nhưng quân Minh không dám cho quân tiếp cứu. Giặc bày kế thương lượng hồng cứu nguy cho Cẩm Bành. Chúng thả Lê Trăn nhờ cầm thư trao cho Lê Lợi xin nối lại hòa ước. Lê Lợi cũng sai người viết thư, ý nói cũng muốn cùng lực lượng của mình trở về Thanh Hóa, nhưng Cẩm Bành cố ý ngăn cản, xin cho người lên thuyết phục Cẩm Bành chịu mở đường cho đi. Thư viết, được để trên bè chuối, thả xuống suối cho trôi đến dinh trại giặc.

Nhận được thư, Phương Chính sai Trần Đức Nhị đến thành Trà Lân buộc Cẩm Bành phải giảng hòa với Lê Lợi. Bức hàng được thành Trà Lân là một thắng lợi lớn của nghĩa quân Lam Sơn. Từ đây, Lam Sơn quản lý được toàn bộ vùng rừng núi và trung du ở phía tây Nghệ An và cả thành Nghệ An. Sử cũ chép rằng, dân Nghệ An nô nức hưởng ứng, đóng góp sức người sức của cho Lam Sơn. Chỉ trong một thời gian rất ngắn đã có hơn năm nghìn người tình nguyện gia nhập nghĩa quân.



Sau khi lấy được thành Trà Lân, Lê Lợi vẫn mượn có giảng hòa, sai sứ giả đi lại giao thiệp với quân Minh tại Nghệ An để ngầm dò thám thực lực và cách bố phòng của chúng. Muốn có thời gian củng cố lực lượng, Lê Lợi cho người đến nói với quân Minh là mình có thù riêng với Tham chính Lương Nhữ Hốt nên lần trước không thể nhận chức Tri phủ Thanh Hóa mà triều đình nhà Minh đã ban cho, nay xin nhận chức Tri châu ở Trà Lân vậy.



Nhưng lúc này, do muốn mau chóng ổn định tình hình Đại Việt, triều đình nhà Minh đã cử Thượng thư bộ Binh Trần Hiệp sang cầm đầu chính quyền đô hộ ở nước ta. Trần Hiệp mang theo chiếu chỉ của vua Minh cho Trần Trí vẫn được giữ chức Tổng binh nhưng buộc phải tiêu diệt cho bằng được nghĩa quân Lam Sơn ngay trong mùa xuân năm 1426. Đọc xong chiếu chỉ, Trần Trí vội tập trung binh lực về thành Nghệ An để chuẩn bị đánh vào Trà Lân.

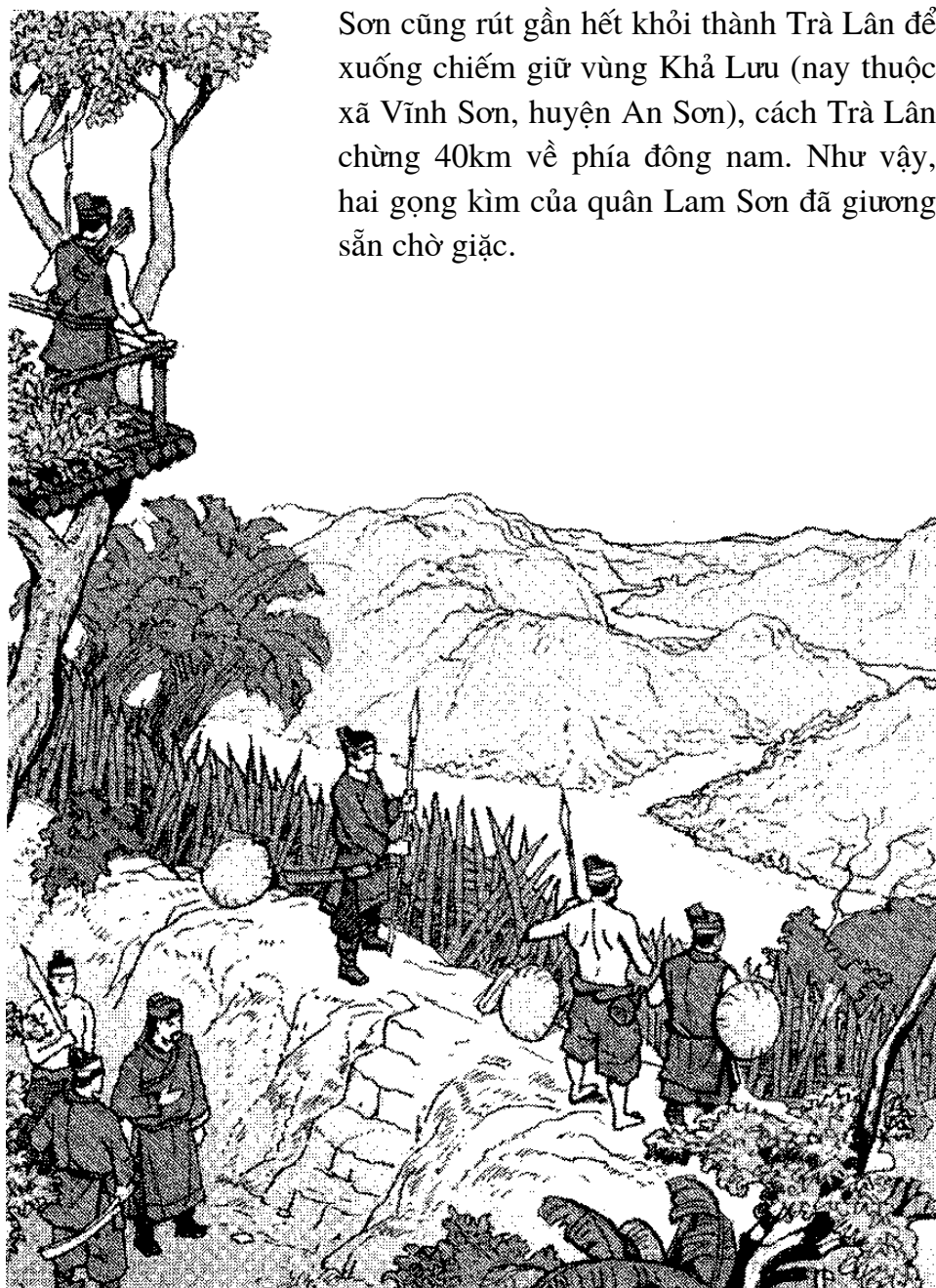


Trước một đạo quân đông như vậy, Lê Lợi bàn tính với các tướng: “Giặc đông, ta ít. Lấy ít mà đánh đông chỉ có ở nơi hiểm yếu mới mong thủ thắng. Binh pháp nói rằng phải như người đến chứ đừng để người như mình”. Rồi ông giao cho tướng Đinh Liệt chỉ huy hai nghìn quân tiến xuống đánh chiếm Đỗ Gia (thuộc Hương Sơn, Hà Tĩnh ngày nay). Đây là đất hiểm ở phía tây nam, cách thành Nghệ An không xa. Đỗ Gia sẽ là gọng kìm thứ hai, vừa buộc quân Minh chia nhỏ lực lượng, vừa sẵn sàng phối hợp để đánh thành Nghệ An.

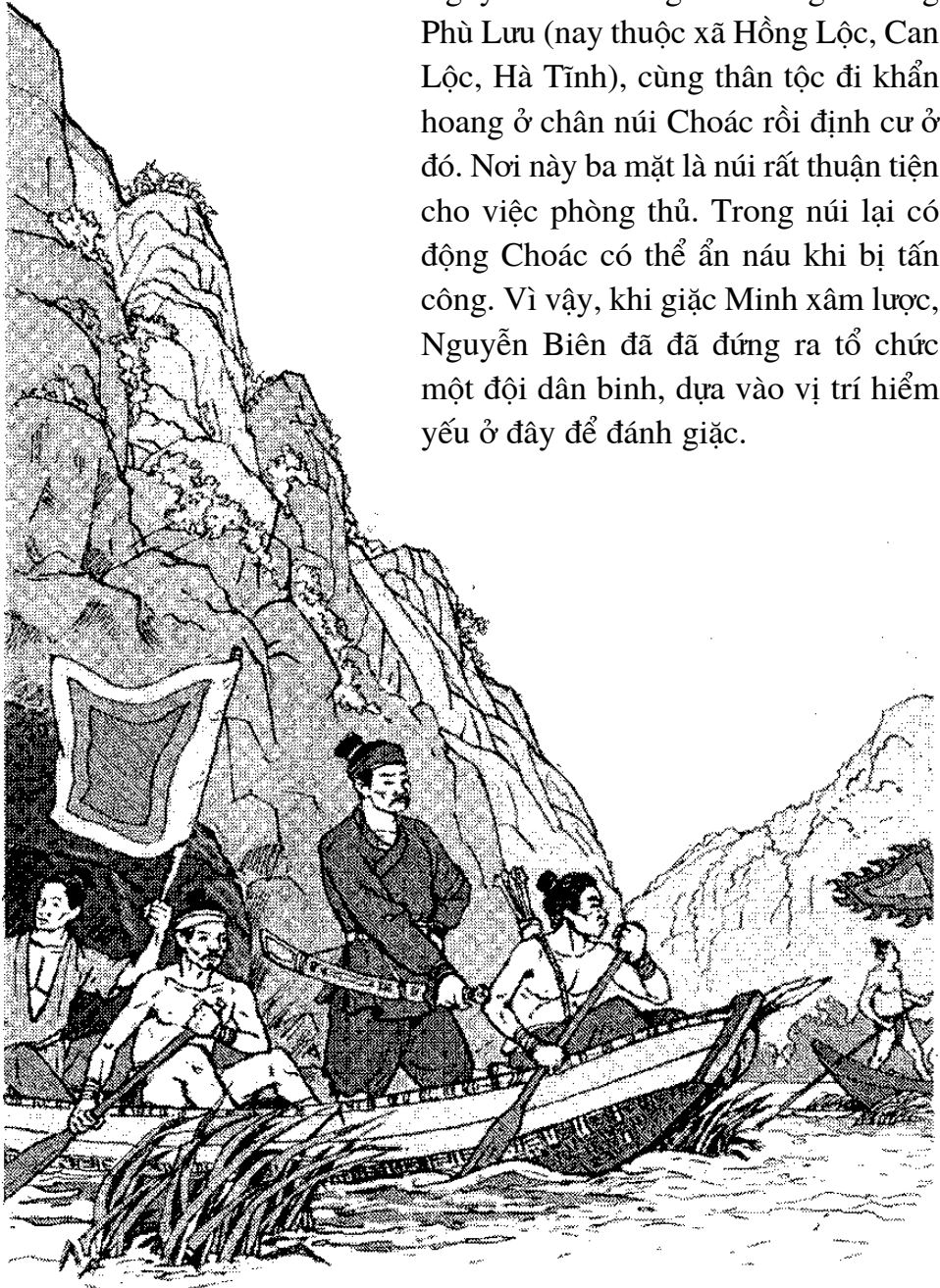


Sau khi chiếm được Đỗ Gia, Đinh Liệt lập đồn dựng trại trên núi Linh Cảm gần với điểm hợp lưu của sông Ngàn Phố và sông Ngàn Sâu, hai con sông này đổ nước vào sông La. Vì vậy, men theo con sông này, Đinh Liệt có thể dễ dàng tổ chức tấn công thành Nghệ

An từ mặt Nam. Lực lượng còn lại của Lam Sơn cũng rút gần hết khỏi thành Trà Lân để xuống chiếm giữ vùng Khả Lưu (nay thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện An Sơn), cách Trà Lân chừng 40km về phía đông nam. Như vậy, hai gọng kìm của quân Lam Sơn đã giương sẵn chờ giặc.



Trong thời gian tiến quân vào đất Hà Tĩnh, Lê Lợi đã nhận được sự ủng hộ về người và của từ mảnh đất này. Đông nhất là lực lượng dân binh của Nguyễn Biên. Ông vốn là người làng Phù Lưu (nay thuộc xã Hồng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh), cùng thân tộc đi khẩn hoang ở chân núi Choác rồi định cư ở đó. Nơi này ba mặt là núi rất thuận tiện cho việc phòng thủ. Trong núi lại có động Choác có thể ẩn náu khi bị tấn công. Vì vậy, khi giặc Minh xâm lược, Nguyễn Biên đã đã đứng ra tổ chức một đội dân binh, dựa vào vị trí hiểm yếu ở đây để đánh giặc.



Nghe tin Nguyễn Biên xây dựng lực lượng, dân ở các địa phương lân cận nô nức kéo đến tham gia. Khi quân Minh kéo đến chúng bị các nghĩa sĩ của Nguyễn Biên đánh bật ra khỏi vùng đất này. Thừa thắng, quân của ông đánh chiếm luôn hai huyện Kỳ La và Hà Hoa (nay là vùng phía nam Hà Tĩnh). Khi nghĩa quân Lam Sơn tiến như vũ bão vào Hà Tĩnh, Nguyễn Biên đem toàn bộ lực lượng gia nhập Lam Sơn. Từ đây, nghĩa quân Lam Sơn có thêm một vùng căn cứ rộng lớn ở phía nam Nghệ An.



Thời gian này, nghĩa quân Lam Sơn còn được sự ủng hộ của Bạch Ngọc Hoàng hậu. Bà tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Hào, người làng Tri Bản huyện Thổ Hoàng (nay là xã Hương Vĩnh, Hương Khê, Hà Tĩnh). Khi quân Minh xâm lược, bà cùng hai cụ thần nhà Trần là Trần Quốc Trung, Nguyễn Thì Kính đem theo nhiều gia nhân về quê lánh nạn. Ở đây, bà đã tổ chức khẩn hoang và lập trang trại lớn. Nhờ có tài tổ chức mà cơ ngơi của bà trở nên nổi tiếng khắp vùng.



Năm 1425, khi quân Lam Sơn tiến vào vùng này, bà đã ủng hộ nhiều của cải cho nghĩa quân, đồng thời cho gia nhân tham gia lực lượng chiến đấu. Con gái bà là Công chúa Huy Chân được Lê Lợi tuyển làm cung phi. Hai cựu thần Trần Quốc Trung và Nguyễn Thị Kính cũng được tuyển dụng. Nhờ những đóng góp ấy, sau này khi chiến thắng quân Minh, Bạch Ngọc Hoàng hậu đã được Lê Lợi tuyên dương công trạng. Ngày nay dân chúng vùng Hương Khê vẫn còn tưởng nhớ và thờ cúng bà.



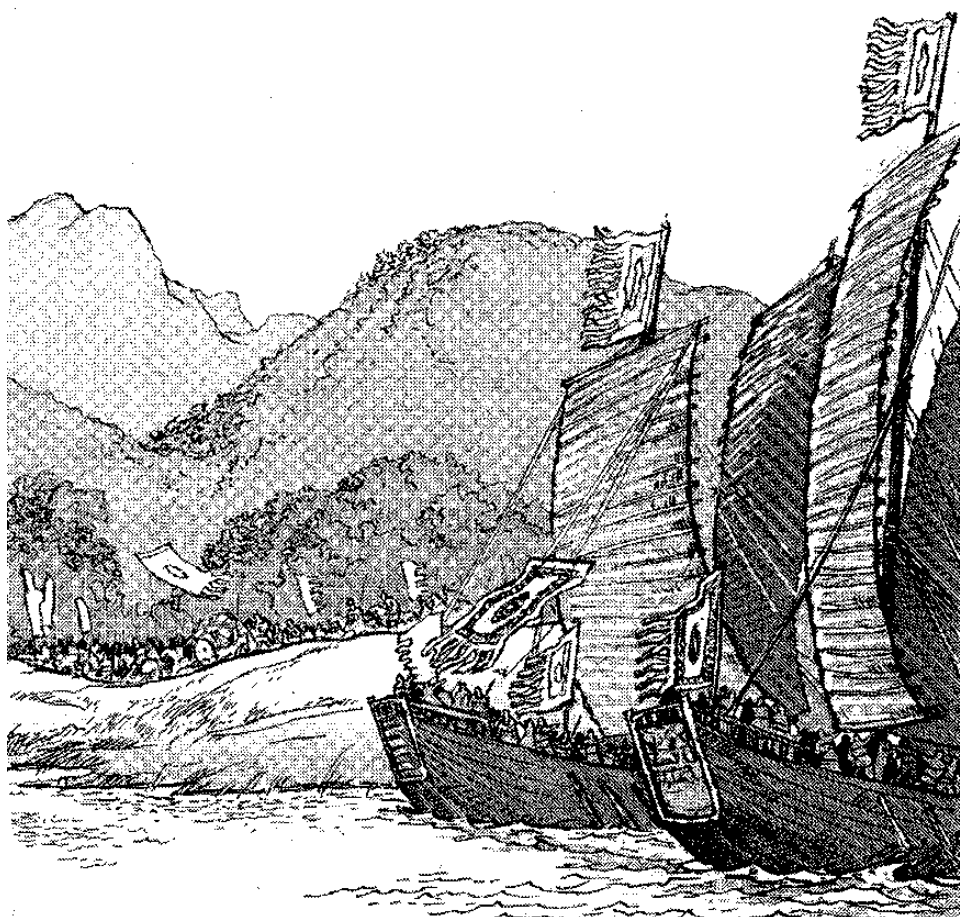


Khi quân Lam Sơn tiến đến Đỗ Gia, có đội dân binh mang tên Sơn Cốc quân do Nguyễn Tuấn Thiện chỉ huy đến xin gia nhập. Nguyễn Tuấn Thiện là người làng Phúc Dậu, xã Phúc Dương (nay là xã Sơn Phúc, Hương Sơn, Hà Tĩnh), xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo khổ. Thấy giặc Minh làm nhiều điều bạo ngược, ông cùng bạn bè trong thôn cùng nhau tập luyện võ nghệ và lập ra đội dân binh này để chống giặc.



Lê Lợi hồ hởi tiếp nhận đội Sơn Cốc quân và long trọng tổ chức lễ kết nghĩa anh em với Nguyễn Tuấn Thiện. Từ đây, Nguyễn Tuấn Thiện được mang tên mới là Lê Thiện. Ông đã trở thành một trong những tướng lĩnh xuất sắc của nghĩa quân Lam Sơn. Như vậy, lực lượng nghĩa quân Lam Sơn lúc này đã lớn mạnh hơn trước nhiều. Cùng với đó, Lê Lợi đã cho bố trí nhiều trận địa mai phục, chỉ chờ giặc đến là đánh.

Trong khi đó, giặc Minh ở thành Nghệ An không hề hay biết. Từ thành Nghệ An, tướng giặc Trần Trí và Phương Chính đem thủy binh và bộ binh tấn công vào thành Trà Lân. Chúng hy vọng sẽ tạo được sự bất ngờ, khiến Lam Sơn không kịp trở tay.



Nhưng, nhờ lính do thám đã kịp thời cấp báo, ở cửa ải Khả Lưu, quân Lam Sơn đã đến chiếm giữ và đặt doanh trại từ trước. Âm mưu tạo sự bất ngờ của giặc kể như tiêu tan. Trước tình huống éo le như vậy, Trần Trí và Phương Chính quyết định cho quân hạ trại ở Phá Lữ, phía ngoài Khả Lưu (nay thuộc xã Phúc Sơn, Anh Sơn, Nghệ An). Chúng tức tối tìm cách tấn công vào Khả Lưu bằng được, bởi vì chỉ có thắng ở Khả Lưu, giặc mới mong tiến được vào Trà Lân.



Tại Khả Lưu, Lê Lợi họp các tướng, bàn rằng: Sớm muộn thế nào giặc cũng sẽ đánh vào Khả Lưu. Ta không mai phục được ở sâu trong cửa ải thì phải mai phục ở phía ngoài ải vậy. Nói rồi, ông đem bộ binh và tượng binh mai phục ở Bãi Sở (đất này nay thuộc xã Long Sơn, Anh Sơn, Nghệ An). Trong khi đó, số ít quân ở lại giữ Khả Lưu phải thực hiện kế nghi binh, *“ban ngày thì dựng cờ, gióng trống, ban đêm thì nổi lửa”*, khiến cho giặc yên chí rằng Lam Sơn chưa hề biết chúng đã tới bãi Phá Lữ.



Trần Trí và Phương Chính tướng Lê Lợi đã bị mắc mưu, lập tức hạ lệnh tấn công vào Khả Lưu. Nhưng chúng vừa lọt vào Bãi Sỏi thì bị quân mai phục của Lam Sơn xông ra chặn đánh. Số nghĩa quân chốt ở Khả Lưu cũng tràn xuống khóa đầu. Giặc bị dồn vào giữa nên lúng túng chống đỡ và bị quân Lam Sơn bao vây tiêu diệt. Sử cũ chép rằng, chúng bị chém tại trận hàng vạn tên. Trần Trí và Phương Chính hết hoảng thu quân về giữ bãi Phá Lữ.





Nghĩa quân Lam Sơn thắng lớn nhưng lương thực dự trữ chỉ còn đủ dùng trong 10 ngày. Trước tình thế đó, một viên tướng của Lam Sơn quê ở Nghệ An là Nguyễn Vĩnh Lộc hiến kế giả đốt doanh trại, vờ như để rút quân, cốt cho giặc mắc mưu và đuổi theo. Ta phục sẵn để đánh thì chắc thắng lớn. Bây giờ mới hết nỗi thiếu lương ăn.



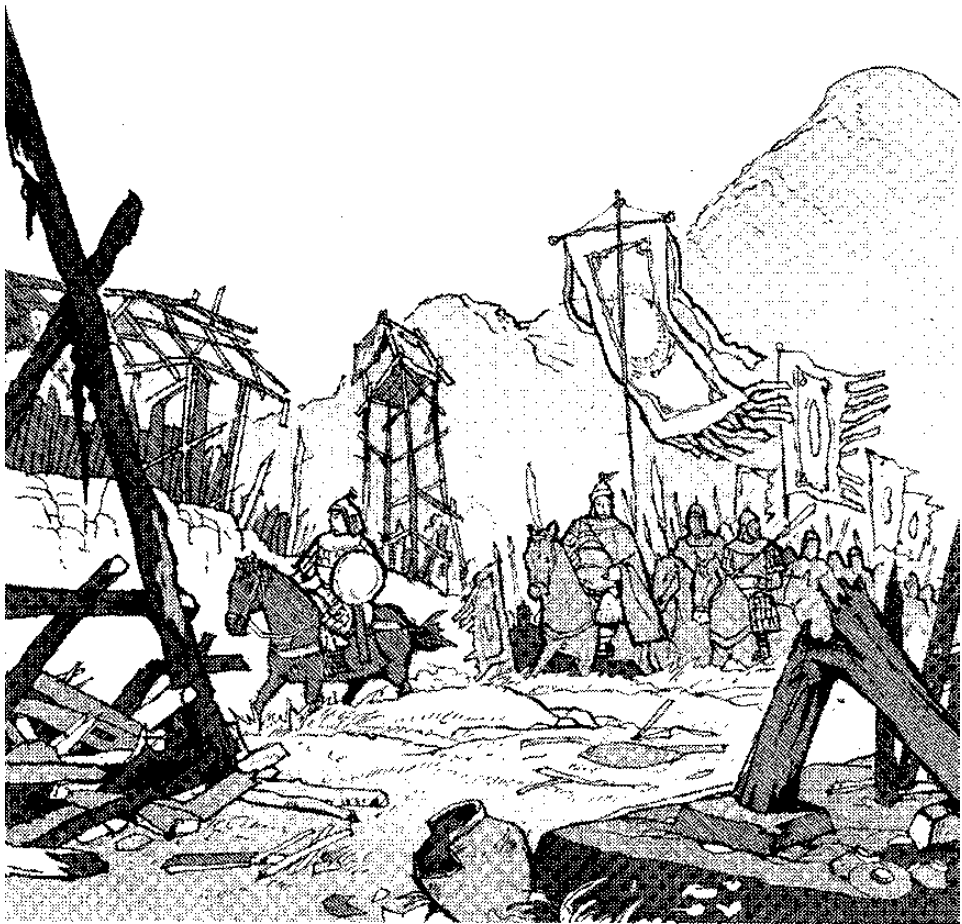
Nguyễn Vĩnh Lộc là người xã Cổ Sách, phủ Thanh Hóa. Khi quân Minh sang xâm lược, ông đã cùng thân nhân và bạn bè di cư đến phủ Diễn Châu (nay thuộc Nghệ An) và lập ra Trang Niên - một trang trại nằm trên vùng đồi cao, cách xa đồn lũy của giặc. Dưới đồi là một thung lũng hẹp có mấy con suối nhỏ chảy qua.



Lợi dụng vị trí hiểm yếu, Nguyễn Vĩnh Lộc đã huy động dân trang xây đắp chiến lũy và lập ra đội dân binh gồm 19 người, trong đó có cả phụ nữ. Họ đã từng táo bạo đánh tới tận dinh trại giặc, giết nhiều tên và thu chiến lợi phẩm về trang bị cho mình. Khi quân Lam Sơn tấn công vào Nghệ An, Nguyễn Vĩnh Lộc dẫn đội dân binh xin gia nhập. Ông trở thành một trong những dũng tướng của Lê Lợi.



Kế sách của Nguyễn Vĩnh Lộc được Lê Lợi và bộ chỉ huy Lam Sơn nghe theo. Nghĩa quân Lam Sơn rút khỏi Khả Lưu nhưng lại tổ chức mai phục ở Bồ Ải (tức Bù Ải) - một địa điểm nằm trên đường từ Khả Lưu về Trà Lân. Trần Trí và Phương Chính lập tức cho quân lên chiếm Khả Lưu nhưng nơi đây chỉ còn là một khu hoang tàn. Cho rằng Lam Sơn quân ít, lương thiếu nên tháo chạy, chúng hạ lệnh cho quân sĩ đuổi theo.



Nhưng quân Minh vừa đến Bồ Ải thì bị phục binh của Lê Lợi xông ra đánh. Quá bất ngờ, giặc hốt hoảng, hàng ngũ rối loạn, Đô ty Hoàng Thành cùng hàng ngàn tên giặc bị chém đầu. Đô ty Chu Kiệt bị bắt sống cùng với một nghìn tên lính. Trần Trí và Phương Chính bạt vía, phải vội vã thu quân chạy một mạch về ở hẳn thành Nghệ An.



Sau hai trận thắng lớn ở Khải Lưu và Bồ Ải, khí thế của nghĩa quân Lam Sơn lên cao chưa từng thấy. Ngược lại tinh thần của giặc càng lúc càng suy sụp. Chúng tạm dừng các cuộc tấn công và cố thủ trong thành Nghệ An. Nhân cơ hội đó, Lê Lợi cho các tướng đem quân đi đánh các vùng, giải phóng toàn bộ nông thôn và rừng núi Nghệ An. Giặc chẳng khác gì bị giam lỏng trong chính thành trì của chúng.



Thấy tình cảnh của Trần Trí, Phương Chính và Sơn Thọ ngày càng nguy cấp, nhà Minh sai quan Tham tướng trấn thủ thành Đông Quan là An Bình bá Lý An đem quân vào tiếp cứu. Ngày 27 tháng 4 năm Ất Ty (tức ngày 14 tháng 5 năm 1425), nhờ có viện binh, Trần Trí quyết định đánh thẳng vào Đỗ Gia. Bấy giờ Lê Lợi đóng ở động Tiên Hoa (tên gọi tắt của động Tiên và Hoa Bảng thuộc Đỗ Gia tức Hương Sơn, Hà Tĩnh ngày nay). Nghe tin quân giặc kéo vào, Lê Lợi cho quân mai phục sẵn ở cửa sông Khuất, cách động Tiên Hoa không xa. Bấy giờ hầu hết quân sĩ của Lam Sơn được bố trí phục sẵn ở những triền núi dọc theo cửa sông chờ quân Minh kéo tới.



Một trận ác chiến đã xảy ra. Giặc đại bại, bị giết tại chỗ hơn một nghìn tên và buộc phải tháo chạy trở lại thành Nghệ An. Trên đường rút lui, chúng bị tướng Lam Sơn là Đinh Lễ mai phục sẵn ở khu vực xã Xuân Tân (huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh ngày nay), đánh bồi thêm một trận nữa. Từ đó về sau, chúng chỉ cố thủ trong thành, không dám tiến quân.

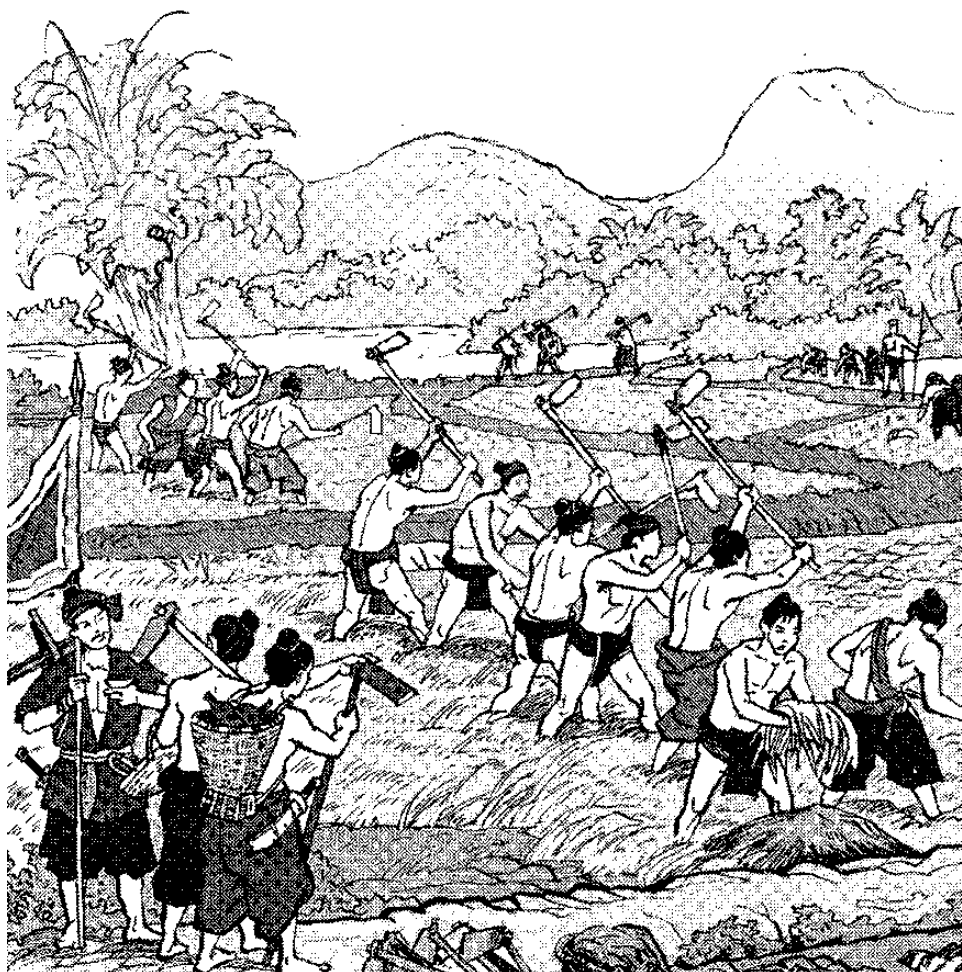


Từ Đỗ Gia, Nguyễn Trãi liên tục gửi thư khiêu chiến. Trong một bức thư gửi cho Phương Chính, Nguyễn Trãi viết: “*Ngươi từng gửi thư cho ta, cười ta nướng nấu nơi rừng núi, thập thò như chuột, không dám ra đồng bằng để đánh nhau. Nay quân ta đã đến đây, ngoài thành Nghệ An đều là chiến trường cả. Ngươi nói đây là rừng núi chăng? Ngươi cứ đóng thành như mụ già mãi hay sao? Ta sợ rằng ngươi không tránh khỏi tiếng nhục, hèn như đàn bà khăn yếm vậy*”.



Sau trận thắng này, Lê Lợi vừa tiếp tục bao vây và gọi hàng giặc, vừa nhanh chóng biến Nghệ An căn cứ địa của Lam Sơn. Đại bản dinh của Lam Sơn cũng được dời từ động Tiên Hoa về núi Thiên Nhẫn. Tại đây hiện còn di tích nơi đóng quân của Lê Lợi là thành Lục Niên^(*). Thành hình chữ nhật, dài hơn 80m, rộng hơn 160m, một mặt lợi dụng vách núi còn ba mặt xây theo lối ghép đá. Ông còn tổ chức cho các tướng đem quân đi khẩn hoang, vừa tích trữ lương thực, vừa kết hợp tập luyện, để nghĩa quân Lam Sơn có thể chiến đấu lâu dài.

** Tên gọi này được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nhưng phần đông cho rằng tên gọi ấy do Lê Lợi đặt ra sau này để kỷ niệm gần 6 năm chiến đấu gian khổ của nghĩa quân Lam Sơn tại Nghệ An.*



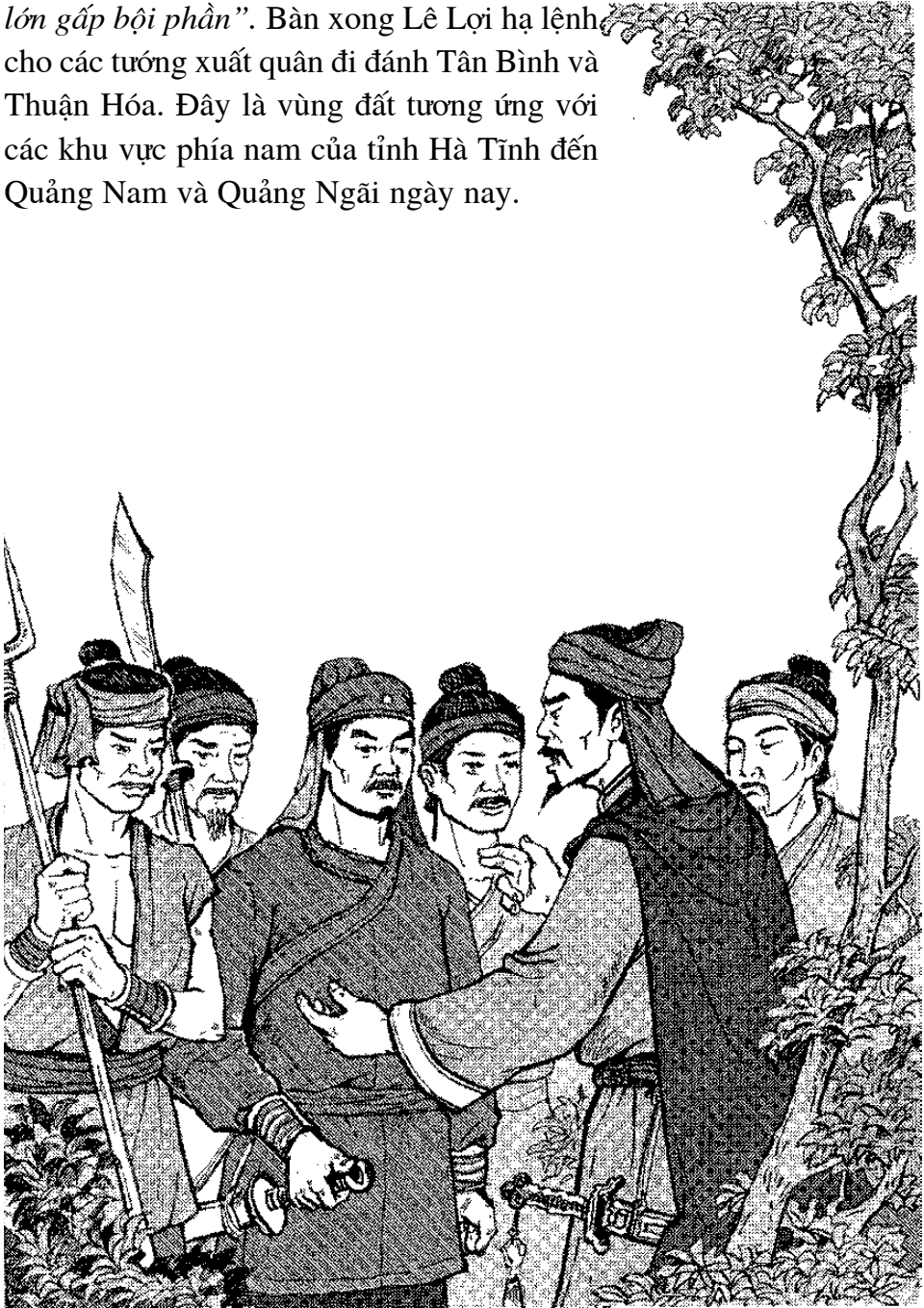
Sau khi xây dựng xong chỗ đứng chân chắc chắn ở Nghệ An, Lê Lợi quyết định đánh thẳng ra Thanh Hóa. Mục tiêu là giải phóng Diễn Châu (vùng tương ứng với các huyện Quỳnh Lưu, Yên Thành và Diễn Châu của tỉnh Nghệ An ngày nay). Tướng Đinh Lễ, bấy giờ đang đóng quân ở núi Động Đình (nay thuộc xã Quang Thành, Yên Thành), được lệnh dẫn quân đánh vào Diễn Châu. Tháng 5 mùa hạ năm Ất Tỵ (1425), Đinh Lễ xuất quân. Chỉ một trận, quân Lam Sơn đã kiểm soát toàn bộ vùng đồng bằng Diễn Châu.



Thừa thắng, Đinh Lễ đem quân tiến thẳng ra Thanh Hóa. Lê Lợi cũng sai các tướng Lý Triện, Lê Sát, Lưu Nhân Chú và Bùi Bị đem ba thớt voi và hai nghìn quân tinh nhuệ đi theo tiếp ứng. Ngay trận đánh đầu tiên, quân Lam Sơn đã tiêu diệt hơn năm trăm tên giặc trước cửa thành Tây Đô và chỉ sau vài trận, họ đã giải phóng toàn bộ vùng đồng bằng Thanh Hóa. Tướng giặc là Đả Trung, La Thông và Lương Nhữ Hốt buộc phải rút quân, cố thủ trong thành.



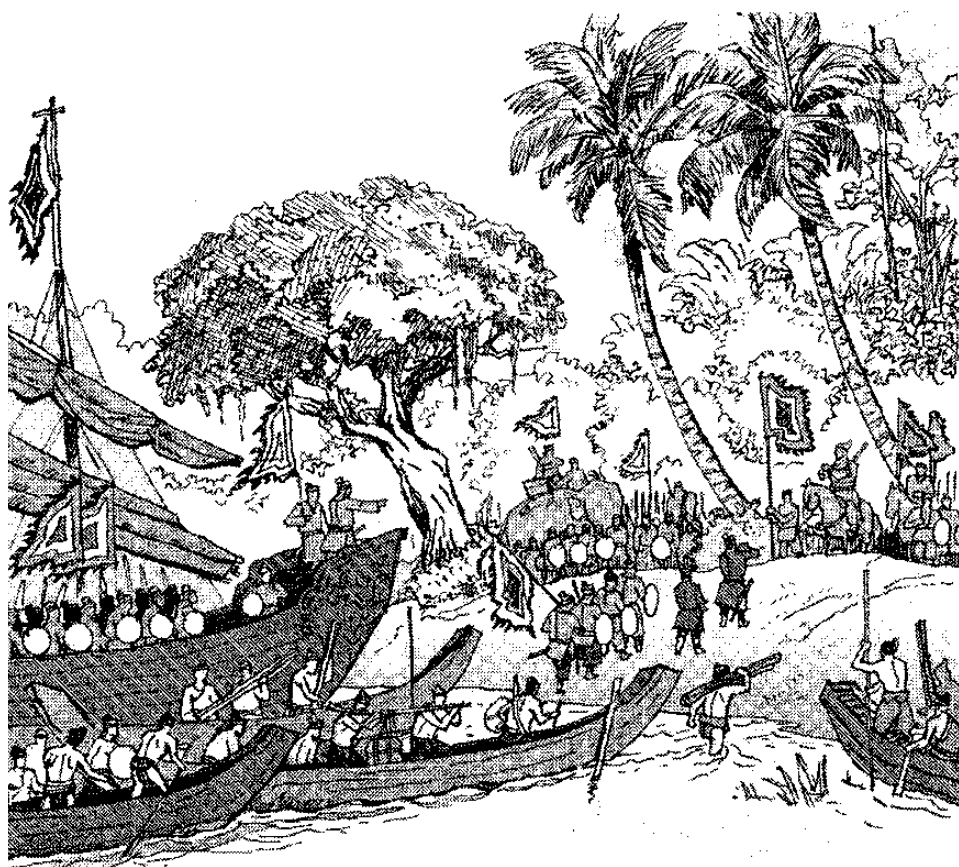
Sau khi giải phóng Thanh Hóa, Lê Lợi bàn với các tướng: “Các vị tướng ngày xưa thường lánh chỗ mạnh mà đánh vào chỗ yếu, tạm bỏ chỗ thực mà tấn công vào chỗ hư. Làm như thế thì sức chỉ tổn một nửa mà thành công thì lớn gấp bội phần”. Bàn xong Lê Lợi hạ lệnh cho các tướng xuất quân đi đánh Tân Bình và Thuận Hóa. Đây là vùng đất tương ứng với các khu vực phía nam của tỉnh Hà Tĩnh đến Quảng Nam và Quảng Ngãi ngày nay.



Không lâu sau, Lê Lợi sai các tướng Trần Nguyên Hãn, Lê Nỗ và Lê Đa Bồ dẫn hơn một nghìn quân và một thớt voi chiến, men theo triền núi thấp ở phía tây mà tiến vào Tân Bình, Thuận Hóa. Ngay tại khu vực sông Gianh (Quảng Bình ngày nay), đội quân này đã đánh trận đầu tiên, giết hơn một nghìn tên giặc.



Đạo quân thứ nhất tiến vào Tân Bình, Thuận Hóa chưa được bao lâu thì Lê Lợi phái đạo quân thứ hai vào nam. Đây là đạo thủy binh gồm 70 chiến thuyền do các tướng Lê Ngân, Lê Văn An và Phạm Bôi chỉ huy. Sau khi đạo quân thứ nhất thắng lớn ở sông Gianh thì hai đạo quân Lam Sơn gặp nhau, phối hợp với nhau đánh chiếm các nơi khác rất dũng mãnh.



Trong một thời gian ngắn, toàn bộ đất Tân Bình và Thuận Hóa được giải phóng. Từ đây, quân Lam Sơn làm chủ một vùng rộng lớn và liên hoàn từ Thanh Hóa trở vào Nam. Một hệ thống chính quyền độc lập và tự chủ do Lam Sơn xây dựng đã hình thành. Cũng từ đây, Lam Sơn đối đầu với quân Minh đô hộ trên một tư thế và sức mạnh hoàn toàn mới. Bọn giặc cố thủ trong những thành trì chỉ chờ ngày quỳ gối đầu hàng.



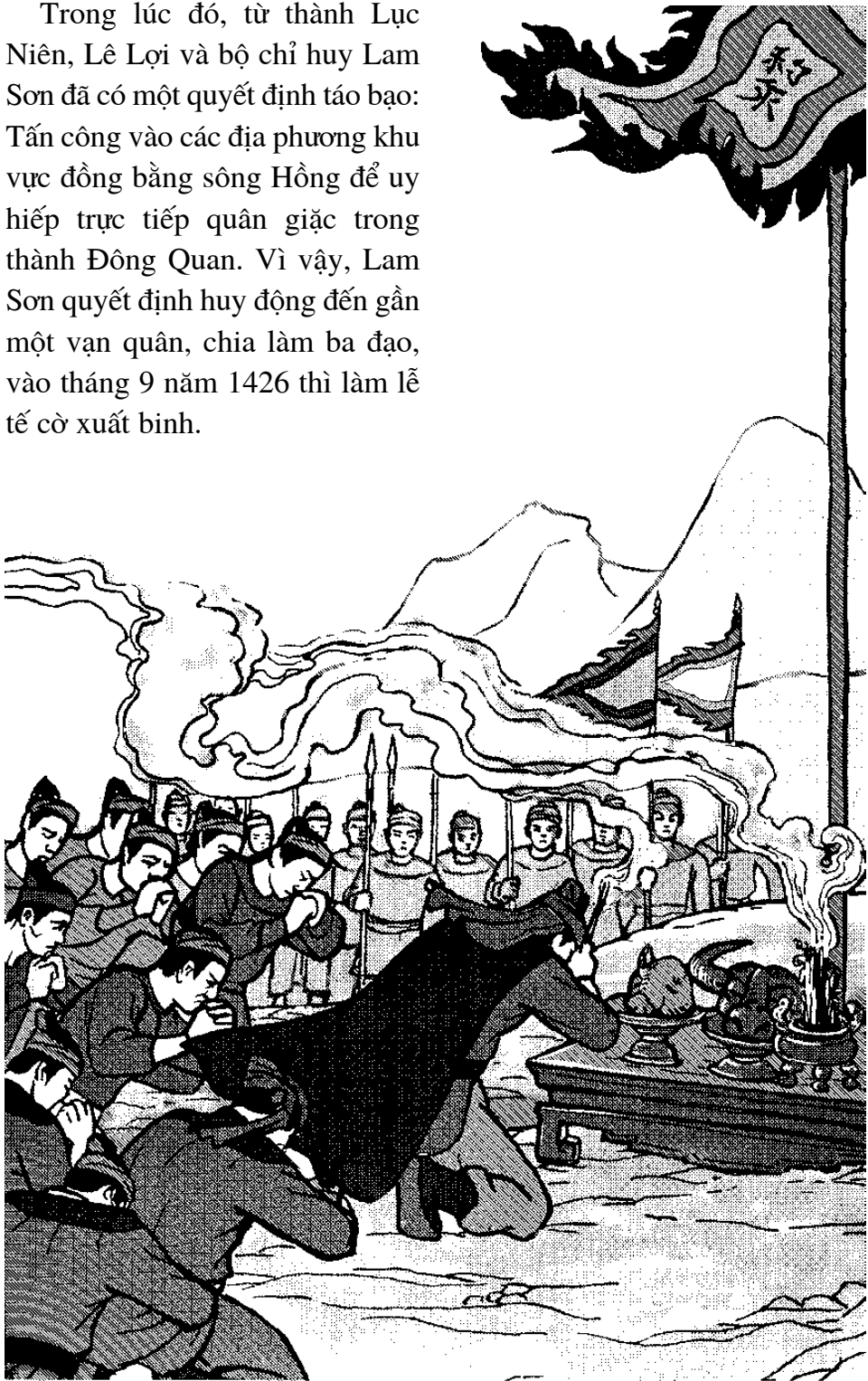


Tháng 7 năm 1425, Minh Nhân Tông qua đời, ở ngôi chưa đầy một năm (từ tháng 8 năm 1424 đến tháng 7 năm 1425). Thái tử Chiêm Cơ lên nối ngôi, đó là vua Minh Tuyên Tông (1425-1434). Bấy giờ nhà Minh đã tỏ rõ sự chán nản vì hao người tốn của quá nhiều trong cuộc xâm lược nước ta. Ý định tìm con cháu họ Trần để lập làm vua đã bắt đầu xuất hiện.

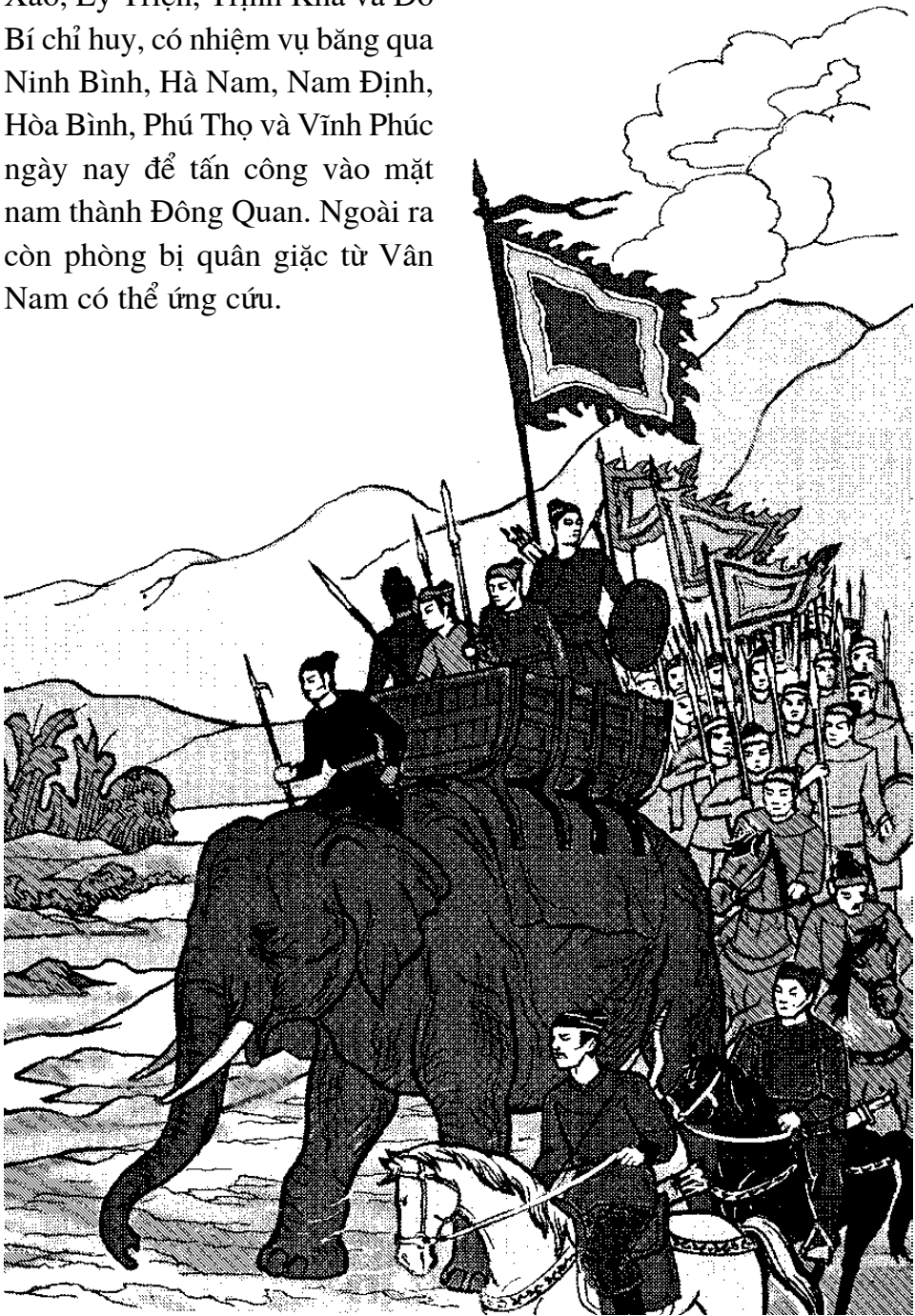


Để thực hiện ý đồ này, Tuyên Tông chủ trương thực hiện chính sách hai mặt đối với nước ta. Một mặt là tìm mọi cách để xoa dịu lòng căm phẫn của nhân dân ta, nhưng mặt khác vẫn đẩy mạnh các cuộc tấn công nhằm nhanh chóng lập lại sự ổn định cho nền đô hộ. Một loạt các tướng lĩnh nhà Minh bị cách chức, nhưng được phép lập công để chuộc tội.

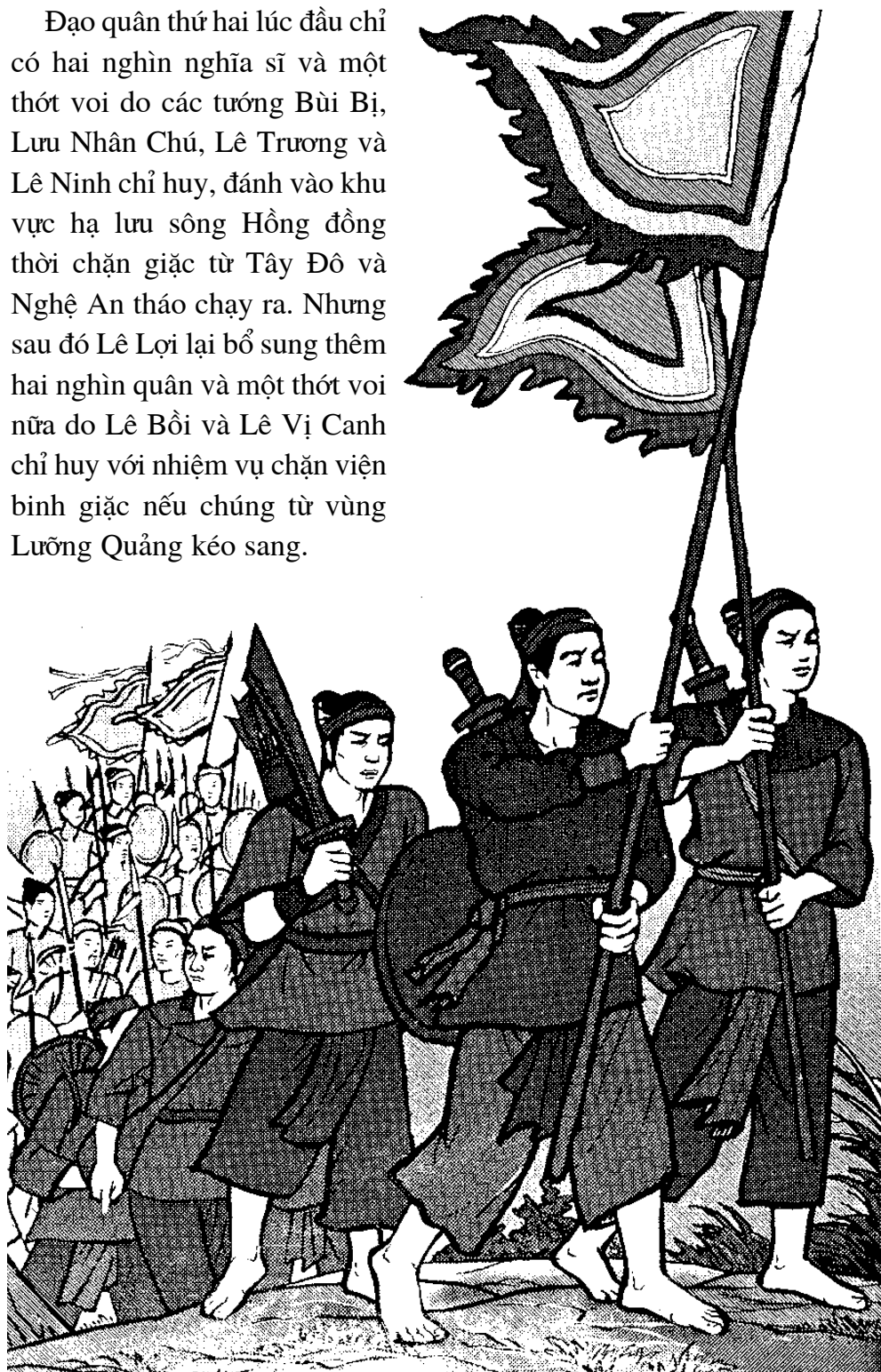
Trong lúc đó, từ thành Lục Niên, Lê Lợi và bộ chỉ huy Lam Sơn đã có một quyết định táo bạo: Tấn công vào các địa phương khu vực đồng bằng sông Hồng để uy hiếp trực tiếp quân giặc trong thành Đông Quan. Vì vậy, Lam Sơn quyết định huy động đến gần một vạn quân, chia làm ba đạo, vào tháng 9 năm 1426 thì làm lễ tế cờ xuất binh.



Đạo quân thứ nhất gồm ba nghìn nghĩa sĩ và một thớt voi chiến, do các tướng Phạm Văn Xảo, Lý Triện, Trịnh Khả và Đỗ Bí chỉ huy, có nhiệm vụ băng qua Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định, Hòa Bình, Phú Thọ và Vĩnh Phúc ngày nay để tấn công vào mặt nam thành Đông Quan. Ngoài ra còn phòng bị quân giặc từ Vân Nam có thể ứng cứu.



Đạo quân thứ hai lúc đầu chỉ có hai nghìn nghĩa sĩ và một thớt voi do các tướng Bùi Bị, Lưu Nhân Chú, Lê Trương và Lê Ninh chỉ huy, đánh vào khu vực hạ lưu sông Hồng đồng thời chặn giặc từ Tây Đô và Nghệ An tháo chạy ra. Nhưng sau đó Lê Lợi lại bổ sung thêm hai nghìn quân và một thớt voi nữa do Lê Bôi và Lê Vị Canh chỉ huy với nhiệm vụ chặn viện binh giặc nếu chúng từ vùng Lưỡng Quảng kéo sang.



Đạo quân thứ ba gồm khoảng hai nghìn nghĩa sĩ do các tướng Đinh Lễ và Nguyễn Xí chỉ huy, có nhiệm vụ tiến thẳng đến thành Đông Quan, vừa phô trương thanh thế để uy hiếp quân Minh, vừa sẵn sàng phối hợp với các đạo quân khác để nhanh chóng giải phóng vùng đồng bằng và trung du phía bắc.



Tuy tổng số quân không nhiều nhưng là những đạo quân kỷ luật, hợp lòng dân nên nghĩa quân Lam Sơn được nhân dân ủng hộ, giúp đỡ cả vật chất lẫn tinh thần. Tương truyền, khi quân Lam Sơn tiến đến sông Đáy thuộc Hà Nội ngày nay thì phải dừng lại vì thiếu phương tiện để vượt sông. Có hai mẹ con đã dùng con đò nhỏ của mình lần lượt chở tất cả qua sông an toàn. Khi hai mẹ con mất, được nhân dân làng Nhân Huệ (thuộc Thanh Oai, Hà Tây) tôn làm Thành Hoàng làng.



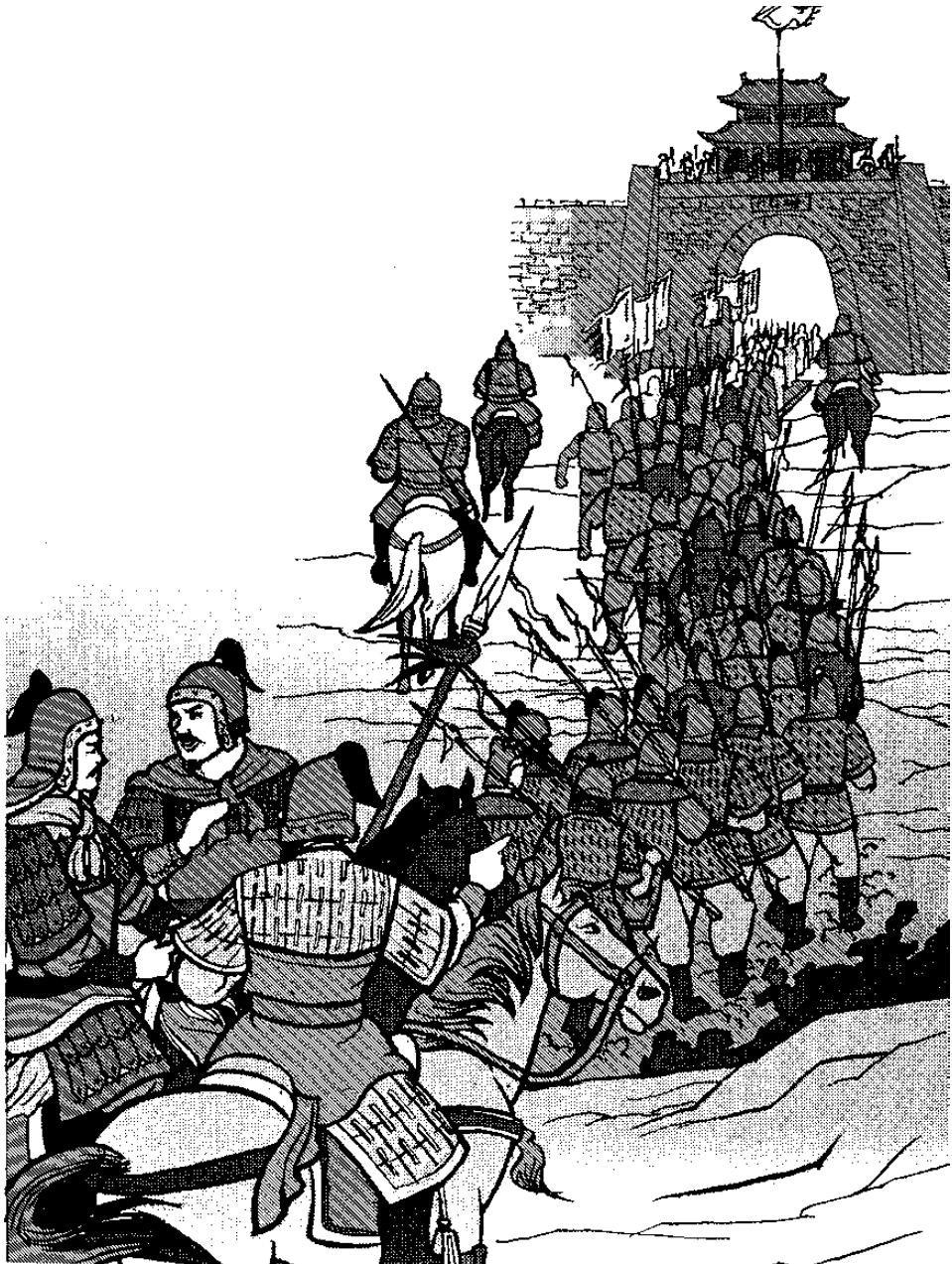
Thời gian quân Lam Sơn đánh ra Bắc, nhân dân vùng châu thổ sông Hồng đã tự thành lập những đội dân binh, tìm đủ mọi cách đánh giặc. Một số đội dân binh có những cách đánh rất sáng tạo, chẳng hạn như đội dân binh ở đất Đào Đặng thuộc huyện Tiên Lữ (tỉnh Hưng Yên ngày nay). Trong đội có Đào Thị Huệ nổi tiếng xinh đẹp, hát hay, múa giỏi; vì vậy cô được giao nhiệm vụ mở quán rượu và tổ chức những cuộc hát xướng để lôi kéo bọn lính Minh đến xem.



Càng ngày, bọn lính Minh càng say mê xem cô hát múa, đến mức chúng đem cả túi ngủ đến quán để nếu say thì ngủ lại. Chờ lúc chúng ngủ say, anh em trong đội liền cột chặt miệng túi rồi quẳng xuống con sông gần đó. Cứ thế, không biết bao nhiêu tên giặc đã làm mồi cho cá.

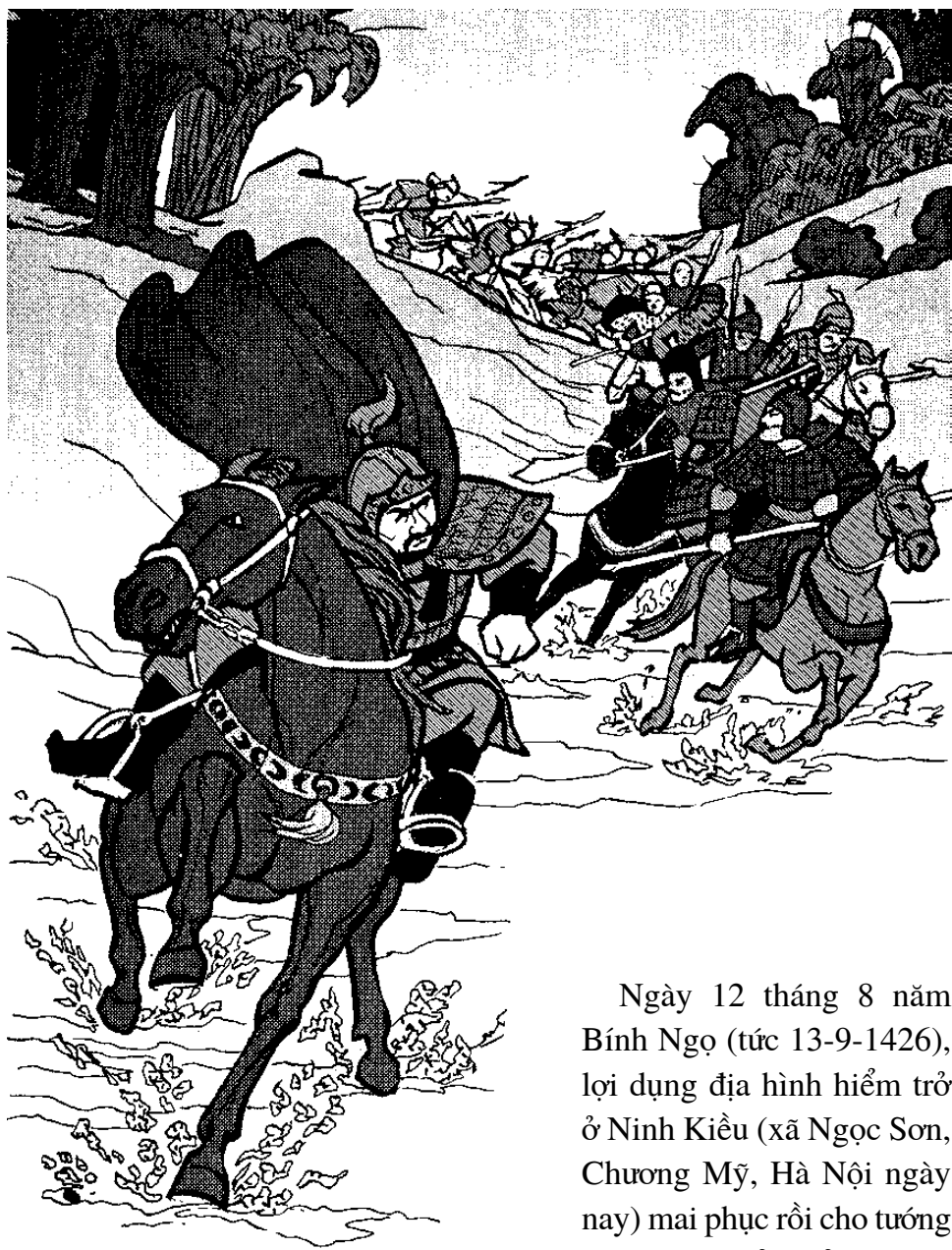


Tương truyền, để kiểm tra quân số, giặc chưa điểm quân như bây giờ mà chỉ xây những thành lũy nhỏ hình vuông có hai cửa gọi là đầu thành. Những tên chỉ huy lừa quân vào cửa này, hễ đầy thành thì cho ra cửa kia để... đong quân. Sau nhiều phen đong quân như vậy, chúng hốt hoảng khi thấy quân số hao hụt khá nhiều. Nghĩ rằng đất này có ma, chúng hoảng sợ rút quân đi nơi khác.



Sau này, đến ngày toàn thắng, Lê Lợi đã ban thưởng cho Đào Thị Huệ và đội dân binh đất Đào Đặng. Dân địa phương xin đổi tên làng thành Đào Xá (nơi ở của cô gái họ Đào). Khi cô mất, dân làng đã lập miếu thờ (đến nay vẫn còn). Những đội dân binh như thế đã góp phần làm suy yếu lực lượng và tinh thần quân giặc, tạo điều kiện cho nghĩa quân Lam Sơn thắng những trận lấy lòng. Nhiều đội dân binh tham gia vào lực lượng nghĩa quân khiến quân số của Lam Sơn ngày một đông.





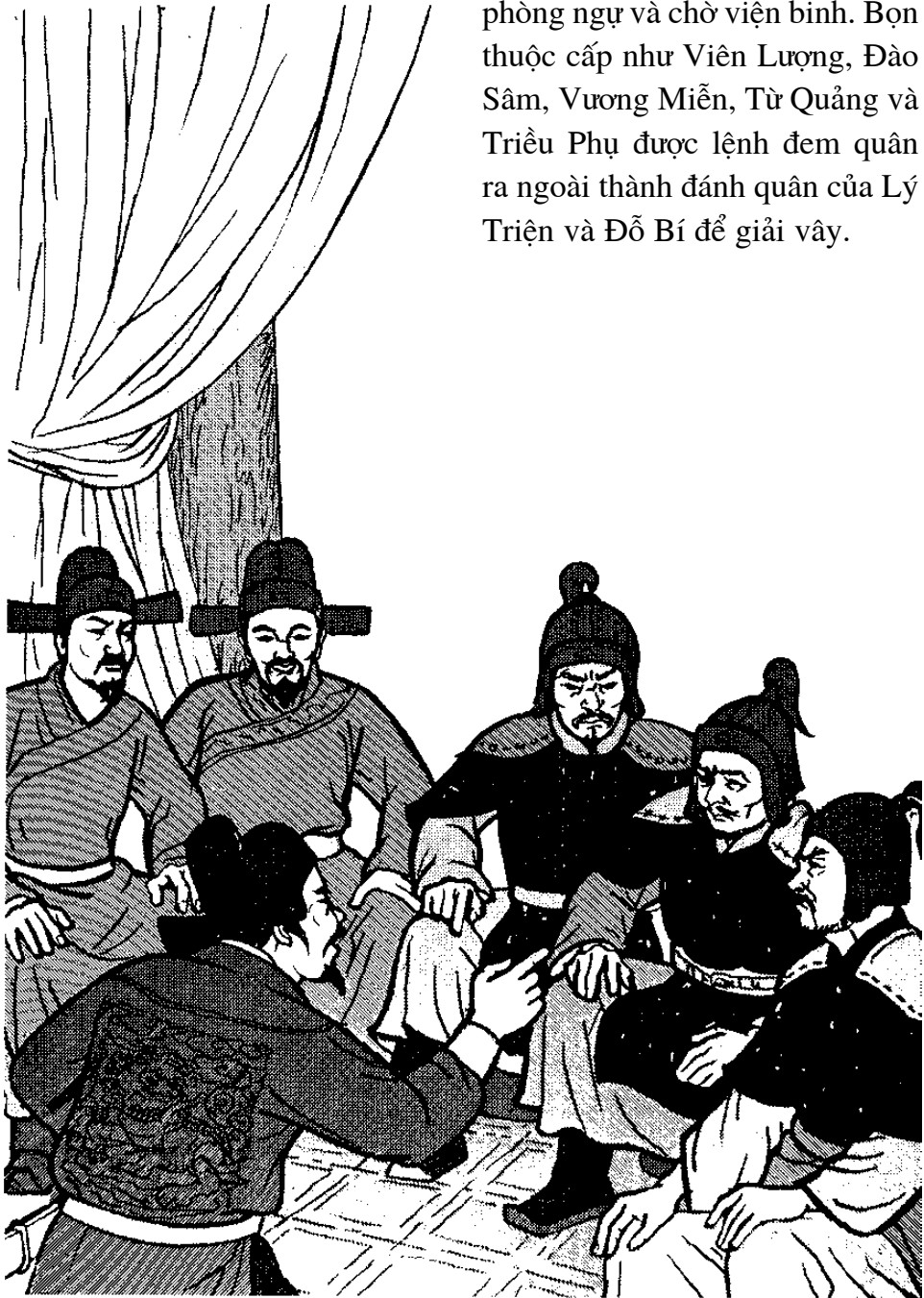
Ngày 12 tháng 8 năm
Bính Ngọ (tức 13-9-1426),
lợi dụng địa hình hiểm trở
ở Ninh Kiều (xã Ngọc Sơn,
Chương Mỹ, Hà Nội ngày
nay) mai phục rồi cho tướng
Phạm Văn Xảo giả vờ đánh
vào Đông Quan rồi thua

chạy. Chủ quan, tướng giặc Trần Trí đốc sức đuổi theo. Đến Ninh Kiều, quân Lam Sơn mai phục hai bên đường nhất tề xông ra đánh, diệt tại chỗ hơn hai nghìn tên, Trần Trí hốt hoảng cùng tàn quân bỏ chạy về thành Đông Quan.

Ngay sau trận này, các tướng chỉ huy đạo quân thứ nhất đã nhanh chóng xây dựng Ninh Kiều thành một khu căn cứ lợi hại và vững chắc. Để bảo vệ căn cứ mới lập, đạo quân này chia làm hai đạo nhỏ. Một do Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả cầm đầu, dẫn hơn một nghìn quân tiến đến miền Tam Giang (Phú Thọ) để sẵn sàng chặn đứng viện binh của giặc. Đạo còn lại khoảng hai nghìn quân do tướng Lý Triện và Đỗ Bí chỉ huy, vừa xây dựng căn cứ, vừa uy hiếp Đông Quan.



Bấy giờ tại Đông Quan, Trần Trí vừa cho quân tu bổ thành trì, vừa bí mật sai người tới các thành Tây Đô, Diễn Châu và Nghệ An gọi Phương Chính, Lý An rút quân về để cùng nhau “giữ lấy nơi căn bản”. Ý đồ của giặc là hội quân để phòng ngự và chờ viện binh. Bọn thuộc cấp như Viên Lượng, Đào Sâm, Vương Miễn, Từ Quảng và Triều Phụ được lệnh đem quân ra ngoài thành đánh quân của Lý Triện và Đỗ Bí để giải vây.



Ngày 20 tháng 9 năm Bính Ngọ (20-10-1426), thấy quân Lam Sơn chống cự yếu ớt rồi rút về phía cầu Nhân Mục^(*), Viên Lượng lập tức đuổi theo. Tên ngục quan Hà Gia Khánh ra sức can ngăn nói qua đó dễ có phục binh, không nên đánh đuổi nữa. Nhưng Lượng không chịu nghe, cứ tiếp tục lệnh cho Đào Sâm và Tiền Phụ dẫn quân băng qua cầu.

** Cầu bắc qua sông Tô Lịch, nối Đông Quan với Ninh Kiều, nay thuộc Nhân Chính, Hà Nội.*



Khi toán quân tiên phong của giặc lọt vào ổ mai phục, quân Lam Sơn liền nhất loạt xông ra, vừa tấn công vừa chia cắt đội hình giặc. Đào Sâm, Tiền Phụ và một tướng khác là Triệu Trinh bị chém đầu, hơn một nghìn tên giặc bị diệt tại chỗ, Viên Lượng thì bị bắt sống. Chiến thắng Nhân Mục đã đập tan mưu đồ của Trần Trí trong việc giải vây Đông Quan, từ đây chúng chỉ cố thủ trong thành.



Trong khi đó, ở vùng Xa Lộc^{*}, Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả cũng chặn đánh quyết liệt đạo viện binh khoảng một vạn tên do tướng An Vương Lão cầm đầu từ Vân Nam kéo sang. Bất ngờ bị tấn công chúng không kịp trở tay, chết hơn một nghìn tên. Số còn lại bỏ chạy về Tam Giang.

** Còn có tên khác là Ròng Rọc, Đồng Rọc, nay thuộc làng Tứ Xã, Lâm Thao, Phú Thọ.*





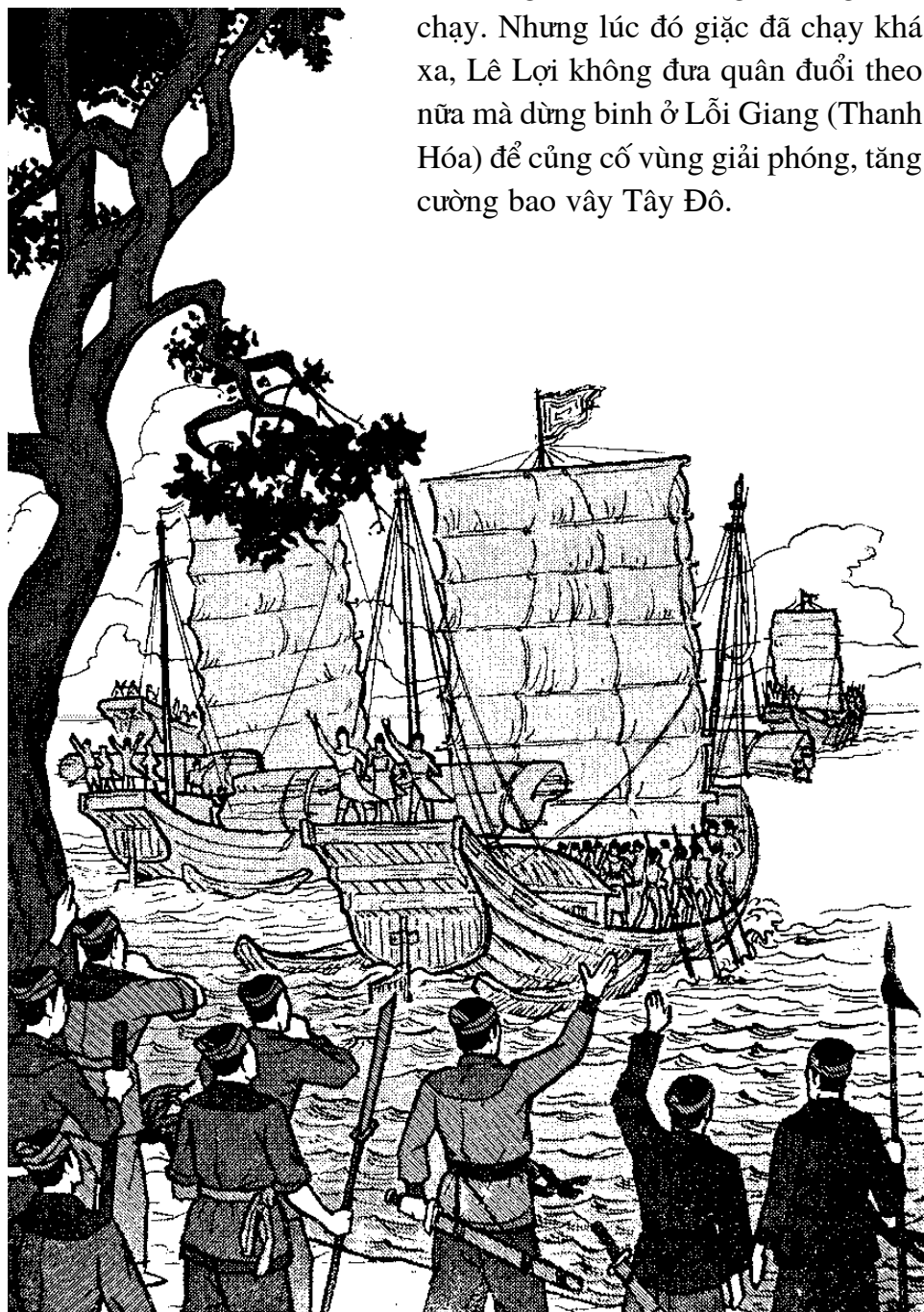
Lúc này, Lý An, Phương Chính ở Nghệ An nhận được mật lệnh của Trần Trí. Ngày 17 tháng 9 năm Bính Ngọ (17-10-1426), chúng giao việc canh giữ thành cho Thái Phúc rồi lợi dụng đêm tối, đem phần lớn lực lượng theo đường thủy rút về Đông Quan.

Lê Lợi bấy giờ vẫn đang đóng quân ở Nghệ An. Được tin bọn giặc rút chạy, ông liền nhận định: Quân Minh đang bị động và suy yếu, ta phải nhanh chóng chớp lấy cơ hội để vừa xiết chặt vòng vây đối với bọn giặc ngoan cố bám chặt thành trì, vừa truy đuổi và tiêu diệt bọn giặc đang tháo chạy không cho chúng hội quân tại Đông Quan.



Liên đó, Lê Lợi cho các tướng Lê Ngân, Lê Văn An, Nguyễn Thận, Lê Văn Linh, Lê Bội, Lê Lĩnh và Bùi Quốc Hưng ở lại bao vây thành thành Nghệ An. Lê Lợi và các tướng còn lại đem phần lớn

lực lượng đuổi theo bọn giặc đang tháo chạy. Nhưng lúc đó giặc đã chạy khá xa, Lê Lợi không đưa quân đuổi theo nữa mà dừng binh ở Lỗi Giang (Thanh Hóa) để củng cố vùng giải phóng, tăng cường bao vây Tây Đô.





Về phần Trần Trí, sau thất bại ở Ninh Kiều, đã liên tiếp sai người mang thư về triều đình nhà Minh cầu cứu. Vua Minh tuy đã nản lòng trước những tổn thất ở nước ta nhưng lại tiếp tục sai viên võ quan cao cấp của nhà Minh là Thành Sơn hầu Vương Thông đem 5 vạn quân sang nước ta để thay cho Trần Trí. Đầu tháng 11 năm 1426, Vương Thông đã có mặt ở Đông Quan.

Ngay khi vừa bước chân vào thành, nghe bẩm báo tình hình hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn, Tổng binh Vương Thông đã tức tốc huy động 10 vạn quân, dự định chia làm ba đạo đánh vào Ninh Kiều nhằm tiêu diệt lực lượng nghĩa quân đang bao vây và uy hiếp Đông Quan để từ đó mở đường tiến vào Thanh Hóa, Nghệ An.





Đạo quân thứ nhất sẽ do đích thân Vương Thông chỉ huy, vượt cầu Tây Dương (tức Cầu Giấy, Hà Nội) rồi chiếm đóng bằng được bến Cổ Sở (tức bến Giá, nay thuộc xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội). Đây là một bến đò quan trọng của sông Đáy, nằm trên đường từ phía tây nối với Đông Quan. Chiếm được vị trí này có thể uy hiếp phía bắc cứ điểm Ninh Kiều.

Đạo quân thứ hai do hai viên tướng tháo chạy từ Nghệ An ra là Phương Chính và Lý An chỉ huy, băng qua Yên Quyết rồi đến đóng ở cầu Sa Đôi (vị trí này thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội ngày nay). Bến Sa Đôi cũng là một bến đò quan trọng của sông Nhuệ ở phía tây Đông Quan, tạo thế thuận lợi để hợp đồng tác chiến với đạo quân thứ nhất.





Đạo quân thứ ba do các tướng Sơn Thọ, Mã Kỳ cầm đầu, đóng tại Thanh Oai (nay thuộc xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, Hà Nội). Địa điểm này án ngữ các tuyến giao thông thủy bộ ở mặt tây nam của Đông Quan và cũng nằm ở phía đông nam của cứ điểm Ninh Kiều. Cả ba đạo quân này tạo nên một thế trận nguy hiểm, thể hiện được quyết tâm rất cao của giặc.

Ngày 5 tháng 11 năm 1426, Vương Thông cho cả ba đạo xuất quân và chỉ trong đêm hôm đó đã chiếm lại cả ba địa điểm Cổ Sở, Sa Đôi và Thanh Oai như kế hoạch.



Lúc này quân Lam Sơn tại căn cứ Ninh Kiều có khoảng bốn nghìn người, ít hơn quân giặc bội phần. Trước tình thế nguy nan, các tướng Phạm Văn Xảo, Lý Triện, Trịnh Khả và Đỗ Bí cùng nhau bàn bạc và quyết định: Muốn xoay chuyển tình thế thì chỉ có một cách là chủ động tấn công. Trong điều kiện không thể cùng một lúc tấn công cả ba đạo quân giặc thì trước hết phải chọn nơi nào dễ đánh hơn. Cuối cùng, họ đã chọn phương án tấn công giặc ở Thanh Oai.

Tướng chỉ huy đạo quân giặc ở Thanh Oai là Sơn Thọ, Mã Kỳ vốn là hai tên hoạn quan tàn bạo, đã từng bị quân Lam Sơn đánh bại nhiều lần nên bị khiển trách và bị cách chức. Bây giờ chúng đang được cho lập công chuộc tội nên rất hung hăng. Quân số ở đây ít hơn, lại chỉ có một thành đất hẹp và cũ nên không đủ chỗ đóng quân. Phần lớn quân giặc phải hạ trại ở giữa đồng trống.





Để kéo giặc ra khỏi thành lũy và dinh trại của chúng, các tướng Lam Sơn đã bí mật cho quân mai phục ở cánh đồng Cổ Lãm^(*) - một địa điểm nằm trên đường từ Thanh Oai về Đông Quan. Nơi đây vừa có đất gò vừa có đầm lầy nhưng vừa trống trải khiến quân Minh không hề nghi ngờ có phục binh dù quân Lam Sơn đã ém dưới những lùm cây, sau các mô đất và trong những chụm rạ mà dân vừa gặt lúa để lại.

^{*} Xưa thuộc tổng Thăng Lãm, tên Nôm là tổng Sớm, nay thuộc các xã Phú Lãm, Phú Cường và Văn Khuê, huyện Thanh Oai, Hà nội.

Chập tối ngày 25-11-1426, một toán quân Lam Sơn đánh vào Thanh Oai. Sơn Thọ và Mã Kỳ ồ ạt phản công, hy vọng lập công chuộc tội. Toán quân Lam Sơn vừa đánh vừa rút dần ra Cổ Lãm. Cả hai tên giặc thúc quân đuổi gấp theo. Khi giặc lọt vào trận địa phục kích, quân Lam Sơn nhất tề xông ra. Giặc quá bất ngờ, không kịp phản ứng, bị dồn vào giữa đồng lầy và bị tiêu diệt trên một nghìn tên, năm trăm tên bị bắt sống. Sơn Thọ và Mã Kỳ hốt hoảng chạy thục mạng về Đông Quan.





Sau khi truy đuổi đến cầu Nhân Mục, thấy giặc đã chạy khá xa, các tướng Lam Sơn quyết định cho quân quay lại đánh thẳng vào dinh trại giặc ở Sa Đồi. Khi nghe tin Sơn Thọ Mã Kỳ đại bại, Phương Chính và Lý An cũng vội rút quân. Tức tối vì kế hoạch đầu tiên chưa đánh đã bại, Vương Thông hạ lệnh hội quân về Cổ Sở để đánh Ninh Kiều. Quân số giặc Minh lúc này chưa tới 9 vạn. Đề phòng bị tấn công bất ngờ, Vương Thông sai quân canh gác nghiêm ngặt tất cả mọi nẻo đường.

Tại Ninh Kiều, các tướng Phạm Văn Xảo, Lý Triện, Trịnh Khả và Đỗ Bí sau khi nắm chắc ý đồ của Vương Thông đã cho quân rút khỏi Ninh Kiều, tránh sự phản công của giặc. Vì vậy, khi quân Minh tràn vào thì Ninh Kiều đã vắng lặng, không một bóng người. Vương Thông tức giận ra lệnh hạ trại ngay tại đó và tung quân thám sát truy tìm lực lượng của Lam Sơn.

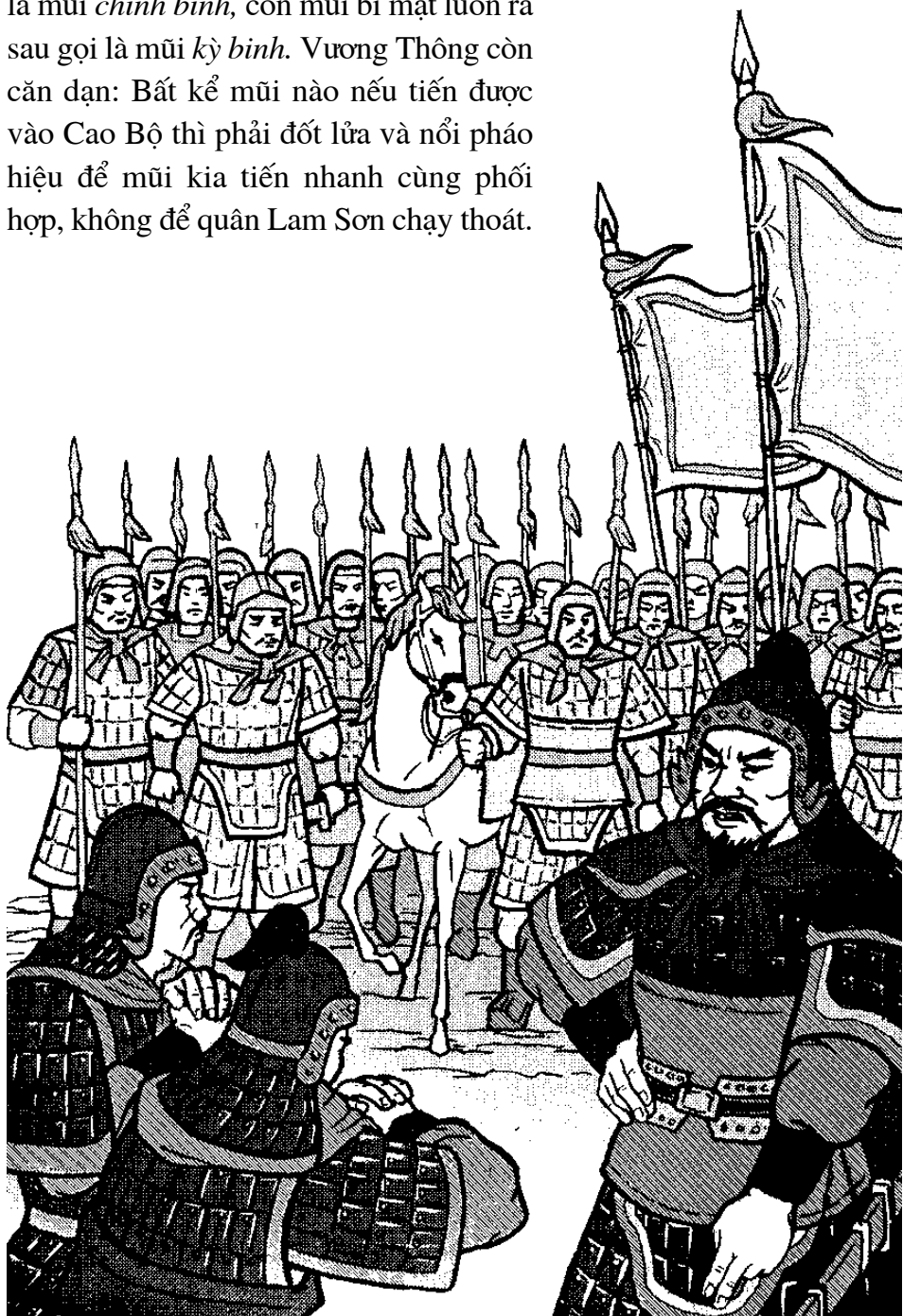


Quân Lam Sơn sau khi rút khỏi Ninh Kiều đã về đóng tại Cao Bộ^(*). Đây là khu đồi có nhiều cây cối rậm rạp, xen giữa những dải ruộng bùn lầy tạo nên một địa thế hiểm yếu, thuận lợi cho việc phòng ngự. Lúc này, đạo quân thứ ba của Lam Sơn với ba nghìn nghĩa sĩ và một thớt voi, do các tướng Đinh Lễ và Nguyễn Xí chỉ huy cũng đã bí mật đến Cao Bộ hội quân vào đêm 6-11-1426.

^{*} Tên Nôm là làng Bụa, nay thuộc xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.



Khi biết quân Lam Sơn đang đóng ở Cao Bộ, Vương Thông chia quân làm hai mũi: Mũi đánh trực diện vào Cao Bộ gọi là mũi *chính binh*, còn mũi bí mật luồn ra sau gọi là mũi *kỳ binh*. Vương Thông còn căn dặn: Bất kể mũi nào nếu tiến được vào Cao Bộ thì phải đốt lửa và nổi pháo hiệu để mũi kia tiến nhanh cùng phối hợp, không để quân Lam Sơn chạy thoát.





Nhưng quân do thám của Lam Sơn luôn bám sát mọi động tĩnh của giặc nên biết trước mưu toan của hãn. Cả hai đạo quân Lam Sơn nhanh chóng rút quân khỏi Cao Bộ, chỉ để lại một toán nhỏ làm nghi binh. Toán nghi binh đốt nhiều bếp lửa như đang nấu cơm cho cả một đạo quân lớn và vẫn nổi trống báo canh như thường lệ.



Rút khỏi Cao Bộ, hai đạo quân Lam Sơn chia nhau bố trí mai phục tại hai nơi hiểm yếu để chờ giặc. Một là ở làng Tốt Động (tên Nôm là làng Rét thuộc Chương Mỹ, Hà Nội), nơi mà quân Minh từ Ninh Kiều muốn đến được Cao Bộ thì nhất thiết phải đi qua. Đất Tốt Động là đất đồng chiêm trũng, quanh năm bùn lầy nước đọng.

Cánh quân thứ hai mai phục tại Chúc Động (cũng thuộc huyện Chương Mỹ ngày nay, cách Tốt Động chừng 6km, đồng ruộng cũng lầy lội và thuận tiện cho việc ém quân. Nhưng bố trí mai phục ở đây là việc làm táo bạo vì nơi này nằm sát Ninh Kiều, nơi đạo quân của Vương Thông đang đóng. Chỉ cần một sơ suất nhỏ cũng có thể bị phát hiện và bị phản công.





Rạng sáng ngày 7-11-1426, hai mũi chính binh và kỳ binh của giặc cùng tiến vào Cao Bộ. Chúng kéo qua Chúc Động mà không hề biết có quân Lam Sơn ở đó. Mũi chính binh do đích thân Vương Thông chỉ huy rất đông, Khi những tên lính đầu tiên đã đến Tốt Động thì những tên cuối cùng vẫn còn ở tận Chúc Động.



Dại quân Vương Thông vừa đến Tốt Động thì bỗng nghe pháo hiệu nổ ran ở phía Cao Bộ, sau đó lại thấy lửa cháy rực trời. Tướng mũi kỳ binh đã chiếm được Cao Bộ, Vương Thông cho quân tràn xuống cánh đồng Tốt Động để nhanh chóng đến tiếp ứng. Lập tức chúng bị sa lầy, đang lúng túng thì bị quân Lam Sơn mai phục ở cả hai đầu đổ ra đánh giết.





Từ Tốt Động và Chúc Động, voi chiến của Lam Sơn chia cắt đội hình giặc để bộ binh dễ dàng tiến đánh. Hàng ngũ của giặc rối loạn xô đẩy, giẫm đạp lên nhau tìm đường thoát thân. Thượng thư Trần Hiệp (lúc này đang giữ chức Tham tán Quân vụ trong đội quân của Vương Thông) bị giết chết. Vương Thông bị trúng một mũi tên ở cạnh sườn, chẳng dám dừng lại để nhỏ, cứ để thế mà chạy một mạch.



Mũi kỳ binh của giặc biết chính binh đã đại bại liền tháo chạy trở về Ninh Kiều. Tới Chúc Động, chúng lại bị quân Lam Sơn phục kích. Định chạy về Đông Quan thì cầu đã bị quân Lam Sơn phá hủy. Phía trước là dòng sông rộng, phía sau là quân Lam Sơn truy đuổi. Những lùm cây ở sườn đồi gần đó bị quân Lam Sơn đốt trụi, khói lửa ngút trời. Giặc Minh cùng đường, lớp bị tên bắn, lớp nhảy xuống sông, lớp dẫm đạp lên nhau chết không biết bao nhiêu mà kể.



Trận Tốt Động - Chúc Động là một trong những trận quyết chiến chiến lược hàng đầu trong lịch sử chiến đấu của dân tộc ta, một ví dụ điển hình của nghệ thuật đánh mai phục ở vùng đồng bằng. Trong trận này, gần sáu vạn quân Minh bị tiêu diệt và bắt sống, Nghĩa quân Lam Sơn thu được vô số chiến lợi phẩm.



Sau trận đại bại ở Tốt Động - Chúc Động, Vương Thông rút quân về cố thủ trong thành Đông Quan. Tại đây, hắn ra lệnh cướp những vật làm bằng đồng trong đó có chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh (hai trong Tứ Đại Khí của nước ta lúc đó) để lấy kim loại đúc vũ khí, hi vọng có thể cầm cự để chờ viện binh.

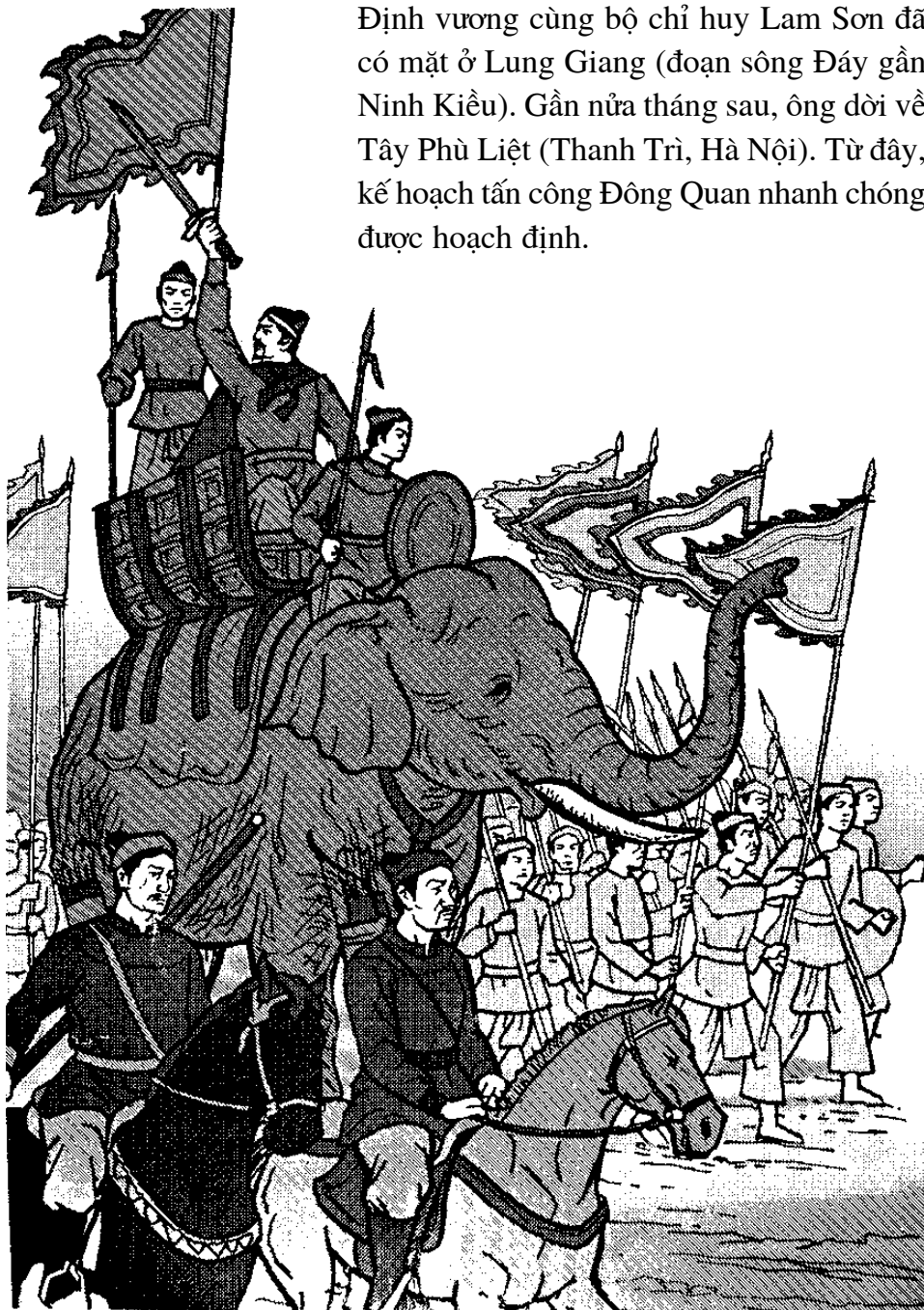




Bên cạnh việc tăng cường vũ khí, ngay khi kéo quân về cố thủ trong thành Đông Quan, Vương Thông tìm đủ mọi cách để củng cố chính quyền đô hộ ở những nơi chúng còn chiếm giữ được, với ý định tạo hành lang bảo vệ và cung cấp lương thực cho quân “thiên triều” đang bị vây hãm trong các thành khác. Như vậy, ý định kiên trì thủ thế của Vương Thông đã thể hiện rất rõ.

Lúc này Lê Lợi đang đóng quân ở Lôi Giang (Thanh Hóa). Tin thắng trận liên tiếp báo về, Bình Định vương quyết định dời đại bản doanh ra Bắc để kịp thời ứng phó với diễn biến của thế trận. Ngày 11

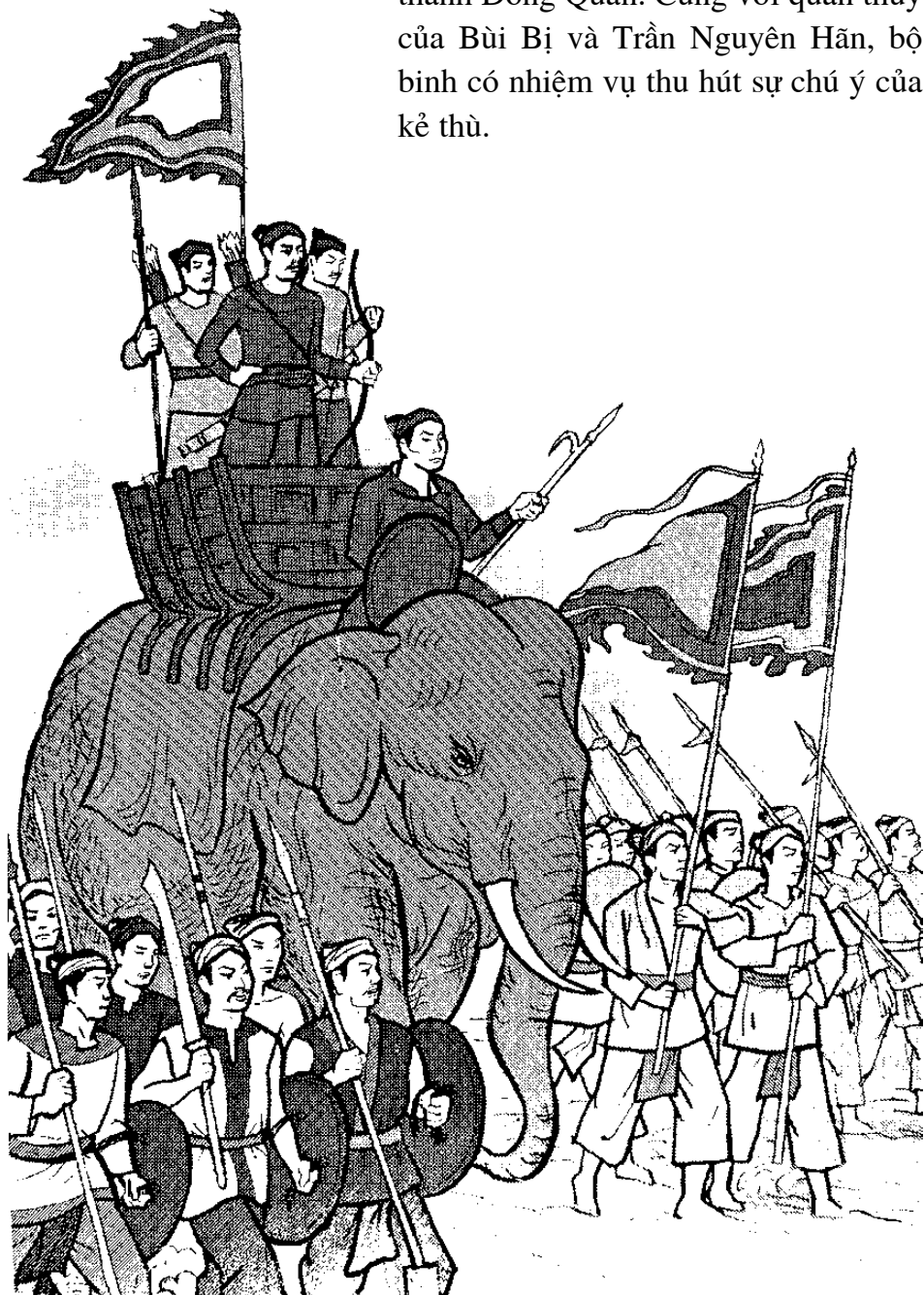
tháng 10 năm Bính Ngọ (10-11-1426). Bình Định vương cùng bộ chỉ huy Lam Sơn đã có mặt ở Lung Giang (đoạn sông Đáy gần Ninh Kiều). Gần nửa tháng sau, ông dời về Tây Phù Liệt (Thanh Trì, Hà Nội). Từ đây, kế hoạch tấn công Đông Quan nhanh chóng được hoạch định.



Ngày 23 tháng 10 năm Bính Ngọ (22-11-1426), những cuộc tấn công vào thành Đông Quan của đại quân Lam Sơn bắt đầu. Lực lượng thủy binh do Trần Nguyên Hãn và Bùi Bị chỉ huy, gồm một trăm chiến thuyền, men theo sông Đáy rồi sông Hát vào Đông Bộ Đầu (đầu cầu Long Biên hiện nay) tiến đánh phía đông thành Đông Quan.



Lực lượng bộ binh có cả voi chiến yểm trợ, do tướng Đinh Lễ chỉ huy, bí mật tiến đến cầu Tây Dương (tức cầu Giấy), bất ngờ tấn công vào phía tây thành Đông Quan. Cùng với quân thủy của Bùi Bị và Trần Nguyên Hãn, bộ binh có nhiệm vụ thu hút sự chú ý của kẻ thù.



Quân chủ lực của Lam Sơn do đích thân Lê Lợi chỉ huy, tiến thẳng vào khu vực phía nam của thành Đông Quan. Ba cánh quân từ ba hướng ước hẹn đến nửa đêm ngày 22 tháng 11 thì nhất tề tấn công và phát lửa đốt hết những dinh trại nhỏ của giặc nằm rải rác ở phía ngoài rồi áp sát chân thành.

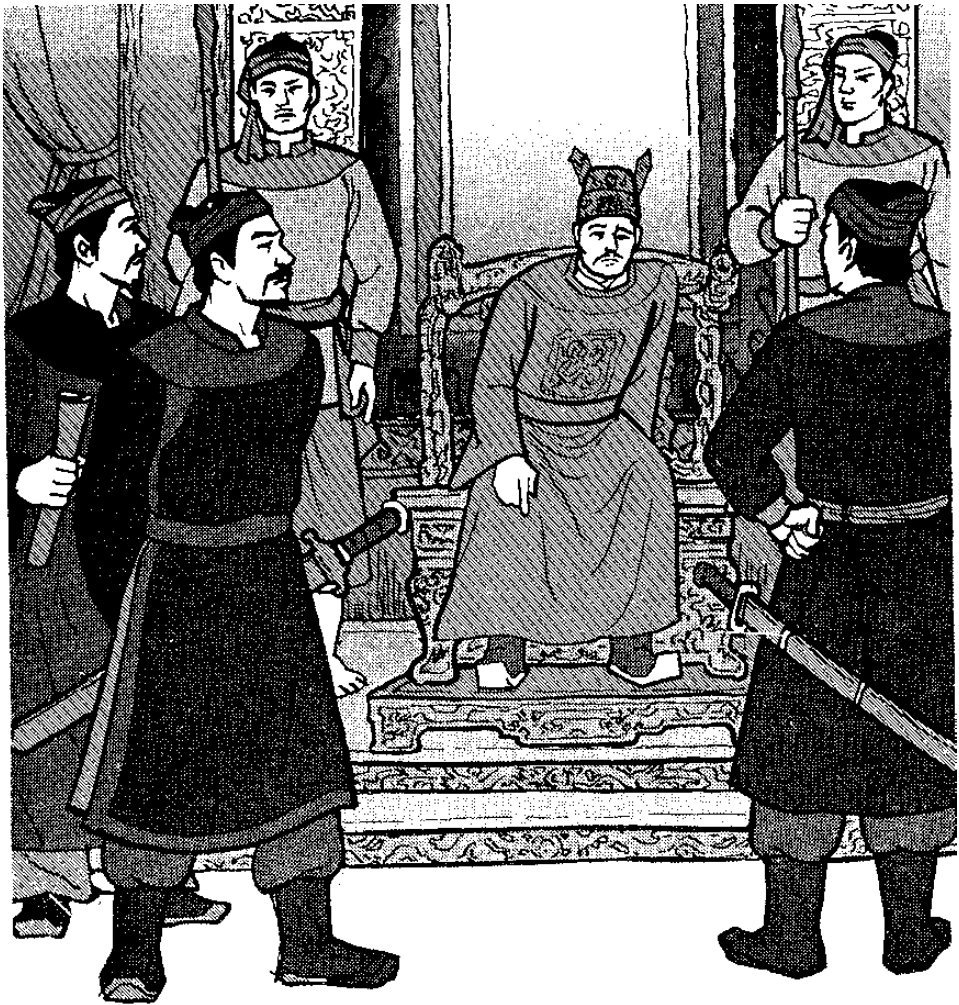


Trận đánh bất ngờ này khiến quân Minh vô cùng hốt hoảng. Tướng Phương Chính chỉ huy quân Minh đang đóng ở ngoài vôi và rút lui vào trong và đóng chặt cửa thành. Lam Sơn thu được trên một trăm chiến thuyền và giải thoát cho nhiều người đang bị giam giữ. Từ đây, nghĩa quân Lam Sơn bắt đầu xiết chặt vòng vây quanh thành Đông Quan.





Vừa bao vây Đông Quan, Lê Lợi vừa cho quân tiếp tục bao vây và dụ hàng các thành lũy nhỏ nằm rải rác ở khắp miền Bắc như thành Điêu Diêu (nay thuộc Gia Lâm ngoại thành Hà Nội), thành Thị Cầu (nay thuộc Bắc Ninh), thành Xương Giang (nay thuộc Bắc Giang), thành Tam Giang (nay thuộc Phú Thọ), thành Cổ Lộng (nay thuộc Nam Định), thành Khâu Ôn (nay thuộc Lạng Sơn)...



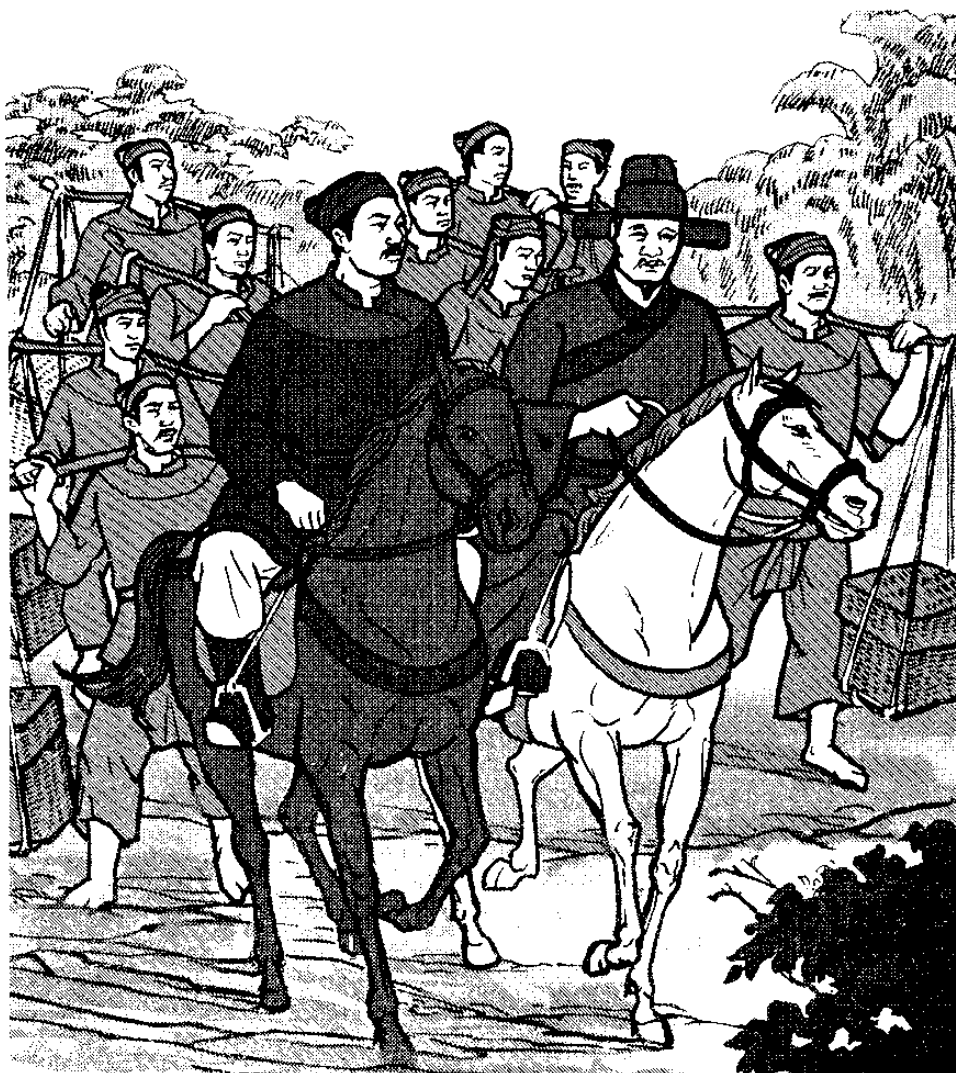
Trước tình thế khốn quẫn đó, Vương Thông đưa tin là sẽ thực hiện đúng khẩu hiệu “phù Trần diệt Hồ” mà Minh Thành Tổ đã đề ra hai chục năm trước, khi lấy danh nghĩa để xâm lược nước ta. Tương kế tựu kế, tháng 12 năm ấy, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã “làm lễ tôn tập” cho Trần Cảo^(*) lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Thiên Khánh, lấy danh nghĩa là nhà Hậu Trần để giao thiệp với quân Minh.

^{*} Tên thật là Hồ Ông, khi loạn lạc đến ngụ tại châu Ngọc Ma (nay thuộc Nghệ An), tự xưng là cháu ba đời của vua Trần Nghệ Tông (1370-1372).

Tuy không có tài năng, cũng chẳng có công gì trong cuộc chiến đấu bấy giờ nhưng Trần Cao đã được đưa lên núi Không Lộ (nay thuộc huyện Thạch Thất, Hà Nội) để... “làm vua”. Tướng Bùi Quốc Hưng đóng vai trò quan hầu để giám sát mọi hành vi của “vị vua” này. Trong các văn kiện giao thiệp với quân Minh, Lê Lợi chỉ tự nhận mình là Vệ Quốc công, lo việc phò tá cho “nhà vua” họ Trần.

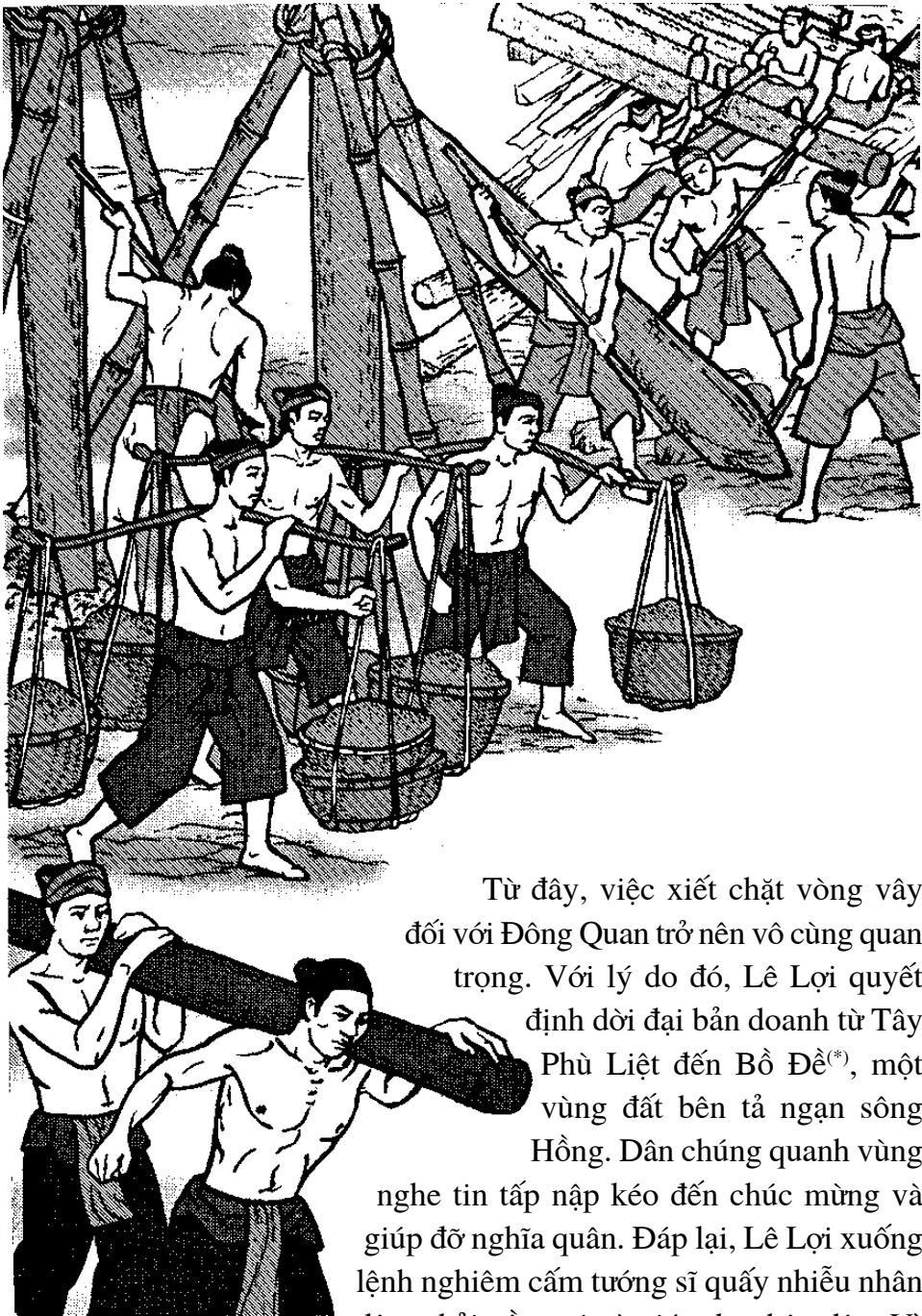


Sau nhiều lần thư từ và cho sứ giả qua lại thương thuyết, cuối cùng quân Minh chấp nhận sẽ rút về nước, giao trả mọi thành trì và đất đai, đồng thời thừa nhận ngôi vị của Trần Cảo. Lê Lợi cũng lệnh cho nghĩa quân nói rộng vòng vây Đông Quan, cho phép quân Minh được tự do đi lại, mua bán “chẳng khác gì dân thường”.



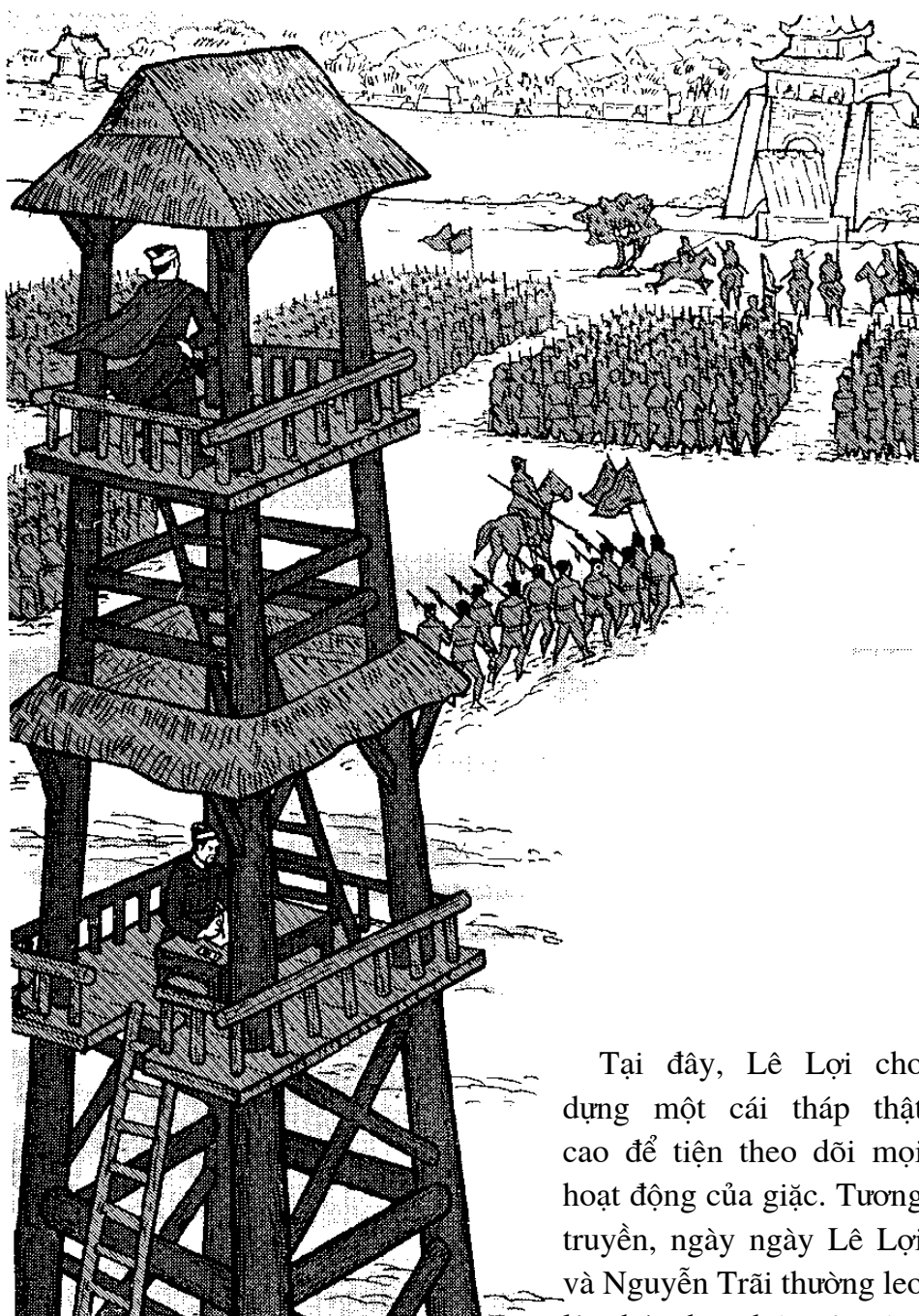


Sau đó, Lê Lợi và Nguyễn Trãi cử sứ giả đi cùng với Vương Thông đem tờ biểu sang triều đình nhà Minh để xin cầu phong cho Trần Cảo. Nhưng Vương Thông là kẻ gian ngoan, hấn lợi dụng việc cử người đi với sứ giả Lam Sơn để bí mật xin thêm viện binh. Dọc đường, sứ giả Lam Sơn phát hiện được mưu hiểm này, liền bắt ngay sứ đoàn của Vương Thông và tố cáo sự lật lọng của giặc. Cuộc giảng hòa đến đó kể như bế tắc.



Từ đây, việc xiết chặt vòng vây đối với Đông Quan trở nên vô cùng quan trọng. Với lý do đó, Lê Lợi quyết định dời đại bản doanh từ Tây Phù Liệt đến Bồ Đề^{*}, một vùng đất bên tả ngạn sông Hồng. Dân chúng quanh vùng nghe tin tấp nập kéo đến chúc mừng và giúp đỡ nghĩa quân. Đáp lại, Lê Lợi xuống lệnh nghiêm cấm tướng sĩ quấy nhiễu nhân dân, phải gần gũi và giúp đỡ nhân dân. Vì thế, nghĩa quân càng được lòng dân.

^{*} Nay thuộc phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội.



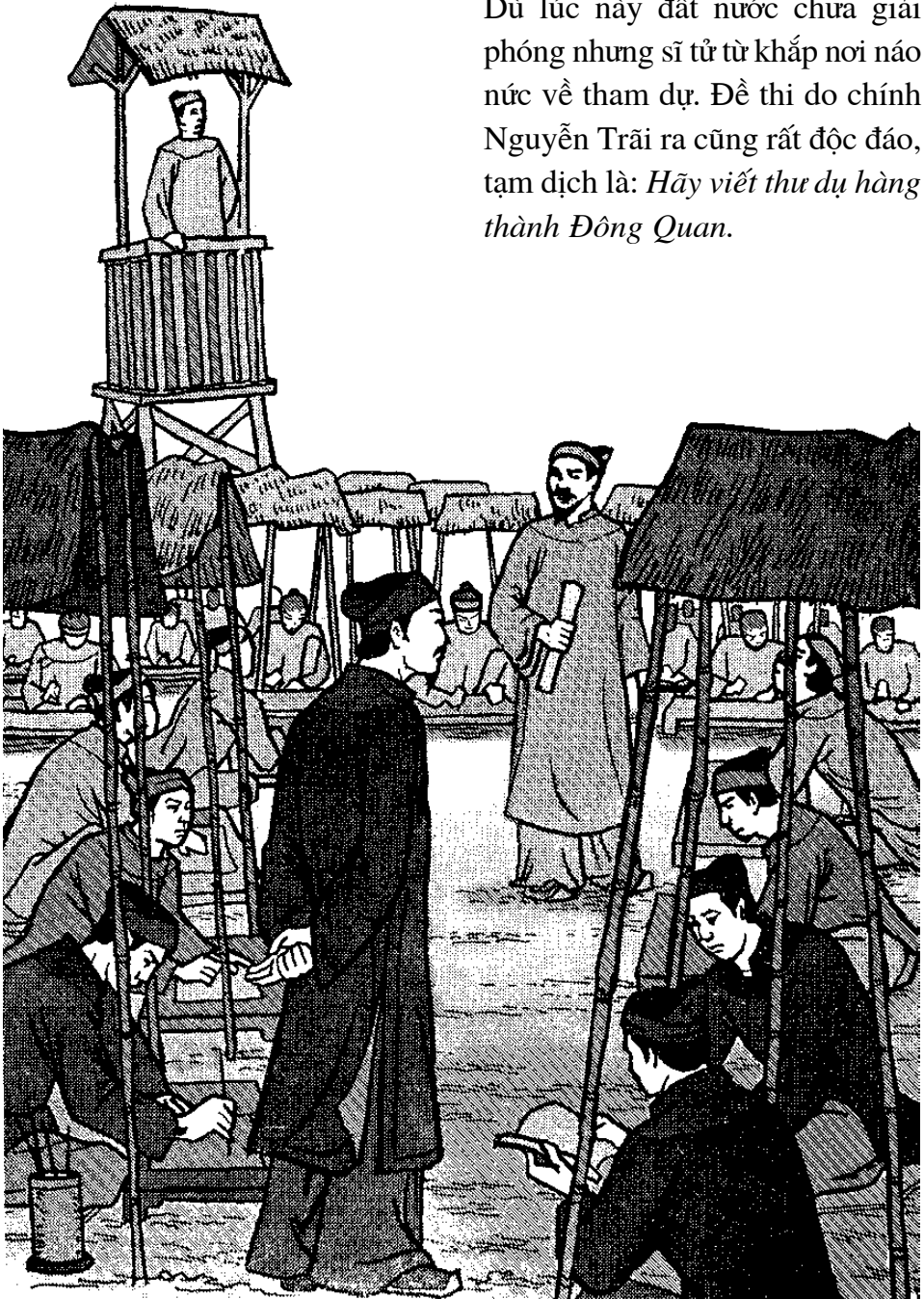
Tại đây, Lê Lợi cho dựng một cái tháp thật cao để tiện theo dõi mọi hoạt động của giặc. Tương truyền, ngày ngày Lê Lợi và Nguyễn Trãi thường leo lên tháp theo dõi quân giặc

và bàn bạc việc quân. Những ý tưởng độc đáo của Lê Lợi đều lập tức được Nguyễn Trãi soạn thành văn để chỉ đạo hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn.



Đầu năm 1427, từ dinh Bồ Đề, Lê Lợi đã ban hành một loạt những quyết định quan trọng, trong đó việc cần thiết cấp bách đầu tiên là phải nhanh chóng xây dựng và củng cố chính quyền ở vùng mới giải phóng. Từ đó, bộ máy hành chính điều hành công việc của từng địa phương đã hình thành.

Sau đó, để có người tài giỏi
bổ nhiệm vào chức quan, Lê Lợi
và Nguyễn Trãi cho tổ chức một
khoa thi ngay tại dinh Bồ Đề.
Dù lúc này đất nước chưa giải
phóng nhưng sĩ tử từ khắp nơi náo
nức về tham dự. Đề thi do chính
Nguyễn Trãi ra cũng rất độc đáo,
tạm dịch là: *Hãy viết thư dụ hàng
thành Đông Quan.*

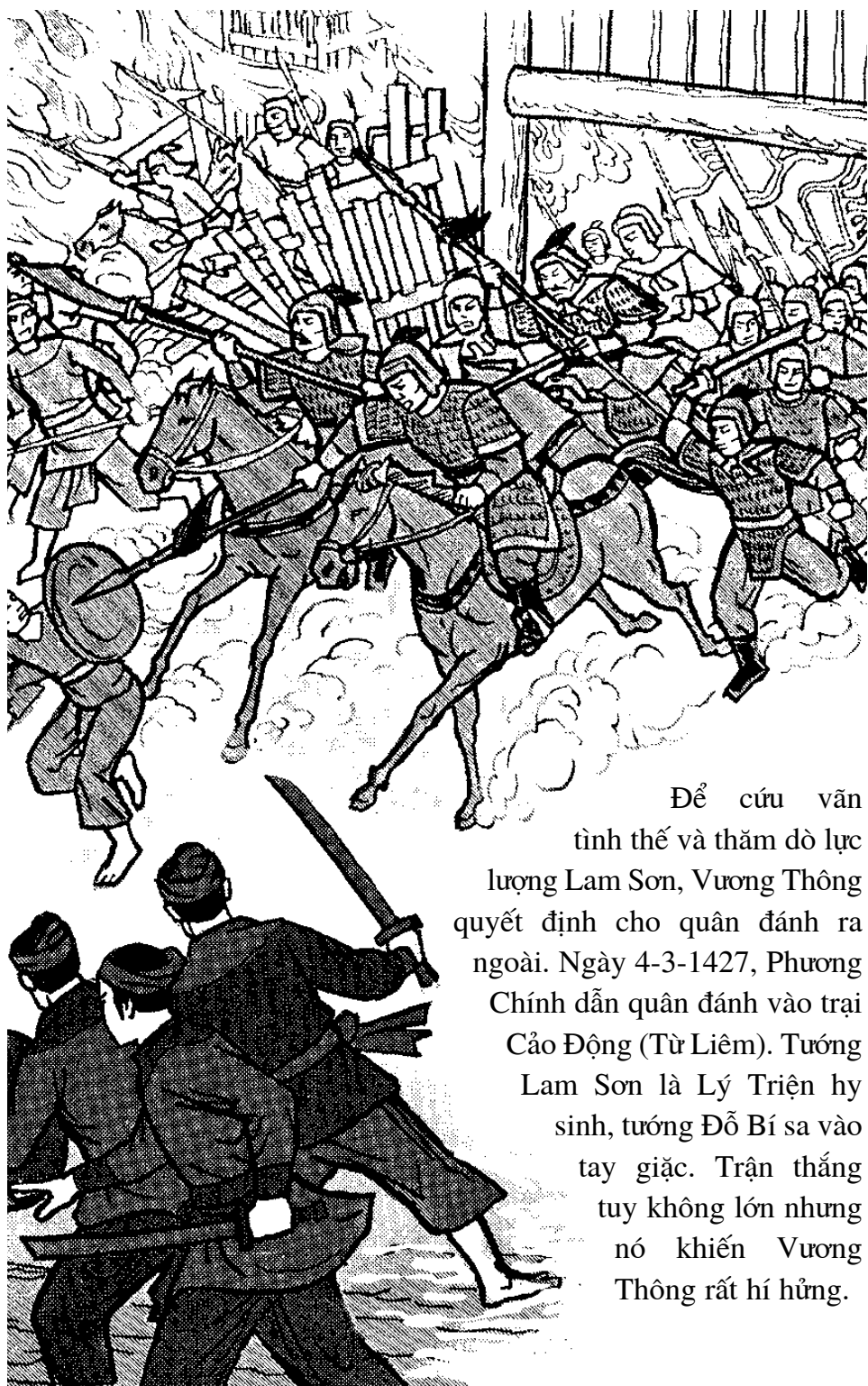


Để chuẩn bị cho những trận đánh lớn, tháng 4 năm 1427, Lê Lợi đã cho tập trận tại Vĩnh Động (nay thuộc Kim Động, Hưng Yên). Các thứ quân đều tham gia, trong đó lực lượng thủy quân làm nòng cốt. Đây là cuộc duyệt quân giữa thời chiến nên kỷ luật đặt ra rất nghiêm khắc. Ai vi phạm quân luật sẽ bị xử theo quân pháp.



Vòng vây của nghĩa quân ngày càng xiết chặt khiến quân giặc trong thành Đông Quan hết sức hoang mang lo sợ, liên tục đào ngũ ra hàng Lam Sơn, trong đó có cả viên Bách hộ Hà Vương. Đúng vào lúc khốn quẫn đó, Vương Thông liên tiếp nhận được những bức thư gọi hàng do Nguyễn Trãi soạn thảo. Lời lẽ vừa mềm dẻo vừa rất kiên quyết khiến Vương Thông thêm mệt mỏi, lo âu.





Để cứu vãn tình thế và thăm dò lực lượng Lam Sơn, Vương Thông quyết định cho quân đánh ra ngoài. Ngày 4-3-1427, Phương Chính dẫn quân đánh vào trại Cảo Động (Từ Liêm). Tướng Lam Sơn là Lý Triện hy sinh, tướng Đỗ Bí sa vào tay giặc. Trận thắng tuy không lớn nhưng nó khiến Vương Thông rất hí hửng.

Ngày 16-3, giặc lại tấn công bất ngờ vào lực lượng nghĩa quân đang đóng ở Sa Đồi (Từ Liêm). Dù quân số ít nhưng quân Lam Sơn đã chiến đấu rất anh dũng. Tương truyền, vì thiếu vũ khí, anh em đã lấy cả dụng cụ làm bếp, thậm chí lấy cả chum vại đựng nước để đánh trả. Sự quả cảm ấy khiến quân giặc nhanh chóng bị đẩy lùi.



Ngày 4-4, đến lượt Vương Thông đích thân cầm quân đi đánh trại Lam Sơn ở Tây Phù Liệt. Lê Lợi sai Đinh Lễ và Nguyễn Xí đem quân tới ứng cứu. Tuy đẩy lùi được giặc nhưng vì quá mải mê truy đuổi, cả hai tướng đều bị giặc bắt. Sau đó, Nguyễn Xí may mắn trốn thoát, Đinh Lễ đã bị giặc giết hại.

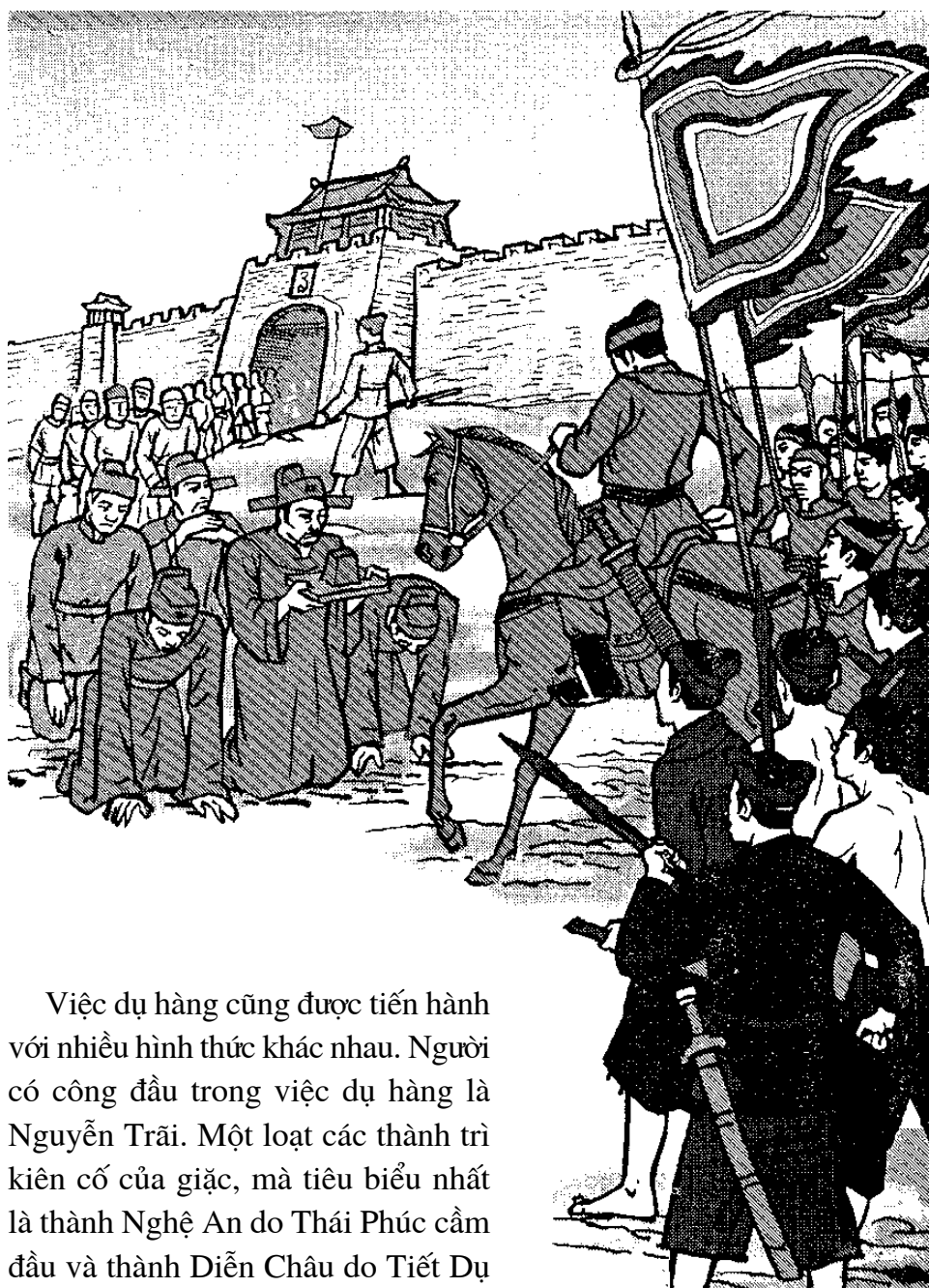


Sau ba lần đột kích ra ngoài thành, tuy đều bị đẩy lùi nhưng cũng gây cho Lam Sơn nhiều tổn thất, Vương Thông có vẻ chủ quan, lên mặt tự đắc. Đúng lúc đó, đọc thư của Lam Sơn vừa gửi tới có câu: *“Ta nghe, múc một gáo nước biển cả không vì thế mà voi, đổ thêm một gáo nước biển cả không vì thế mà đầy. Cho nên, người dùng binh giỏi không lấy sự thắng nhỏ mà mừng, không lấy sự thua nhỏ mà lo”,* y lại chột dạ.





Biết giặc còn ngoan cố, Lê Lợi quyết định vừa cho quân xiết chặt vòng vây, vừa cho bắn vào thành những bức thư dụ hàng, cấm người dân bán lương thực, thực phẩm cho giặc. Có viên Thiên hộ Lý Vân và gia nhân Bùi Vĩnh người huyện Chí Linh (Hải Dương ngày nay) cố tình chở muối vào bán cho giặc Minh, liền bị nghĩa quân xử tử. Từ đó, mọi người đâu đâu cũng tuân theo.



Việc dụ hàng cũng được tiến hành với nhiều hình thức khác nhau. Người có công đầu trong việc dụ hàng là Nguyễn Trãi. Một loạt các thành trì kiên cố của giặc, mà tiêu biểu nhất là thành Nghệ An do Thái Phúc cầm đầu và thành Diễn Châu do Tiết Dụ chỉ huy, đã phải hạ vũ khí đầu hàng quân Lam Sơn. Việc kết hợp giữa bao vây và dụ hàng đã khiến tình thế của quân Minh và Tổng binh Vương Thông đã khốn quẫn lại càng thêm khốn quẫn hơn.

Để cô lập thành Đông Quan hơn nữa, nghĩa quân dồn dập tấn công các thành trì nhỏ nằm rải rác trên con đường từ biên giới Trung Quốc đến Đông Quan. Các thành Thị Cầu, Tam Giang, Điều Điều đã tự đầu hàng. Thành Khâu Ôn có chống cự nhưng cũng bị san phẳng. Chỉ có thành Xương Giang là ngoan cố chống giữ.



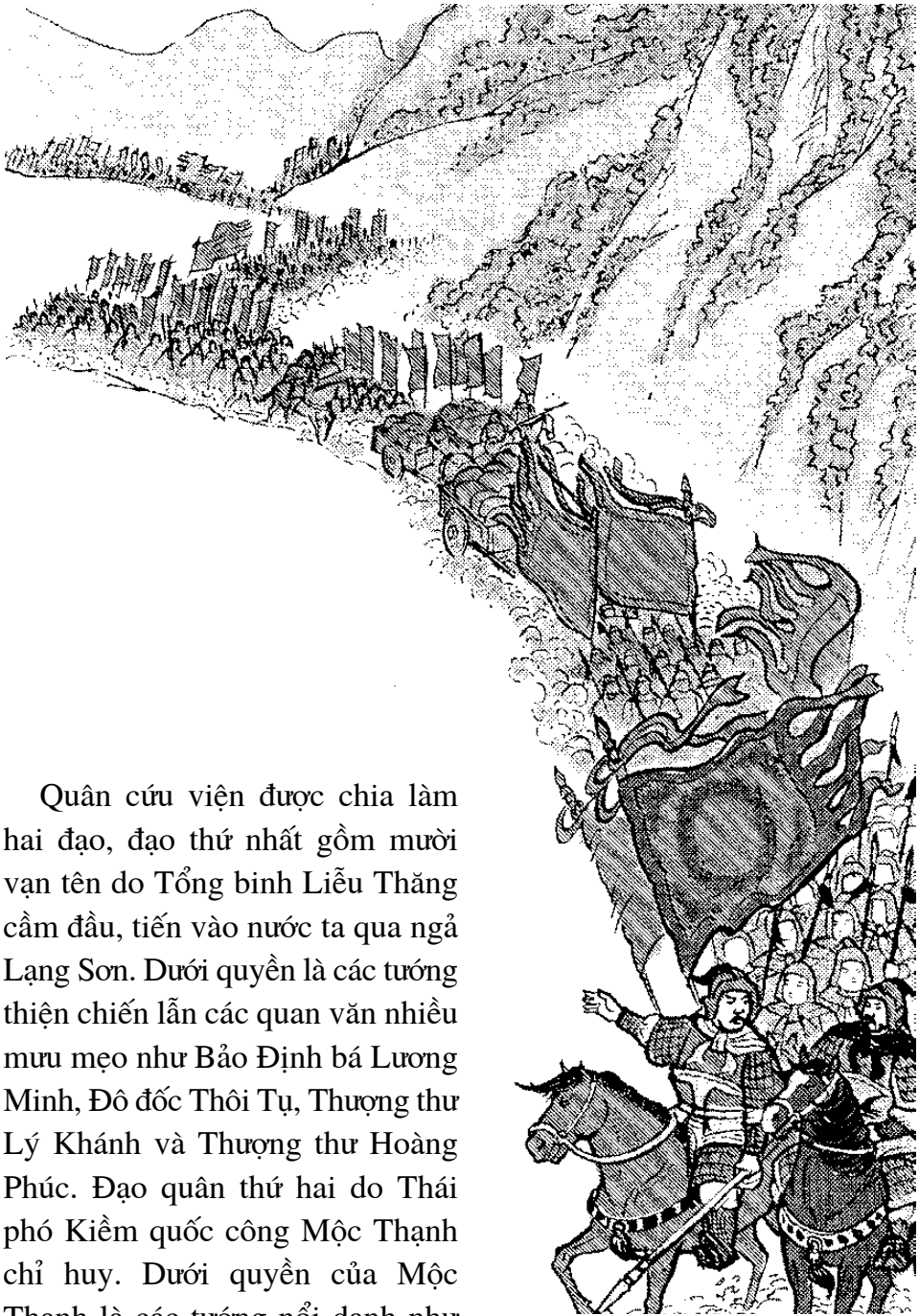
Mất một loạt thành trì khiến Vương Thông khủng hoảng thật sự. Tình thế của hắn lúc này đúng như lời Nguyễn Trãi: “*Nay các người chỉ còn tàn binh mấy ngàn tên, giữ một thành trợ trợ mà lương thì sắp cạn, viện binh chẳng thấy sang, lòng người ly tán, kẻ đào ngũ ngày càng nhiều, cái thế được thua chỉ cần ngồi nghĩ qua đã thấy*”.



Tin đại bại của Vương Thông báo về khiến vua Minh vừa lo sợ, vừa tức tối. Để cứu vãn uy danh của thiên triều, vua Minh quyết định sai Thái tử Thái phó An Viễn hầu Liễu Thăng đưa 15 vạn quân^(*) đi cứu nguy cho Vương Thông và đại quân đang bị vây hãm trong thành Đông Quan.

** Đây là quân số chiến đấu, chưa kể hàng vạn quân phụ.*





Quân cứu viện được chia làm hai đạo, đạo thứ nhất gồm mười vạn tên do Tổng binh Liễu Thăng cầm đầu, tiến vào nước ta qua ngã Lạng Sơn. Dưới quyền là các tướng thiện chiến lẫn các quan văn nhiều mưu mẹo như Bảo Định bá Lương Minh, Đô đốc Thôi Tụ, Thượng thư Lý Khánh và Thượng thư Hoàng Phúc. Đạo quân thứ hai do Thái phó Kiêm quốc công Mộc Thạnh chỉ huy. Dưới quyền của Mộc Thạnh là các tướng nổi danh như Hưng An bá Từ Hanh, Tân Ninh bá Đàm Trung. Đạo này gồm năm vạn tên, tiến vào nước ta qua ngã Lào Cai.



Theo kế hoạch, cả hai đạo quân sẽ nhất tề tiến vào Đông Quan, hợp binh với Vương Thông để phản công, hòng lật ngược thế trận. Để đảm bảo chắc thắng, ngoài việc huy động quân lính và dân phu, vua Minh còn ra lệnh cho quan lại các địa phương trong nước phải đóng góp thật nhiều lương thực và thực phẩm, không để đội quân viễn chinh phải thiếu thốn lương ăn. Hai viên quan cao cấp của triều đình nhà Minh là Phàn Kính và Hồ Dị được sai đến Quảng Đông và Quảng Tây (Trung Quốc) để trực tiếp đốc thúc công việc này.

Tin viện binh sắp sang khiến cho Vương Thông lấy lại tinh thần. Ngược lại, nghĩa quân Lam Sơn phải đứng trước một thử thách lớn lao. Sau nhiều lần bàn tính cuối cùng bộ chỉ huy Lam Sơn quyết định: Để một đạo quân nhỏ tiếp tục bao vây và dụ hàng bọn giặc ở Đông Quan. Còn đại quân sẽ dồn sức để đánh trận quyết định, tiêu diệt đạo quân do Liễu Thăng cầm đầu, một mặt khống chế được đạo quân của Mộc Thạnh, không để chúng tiếp ứng cho nhau.





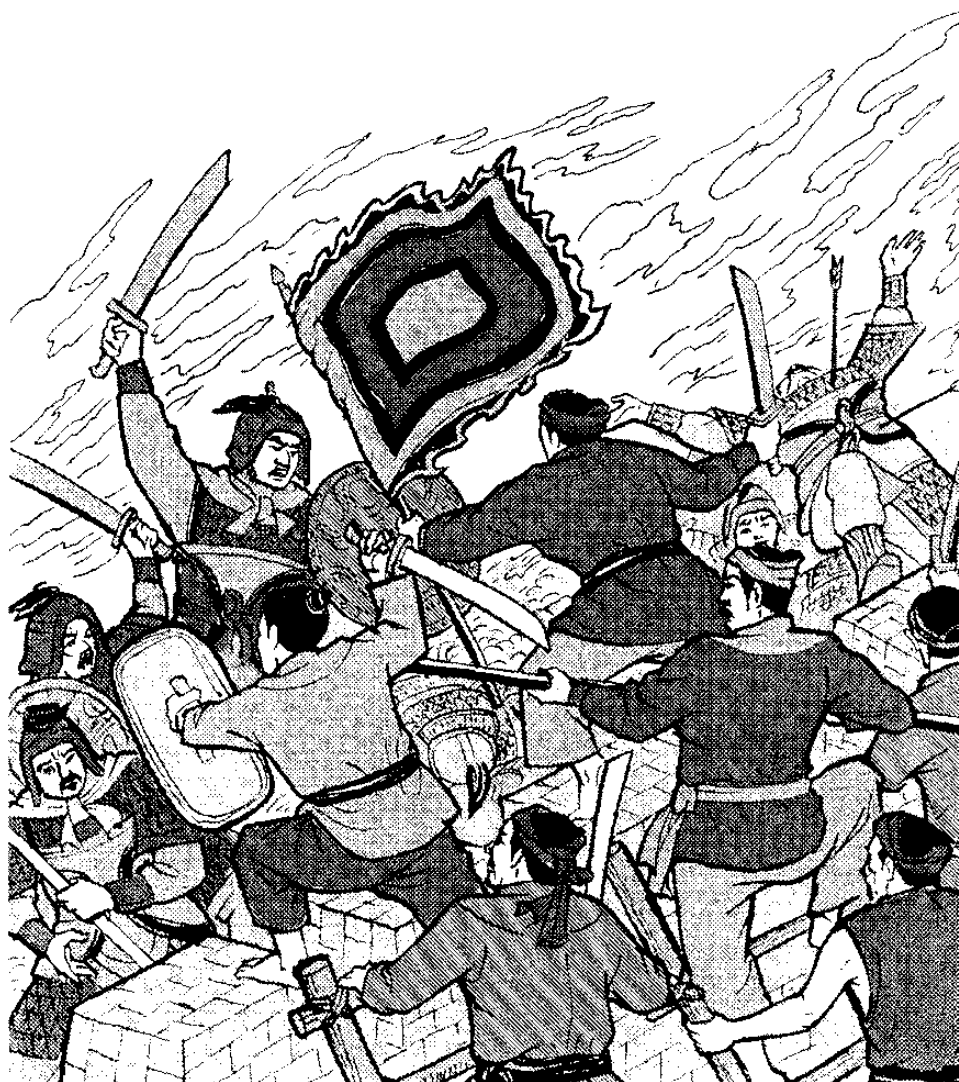
Bộ chỉ huy Lam Sơn còn cho người đến các địa phương ở dọc đường hành quân của giặc, vận động nhân dân lập trận “vườn không nhà trống”, quyết không để cho quân xâm lăng có thể bắt người và cướp được lương thực, thực phẩm. Hưởng ứng lời kêu gọi của nghĩa quân Lam Sơn, nhà nhà gồng gánh, người người xách mang, dắt díu nhau lánh vào rừng, không để lại bất kỳ thứ gì cho giặc.





Bên cạnh đó, nghĩa quân Lam Sơn phải dồn sức hạ bằng được thành Xương Giang để chúng không thể ứng cứu cho quân của Liễu Thăng. Đây là một thành lớn, nằm ở khu vực làng Thành (nay là làng Đông Nham, xã Thọ Xương, tỉnh Bắc Giang). Thành hình vuông, rộng hơn 25 ha, phía ngoài có hào sâu bao bọc.

Trong thành Xương Giang có khoảng hơn hai nghìn tên giặc do tướng Lý Nhậm chỉ huy. Ý có quân đông và quân tiếp ứng sắp tới, Lý Nhậm ngoan cố, không đầu hàng. Lúc đầu việc công thành được giao cho Lê Thụ và Lê Sát chỉ huy. Sau thấy rằng việc hạ thành phải làm càng sớm càng tốt nên Lê Lợi phái tướng Trần Nguyên Hãn đem quân đến tiếp ứng. Một trận ác chiến đã diễn ra. Tháng 9 năm Đinh Mùi (1427), thành Xương Giang bị hạ.





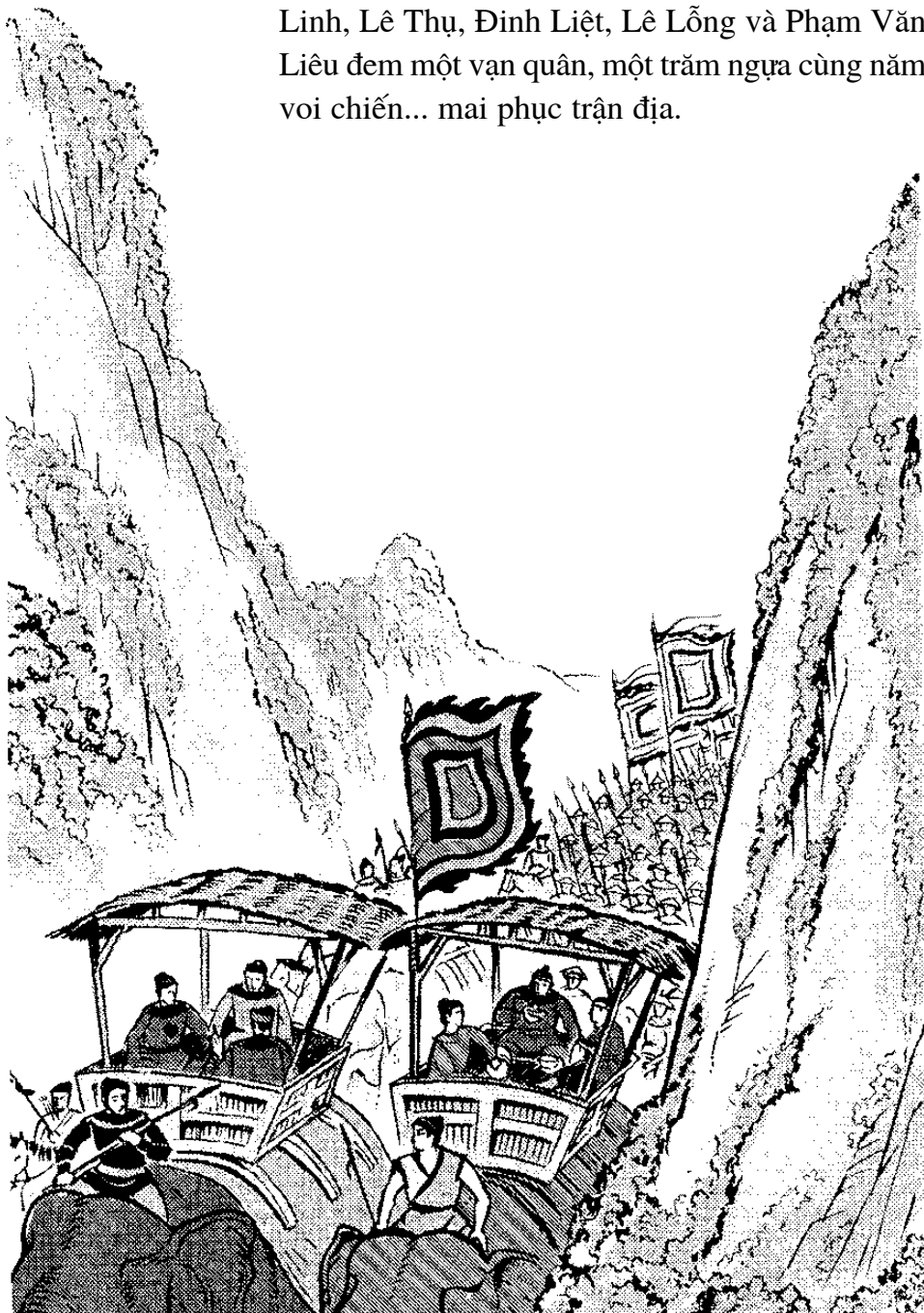
Để đối phó với đạo quân Mộc Thạnh từ Vân Nam sang, từ tháng 5 năm Đinh Mùi (1427), Lê Lợi đã phái tướng Trần Ban lên tận ải Lê Hoa ở Lào Cai sửa sang đồn lũy và tích trữ lương thực, Khống chế được ải này là khống chế được cửa ngõ phía tây bắc nước ta. Sau, Lê Lợi phái thêm các tướng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Nguyễn Chích, Lê Khuyên và Lê Trung lên tiếp ứng.



Đối phó với đạo quân của Liễu Thăng, bộ chỉ huy Lam Sơn đã đưa các đơn vị tinh nhuệ nhất mai phục ở nhiều địa điểm khác nhau kéo dài từ cửa Pha Lũy^(*) đến tận Xương Giang. Các tướng Trần Lựu, Lê Bôi được cử lên Pha Lũy chặn giặc rồi giả thua để nhử giặc vào trận địa mai phục.

^{*} Ái đầu tiên trên đường tiến về Chi Lăng.

Trận mai phục đầu tiên là ở cửa ải Chi Lăng. Đây là trận mở màn, rất quan trọng, có thể sẽ quyết định thắng thua nên Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã sai các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Văn Linh, Lê Thụ, Đinh Liệt, Lê Lỗ và Phạm Văn Liêu đem một vạn quân, một trăm ngựa cùng năm voi chiến... mai phục trận địa.



Trận địa mai phục thứ hai được bố trí tại Cần Trạm - cũng thuộc Lạng Sơn nhưng ở phía dưới Chi Lăng. Từ Chi Lăng, muốn về trung du và đồng bằng tất phải đi ngang qua đó. Việc mai phục ở Cần Trạm, Lê Lợi và Nguyễn Trãi giao ba vạn quân cho các tướng Nguyễn Lý và Lê Văn An đảm trách.



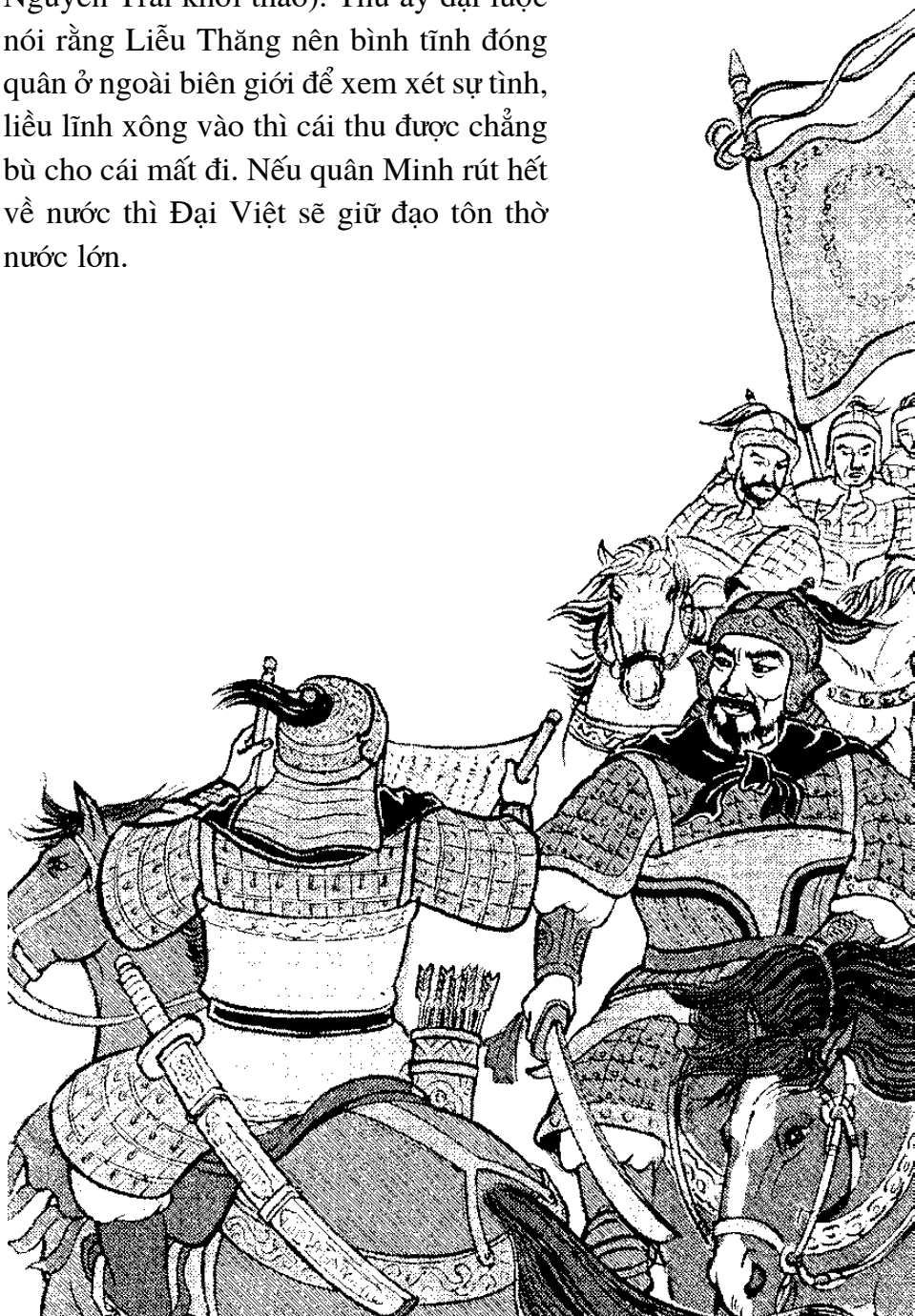


Tại Xương Giang, sau khi đã chiếm được thành, Trần Nguyên Hãn được lệnh phải nhanh chóng biến thành Xương Giang thành một pháo đài kiên cố và lợi hại, chặn đứng đường hành quân của giặc để đánh trận cuối cùng nhằm tiêu diệt toàn bộ quân tiếp viện. Sau khi điều động binh tướng, Lê Lợi và Nguyễn Trãi trực tiếp kiểm tra đốc thúc các tướng, quyết không để xảy ra một sơ hở nào.

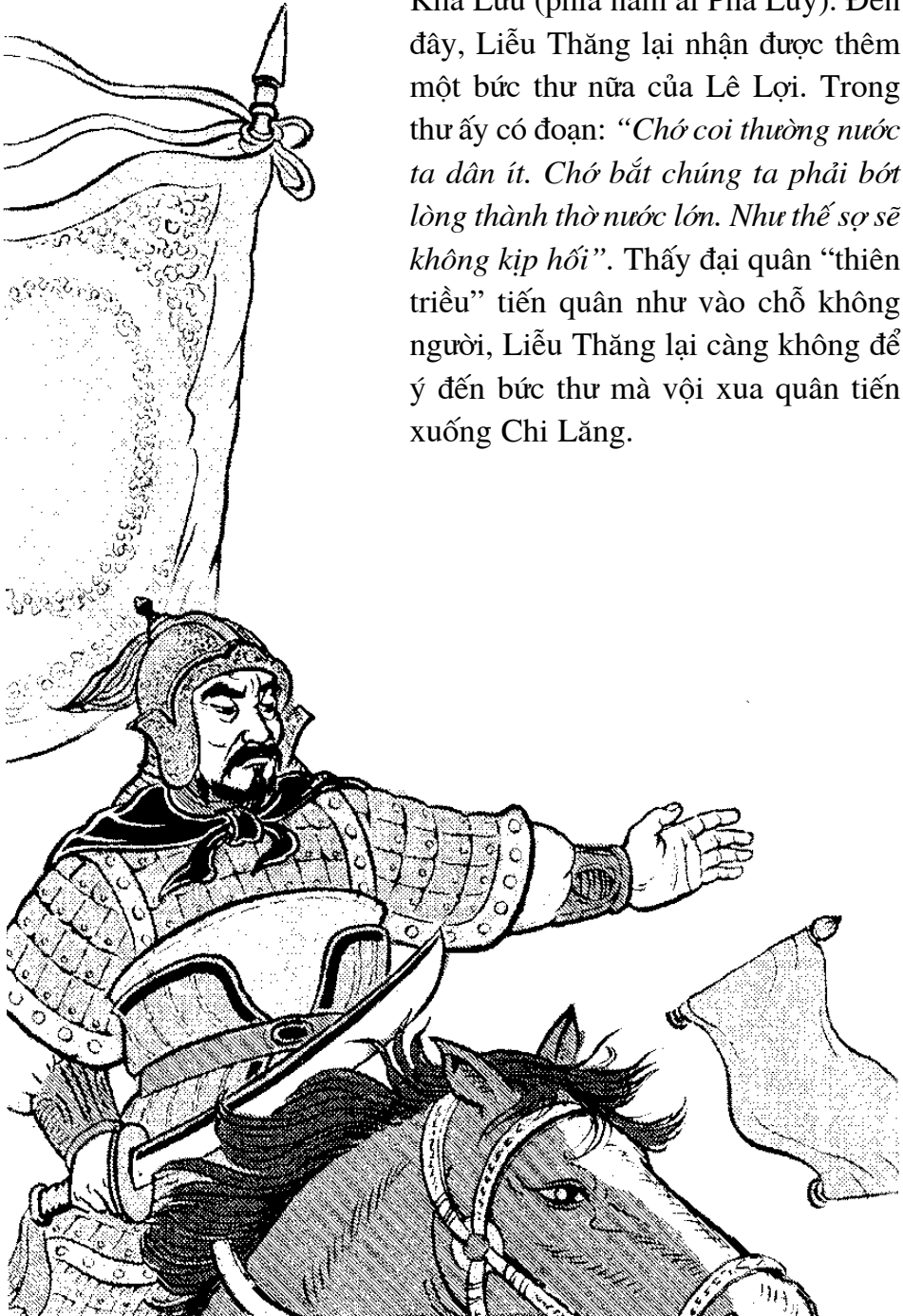
Tháng 10 năm Đinh Mùi (1427), đạo quân mười vạn tên của Liễu Thăng bắt đầu áp sát biên giới phía bắc của nước ta. Từ cửa ải Pha Lũy, các tướng Trần Lựu và Lê Bôi lập tức cho quân xông ra đánh tới tấp. Thấy quân ta ít, Liễu Thăng xua quân đánh trả rất quyết liệt. Trần Lựu và Lê Bôi vừa đánh vừa vờ chạy để nhử giặc đuổi theo.



Thấy dễ dàng đánh bại quân Lam Sơn trận đầu, Liễu Thăng rất đắc chí. Giữa lúc đó, y bỗng nhận được thư của Lê Lợi (do Nguyễn Trãi khởi thảo). Thư ấy đại lược nói rằng Liễu Thăng nên bình tĩnh đóng quân ở ngoài biên giới để xem xét sự tình, liệu lĩnh xông vào thì cái thu được chẳng bù cho cái mất đi. Nếu quân Minh rút hết về nước thì Đại Việt sẽ giữ đạo tôn thờ nước lớn.



Không để ý đến lời lẽ trong thư, Liễu Thăng hạ lệnh cho quân đuổi theo Trần Lựu và Lê Bôi đến tận ải Khả Lưu (phía nam ải Pha Lũy). Đến đây, Liễu Thăng lại nhận được thêm một bức thư nữa của Lê Lợi. Trong thư ấy có đoạn: *“Chớ coi thường nước ta dân ít. Chớ bắt chúng ta phải bót lòng thành thờ nước lớn. Như thế sợ sẽ không kịp hồi”*. Thấy đại quân “thiên triều” tiến quân như vào chỗ không người, Liễu Thăng lại càng không để ý đến bức thư mà vội xua quân tiến xuống Chi Lăng.





Thấy Liễu Thăng quá khinh địch, Lại bộ Lang trung Sử An và Chủ sự Trần Dung cố sức can ngăn nhưng không được. Bấy giờ, Thượng thư Lý Khánh đang lâm bệnh nhưng cũng cố chống gậy đến gặp Liễu Thăng để khuyên can. Cả viên quan giữ chức Chủ sự ở dưới trướng của Liễu Thăng là Phan Nhân cũng lựa lời phân tích mọi lẽ được thua, song Liễu Thăng quyết không nghe ai.

Không lâu sau, quân của Liễu Thăng tiến đến ải Chi Lăng. Đây là một cửa ải rất hiểm yếu, dài chừng 4km, rộng khoảng 1km. Trong ải có 5 ngọn núi đá nhỏ, đó là: Quỷ Môn, Vọng Phu, Kỳ Lân, Phượng Hoàng và Mã Yên. Hai bên cửa ải là núi cao gần như thẳng đứng.



Ngay tại ải Chi Lăng, các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Văn Linh, Lê Thụ, Đinh Liệt, Lê Lỗng và Phạm Văn Liêu đã cho hơn một vạn quân, 100 con ngựa và 5 con voi chiến mai phục sẵn. Liễu Thăng kéo quân đến nơi, thấy bốn bề núi non hiểm trở thì có vẻ lo ngại nên cho quân tiến chậm lại.



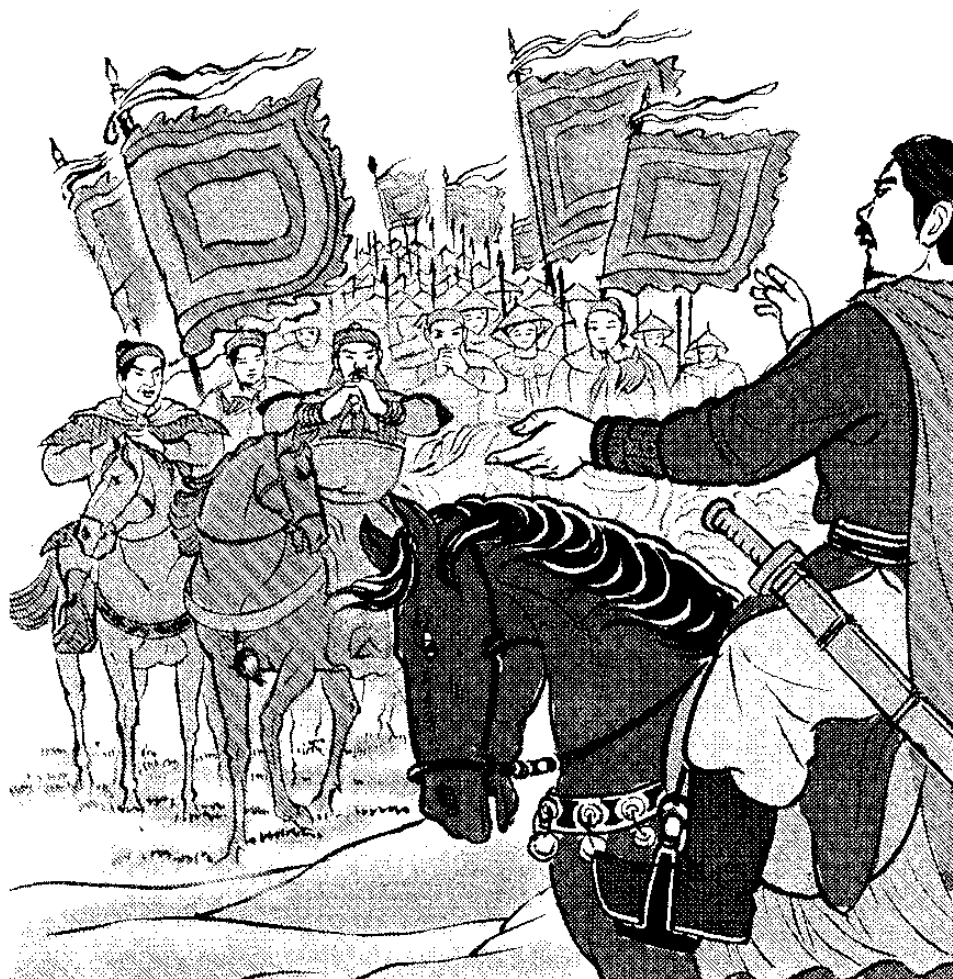
Vừa lúc đó, đội quân của Trần Lưu và Lê Bôi xông ra đánh. Liễu Thăng cho rằng đó chẳng qua là một đội quân nhỏ, từng thua mấy trận liền nên tức tốc đuổi theo. Nhưng khi hấn vừa lọt vào núi Mã Yên, nằm giữa một thung lũng lầy lội thì quân mai phục từ nhiều phía đổ ra đánh tới tấp. Giặc bị dồn vào chỗ bùn lầy, hết sức kinh hoàng nhưng đã muộn.



Từ vách núi, quân Lam Sơn bắn tên tẩm thuốc độc ào ào như mưa. Tiếp đó, tượng binh chia cắt đội hình giặc để bộ binh dễ dàng tiêu diệt. Liễu Thăng cố tìm lối thoát thân nhưng không kịp, bị đâm chết tại núi Mã Yên. Tên tướng tối cao của giặc bị giết, gần một vạn tên giặc bị giết và bị bắt sống. Trận mai phục đầu tiên của nghĩa quân Lam Sơn đã thắng lợi vẻ vang.



Sau thắng lợi ở Chi Lăng, quân Lam Sơn nhanh chóng lui về Cần Trạm (khu vực phía nam tỉnh Lạng Sơn và phía bắc tỉnh Bắc Giang ngày nay, gần với sân bay Kép). Lúc này Lê Lợi đã phái các tướng Lê Văn An và Nguyễn Lý đem thêm quân đến tiếp ứng. Một trận đồ mai phục thứ hai đã sẵn sàng để đợi quân Minh.



Chủ tướng Liễu Thăng bị giết, Phó tổng binh, Bảo Định bá Lương Minh nắm quyền chỉ huy đạo binh tiếp viện này. Không bao lâu y đã nhận được thư của Nguyễn Trãi. Thư ấy đại lược nói rằng: Càng vào sâu, các người càng bị hãm vào miệng cọp, tiến thoái lưỡng nan. Còn như ta đây, thế có khác gì chẻ tre, đã tách được mấy đốt thì tách dao chẻ tiếp có khó gì. Cho nên tốt nhất là các người hãy lui quân. Ta sẽ mở lối yên lành cho mà về.



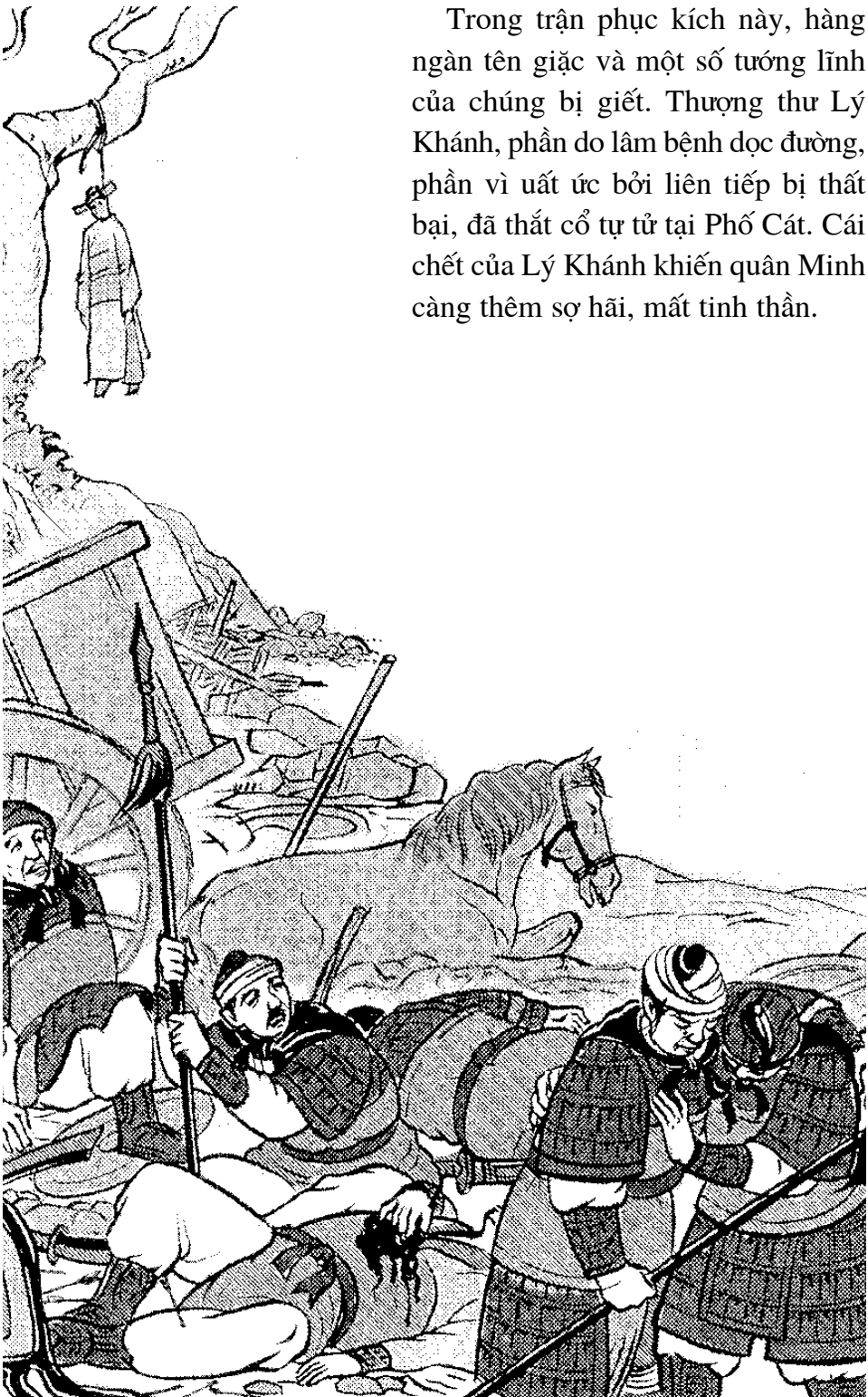
Nhưng ỷ vào quân đông, Lương Minh vẫn cho quân tiến sâu vào lãnh thổ nước ta. Chỉ ít ngày sau, chúng lọt vào trận địa mai phục thứ hai tại Cần Trạm. Lương Minh bị chém đầu, gần hai vạn quân Minh bị giết và bị bắt sống.



Sau thất bại ở trận Cần Trạm, Đô đốc Thôi Tụ của nhà Minh lên nắm quyền chỉ huy, không còn dám hống hách như những tên trước. Cũng trong tháng 10 này, quân tiên phong của Thôi Tụ đến Phố Cát (đất này nay thuộc xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang). Tại đây, chúng lọt vào trận địa mai phục thứ ba của nghĩa quân Lam Sơn.



Trong trận phục kích này, hàng ngàn tên giặc và một số tướng lĩnh của chúng bị giết. Thượng thư Lý Khánh, phần do lâm bệnh dọc đường, phần vì uất ức bởi liên tiếp bị thất bại, đã thắt cổ tự tử tại Phố Cát. Cái chết của Lý Khánh khiến quân Minh càng thêm sợ hãi, mất tinh thần.

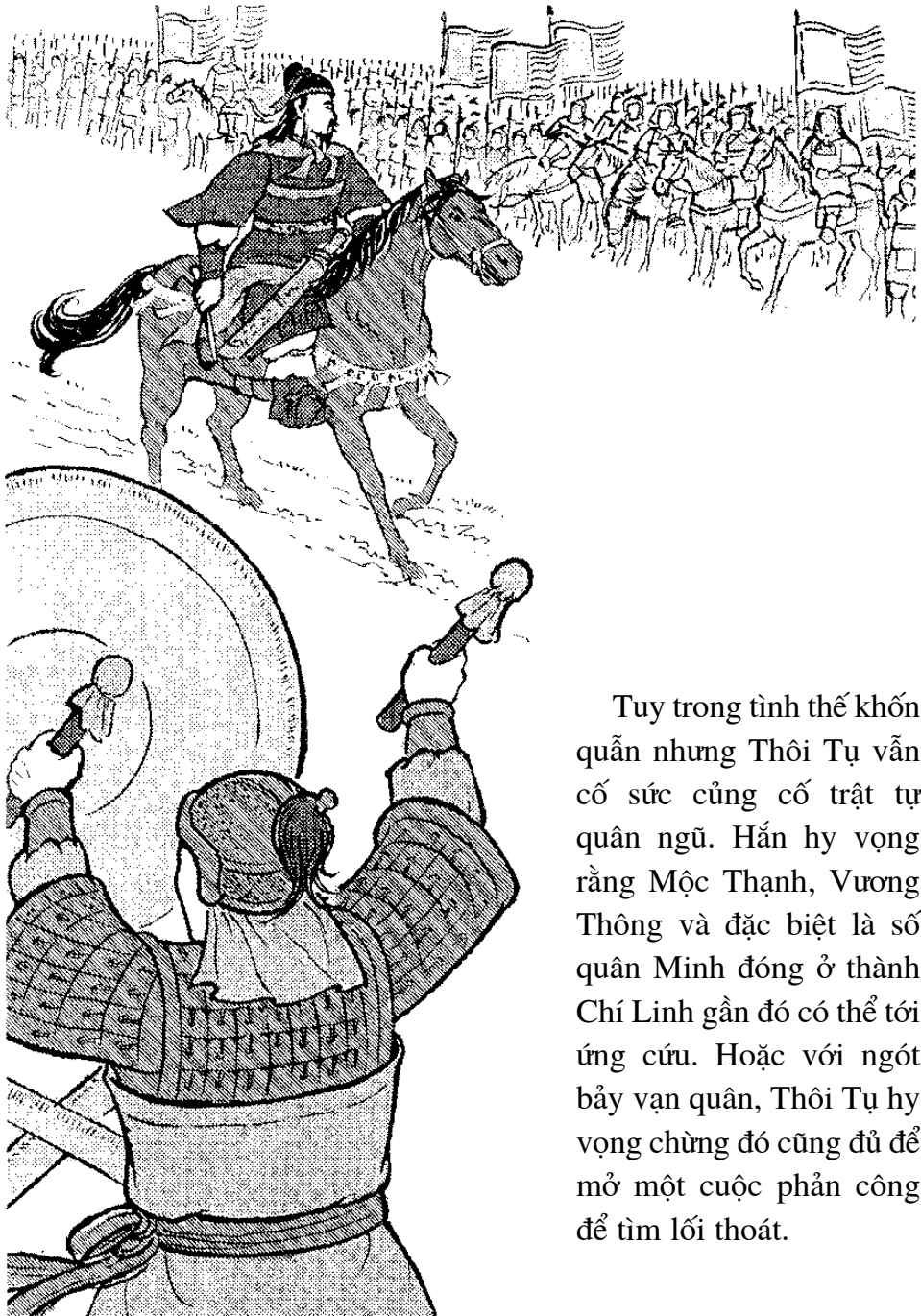


Thôi Tụ may mắn thoát được, đem đám tàn quân chạy không dám nghỉ, hy vọng nếu đến thành Xương Giang để hội quân, xoay chuyển được tình thế. Nhưng khi gần đến nơi, hốt thất kinh khi hay tin thành Xương Giang đã bị quân Lam Sơn chiếm 10 ngày trước đó. Như vậy, quân Minh đã không còn đường tiến xuống Đông Quan. Không còn cách nào khác, Thôi Tụ đành cho hạ trại ở cánh đồng Xương Giang (cách thành khoảng 3km, nay thuộc phía nam huyện Lạng Giang - Bắc Giang). Nhưng chúng chưa kịp ổn định doanh trại thì nghĩa quân Lam Sơn đã khép kín vòng vây.





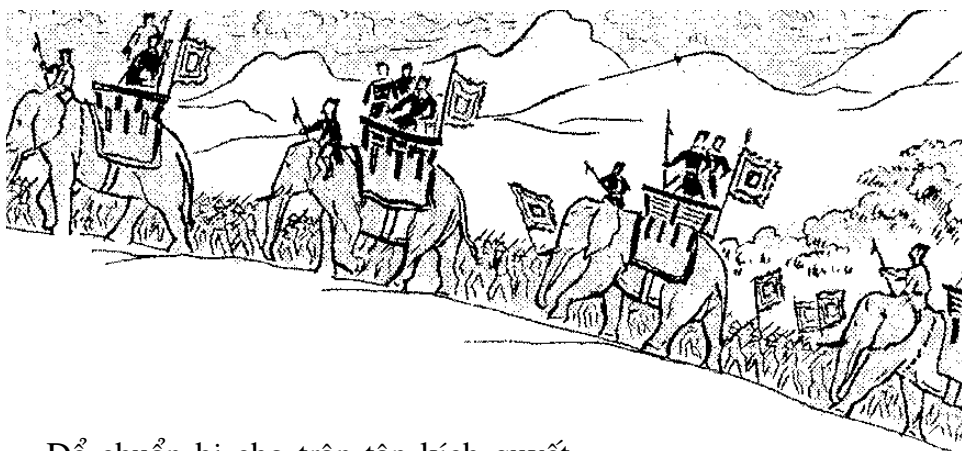
Cánh đồng Xương Giang, nơi Thôi Tụ cho quân hạ trại, nằm sát với sông Thương. Tại khúc sông này, Lam Sơn đã cho thủy quân đem chiến thuyền đến chiếm đóng từ trước. Trong lúc đang bối rối vì chưa nghĩ được kế tiến thủ ra sao, Thôi Tụ lại thêm hoang mang lo sợ vì liên tiếp nhận được những bức thư của Nguyễn Trãi, nói rõ lẽ được thua, vinh nhục.



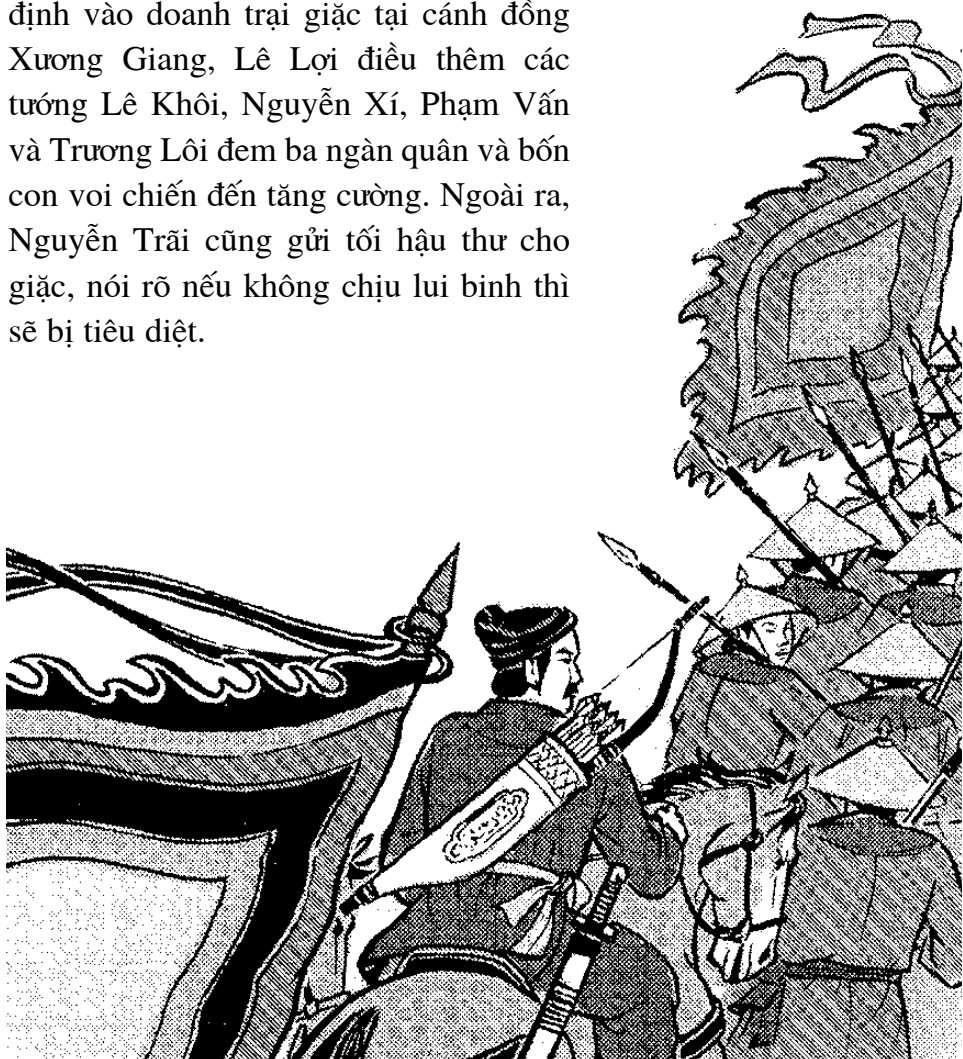
Tuy trong tình thế khốn
quần nhưng Thôi Tụ vẫn
cố sức củng cố trật tự
quân ngũ. Hấn hy vọng
rằng Mộc Thạnh, Vương
Thông và đặc biệt là số
quân Minh đóng ở thành
Chí Linh gần đó có thể tới
ứng cứu. Hoặc với ngót
bảy vạn quân, Thôi Tụ hy
vọng chùng đó cũng đủ để
mở một cuộc phản công
để tìm lối thoát.

Nắm được ý đồ của giặc, Lê Lợi và Nguyễn Trãi ra lệnh hạ thành Chí Linh. Thành này còn gọi là thành Bình Than, giặc trong thành tuy không đông nhưng rất ngoan cố. Hạ được thành Chí Linh là đập tan hy vọng của Thôi Tụ, đồng thời khiến cho quân giặc đang bị bao vây ở cánh đồng Xương Giang càng trở nên cô lập và hoang mang.





Để chuẩn bị cho trận tập kích quyết định vào doanh trại giặc tại cánh đồng Xương Giang, Lê Lợi điều thêm các tướng Lê Khôi, Nguyễn Xí, Phạm Vấn và Trương Lôi đem ba ngàn quân và bốn con voi chiến đến tăng cường. Ngoài ra, Nguyễn Trãi cũng gửi tối hậu thư cho giặc, nói rõ nếu không chịu lui binh thì sẽ bị tiêu diệt.



Nghĩa quân Lam Sơn quyết định đánh tập kích cánh đồng Xương Giang. Một loạt voi chiến cùng gằm lên, xông vào chia cắt đội hình của giặc. Bộ binh ào ào tiến theo. Hàng ngũ của giặc lập tức bị rối loạn. Lam Sơn vừa đánh vừa bắc loa kêu gọi: “Ai hàng thì sống, ai chống thì chết”! Trận đánh kết thúc nhanh chóng. Quân giặc bị giết hoặc bị bắt sống^(*) rất nhiều. Cánh quân tiếp viện thứ nhất bị tiêu diệt hoàn toàn. Đây là trận tập kích có một không hai trong lịch sử nước ta thời cổ đại và trung đại.

** Theo chính sử Trung Quốc, trận này chỉ có duy nhất viên Chủ sự Phan Hậu thoát được. Tên này, sử nước ta chép là Phan Nguyên Đại.*







Tất cả các tướng giặc chỉ huy đạo quân này, từ Đô đốc Thôi Tự, Thượng thư Hoàng Phúc, Lại bộ Lang trung Sử An, Chủ sự Trần Dung... đến những cấp bậc nhỏ hơn, tổng cộng 300 tên đều bị quân Lam Sơn tóm gọn. Như vậy, bằng cách kết hợp chặt chẽ giữa mai phục, dụ hàng với bao vây tiêu diệt trên một tuyến đường từ Pha Lũy đến Xương Giang, mà sử sách gọi chung là trận Chi Lăng - Xương Giang, quân Lam Sơn đã bẻ gãy cánh quân tiếp viện chủ lực của giặc.

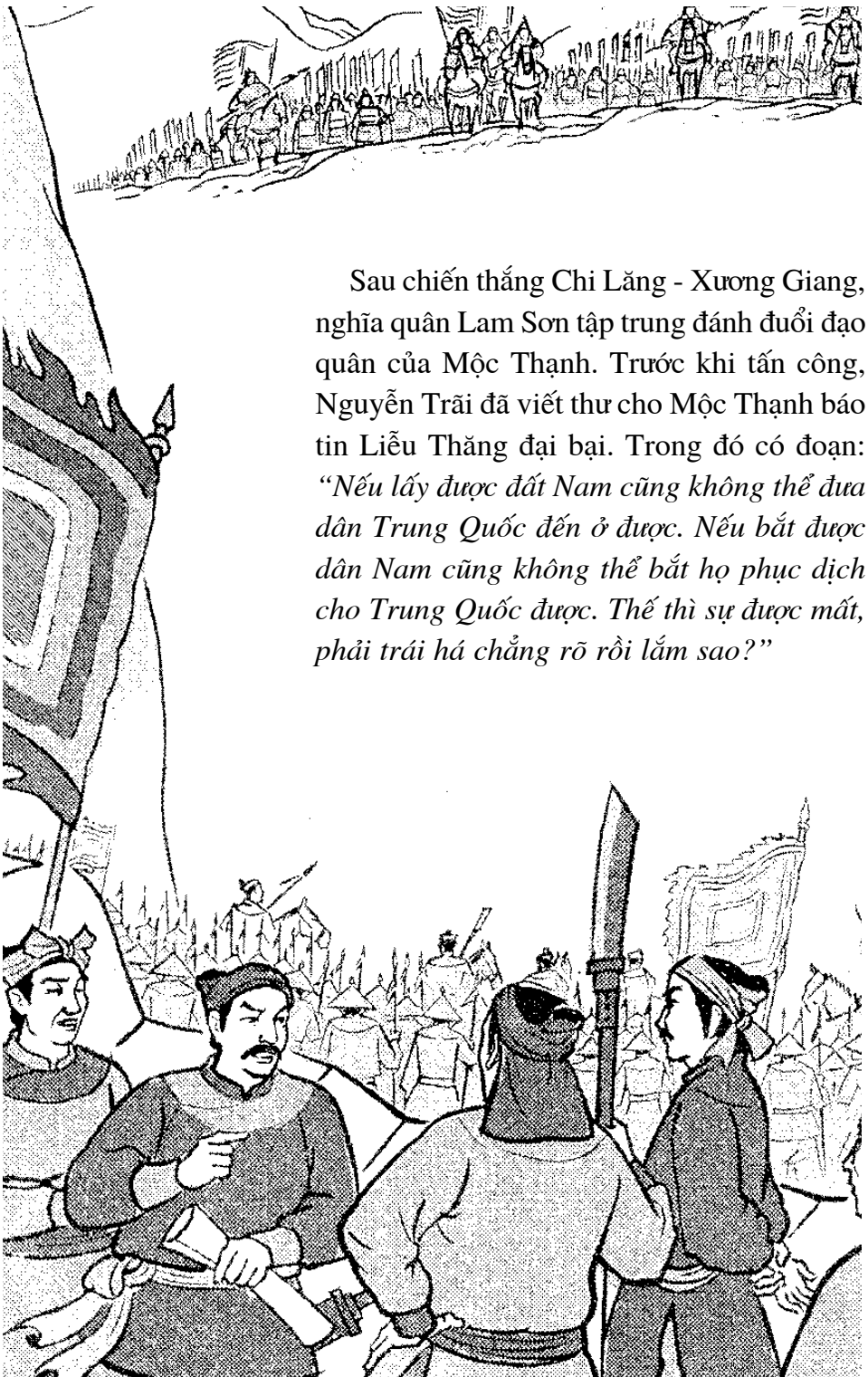
Lúc này, cánh quân của Mộc Thạnh cũng đã kéo đến ải Lê Hoa. Đây là viên tướng hai mươi năm trước đã từng theo Trương Phụ vào xâm lược nước ta và trực tiếp đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân ta lúc đó. Nhờ đã chinh chiến ở nhiều nơi, y đã được thăng tới hàm Thái phó, tước Kiểm Quốc công, cao hơn cả tước của Liễu Thăng.



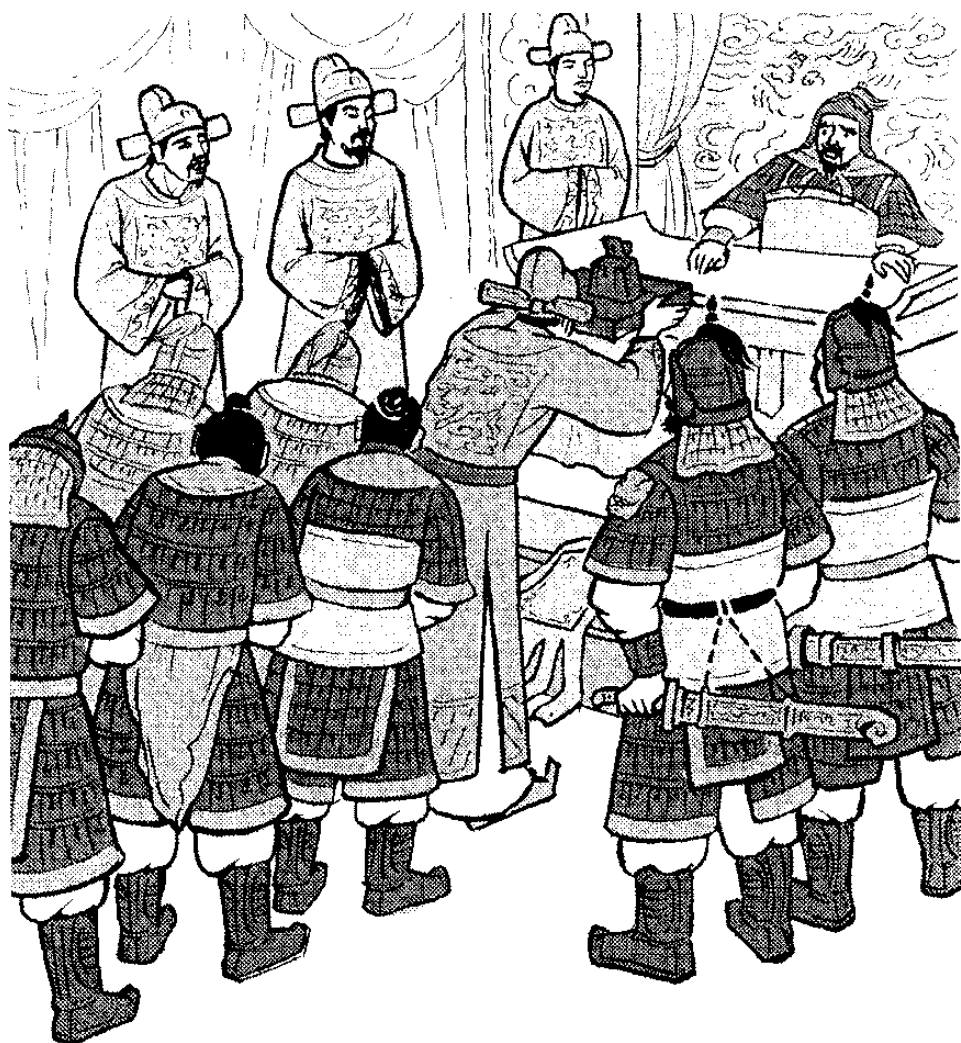
Tuy nhiên, ngay trong lần xâm lăng Đại Việt hai mươi năm trước, Mộc Thạnh cũng đã nhận được nhiều bài học nhớ đời, nhất là lần thua đau ở trận Bô Cô^(*) trước hai vị vua nhà Hậu Trần là Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng khiến y suýt bỏ mạng. Vì thế lần này y tỏ ra rất dè dặt, chỉ tiến quân một cách cầm chừng, rồi dừng hẳn ở ải Lê Hoa chờ xem đạo quân của Liễu Thăng ra sao rồi mới tính chuyện tiếp ứng.

^{*} Thuộc huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày nay.





Sau chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn tập trung đánh đuổi đạo quân của Mộc Thạnh. Trước khi tấn công, Nguyễn Trãi đã viết thư cho Mộc Thạnh báo tin Liễu Thăng đại bại. Trong đó có đoạn: “Nếu lấy được đất Nam cũng không thể đưa dân Trung Quốc đến ở được. Nếu bắt được dân Nam cũng không thể bắt họ phục dịch cho Trung Quốc được. Thế thì sự được mất, phải trái há chẳng rõ rồi lắm sao?”



Thêm đó, để áp đảo tinh thần của Mộc Thạnh, Lê Lợi còn sai giải một số tù binh bắt được trong trận Chi Lăng - Xương Giang cùng cờ, quạt, ấn tín và sắc phong của Liễu Thăng lên tận ải Lê Hoa để làm bằng chứng. Quả nhiên, những bức thư, vật chứng, nhân chứng này đã khiến cho Mộc Thạnh vô cùng hoảng sợ. Thấy tướng sĩ đã quá hoảng sợ, Mộc Thạnh quyết định nhân lúc tối trời ra lệnh cấp tốc rút quân.

Nhưng các tướng của Lam Sơn như Trần Ban, Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Nguyễn Chính, Lê Khuyên và Lê Trung đã phục quân ở Lãn Câu và Đan Xá - là những nơi hiểm yếu trên đường giặc sẽ rút quân. Bị mai phục, giặc chết hơn một vạn, bắt sống hơn một nghìn tên, thu hơn một nghìn con ngựa và rất nhiều vũ khí, quân lương. Một Thanh một mình một ngựa, bỏ quân bỏ tướng mà chạy trốn.





Tin hai đạo quân tiếp viện bị đánh tan truyền về Đông Quan khiến Vương Thông vô cùng hoảng sợ và tuyệt vọng. Cùng lúc đó, Lê Lợi và Nguyễn Trãi quyết định đánh đòn tâm lý cuối cùng nên sai quan giữ chức Thông sự là Đặng Hiếu Lộc giải giáp một số tù binh cao cấp của giặc như Thượng thư Hoàng Phúc, Đô đốc Thôi Tự; lại mang theo cả song hồ phù của Liễu Thăng, ấn tín của Hoàng Phúc và Lý Khánh, cùng các giấy tờ, sổ sách quan trọng khác... đến giao cho Vương Thông. Cùng lúc đó, nghĩa quân Lam Sơn khép chặt vòng vây, ai cũng bùng bùng khí thế đánh hạ thành.

Vừa thấy Hoàng Phúc, Thôi Tụ cùng những chứng tích bại trận khác của Liễu Thăng, Mộc Thạnh... tướng sĩ giặc trong thành Đông Quan đều kinh hồn bạt vía, lo lắng cho tính mạng của mình. Đã vậy Vương Thông còn nhận được thư của Nguyễn Trãi: “Nhà lớn đã xiêu, một cây gỗ nhỏ làm sao mà chống đỡ. Đê dài mà vỡ, một vốc đất sao có thể gấn hàn. Nay nếu không biết lượng sức mà cố làm thì tránh sao khỏi thất bại?”. Sử cũ chép rằng Vương Thông đọc mà “ngỡ sét đánh vào tai”.

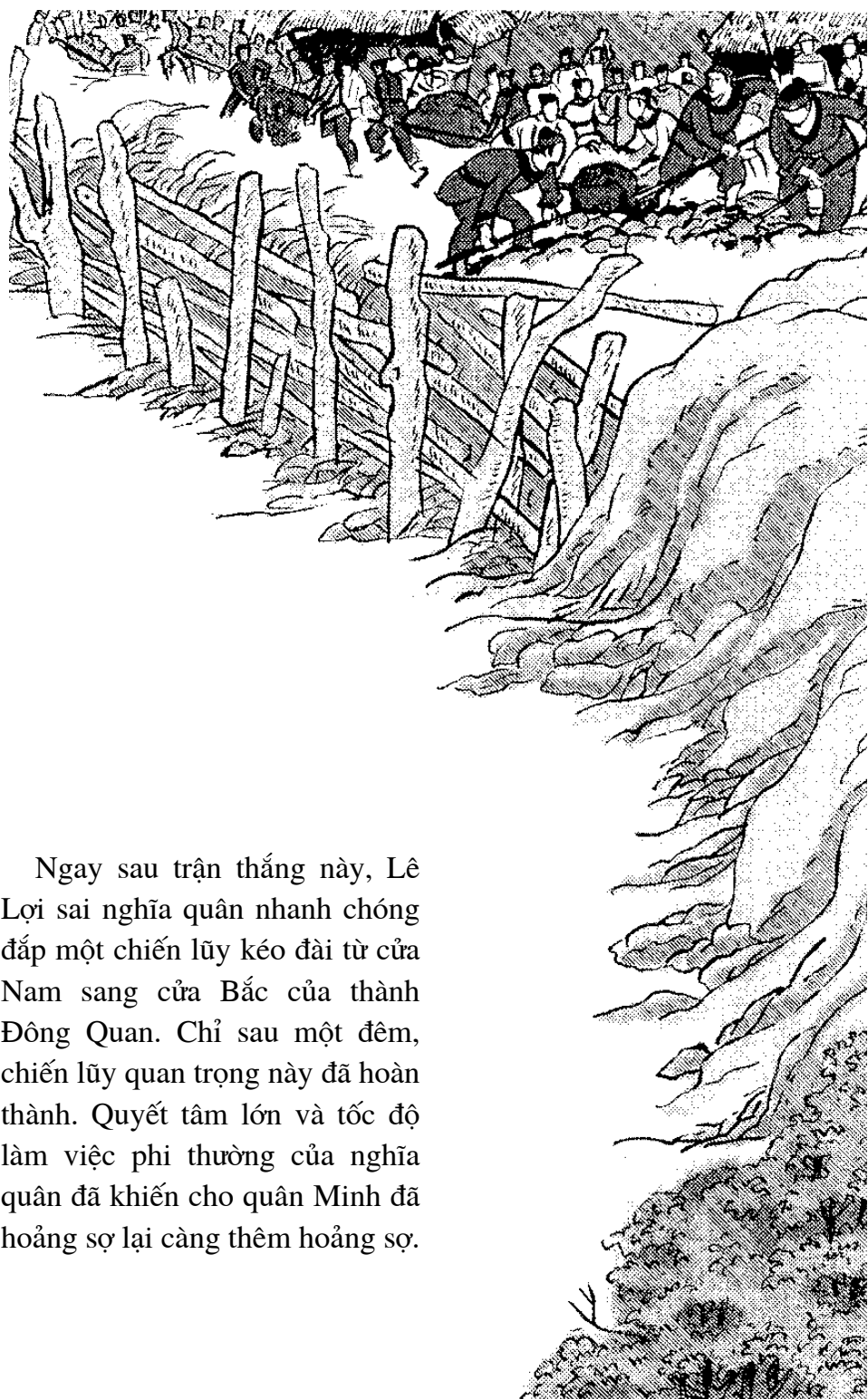




Đầu tháng 11 năm Đinh Mùi (1427), Vương Thông sai một viên Thiên hộ ra gặp Lê Lợi để xin giảng hòa. Nhưng sau khi đã phái sứ giả đi, thấy Lam Sơn ngày càng khép chặt vòng vây, Vương Thông rất lo lắng. Trong cơn tuyệt vọng, hắn đã có một quyết định thật điên rồ: tự mình liều chết, đem quân ra đánh một trận lớn.

Vương Thông hy vọng trận đánh này sẽ gây cho Lam Sơn những tổn thất lớn hòng giành một chút ưu thế cho cuộc thương lượng sắp tới, nhưng thực tế lại hoàn toàn trái ngược. Lam Sơn vờ thua rồi lừa chúng vào trận địa mai phục đã chuẩn bị sẵn. Giặc đại bại, bị giết và bị bắt nhiều vô kể. Vương Thông may mắn lắm mới không bị bắt sống.





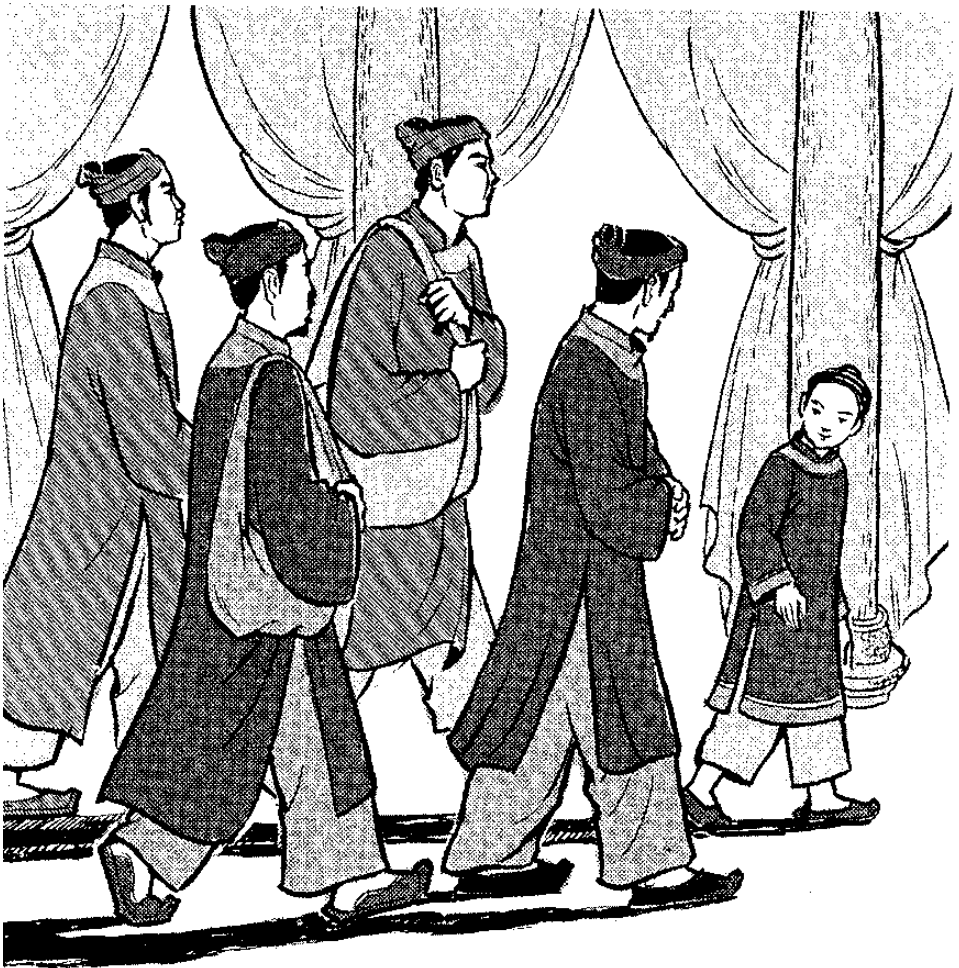
Ngay sau trận thắng này, Lê Lợi sai nghĩa quân nhanh chóng đắp một chiến lũy kéo dài từ cửa Nam sang cửa Bắc của thành Đông Quan. Chỉ sau một đêm, chiến lũy quan trọng này đã hoàn thành. Quyết tâm lớn và tốc độ làm việc phi thường của nghĩa quân đã khiến cho quân Minh đã hoảng sợ lại càng thêm hoảng sợ.

Vương Thông chẳng còn ý chí chiến đấu nhưng nếu ra hàng, sợ sau này sẽ bị vua Minh phạt nặng, vì thế, hắn liền tiếp lén sai người vượt vòng vây đem mật thư về dâng triều đình. Những bức thư bọc kín trong sáo của Vương Thông đều bị quân Lam Sơn bắt được. Không một hành động nào của Vương Thông có thể lọt qua nổi sự giám sát chặt chẽ của Lam Sơn.



Qua những bức thư bắt được, biết rõ tinh thần của Vương Thông đã suy sụp thảm hại, Nguyễn Trãi nhân danh Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn liên tục viết những bức thư với lời lẽ mềm dẻo, nhưng cũng rất kiên quyết gửi cho Vương Thông. Không những vậy, ông còn dùng cảm vào tận hang ổ của giặc để đấu trí với chúng. Sử cũ trân trọng gọi đó là những lần Nguyễn Trãi “lăn mình vào miệng cọp”.



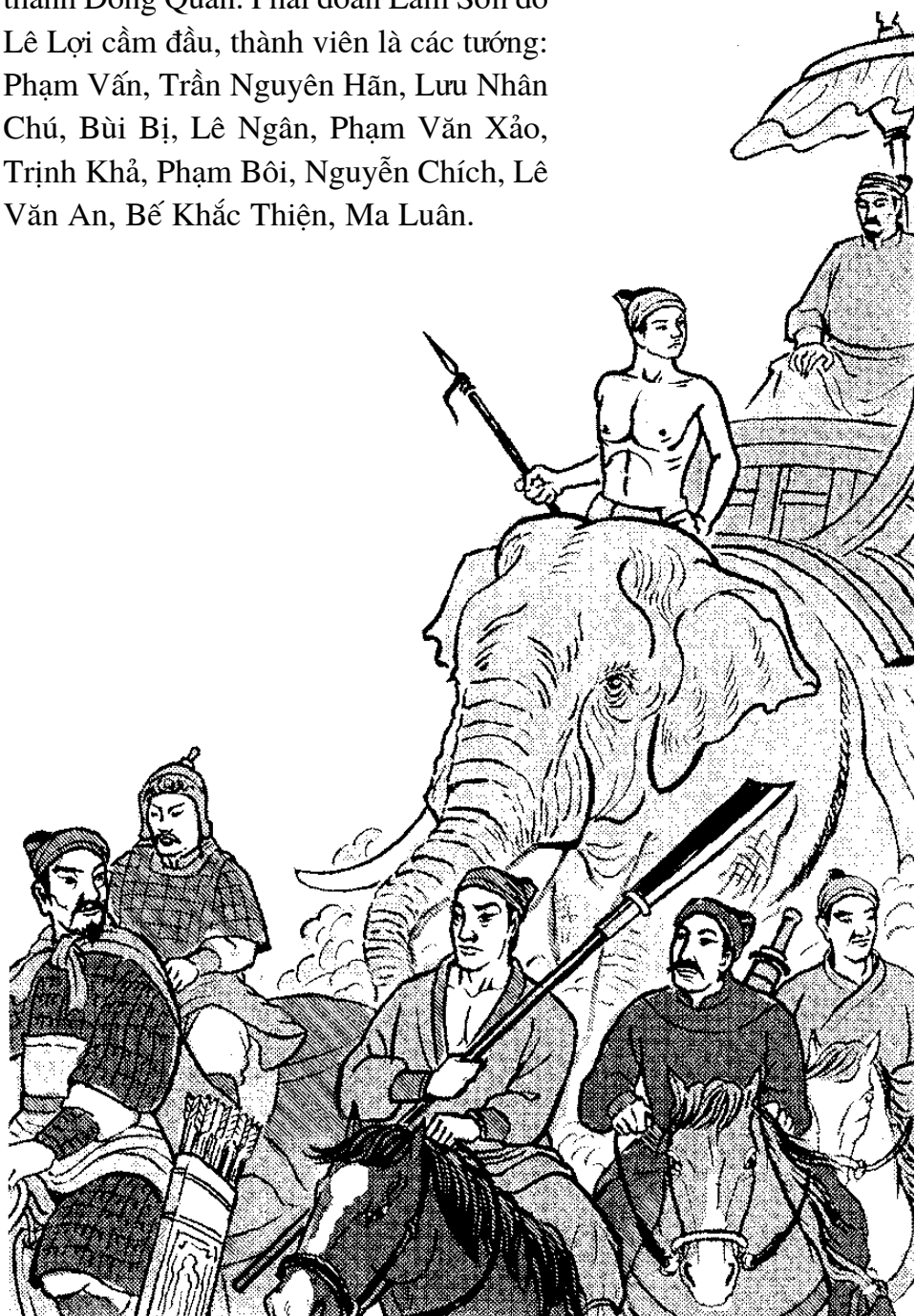


Kiên trì với chủ trương: kết hợp chặt chẽ giữa bao vây và dụ hàng, Lê Lợi không ngần ngại cho cả con trai trưởng của mình là Tư Tề vào thành Đông Quan để làm con tin. Việc này khiến Vương Thông không thể không tin vào thực tâm của Lê Lợi. Hắn quyết định đầu hàng để rút quân về nước, thậm chí còn cho hai viên tướng cao cấp của mình là Sơn Thọ, Mã Kỳ sang tận dinh Bồ Đề làm con tin.

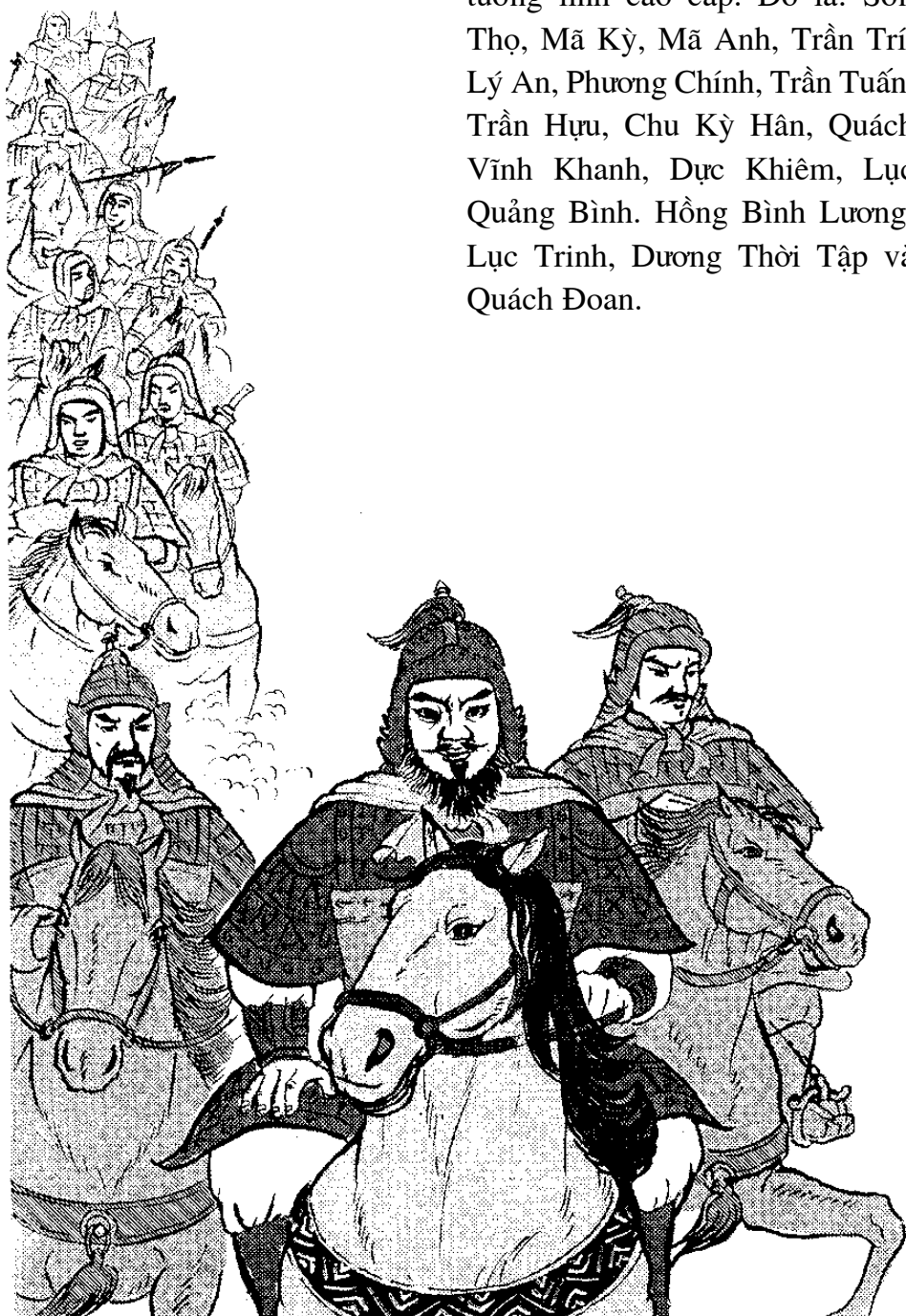


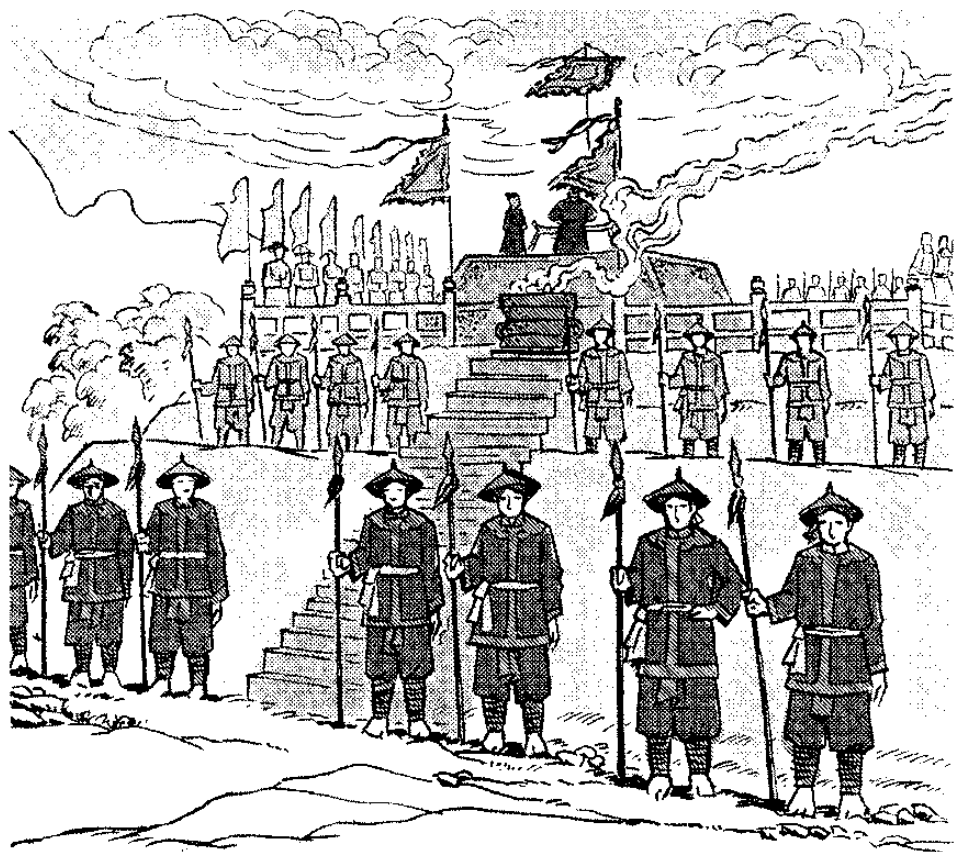
Để mở đường hòa hiếu và tránh hiểm họa binh đao lâu dài, thay vì bắt Vương Thông đầu hàng vô điều kiện, Lê Lợi và Nguyễn Trãi cùng Bộ chỉ huy Lam Sơn đã bàn bạc để chủ động tổ chức lễ tuyên thệ rút quân cho Vương Thông. Buổi lễ đó được đặt một tên là *Hội thề Đông Quan*.

Ngày 22 tháng 11 năm Đinh Mùi, tức ngày 10 tháng 12 năm 1427, Hội thê Đông Quan được tổ chức tại khu vực phía nam thành Đông Quan. Phái đoàn Lam Sơn do Lê Lợi cầm đầu, thành viên là các tướng: Phạm Vấn, Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú, Bùi Bị, Lê Ngân, Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Phạm Bôi, Nguyễn Chích, Lê Văn An, Bế Khắc Thiện, Ma Luân.



Phái đoàn của quân Minh do Vương Thông cầm đầu. Cùng đi với Vương Thông là mười sáu tướng lĩnh cao cấp. Đó là: Sơn Thọ, Mã Kỳ, Mã Anh, Trần Trí, Lý An, Phương Chính, Trần Tuấn, Trần Hựu, Chu Kỳ Hân, Quách Vĩnh Khanh, Dục Khiêm, Lục Quảng Bình, Hồng Bình Lương, Lục Trinh, Dương Thời Tập và Quách Đoan.





Bài văn thề mà Vương Thông đọc do Nguyễn Trãi soạn thảo. Lời lẽ trong bài văn thề không làm vui lòng quân “thiên triều” nhưng không còn cách nào khác, Vương Thông vẫn phải đọc và làm theo. Bài văn tế có hai nội dung chính. Một là Vương Thông phải rút hết quân ra khỏi nước ta, không được nấn ná nữa: *“Tổng binh Thành Sơn hầu là Vương Thông, sau khi đọc lời thề này, phải giữ lòng thành thật đúng như lời văn thề này, không được chần chừ kéo dài năm tháng để đợi viện binh”*.

Hai là, nếu Vương Thông không chịu rút quân, cứ nấn ná không chịu làm theo lời thề thì sẽ bị tai họa trút xuống đầu: “Trời đất và các vị thần của núi sông nước Việt, tất sẽ đem bọn Tổng binh tước Thành Sơn hầu là Vương Thông, từ bản thân cho đến cả nhà và thân thích đều làm cho chết hết. Cả đến quan quân không một ai được sống sót trở về”.

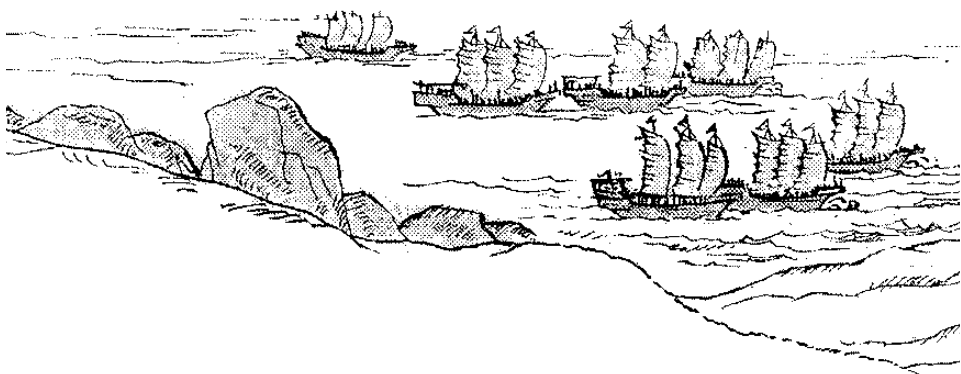


Sau hội thề Đông Quan, Lê Lợi hạ lệnh nói lỏng vòng vây quanh thành, đồng thời sai các địa phương dọc đường giặc sẽ đi qua khi rút quân phải tu bổ cầu cống, bến đò và đường sá, tạo điều kiện thuận lợi cho chúng có thể trở về nhanh chóng và an toàn. Mọi người dân dù có thù oán cũng không được gây bất kỳ trở ngại nào.

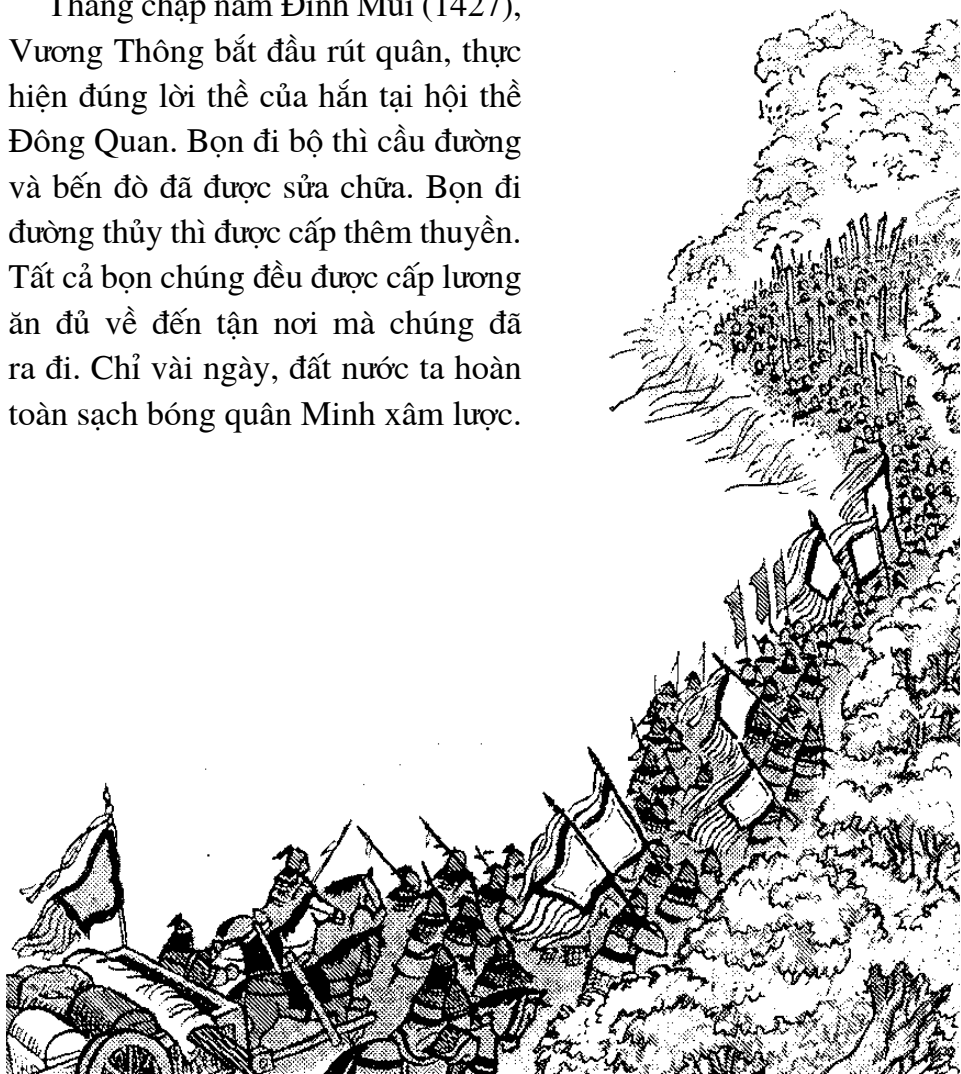


Bấy giờ không ít tướng lĩnh và quân sĩ Lam Sơn vì sôi sục căm thù quân Minh cướp nước và tàn sát nhân dân suốt hai mươi năm nên đã xin Lê Lợi xuất quân đánh giết một trận cuối cùng cho hả giận. Nhưng trước sau Lê Lợi vẫn nghe theo lời của Nguyễn Trãi, rộng mở lòng nhân từ, tha mạng cho những kẻ đã cùng đường.





Tháng chạp năm Đinh Mùi (1427), Vương Thông bắt đầu rút quân, thực hiện đúng lời thề của hãn tại hội thề Đông Quan. Bọn đi bộ thì cầu đường và bến đò đã được sửa chữa. Bọn đi đường thủy thì được cấp thêm thuyền. Tất cả bọn chúng đều được cấp lương ăn đủ về đến tận nơi mà chúng đã ra đi. Chỉ vài ngày, đất nước ta hoàn toàn sạch bóng quân Minh xâm lược.



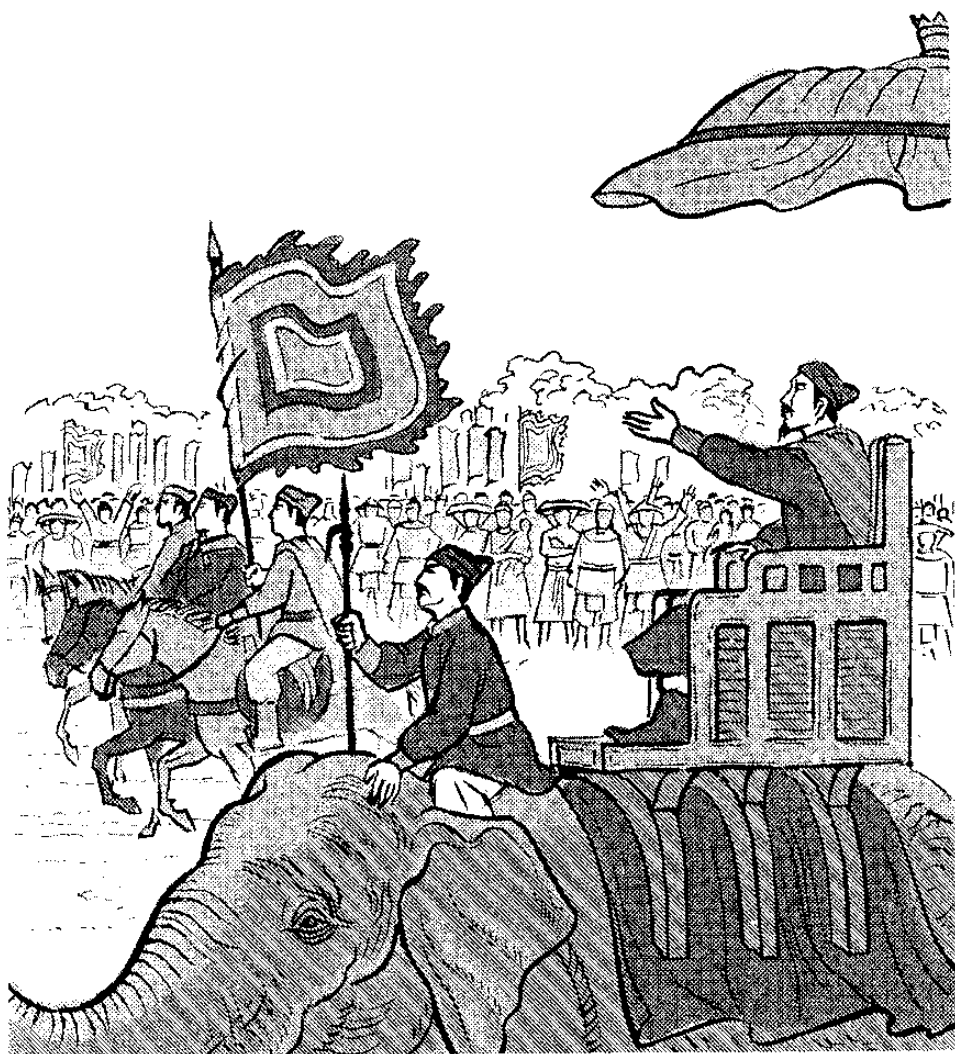
Truyền thuyết kể rằng, khi trở về đến biên giới, hàng loạt quân Minh đã quỳ xuống, ngoảnh mặt về phía nam mà lạy để tỏ lòng biết ơn Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn, biết ơn nhân dân ta, đã ban phúc mở con đường sống cho họ. Bao năm trời họ là những kẻ “dối trời, lừa người” nhưng hành vi cuối cùng này là hành vi chân thật, thể hiện lòng thành ơn của họ.





Các tướng Mộc Thạnh, Từ Hanh và Đàm Trung về đến kinh đô thì bị nhà Minh xét xử. Chúng bị ghép vào tội “để mất quân và làm nhục quốc thể”, cũng bị kết án tử hình. Tuy nhiên, tất cả bọn bại tướng ở nước ta đều được tha tội chết. Nhưng theo sử sách của Trung Quốc, nỗi kinh hoàng vẫn ám ảnh chúng suốt cả cuộc đời.

Ngay sau khi quân Minh vừa rút khỏi thành Đông Quan, Lê Lợi và Bộ chỉ huy Lam Sơn cùng đông đảo tướng sĩ đã long trọng làm lễ dời đại bản dinh Bồ Đề để vào tiếp quản Đông Quan. Đó là một ngày khải hoàn thật cảm động. Đông Quan từ đó lại mang tên cũ thiên liêng là Thăng Long, lại tiếp tục là kinh đô của nước nhà như xưa.



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 7

KHỞI NGHĨA LAM SƠN

Trần Bạch Đằng chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: CÚC HƯƠNG - GIA TÚ CẦU

Biên tập tái bản: ĐÀO THỊ TÚ UYÊN

Sửa bản in: GIA TÚ CẦU - ĐÀO THỊ TÚ UYÊN

Bìa: ĐỖ BIÊN THÙY

Trình bày: TÔ HOÀI ĐẠT - VŨ THỊ PHƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

BÀI VĂN THẾ Ở HỘI THẾ LỪNG NHAI

"Niên hiệu Thiên Khánh thứ nhất, năm Bình Thân, tháng 2, qua ngày Kỷ Mão là ngày sóc, đến ngày 12 là Canh Dần.

Phụ đạo lộ Khả Lam nước An Nam là Lê Lợi cùng Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lê Liễu, Bùi Quốc Hưng, Lê Ninh, Lê Hiếm, Vũ Uy, Nguyễn Trãi, Đinh Liệt, Lê Nhân Chú, Lê Bối, Lê Lý, Đinh Lan, Trương Chiến kính đem lễ vật, sinh huyết tấu cáo cùng Hạo nhiên Thượng đế, Hậu thổ Hoàng địa và các tôn linh thần bậc thượng, trung, hạ coi sông núi ở các xứ nước ta.

Cúi xin chứng giám cho:

Rằng có bạn ở phương xa đến, kết giao vui vẻ cùng giữ lòng tin. Vì thế phải có lễ tấu cáo.

Nay ở trong nước, tôi là Phụ đạo Lê Lợi cùng với Lê Lai đến Trương Chiến, 19 người. Tuy họ hàng, quê quán khác nhau, nhưng kết nghĩa thân nhau như một tổ liên cành. Phận vinh hiển đều có khác nhau, mong có tình như cùng chung một họ.

(Có kẻ) bằng đảng xâm chiếm nước ta, qua cửa quan làm hại, nên Lê Lợi cùng Lê Lai đến Trương Chiến, 19 người chung sức đồng lòng, giữ gìn đất nước làm cho xóm làng được ăn ở yên lành. Thế sống chết cùng nhau, không dám quên lời thề sơn sắt.

Tôi cúi xin trời đất và các vị thần linh chứng giám, ban cho trăm phúc, đến thân mình, nhà mình, con cháu trong họ hàng đều được yên vui hưởng lộc trời.

Nếu như Lê Lợi cùng Lê Lai đến Trương Chiến sinh lòng này khác, cầu ơn hiện tại, núp bóng quân thù, không cùng một lòng, quên lời thề ước, chúng tôi nguyện trời đất và các thần linh, giáng trăm tai ương trị mình cho đến họ hàng, con cháu đều bị tru diệt, chịu hết hình phạt của trời.

Kính xin có lời thề."

(Trích Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn, Khởi nghĩa Lam Sơn, NXB KHXH, 1977)

